

Thiên Thần Quét Lá **VĨNH HẢO**

---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 8-8-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

Cây Đa Chùa Cũ
Người Quét Chợ
Sân Ngoài Còn Lá
Pháp Sư Tí Hôn
Giấc Mộng Đầu
Bước Đi Của Thiên Thần
Nghề Đuổi Quạ
Dâu Trăm Họ
Lý Tưởng Giải Thoát
Trụ Trì
Tương Quan Giữa Nàng Dâu Và Trăm Họ
Lòng Từ Của Mẹ
Những Ván Cờ
Sinh Tử Sự Đại
Nghĩ Về Sống Chết
Nghĩ Về Ngày Tam Hợp
Tín Tâm Bất Hoại
Vượt Qua - Vượt Qua - Lại Vượt Qua....
Chớp Mắt Sinh Tử
Ngày Về Nguồn

---o0o---

Cây Đa Chùa Cũ

Chú Hữu quét sân xong, không vội vào trong. Như thường lệ, chú cầm chổi đến dưới gốc đa, đặt cây chổi một bên, ngồi nghỉ mệt một chút, hóng gió cho ráo mồ hôi. Rồi chú móc trong túi áo vạt khách ra một mẩu giấy nhỏ, trên đó chú đã ghi sẵn mười chữ Hán, kèm theo cả âm lẫn nghĩa từng chữ. Chú nói với gốc đa: "Đa ơi, giúp tôi mau thuộc nghe Đa!" Rồi chú bắt đầu học. Chú

lấy một cái que nhỏ viết các chữ ấy trên đất, học kỹ từng chữ. Cho đến khi nào học thuộc, chú mới vào trong để phụ với cô Diệu Lan nấu bếp.

Chú còn nhỏ, mới mười ba tuổi thôi, nên chú chẳng thắc mắc gì về cô Diệu Lan này. Ngày chú vào chùa xuất gia cách đây hai năm, cô ấy đã có sẵn trong chùa, dọn dẹp lật vật, nấu cơm, giặt đồ, hầu hạ thầy. Chú đi tu làm chú tiểu thì đương nhiên chú cũng xắn tay làm việc chùa, phụ giúp cô ấy một tay. Có khi thầy dạy chú rằng cô Diệu Lan không phải là người tu như thầy và chú, cho nên, đứng ra những công việc trong chùa, chú phải cáng đáng hết. Nhưng vì chú còn nhỏ, không lo nổi mọi việc, cô Diệu Lan sẽ tiếp tục công việc chùa cho đến khi chú trưởng thành. Nghe thầy dạy như thế, chú thấy trong lòng biết ơn cô Diệu Lan lắm. Nếu không có cô ấy thì thật là cực nhọc cho chú biết bao. Công việc trong chùa không phải là ít. Vừa thỉnh chuông khuya, chuông tối, vừa tụng kinh mỗi ngày bốn thời, vừa quét dọn trong nhà, ngoài sân, tưới cây, nấu cơm, giặt đồ cho thầy... chưa kể có khi còn đấm bóp cho thầy vào mỗi tối nữa.

Vào bếp nấu ăn phụ cô Diệu Lan có nghĩa rằng chú đến ngồi quanh quanh bếp để chờ cô ấy sai vặt. Có khi cô bảo chú xách nước giếng lên cho cô rửa rau, hoặc rửa tay rửa chân. Có khi cô sai chú đi mua nước đá ở quán chè đầu đường về để cô pha nước chanh mời thầy uống — và những lần pha nước chanh như thế, bao giờ cô cũng tự thưởng cô một ly mà không bao giờ cô có ý mời chú. Có lẽ cô nghĩ rằng chú có bốn phận phục vụ cô, vì cô đã bỏ hết thời giờ của cô ra để chăm lo việc chùa nhờ đó chú mới được chút rảnh rang mà học kinh kệ, học chữ Hán. Chú mang ơn cô, tất nhiên chú có bốn phận phải phục vụ lại cô để đền đáp phần nào công ơn đó. Nghĩ vậy, chú không dám hó hé hay buồn phiền gì. Cô sai gì chú làm nấy. Thậm chí có khi cô còn sai chú xách nước vào buồng tắm cho cô tắm nữa.

Buổi tối, cô Diệu Lan ngủ dưới bếp. Dưới đó có một phòng riêng dành cho cô. Còn chú, chú cũng có một phòng riêng ở phía bên trái của chánh điện. Phòng của thầy thì ở phía bên phải. Hai phòng cách nhau một khoảng rộng của chánh điện. Và hai phòng cũng cách xa nhà bếp một khoảng sân sau cùng nhà ăn của chùa. Thỉnh thoảng, chú nghe tiếng nói chuyện của cô Diệu Lan và thầy ở bên kia vọng qua. Chú biết là cô Lan đang đấm bóp cho thầy. Thầy có thói quen phải đấm bóp trước khi ngủ, không đấm bóp thì không ngủ được. Lâu lâu cô Diệu Lan về quê, thầy bảo chú qua đấm bóp thay. Thầy nói tay chú còn yếu lắm, khi nào chú lớn thì mới đấm được như ý thầy muốn. Cho nên khi cô Diệu Lan từ quê trở lại chùa, thầy lại tiếp tục nhờ cô ấy đấm bóp mỗi tối chứ không bảo chú làm công việc ấy nữa. Chú mừng

lắm nếu cô Diệu Lan nhận làm công việc đó, vì suốt ngày mệt mỏi rồi, chú cũng chẳng muốn thức khuya để đâm bóp dù chú luôn nghĩ rằng chú có bồn phận phải hầu hạ, phục dịch thầy thay vì ở nhà phụng dưỡng cha mẹ.

Cho đến khi cô Diệu Lan mang thai, chú cũng chẳng thắc mắc gì cả. Chú chỉ giật mình vào một sáng nọ khi phát giác rằng cái bụng của cô tự dưng mà tròn vin như cái trái dưa hấu loại thượng hạng. Ngày nào chú cũng gặp cô mà chú không biết bụng cô lớn dần. Chú cũng không biết tại sao cô ấy mang thai nữa. Chú nhớ hồi ở nhà, khi mẹ chú mang thai, chú hay tới rờ bụng mẹ, hỏi:

"Mẹ à, sao mẹ có em bé vậy mẹ?"

Mẹ chú cười, chẳng trả lời được. Một lúc sau, bà nói cho qua chuyện:

"Có gì đâu con, tự dưng tới tuổi thì đàn bà phải có thai thôi."

"Vậy hả mẹ."

Từ đó, chú tin rằng con gái lớn lên thì có thai. Nay cô Diệu Lan có thai thì đúng rồi, có gì đâu mà thắc mắc. Tuy nhiên, thời gian cô ấy mang thai, chú thật là cực khổ. Cô ấy nóng tánh làm sao. Hở một chút là cô la cô mắng cô chửi chú. Chưa hết, cô sai chú liền tay. Cô ngồi một chỗ, chỉ tay năm ngón, làm chú mệt đứt hơi. Bụng cô càng lớn, chú càng mệt nhọc với công việc. Chú thầm cầu mong cô sau lần có thai này là đủ rồi, đừng có thai thêm lần khác nữa. Cũng trong thời gian này, cô không đâm bóp cho thầy nên mỗi tối chú phải qua phòng thầy đâm bóp cho thầy trước khi ngủ. Thầy dạy:

"Nè, cô Diệu Lan bụng mang dạ chửa, con phải hết lòng giúp đỡ cô ấy nghen. Đừng để cô ấy phải làm những công việc nặng nhọc. Thấy cô làm gì thì mình giành lấy mà làm, không phải đợi cô ấy sai. Khi nào sanh xong cô ấy sẽ làm việc bình thường lại, khỏi phiền con nhiều. Thời gian này thì chịu khó đi. Muốn tu thành Phật thì phải tập tu, tập chịu cực nhọc cho quen."

Chú chỉ dạ và im lặng đâm bóp. Lâu nay ở chùa chú chẳng bao giờ nệ hà chuyện gì. Chùa chỉ có ba người: thầy, cô Diệu Lan và chú. Thầy và cô là người lớn tuổi, như cha mẹ, như cô như cậu trong nhà, có sai chú làm việc thì cũng là lẽ tự nhiên. Tuy nhiên, đôi lúc chú thấy buồn tủi khi bị cô Diệu Lan la mắng. Thời gian mang thai, cô càng dữ dằn hơn, đụng đầu phang đó, đến thầy mà cô còn không vị nể huống chi là chú. Bị cô la vì những chuyện vô lý, chú âm ức lắm nhưng chẳng biết bực bạch với ai. Mấy phen chú trình

lên thầy rằng chú bị cô ấy trách oan thì thầy gạt đi, cứ bênh vực cô ấy, chẳng kể gì đến những gì chú nói cả. Những lần như thế, chú chỉ biết ra ngồi ngoài gốc cây đa, khóc một mình. Từ lúc con chó tên Tuất ở chùa—người bạn thân yêu duy nhất của chú—bị xe cán chết, chú chỉ còn biết tâm sự với cây đa trước sân. Cây đa không biết nói, không ve vẩy liếm tay liếm chân chú, không kêu sủa như con Tuất nhưng chú biết cây đa lúc nào cũng lắng nghe một cách chân tình những gì chú tâm sự. Chú để ý mỗi lần chú buồn và khóc, tự dưng có gió ở đâu thổi qua, lá đa xào xạc, các giây leo đong đưa trước mặt chú. Chú cho đó là cách mà cây đa biểu lộ tình cảm của nó. Chỉ có cây đa đó mới an ủi được chú mà thôi. Khi được cây đa an ủi, nước mắt chú càng rơi nhiều hơn. Chú có cha mẹ chứ chẳng phải không. Nhưng chú là đứa bé khó nuôi, cha mẹ lại nghèo, nên nghe lời người ta, đem chú lên gửi ở chùa cho thầy nuôi dùm. Chú vào chùa ở thì tự dưng mọi thứ bệnh đều hết, ngay cả cái bệnh còi mà cha mẹ chú nghĩ là không thể trị được cũng hết luôn và chú đang nẩy nở phát triển thấy rõ chứ không đèo đẹt như trước kia nữa. Vì thế, nếu chú có thưa với cha mẹ những chuyện làm chú buồn thì cha mẹ cũng chỉ bênh vực thầy, bênh vực cô Diệu Lan để mà qui lỗi cho chú thôi. Thậm chí, cha mẹ chú còn có ý nghĩ rằng sẽ gửi chú luôn ở chùa chứ không đem chú về lại với gia đình nữa, thì chuyện gì cha mẹ cũng muốn cho qua để êm thấm chứ đâu có dám bênh vực chú để rồi mất lòng thầy cô đâu. Những cảm nghĩ đó chú đều nói cho cây đa nghe. Chú nói rằng ngoại trừ con Tuất và cây đa ra, không ai thương chú hết. Chú còn nghĩ rằng nếu đức Phật có hiện xuống ngôi chùa này thì ngài cũng đi gặp thầy trụ trì—người có thẩm quyền của chùa—để nói chuyện chứ làm sao ngài để ý tới một chú tiểu nhỏ bé như chú.

Hôm nay chú lại bị cô Diệu Lan quở trách nữa. Chuyện chẳng có gì quan trọng. Chú đang ngủ trưa trong phòng riêng thì cô vào gọi giặt dẫy, sai ra chợ mua cho cô trái xoài xanh. Chú không muốn đi, chùng búng, ngồi ở một chỗ. Cô tru tréo lên. Chưa đầy một phút sau là thầy bước xuống. Cô nói liền mà như trách thầy không biết dạy chú vậy:

"Sai nó ra chợ một chút mà cũng không được nữa. Đó, rồi ngồi một đống!"

Chú vùng vằng nói:

"Hồi sáng đi chợ sao cô không dặn mua luôn một lần, bây giờ lại bảo đi chợ nữa. Mà có mua cái gì quan trọng! Trái xoài chứ gì đâu!"

"Câm miệng," thầy nói, "cô sai thì đi, không được cãi. Chú muốn ở chùa hay muốn ra ngoài đường?"

Chú vội vàng đứng dậy, xuống bếp rửa mặt rồi cầm tiền ra chợ. Cô còn dặn chú mua xoài ở đâu, lựa xoài như thế nào. Chú làm thỉnh không dạ không ừ. Ra tới gần cổng chùa, chú còn nghe thầy nói với theo:

"Khi nào cô sai mà chú không muốn đi thì chú lên đây nói tôi, tôi đi."

Đi bộ một mình dưới trời nắng chang chang, chú thấy trong lòng thật là bực dọc. Chưa bao giờ chú thấy bất mãn như lúc này. Tại sao chỉ ăn một miếng xoài cho vui mà bắt một đũa con nít dang nắng đi xa như vậy! Thèm gì mà bắt nơn vậy! Chú đây còn là con nít mà chú có thèm ăn vặt bậy bạ đâu. Tự dưng nổi hứng giữa trưa bảo đi mua xoài!

Đi gần tới chợ, ngang một tiệm bán sách báo và dụng cụ học sinh, chú bỗng bắt gặp một chú tiểu khác đâu chừng mười sáu tuổi đang đứng trong tiệm. Chú tò mò đứng lại nhìn. Chú tiểu kia mặc áo dài năm thân màu lam trông đàng hoàng, chững chạc lắm chứ đâu như chú chỉ mặc bộ đồ vạt khách đồ loét (áo hơi giống áo bà ba, may thêm một vạt ngắn phía bên phải; quần thì luôn giầy thun, cùng màu với áo). Đồ vạt khách chú bận thì suốt ngày này qua tháng nọ chẳng thay đổi dù ở trong chùa hay đi ra đường.

Ông chủ tiệm thấy chú đứng tần ngần trước cửa tiệm bèn nói với chú tiểu bên trong:

"Kìa, có bạn chú ở ngoài kia."

Chú tiểu kia quay nhìn ra. Hai chú bờ ngõ ngó nhau một lúc. Chú tiểu trong tiệm sách bỗng đưa hai tay chấp lên ngực chào chú. Xưa nay chẳng ai chào chú như vậy cả. Chú lúng túng chấp tay chào lại. Chú không ngờ chú tiểu kia lớn tuổi hơn mình mà lại chào mình lịch sự như thế. Chú tiểu kia dạn dĩ, từ trong tiệm bước ra, đến gần chú, hỏi:

"Chú ở chùa nào vậy?"

"ở chùa Nghĩa Trung."

"Nghĩa Trung?"

"Ừ, Nghĩa Trung. Còn chú?"

"ở chùa Từ Quang. Chú đi đâu đó?"

"À... đi chợ. Còn chú?"

"Đi mua tập và bút máy. Tại vì sắp tới ngày khai giảng rồi. Vô đây chơi."

Chú rụt rè bước vào. Mắt liếc nhìn cách ăn bận của chú kia và thấy rõ sự khác biệt giữa mình với chú ấy. Chú có vẻ luộm thuộm lồi thòi quá. Tuy rằng ở chùa thì chẳng cần phải ăn diện gì, nhưng ít nhất cũng phải thơm tươm, gọn ghẽ khi ra đường. Thầy và cô Diệu Lan chẳng hề nghĩ đến chuyện sắm áo dài cho chú mặc ra đường. Ngay cả đôi dép cũng không mua, đi đâu chú cũng cứ đi chân trần như một hành khất. Áo quần thì đồ loét đồ loe với loại vải rẻ tiền nhất. Trông chẳng ra con giáp nào cả.

Chú kia lại hỏi:

"Chú pháp danh gì?"

"Pháp danh? À... tôi quên rồi vì chưa bao giờ thầy gọi bằng pháp danh cả. Tên tôi là Hữu. Chú có pháp danh rồi hả?"

"Ừ. Tôi pháp danh là Tâm Tuệ. Chú chuẩn bị sách vở đi học chưa? Chú học ở đâu?"

"Học ở trường Bồ Đề. Sách vở chưa sắm."

"Trường Bồ Đề thôi hả, chứ không vào Phật học viện à? Phật học viện sắp sửa khai giảng, các chùa đang chuẩn bị cho các chú tiểu như tụi mình vào đó."

"Phật học viện là cái gì?"

"Ừa, chú không biết hả? Phật học viện là trường dạy cho tụi mình về giáo lý, kinh điển, chữ Hán, các thứ đó."

"Tôi có học chữ Hán và học kinh ở chùa, thầy tôi dạy."

"Như vậy đâu có đủ. Chùa nào cũng có dạy như vậy hết, nhưng muốn học theo trường lớp, theo chương trình của Giáo Hội đảng hoàng thì phải vào Phật học viện kia."

"Vậy hả! Tôi đâu có biết. Phật học viện xa không vậy?"

"Xa. Phật học viện ở tận trong Hội An, cách đây chừng ba mươi cây số."

"Vậy sao mình đi học mỗi ngày được?"

Tâm Tuệ cười nói:

"Đâu có đi mỗi ngày, mà mình phải tới Phật học viện ở luôn tại đó mà học. Đó là chỗ cho tụi mình vừa ở vừa tu vừa học."

"Như vậy ở đó chắc đông bạn bè lắm hả?"

" Dĩ nhiên là đông rồi. Phật học viện nào cũng có khoảng bảy tám chục tăng sinh ngang tuổi ngang lớp với nhau."

"Làm sao mình xin vào học tại Phật học viện được?"

Tâm Tuệ suy nghĩ một lúc rồi trả lời:

"À, phải học thuộc hai thời công phu, bốn cuốn luật, học qua giáo lý sơ đẳng phổ thông, chút ít chữ Hán, đâu chừng 3000 từ là đủ. Rồi phải thi vào nếu đậu thì được học không thì thôi. Mà phải có Giáo Hội hay là thầy bốn sư giới thiệu nữa."

"Thầy bốn sư là ai vậy?" chú Hữu ngậy thơ hỏi. Tâm Tuệ tuy không lớn hơn chú Hữu bao nhiêu nhưng cũng nhanh trí biết rằng người bạn mới của mình đã không được may mắn học hành hiểu biết nhiều như mình. Tâm Tuệ nói:

"Thầy bốn sư là thầy nhận cho chú xuất gia, cạo đầu, đặt tên pháp danh cho chú đó."

"Hai thời công phu thì tôi biết rồi, nhưng... bốn cuốn luật và giáo lý sơ đẳng là gì, làm sao có được để học?"

"Chú chưa học luật và giáo lý sơ đẳng hả? Chú lên hỏi thầy, thầy sẽ cho. Nếu ở chùa chú không có bộ luật Sa Di bốn cuốn thì qua chùa Từ Quang tôi tặng chú một bộ. Bộ Sơ Đẳng Phật Học Giáo Khoa Thư bằng chữ Hán cũng có ở bên tôi nữa, tôi sẽ tặng chú."

Chú Hữu mừng rỡ ra mặt, cảm ơn bạn mà rung rung cả nước mắt. Chú những tưởng suốt cuộc đời mình chỉ biết có thầy, cô Diệu Lan và cây đa

trước sân. Không ngờ hôm nay, Tâm Tuệ mở ra trước mắt chú một khung trời tương lai đầy ánh sáng. Chú nói với Tâm Tuệ:

"Chắc thầy tôi không có bộ luật đó đâu, vì tôi không bao giờ nghe thầy tôi nhắc tới. Vậy... vậy tôi theo chú đến chùa chú bây giờ được không?"

"Chú đi chợ mà?"

"Tôi ghé qua chùa chú xong rồi đi chợ sau cũng được."

"Có sao không? Nghe nói..." Tâm Tuệ nói đến đó thì im. Rồi lại nói:

"Nếu chú đi được mà về không bị la thì tội mình đi. Nhưng khoan, đợi tôi trả tiền sách đã."

Trong khi Tâm Tuệ lo tính tiền với ông chủ tiệm, chú Hữu đứng ngẫm nghĩ về số phận mình. Chú ở chùa đã hơn hai năm mà thầy chỉ dạy cho học hai thời công phu để mà tụng kinh hàng ngày, sau đó dạy cho chút chữ Hán để mà tập đọc sớ điệp công văn mà cúng đám chứ chẳng bao giờ dạy chú giáo lý hay kinh luật gì khác. Đứng trước Tâm Tuệ, chú thấy mình sao quê mùa ngốc nghếch. Mà Tâm Tuệ hình như có ý nghĩ gì không tốt đối với ngôi chùa mà chú đang ở thì phải. Cũng may Tâm Tuệ tốt bụng, không khinh chê chú. Chú thầm cảm ơn đức Phật, cảm ơn cây đa đã cho chú gặp người bạn tốt như Tâm Tuệ hôm nay.

Khi Tâm Tuệ trả tiền xong, hai chú cùng đi bộ đến chùa Từ Quang. Chùa này cũng nằm trên cùng một con đường với chùa Nghĩa Trung mà chú Hữu ở, nhưng hai chùa cách xa nhau cả cây số. Vào chùa, Tâm Tuệ đưa bạn vào phòng riêng của mình rồi lục soạn trong đồng sách trên bàn học, lấy ra vài cuốn sách đưa cho chú Hữu.

"Đây là cuốn luật Sa Di mà tôi nói khi nãy, phải học thuộc lòng. Trong này vừa có cả âm lẫn nghĩa. Đáng lẽ phải có người giảng dạy, nhưng nếu chú không có người dạy thì cứ học thuộc lòng trước đi, rồi sau này học kỹ hơn. ở đây tôi có thầy dạy nên học cũng nhanh. Độ chừng hai tháng thì xong."

Chú Hữu nhắm tính một lúc rồi hỏi:

"Bao giờ thì Phật học viện khai giảng?"

"Tháng sau. Bây giờ đã có người tập trung tại đó rồi, vì còn phải trải qua một kỳ thi nữa."

"Vậy thì... tôi đâu có học kịp," chú Hữu nói.

"Chắc là không kịp... nhưng, nếu cố gắng... hay là đi đại..."

"Là sao?"

"Tức là đến đại Phật học viện, năn nỉ được ở đó mà học. Nếu không cho học thì xin ở đó mà tu cũng được. Xin ở được thì vào học ké cũng đâu có khó khăn gì!"

"Làm vậy cũng được hả?" chú Hữu mừng rỡ hỏi.

"Tôi nghĩ là được, vì mấy thầy ai cũng thương các chú tiểu như tụi mình. Nếu chú lạy thầy Giám Viện, nói hoàn cảnh của mình rồi xin ở đó tu học, chắc thầy thương mà nhận."

Chú Hữu sung sướng, thấy như mình đã được tham dự vào Phật học viện rồi vậy. Chú cũng thầm cảm phục Tâm Tuệ. Người đâu mà lanh lợi quá đỗi!

Hai chú đang ngồi nói chuyện với nhau thì thầy của Tâm Tuệ bước ngang cửa phòng. Thấy chú tiểu lạ, thầy bước vào. Tâm Tuệ và chú Hữu cùng đứng dậy chấp tay vái chào. Thầy xoa đầu chú Hữu hỏi:

"Con ở đâu tới đây? chùa nào?"

Giọng thầy nghe ấm cúng, tình cảm làm sao. Chú ngược lên trả lời thầy:

"Dạ, con ở chùa Nghĩa Trung."

"A, chùa Nghĩa Trung! Thầy con có khỏe không?"

"Dạ, khỏe."

Tâm Tuệ bỗng nói chen vào:

"Con mới quen chú ngoài tiệm sách Tiến Đức. Chú ở chùa hai năm rồi mà chưa được cho học giáo lý. Chùa Nghĩa Trung không có kinh sách gì hết, bạch thầy."

Thầy không nói, lẳng lặng đến ngồi bên bàn học của Tâm Tuệ:

"Tại thầy ấy muốn cho chú trau luyện đức hạnh trước, học hành sau. Cũng như người ta nói 'tiên học lễ, hậu học văn' đó mà. Chưa chắc hoàn cảnh của chú như vậy là xấu hơn con."

Tâm Tuệ tiếp tục nói, và chính lúc này, chú Hữu mới nhận thức được rằng trong giọng của Tâm Tuệ hẳn lên những bức tức như thể chú ấy đang nói lên sự bất mãn thay cho hoàn cảnh của mình:

"Hồi trước chú Tiên cũng ở chùa Nghĩa Trung ra đó, bạch thầy. Chú ấy cũng giống như chú Hữu bây giờ. May mà..."

Thầy cắt ngang:

"Thôi con à. Chuyện xưa rồi nhắc làm gì. Mỗi nơi có một nếp sống, một qui luật riêng. Không thể bắt mọi chùa phải sinh hoạt giống nhau được."

Tâm Tuệ vẫn cứ lý luận:

"Nhưng... có cái bắt buộc phải giống nhau chứ, bạch thầy?"

Thầy ôn tồn dạy:

"Con chưa đủ lớn để xét việc của người khác đâu con ạ."

Thầy nói vậy, Tâm Tuệ mới chịu làm thinh. Thầy từ từ đứng dậy rời phòng. Đến cửa, thầy quay lại nói với chú Hữu:

"Nếu trên bước đường xuất gia con gặp phải những buồn đau, trở ngại, hãy coi đó như những thử thách ban đầu của con. Chí càng lớn, gian nan càng nhiều. Đừng nản lòng nghe con. Con có cần kinh sách gì thì nói với Tâm Tuệ, rồi thầy sẽ giúp con."

Những lời thân mật đầy thương yêu của thầy khiến chú Hữu không ngăn được giọt lệ. Chú như kẻ lần đầu tiên nhận được tình cảm từ một vị thầy khả kính trong cửa chùa, và ngay lập tức, chú hiểu ngay rằng có những cái cao đẹp thiêng liêng hiện hữu trên cuộc đời. Chỉ tại chú chưa được may mắn để đón nhận mà thôi. Chú bỗng quỳ sụp xuống lạy thầy mà nước mắt chảy dài trên hai tay. Thầy đỡ chú đứng dậy, hỏi:

"Con... con khổ lắm phải không?"

Thầy chỉ hỏi vậy thôi là chú bật khóc nức ra tiếng, không kềm hãm được nữa. Tâm Tuệ đứng bên cạnh cũng ứa nước mắt, quay đi. Tâm Tuệ nói:

"Con biết mà. Con biết bạn con cũng bị như chú Tiến trước kia mà. Đó không phải là chùa. Ông ấy không phải là thầy."

Thầy lớn tiếng cắt lời Tâm Tuệ:

"Im! Con không được nói vậy. Chuyện ai làm người đó gánh chịu. Không dòm ngó lỗi người mà hãy tự nhìn xét chính mình. Con không nhớ lời dạy đó sao! Thầy không muốn con nhắc tới chuyện cũ của chú Tiến nữa, nghe chưa!"

Tâm Tuệ cúi mặt dạ nhưng lòng như vẫn còn âm ức. Thầy quay sang chú Hữu, an ủi:

"Thầy đã nói với con khi nãy, hãy nhẫn nại. Xem tất cả như những thử thách ban đầu cho chí nguyện xuất gia của con. Khi nào gặp trở ngại lớn không giải quyết được thì đến đây thầy dạy cho phương cách tốt đẹp cho con."

Rồi thầy đi ra. Hai chú ngồi lại trong phòng, im lặng chẳng nói gì. Một chặp, Hữu hỏi nhỏ:

"Chú Tiến là ai vậy? Chú ấy bây giờ ở đâu rồi?"

Tâm Tuệ suy nghĩ một lúc, nói nhỏ:

"Chú đừng cho thầy biết là tôi nói nghe. Chú Tiến bây giờ ở chùa Phổ Hiền. Hồi đó tôi và chú Tiến cùng học ở trường Bồ Đề, chú ấy kể tôi nghe chuyện ở chùa Nghĩa Trung. Sau, tôi bày mưu cho chú ấy... Chú Tiến sắp đi học Phật học viện với tôi đó."

"Chú bày mưu làm sao?"

"Đâu có gì đâu. Tôi nói chú ấy nói với ba má rằng chú không muốn tu nữa. Ba má chú đem chú về nhà. Rồi chú xin ba má cho đi tu lại ở chùa Phổ Hiền."

Chú Hữu ngồi lặng thinh. Một hồi, chú hỏi:

"Sao không xin từ chùa Nghĩa Trung qua chùa Phổ Hiền luôn mà lại về nhà rồi xin đi lại, mất công quá vậy?"

Tâm Tuệ cười:

"Tại vì đi từ chùa Nghĩa Trung thẳng qua Phổ Hiền thì thầy ở Nghĩa Trung sẽ trách thầy ở Phổ Hiền sao dụ dỗ đệ tử mình."

"À, té ra là vậy. Mà chú Tiến kể cho chú nghe chuyện gì ở chùa Nghĩa Trung?"

Tâm Tuệ nhìn bạn, ngập ngừng:

"Chú ấy nói... chú ấy nói ở chùa đó chú không được học hành gì cả mà chỉ làm việc suốt ngày."

Chú Hữu thở dài:

"Tại vì chùa đâu có ai, mình phải làm thôi. Mình ăn ở tại đó thì phải làm việc chứ làm sao nữa."

"Biết vậy rồi. Nhưng... mình đi tu đâu phải là để làm việc suốt đời như vậy."

"Vậy chú không làm việc gì trong chùa này hết hả?"

"Không phải. Làm việc thì chú tiêu như tụi mình ở đâu cũng làm hết, quét sân, quét chánh điện, lau bàn ghế, thỉnh chuông, tụng kinh... nhưng, ngoài công việc ra, phải có tu học."

"Tôi có tụng kinh niệm Phật và học chữ Hán mỗi ngày."

"Như vậy chưa đủ. Chú nên biết tôi học hết bốn cuốn luật bằng chữ Hán, rồi cả bộ Sơ Đẳng Phật Học Giáo Khoa Thư, lịch sử Phật giáo, Phật Học Phổ Thông cuốn I và II, vậy mà thầy vẫn gởi tôi đi học ở Phật học viện. Thầy đâu có muốn giữ tôi lại đây hầu hạ thầy để rồi tôi thành người dốt."

Chú Hữu cúi mặt xuống, tủi thân. Tâm Tuệ an ủi:

"Tôi nói vậy chú đừng có buồn, đừng giận tôi nghe. Tôi nói thiệt đó mà. Tôi biết chú Tiến ở đó, rồi bây giờ thêm chú nữa. Tôi muốn giúp chú thôi."

"Chắc không giúp gì được đâu. Tôi với chú Tiến khác nhau. Ba má chú Tiến thương chú, nghe chú đòi về thì cho về, đòi đi lại chùa khác thì cho đi chùa khác. Ba má tôi không cho phép tôi làm như vậy đâu. Tôi giống như con của thầy ở đó. Ba má tôi đâu có nhận tôi trở về lại với nhà đâu."

Tâm Tuệ cảm thương cho bạn mình, ngồi ứa nước mắt. Một hồi, Tâm Tuệ nẩy ra ý kiến mới, liền nói cho bạn nghe:

"Hay là chú xin thầy cho chú vô Phật học viện học. Nếu thầy cho đi, chú ở luôn tại Phật học viện, không trở về Nghĩa Trung nữa."

"Như vậy thì tội nghiệp thầy quá đi. Tôi không muốn bỏ thầy đi luôn."

"Nhưng ở đó chú đâu có tương lai! Huống chi... chú cũng phải đi học chứ bộ tội nghiệp thầy rồi ở bên thầy suốt đời hả!"

"Tôi cũng biết vậy, nhưng tôi vẫn thương thầy, thấy khó bỏ thầy đi xa quá. Với lại... tôi biết thầy không cho tôi đi Phật học viện đâu, vì tôi đi thì đâu có ai giúp việc trong chùa cho thầy."

"Đừng có lo chuyện đó mà. Hồi chú chưa đến đó chùa cũng đâu có ai, có sao đâu! Mà chú nói vậy có nghĩa rằng thầy muốn giữ chú lại ở chùa để giúp thầy thôi chứ gì! Như vậy thì thầy đâu có thương gì chú!"

Chú Hữu ngồi suy nghĩ, một lát thì nói:

"Để tôi về tính lại. Thôi bây giờ tôi phải về đi chợ kéo..."

"Kéo cô Lan dưới bếp la phải không?"

"Ừa, sao chú biết?"

"Biết chứ sao không. Cô ấy nổi tiếng mà, ai lại không biết! Nổi tiếng là bà chủ của chùa Nghĩa Trung đó!"

Chú Hữu nhìn bạn, vẻ mặt vừa ngơ ngẩn vừa buồn bã khi nghe vậy. Một lúc ngẩn, chú mới giật mình đứng dậy, cáo từ. Tâm Tuệ bỏ kính sách mình tặng bạn vào một túi ni-lông, đưa cho Hữu rồi đưa bạn ra đến cổng tam quan. Khi chú Hữu định đi, Tâm Tuệ, gọi lại:

"Nếu học mấy cuốn này thấy không hiểu chỗ nào, chú qua đây tôi nói chú nghe, chỗ nào tôi không nói được thì nhờ thầy tôi giảng. Đừng ngại nghen. Thôi, chú về há. À khoan, để tôi kể chú nghe câu chuyện ngắn này. Mẹ của thầy tôi lâu lâu đến chùa ở lại tuần lễ hay nửa tháng. Những ngày ở lại đây bà ấy hay sai bảo mấy người Phật tử đến chùa làm việc này việc nọ, có khi sai tôi làm nữa. Ban đầu, tôi nghĩ bà ấy là mẹ thầy mà lại là người lớn tuổi như bà nội bà ngoại mình nên bà sai gì tôi làm đó. Nhưng sau tôi thấy bà có vẻ quá trớn, muốn tỏ ra mình là mẹ của thầy nên tôi phản đối, không chịu làm. Bà ấy lên thưa với thầy tôi, nói rằng tôi bướng bỉnh không nghe lời bà. Chú biết thầy tôi phản ứng làm sao không?"

Chú Hữu trả lời ngay:

"Kêu chú lên la một trận còn không thì cũng bắt quì nhang."

Tâm Tuệ cười nói:

"Không phải. Thầy tôi nói với bà ấy rằng tôi làm như vậy là đúng."

"Sao kỳ vậy?"

"Thầy nói rằng tôi đến đây xuất gia làm đệ tử thầy chứ không phải để làm đệ tử của bà ấy. Cho dù bà ấy là mẹ của thầy, bà cũng không có quyền sai bảo một chú tiểu ở chùa làm việc này việc nọ. Chỉ có quý thầy mới có quyền sai bảo các chú thôi. Thầy còn nói là ba má tôi xin cho tôi được làm đệ tử thầy vì kính mến ngưỡng mộ thầy chứ không phải ngưỡng mộ mẹ thầy. Còn nữa, không thể lấy cái chuyện trật tự ở ngoài đời mà áp dụng vào chùa. Một chú tiểu tuy nhỏ tuổi nhưng cả tính mạng và tâm hồn đã trao phó cho lý tưởng phụng đạo, cho nên không ai được phép lấy quyền hạn thân thích hoặc dựa vào tuổi tác, dựa vào chức quyền mà sai bảo chú tiểu ấy. Như vậy thì mẹ thầy cũng không có quyền nạt nộ sai bảo hay chửi mắng tôi. Thầy nói với mẹ thầy thế nào nữa chú biết không? Tôi chỉ nghe lén thôi. Mẹ thầy nghe thầy nói thì giận lắm bỏ về, nhưng mấy hôm sau bà trở lại chùa, tự tay quét dọn rồi làm những việc lặt vặt trong chùa. Bà ấy không đứng chỉ tay sai hết người này tới người khác nữa."

"Thầy nói với bà ấy cái gì nữa mà bà giận rồi sau đó thay đổi?"

"Thầy nói... mẹ không phải là người xuất gia, mẹ sai bảo các chú tiểu ở chùa thì mẹ bị tổn phước lắm đó. Vì các chú tiểu đến chùa là để học làm Phật ngay trong kiếp này. Cho dù không thành Phật thì các chú cũng sẽ trở thành

những vị tăng sĩ đi theo con đường của Phật. Các chú bỏ nhà đi tu không phải để đến chùa làm tội tớ cho mọi người sai bảo..."

Chú Hữu nghe đến đó thì trong lòng bị kích động, sự nhớ lại vị trí của mình ở chùa. Dù trước đây chú vào chùa chỉ vì hoàn cảnh gia đình, cũng như chính thân phận èo uột khó nuôi của chú; nhưng sau một thời gian ở chùa thì nếp sống đạo, những thời kinh, tiếng chuông chùa, bài học giáo lý... cũng ít nhiều thấm vào tâm hồn xanh tươi hồn nhiên của chú. Trong thâm tâm, chú biết rằng có cái gì không ổn trong đời sống hàng ngày của chú ở chùa hiện nay nhưng chú không tìm thấy được hoặc không có khả năng để nhìn thấy. Bây giờ những lời của Tâm Tuệ làm chú hiểu được loáng thoáng con đường cao đẹp của mình — một chú tiểu bỏ nhà xuất gia để học làm Phật. Chú như một kẻ bị bỏ quên lâu ngày tưởng mình tầm thường nhỏ mọn, nay được người khác nhắc nhở ca ngợi con đường thiêng liêng mình đang dần bước thì thấy bàng hoàng, chấn động đến nỗi tim chú đập mạnh lên từng hồi.

Tâm Tuệ nói tiếp:

"Thầy còn nói rằng chú tiểu là người cất bước đi tìm một phương trời cao rộng mà không một người lớn nào ở thế tục có thể làm nổi. Con đường của tui mình là như vậy đó. Không thể tự khinh thường mình rồi bỏ quên chí nguyện xuất gia cao cả."

Chú Hữu nghe bạn nói xong thì sa lẹ. Chú cảm ơn Tâm Tuệ. Hai chú chấp tay chào nhau rồi chia tay.

*

Khi chú bước vào chùa đã trông thấy cô Diệu Lan ngồi chờ ở cửa bếp. Mặt cô ấy hầm hầm. Chú đặt mấy trái xoài xanh và tiền lẻ thối lại lên bàn, không nói lời nào. Cô Diệu Lan đay nghiến:

"Cảm ơn chú, chú đi nhanh quá làm tôi hết muốn ăn rồi."

Chú lặng thinh không đáp, quay đi về phòng riêng của mình. Ngay lúc đó, thầy từ trên chánh điện xăm xăm bước xuống, chặn chú giữa đường, hỏi:

"Chú đi đâu giờ này mới về. Ra chợ mua trái xoài mà mất mấy miếng đồng hồ hả?"

Chú cúi mặt chẳng dám nói thật:

"Con... con... ghé tiệm sách coi mấy cuốn sách."

"Tôi có biểu chú ghé coi sách không?"

"Dạ không..."

"Không sao chú làm? Chú bây giờ to gan lắm, muốn gì làm nấy mà, phải không?"

"Bạch thầy, từ nay về sau con không dám nữa."

Thầy im lặng, ngó cô Diệu Lan. Cô Diệu Lan nguyệt thầy một cái, ngó chỗ khác, nói:

"Nói vậy ăn thua gì."

Thầy liền hét lên:

"Chú lập tức lên chùa quỳ một cây nhang rồi sau đó tụng một thời kinh sám hối."

Chú dạ nhỏ một tiếng rồi về phòng. Tiếng cô Diệu Lan còn văng sau lưng chú:

"Quỳ nhang mà thâm tháp gì với nó. Oánh cho nó một trận mới hả giận chứ! Dạy trò mà dạy như thầy thì làm sao nó nên thân nổi."

Thầy nói:

"Thôi mà, phạt như vậy được rồi."

"Tôi thầy chưa được. Lần sau, thầy để tôi dạy nó. Dạy kiểu thầy chẳng kết quả gì đâu. Tới tay tôi thì nó phải biết..."

*

Chú Hữu không dám thưa thầy về dự tính nhập học Phật học viện. Chú chỉ lén lấy kinh sách của Tâm Tuệ cho mà tự học một mình trong phòng riêng. Phật học viện đã sắp đến ngày khai giảng rồi mà chú cũng chưa thuộc hết bốn cuốn Luật. Trình độ thấp kém của chú không sao có thể tự học nổi. Đêm nằm trần trọc, chú quyết định ngày mai sẽ lạy thầy mà xin đi học xa. Nghĩ

đến đời sống tu học vui vẻ với chúng bạn cùng trang lứa nơi Phật học viện, chú thấy sung sướng và nghe nôn nả, rạo rức trong lòng.

Buổi sáng, thầy đang ngồi viết sớ, viết bùa cho một đám ma nào đó. Chú rón rén đến gần thầy hai ba bận rồi quay đi, chưa đủ can đảm để thưa thiệt với thầy ước muốn của mình. Đang ngập ngừng, do dự nghĩ lời để thưa thầy, chú bỗng nghe tiếng cô Diệu Lan dưới bếp la oí ới. Chú chưa kịp phản ứng sao thì thấy thầy đã đứng phắt dậy, chạy nhanh xuống phòng cô ấy. Vừa chạy, thầy vừa nói với chú:

"Nhanh, nhanh, chạy đi kêu xích-lô!"

Chú lật đật chạy vù ra ngoài, chẳng biết ắt gặp gì. Có lẽ cô ấy bị trúng gió. Thầy sao biết hay quá, nếu không có thầy chắc chú chẳng biết phải làm gì.

Bác xích-lô chở chú chạy nhanh về chùa. Bác vừa dừng xe ở sân chùa đã thấy thầy dìu cô Diệu Lan bước ra. Chú thấy mặt cô ấy xanh mét. Cô ôm bụng la, rên thật thảm. Bác xích-lô giữ cho xe khỏi chổng gọng trong khi thầy đỡ cô Diệu Lan lên xe. Thầy bảo bác chở xuống nhà thương hộ sinh. Chú biết nhà thương chứ không hiểu hộ sinh là gì. Thầy bảo chú coi chùa rồi thầy phóng xe gắn máy chạy theo xích lô. Chú mất cơ hội để xin thầy đi học. Còn có vài tuần nữa là Phật học viện khai giảng. Chú nôn nóng chịu không nổi, bèn đóng cửa chùa chạy qua chùa Từ Quang để kiếm chú Tâm Tuệ.

Tâm Tuệ thấy chú thì mừng rỡ đưa vào phòng hàn huyên. Tâm Tuệ cho biết chú ấy đang thu xếp để vào Hội An dự thi và nhập học Phật học viện. Tâm Tuệ hỏi về chuyện xin đi học của chú Hữu. Chú buồn buồn đáp:

"Tôi định thưa thầy thì cô Diệu Lan bỗng đau bụng, rồi thầy đưa cô ấy đi nhà thương hộ sinh rồi. Chắc cô đau nặng lắm. Thầy có vẻ lo lắng lắm."

"Nhà thương hộ sinh?"

"Ừ."

"Vậy là cô ấy đi sanh đó mà."

"Hả? sanh con? sanh em bé hả?"

"Chứ gì nữa. Thiệt là quá sức! Nhục ời là nhục!"

"Sao mà nhục?"

"Chú không biết thật à? Thì... cô ấy với thầy ấy có con với nhau đó. Đâu có thể làm như vậy được. Xấu hổ quá đi! Chú phải rời ngay cái chùa đó lập tức. Đó không phải là chùa. Tôi nói rồi mà chú không tin. Bây giờ chú thấy chưa! A, chú Tiến kia. Chú Tiến đến chơi, nhờ chú ấy giúp chú được lắm."

Từ ngoài sân, một chú tiểu to cao, đầu khoảng mười bảy mười tám tuổi bước nhanh vào. Tâm Tuệ bước ra đón. Chú Hữu rút rè bước theo. Ba chú chào nhau. Tâm Tuệ giới thiệu hai người rồi cùng kéo nhau vào phòng. Tâm Tuệ kể hoàn cảnh của chú Hữu cho chú Tiến nghe. Tiến cười ồ ồ, giọng chú như giọng vịt đực. Chú giải thích một cách mạch lạc cho Hữu nghe:

"Đó không phải là chùa. Ông ấy cũng không phải là ông thầy. Đúng ra chỉ là một cái nhà thờ Phật của một ông thầy cúng, một ông thầy pháp. Họ ăn mặn, phải không? Chú ở đó thì biết quá rồi mà, đâu có ăn chay ngày nào đâu! Những ông thầy đó còn lấy vợ, có con, lợi dụng ngũ đạo để làm ăn, mưu sinh bằng nghề cúng đám chứ chẳng có lý tưởng xuất gia xuất trần gì cả. Ai thiệt xui xẻo mới lọt vào đó để chôn cả cuộc đời tu. Tôi đã làm lần rồi, nay tới chú, chú biết rồi thì... tốt hơn là rời nơi đó sớm chừng nào tốt chừng đó."

Chú Hữu nghe xong rúng động tim gan, người chú xụi xuống, xanh mét, thất vọng não nề. Ngay lập tức chú hiểu hết. Chú ôn lại cách thầy đối xử với mình, cách thầy và cô Diệu Lan giao tiếp với nhau, cách sinh hoạt của chùa với sự thờ ơ khinh bỉ của những người Phật tử bên ngoài. Chùa chú ở không bao giờ có Phật tử tụ tập đông như các chùa khác. Quanh năm suốt tháng chỉ có thầy, cô Diệu Lan và chú. Thịnh thoảng mới có một gia đình làm đường lạc lối đến xin làm lễ đám ma. Đi đám ma cho người ta, thầy ra giá cả y như những người buôn bán ngoài chợ. Bây giờ thì chú hiểu hết. Chú buồn tủi cho mình, ngồi cúi mặt nhìn xuống đất. Chú Tiến an ủi:

"Chỉ còn một con đường thôi là phải lập tức rời khỏi ngôi chùa đó. Chú đi tu không phải để làm đầy tớ cho những người không có chút tâm đạo như vậy. Họ chỉ lợi dụng đạo mà thôi."

Chú Hữu không nói. Chú biết hoàn cảnh của chú khác với hoàn cảnh chú Tiến. Chú như là đứa con của thầy chứ không phải là một đứa trẻ đến chùa xin xuất gia với ý thích, chí nguyện hay một mục tiêu vạch sẵn. Cha mẹ chú sẽ không đón chú về cho dù họ có biết thầy chú thực ra chẳng phải là ông thầy tu. Cha mẹ chú đâu có mong đợi là cho chú đi tu với một vị thầy chân chánh gì đâu. Họ chỉ gởi chú vào đó để khỏi phải nuôi một đứa con khó nuôi

mà thôi. Như vậy, chú trở thành con của thầy rồi. Chuyện lý tưởng xuất gia là chuyện khác. Chú nói với chú Tiến và Tâm Tuệ hoàn cảnh của mình. Tâm Tuệ nói:

"Tôi biết rồi. Trước đây chú đã kể cho tôi nghe. Nhưng, chú phải tìm lối thoát cho chú chứ. Dù thế nào thì ông ấy cũng không phải là cha ruột của chú."

"Nhưng thầy đã nuôi tôi từ mấy năm nay."

"Từ lúc chú mười một tuổi. Đến nay chỉ mới hai năm. Nhưng hai năm đó, chú làm việc cực nhọc để đổi lấy mấy bữa cơm không tình cảm. Hơn nữa... cơm chùa là của bá tánh chứ không phải của ông thầy. Nói thầy nuôi là nói cho gọn, cho dễ hiểu. Chứ thật ra một người xuất gia ở chùa chỉ mang ơn cơm gạo của bá tánh mà thôi. Ông thầy không có công nuôi nấng cơm ăn áo mặc gì hết, nhất là một ông thầy đám thầy cúng. Ông ta chỉ đào tạo chú thành một người phụ tá để đi cúng kiếm tiền, để sai làm việc trong chùa thôi, và mỗi ngày đi cúng đám với ông ấy là chú đã tự kiếm miếng cơm cho chú, chứ có phải là ông ấy nuôi chú đâu! Ông không có nuôi chú ngày nào hết, nghĩ lại đi!" chú Tiến nói một hơi với giọng đanh anh như vậy.

Chú Hữu còn đang phân vân thì chú Tiến lại tiếp:

"ở đó chú không được dạy dỗ gì hết. Chú nhớ lại xem. Suốt năm suốt tháng chú không được dạy dỗ điều gì hay ho cả. Chỉ có sai vặt, đấm bóp, đi chợ, giúp cô Diệu Lan, xách nước cho cô tắm... toàn là ba cái chuyện bá láp, bất công! Tôi nói có đúng không! Tôi có ở Nghĩa Trung một thời gian đó chú à! Chú tin tôi đi, suốt đời chú ở đó chú vẫn cứ là một người để sai vặt mà thôi."

Tâm Tuệ chen vào:

"Chú Tiến biết không, cô Diệu Lan mới vừa đi nhà thương hộ sinh đó, có thầy lái xe gắn máy theo hộ tống."

Chú Tiến thả xui hai vai xuống ra dáng muốn xỉu:

"Ôi trời! Chú tiểu đây có rồi mà thầy còn kiếm chi thêm chú tiểu khác nữa vậy thầy!" (nói ngang đây, Tiến bỗng ngay người lại, nói giọng nửa giỡn nửa thiệt) "à này, vậy là chú tiểu sắp ra đời sẽ là trụ trì tương lai vì nó là con ruột của thầy ấy, còn chú chỉ là con nuôi thôi. Trước sau gì rồi chú cũng phải

cuốn gói ra khỏi chùa. Có một đứa con ruột ra đời, chú càng bị đối xử tệ hơn. Chú lo tính chuyện sớm đi."

Chú Hữu càng nghe càng bối rối chẳng biết tính sao. Tâm Tuệ thấy tội nghiệp, nói:

"Tôi định bụng là nếu tôi với chú Tiên xin vào Phật học viện được, hai đứa chúng tôi sẽ lên xin thầy Giám viện cho chú vào đó ở tu rồi học dự thính một thời gian, sau đó nếu chú học kịp thì xin học chính thức luôn."

"Nhưng... phải có thầy bổn sư giới thiệu mà. Hôm trước chú nói vậy."

Chú Tiên trả lời thay Tâm Tuệ:

"Đó là theo nguyên tắc, chứ hoàn cảnh của chú, thầy nào nghe cũng sẽ hết lòng giúp đỡ. Chẳng hạn như thầy của Tâm Tuệ hay thầy tôi ở chùa Phổ Hiền cũng có thể giúp chú được."

Chú Hữu sáng mắt mừng rỡ:

"Vậy hả?"

Nhưng rồi chú mặt chú lại chùng xuống. Chú nhớ đến chùa mình. Nơi đó, chú không hiểu có cái gì đó khằng khít với mình lắm, đến nỗi khi nghĩ đến chuyện bỏ đi, dù sung sướng cách mấy, chú cũng nghe đau nhói ở bên trái ngực mình. Chú không phân định được cái gì đã níu kéo, ràng buộc tâm hồn mình. Lòng chú bỗng buồn vô hạn. Chú nói với hai chú kia với giọng không mấy tin tưởng rằng mình sẽ quyết định tìm một cuộc sống mới:

"Có hai chú hay quý thầy giúp thì tôi mừng lắm. Nhưng... tôi không biết tôi có đi được không nữa. Thôi, hay là các chú cứ vào Phật học viện đi. Khi nào nghỉ học về đây các chú ghé cho tôi biết rồi tôi mới tính được."

Chú Tiên nói:

"Cái đó tùy chú thôi. Hai đứa tôi sẽ cố gắng giúp chú thoát khỏi đó rồi vào Phật học viện nữa. Chú chưa tính được bây giờ thì rãi rãi mà tính, nhưng chân thành mà nói, tôi khuyên chú bằng cách nào cũng phải tính chuyện rời khỏi cái chỗ hắc ám đó nếu chú thật sự muốn trở thành một người xuất gia chân chính. Còn như chú muốn trở thành thầy đóm thầy cúng thì tội tôi không bàn tới nữa."

Ba chú từ biệt nhau ở cổng tam quan. Tâm Tuệ còn gắng níu chú Hữu lại, căn dặn kỹ càng với giọng cảm động:

"Thầy tôi có dặn chú hôm trước là khi nào chú có chuyện khó xử thì đến thầy, thầy sẽ giúp chú, chú nhớ nhen, đừng để ai ăn hiếp hành hạ chú nghe."

Chú Tiến cũng nói:

"Có hàng trăm chùa sẵn sàng dang tay đón nhận những chú tiểu xuất gia như chú. Hoàn cảnh của chú, không chùa nào từ chối đâu. Chú nhớ nghe."

Chú Hữu nghe lời dặn dò của hai bạn mà chảy nước mắt. Chú không ngờ chú có thể có được những người bạn tốt như hai người bạn này. Các chú chấp tay vái chào nhau. Chú Hữu vội vã trở về chùa.

Vừa bước vào cổng chú thấy thầy tay cầm roi đứng chực sẵn. Thầy vụt cho chú mấy roi vào lưng, vào vai. Đau quá chú chạy ra sân, thầy rượt theo, hét:

"Đứng lại, đứng lại không tao đuổi luôn ra ngoài đường!"

Chú không dám chạy nữa, đứng lại chịu đòn. Thầy chẳng nói chẳng rằng, quát chú túi bụi bằng chiếc roi mây mà khi nào nóng giận lắm thầy mới cầm đến để phạt chú. Chú té xuống đất, thầy cũng chẳng tha, quát bừa lên người chú. Chú lăn qua lăn lại để tránh đòn nhưng vẫn không thoát được những lần roi đau xé thịt da. Thầy ngưng tay rồi, chú mới lom côm ngồi dậy, khóc thút thít. Thầy gằn giọng:

"Tôi bảo chú giữ chùa mà chú bỏ đi đâu? Lỡ ăn trộm vô hốt hết đồ thì sao!"

"Dạ... con đã khóa cửa rồi."

"Khóa cửa mà ăn nhằm gì! Nhưng tôi hỏi chú đi đâu?"

"Dạ... con... con ra tiệm sách."

"Ra tiệm sách làm cái gì! Tôi có bảo chú đi không! Kinh sách ở chùa chú học có hết đâu. Chữ Hán học đã hết đâu! Bộ tôi dạy chú không đủ sao mà còn đi kiếm thêm sách về học? Làm như là hiếu học lắm vậy! Đi vô rửa mặt đi. Chú còn tái phạm tôi đuổi chú về với ba má chú lập tức."

"Dạ... con không dám nữa," chú đứng dậy vái chào thầy rồi vào trong.

Thầy thì vào phòng cô Diệu Lan loay hoay soạn đồ đạc gì đó. Chú vào phòng kiểm dầu xức lên các vết xước và bầm trên người, thấy đau rát cả người. Một lúc, thầy ôm một gói đồ lớn ra cột phía sau xe gắn máy.

"Hữu!"

Chú dạ rồi chạy ra sân:

"Thầy gọi con?"

"Coi chùa nghe chưa. Thầy đi xuống nhà thương, tối mới về. Nếu sau mười giờ không thấy thầy về, chú cứ đóng cửa nẻo kỹ lưỡng rồi đi ngủ, nghe chưa?"

"Dạ," chú đáp mà trong lòng thấy vui vui. Chú chẳng hiểu sao bây giờ chú lại thấy vui khi thầy đi vắng. Chú phụ giúp thầy ràng bao đồ sau xe. Thầy đang hăm hăm bỗng đổi vui, vừa cười vừa nói:

"Cô Lan sanh đứa con trai."

"VẬY HẢ THẦY?" chú Hữu hỏi lại cho có lệ.

Thầy có vẻ vui lắm. Nếu không thì thầy còn đánh phạt chú nặng nề hơn nữa. Chú nghĩ vậy. Đứa bé trai mới chào đời chẳng dính dáng gì đến chú để có thể cho chú niềm vui. Nhưng cũng nhờ nó mà thầy nhẹ tay với chú hôm nay mà thôi. Khi thầy đi rồi, chú lẩn thân bước ra sân, đến ngồi dưới gốc cây đa. Những rễ má chằng chịt của cây đa rũ xuống quanh chỗ chú ngồi. Chú thấy ấm lòng khi ngồi dưới gốc đa—người bạn thân thuộc của chú. Chú nói với cây đa:

"Đa ơi, sao tui khổ vậy Đa? Thầy đánh tui Đa có thấy không? Đây nè, đánh chỗ này sứt cả miếng da, chảy máu ra, Đa có thấy không? Còn chỗ này, chưa chi mà bầm tím rồi. Từng lần, từng lần ở đây nữa nè. Đau lắm đó Đa à! Không ai cản thầy hết Đa thấy không? Hồi tui ở nhà... hu hu... hồi tui ở nhà... ba má tui đâu có đánh tui. Ba má tui thấy tui ốm yếu nên không bao giờ đánh tui hết á. Hu hu... ba má tui tưởng thầy tui hiền, sẽ không đánh tui... hu hu... vậy mà thầy đánh tui hoài. Ba má tui đâu có biết. Mà tui cũng không dám nói cho ba má tui nghe nữa. Tui đâu có muốn ba má tui buồn... Đa thấy tui có hoang không? Tui đâu có hoang phải không? Tui đi qua chùa của bạn

tui thôi mà, vì bạn tui sắp đi học xa rồi, tui phải qua từ giã bạn tui chớ. Bạn tui hai người, người nào cũng được đi học hết đó Đa à. Bạn tui sướng lắm, được thầy thương, không bị ai mắng chửi, đánh đập, ăn hiếp hết.... hu hu, sao tui khổ vậy hở Đa?"

Cây đa như lắc lư, xào xạc cả lá cành để an ủi chú. Chú ngồi đó mà khóc cho đến khi trời tối mới từ giã cây đa mà vào trong.

Ngồi nơi bàn học trong phòng riêng của mình, nhìn sách vở bút tập, nhìn mấy cuốn luật mà Tâm Tuệ tặng, chú bỗng thấy nổi háo hức đi học xa ùn ùn nổi dậy. Chú khát khao được vào Phật học viện biết bao. Chú tự nhủ: "Không lẽ mình ở suốt đời tại đây để đi cúng đám, làm việc lật vật như vậy hoài sao!" Chú đứng dậy đi vòng vòng trong phòng rồi lại ngồi xuống trước bàn học. Tại sao mình không nhân cơ hội thầy đi vắng mà bỏ chùa trốn theo chú Tiến với Tâm Tuệ? Hai chú ấy nói là quý thầy ở chùa nào cũng vui lòng nhận mình đến ở hết. Quý thầy khác đâu có giống thầy ở đây. Như thầy của Tâm Tuệ đó, thầy ấy sao mà hiền và thương Tâm Tuệ quá, thương cả mình nữa. ở chùa khác cũng đâu có ai như cô Diệu Lan, đụng đâu sai đó, chửi đó, có khi cãi lộn với cả thầy nữa. Thầy còn nể sợ cô ấy nữa thì làm sao cô ấy chẳng ăn hiếp mình! Nghĩ vậy, chú vụt đứng dậy, ra cổng chùa nhìn xem thầy đã về chưa. Rồi chú trở lại phòng, đứng tần ngần, phân vân một lúc. Cuối cùng, chú vội vàng thu xếp hai bộ áo quần cùng một ít kinh sách của mình vào một cái bao ni-lông lớn. Xong, chú khép cửa phòng lại. Đi quanh khóa chặt các cửa để ăn trộm khỏi vào lấy đồ của chùa. Rồi chú ôm gói đồ, vụt chạy ra ngoài. Nhưng đến ngang cổng tam quan, chú bỗng khựng lại. Chú thấy sao mà khó lòng bỏ đi một cách âm thầm lén lút như vậy. Có cái gì đó níu kéo chú mà chú không hiểu nổi. Mấy năm nay sống bên một vị thầy nhu nhược sợ đàn bà, ít suy nghĩ, ít tình cảm và một người đàn bà đánh đá hiểm ác lúc nào cũng sẵn sàng hoác rộng miệng ra để chửi rửa tru tréo, chú thấy không lưu luyến gì với họ cả khi quyết định rời họ mà đi ngay lúc này. Nhưng sao trong lòng chú vẫn nghe một cái gì đó buồn buồn, vương vấn. Dường như nơi cảnh chùa nhỏ hẹp buồn tẻ này vẫn có cái gì êm đềm kháng khí với tâm hồn chú, vượt ve những đau buồn tủi nhục của chú hằng ngày. Chú thấy quặn đau trong lòng khi đứng nơi cổng tam quan với ý nghĩ nhìn lại ngôi chùa lần cuối trước lúc từ biệt. Dừng dằng một lúc, chú thở dài rồi lững thững quay trở vào trong, không đi nữa. Chú ném gói hành lý của mình trên giường. Chú bước lên chánh điện, đi quanh các bàn thờ, nhìn thật kỹ những tượng Phật, tượng Bồ Tát, tượng Hộ Pháp và các khuôn hình quen thuộc trên bàn thờ vong linh. Chú nhớ những thời tụng kinh của mình từ khi mới vào chùa đến nay. Chắc là cả ngàn lần chú tụng kinh nơi chánh điện này

rồi. Những lần đó, có khi có thầy, có khi chỉ mình chú. Chú thích tụng kinh lắm. Nhưng, hình như chuyện tụng kinh không phải là điều làm chú lưu luyến. Chú có thể tụng kinh ở một ngôi chùa khác với thầy khác hoặc các chú tiểu khác. Chú đứng mãi nơi chánh điện mà chẳng hiểu chú luyến tiếc gì nơi đây và chú cũng thật tình chẳng biết phải làm gì ngay lúc này nữa. Chỉ thấy một nỗi buồn tràn ngập trái tim nhỏ bé của mình.

Bỗng chú nghe thấy tiếng xe gắn máy của thầy chạy vào sân chùa. Chú lật đật rời chánh điện trở về phòng mình, cất dấu gói hành lý. Chú ra đón thầy ở cửa hông của chùa. Vừa khóa xe, thầy vừa nói:

"Thằng nhỏ dễ thương hết sức!"

Chú chẳng nói gì. Chú nhớ đến Tâm Tuệ và chú Tiến. Các chú ấy cho rằng thầy và cô Diệu Lan đã có con với nhau. Có nghĩa rằng thằng bé mới chào đời là con thầy. Hèn chi thầy vui quá. Y hết ba chú mừng thằng cu Đen em út của chú lúc nó mới được mẹ chú sanh ra vậy.

Ngày nào thầy cũng lái xe gắn máy mang cơm mang nước gì đó cho cô Diệu Lan. Đầu khoảng tuần lễ thì thầy đưa cô ấy cùng thằng bé sơ sinh về chùa. Thằng bé được thầy hay cô Diệu Lan đặt tên là Mừng. Chắc thầy mừng quá không nghĩ ra được cái tên nào khác bèn đặt đại theo xúc cảm của thầy thôi. Cô Diệu Lan hay sai chú quạt lò than đặt dưới giường cho cô. Khi thằng Mừng khóc, cô bảo chú đu đưa cái nôi cho nó nín. Rồi cô tập cho chú thay tả cho nó nữa. Chú ghét nhứt là công việc thay tả này. Một tay bịt mũi một tay thay, chú bị cô Diệu Lan chửi cho một hồi:

"Làm gì dữ vậy! Em nó có ăn uống gì đâu mà c. em thú! Bịt mũi bịt mũi có ngày bị quả báo sứt mũi cho mà coi!"

Những ngày cô nằm dưỡng chú thật là cực nhọc. Hầu như suốt ngày chú thường trực dưới phòng cô để chực cô sai bảo và cũng để ẵm, ru thằng Mừng cho cô ngủ ngon giấc (thầy bảo vậy). Vừa lo việc chùa, chú còn phải lo cho cả hai mẹ con cô Diệu Lan nữa, thật là cực nhọc. Chú nhớ hồi thằng cu Đen em chú chào đời, ba má chú đâu có bảo chú làm gì. Chú thấy chán nản lắm, nhưng chú cứ bặm môi, cúi mặt mà làm tất cả những gì thầy và cô sai bảo. Có lúc đang ngồi đưa nôi cho thằng Mừng, chú bỗng nảy sinh ý nghĩ bỏ chùa mà đi. Nhưng, chú nghĩ, có lẽ giờ này Tâm Tuệ và chú Tiến đã đi vào Hội An để dự cuộc thi tuyển vào Phật học viện rồi. Chú có trốn đi thì cũng chẳng ai hướng dẫn và giúp đỡ. Thôi thì đành cắn răng mà chịu. Huống

chi chú vẫn còn quyến luyến gì đó nơi chùa này đến nỗi mỗi khi nghĩ đến chuyện đi thì tự dưng thấy đau đau ở trái tim.

Chiều đó, cô Diệu Lan lại sai chú đi mua đồ. Mua sữa bò cho thằng Mừng. Chú nghĩ bụng, phải nhân cơ hội này ghé chùa Từ Quang thăm Tâm Tuệ. Hy vọng chú ấy và chú Tiến chưa đi Hội An.

Quả nhiên Tâm Tuệ chưa đi. Chú Hữu mừng lắm, bước vào phòng bạn là hỏi dồn:

"Tôi tưởng chú đi rồi chớ. Chùng nào mới đi? Chú Tiến có qua đây đi chung với chú không? Các chú đi chùng nào thì về thăm?"

Tâm Tuệ nói mà giọng có vẻ ái ngại, sợ bạn buồn tủi:

"Sáng mai hai đứa tôi đi rồi. Tôi nay chú Tiến qua đây ở lại một đêm. Đến Phật học viện, tụi tôi phải chờ khoảng tuần lễ rồi mới thi khảo hạch. Nếu đậu thì ở luôn đó mà học, rớt thì về lại đây ngay."

"Nhưng chắc là không rớt đâu phải không chú?" chú Hữu hỏi.

"Tôi cũng nghĩ vậy. Tôi và chú Tiến học kỹ lắm. Điều kiện là tốt nghiệp Sơ đẳng Phật học nhưng tôi và chú Tiến đều đã học chương trình tương đương với Trung đẳng I thì làm sao mà rớt được. Chú Tiến nói sẽ cố gắng xin cho chú vào Phật học viện, nếu không dự học được thì cũng xin ở đó mà tu cũng tốt phước hơn là..."

Tâm Tuệ chưa nói hết câu thì Hữu đã sa nước mắt, cúi mặt nghẹn ngào.

"Sao vậy? Có chuyện gì vậy? Chú bị họ ăn hiếp phải không? Nói tôi nghe đi?" Tâm Tuệ nóng ruột hỏi.

Chú Hữu không trả lời được, cổ họng chú nghẹn cứng. Sự quan tâm của bạn làm chú cảm động và càng khóc nhiều hơn, nước mắt chú chảy từng hàng từng hàng xuống hai gò má ồm xanh. Tâm Tuệ lúng túng chẳng biết an ủi bạn thế nào. Chỉ cầm tay bạn mà bóp nhẹ. Vừa lúc đó, chú Tiến bước vào, mang theo hai cái va-li lớn. Thấy Hữu khóc, chú Tiến nói ngay:

"Có chuyện rồi phải không! Cái mụ đó đánh đập chú hả? Tôi nói chú bỏ đi, đừng nấn ná chi ở cái chỗ u tối đó. Họ làm gì chú vậy, nói tôi nghe coi."

Chú Hữu không nói gì được. Phải một lúc lâu, chú mới nói tóm được một câu:

"Suốt ngày tôi phải giữ em, thay tả, chăm sóc cho cô Diệu Lan và thằng con của cô..."

Chú Tiến nghiêng răng nói:

"Không được! Dứt khoát là không được rồi. Họ làm vậy là hết mức rồi. Không ai mà chấp nhận được! Để tôi qua đó nói chuyện với họ. Phải chấm dứt lập tức tình trạng bỉ ổi đó!"

Chú Hữu nín Tiến lại:

"Đừng chú. Đừng làm vậy, thầy đuổi tôi đó."

"Đuổi? Đuổi thì đi chứ sợ gì! Thiếu gì chùa thương chú. Chú là chú tiểu rồi thì tất cả các chùa đều là nhà chú, chú có biết không? Chú là con của Giáo Hội, chẳng phải là con riêng gì của ông ấy hết! Đi, ba đưa mình đến đó nói chuyện thẳng với họ."

Chú Hữu dùng dằng nín bạn, không muốn đi. Tâm Tuệ cũng giữ chú Tiến lại, nói:

"Khoan đã Tiến à, đừng nóng nảy như vậy. Thầy ấy là người lớn, thầy đâu thèm nói chuyện với tụi mình. Nếu cần thì nhờ thầy tôi qua nói chuyện, hoặc là... chú Hữu cứ đi luôn khỏi cần quay về nữa thì êm chuyện. Chú ở đây, ngày mai theo chúng tôi đi đến Phật học viện. Tụi tôi xin dự thi để nhập học, còn chú thì xin nhập chúng ở tu; khi nào chú có thể học theo kịp thì xin học. Thời gian đầu chỉ xin ở tu thôi. Chắc chắn ba đưa lên lạy thầy Giám viện nói rõ hoàn cảnh chú thì thầy sẽ nhận chú làm đệ tử ngay. Các chú thấy sao?"

Tiến đáp ngay:

"Hay lắm, ý kiến rất là hay. Chú Hữu bây giờ cứ ở lại đây đi, sáng mai tụi mình cùng đi. Chắc chắn thành công mà. Đừng có thèm trở về cái địa ngục đó nữa."

Hữu nghe ý kiến các bạn, trong lòng vô cùng phấn khởi. Nhưng nhớ lại là mình chưa chuẩn bị gì hết, chú nói:

"Cám ơn các chú bày cách hay. Tôi vui lắm. Nhưng..."

"Đừng có nhưn nhị gì hết. Không có tiếc gì cái chỗ đó nữa," chú Tiên chận ngang.

"Không phải. Tôi đang cầm tiền để mua sữa cho thằng Mừng con cô Diệu Lan."

"Cứ mua sữa đi... rồi để tôi nhờ một bác xích lô mang về chùa Nghĩa Trung dùm là được rồi. Có bác Bảy xích lô ở kế bên chùa này nè," Tâm Tuệ nói.

"Nhưng... tôi còn đồ đạc ở chùa, làm sao mà lấy được?" Hữu nói giọng lo lắng.

"Đồ của bọn tiêu mình có gì đâu mà tiếc! Cũng là hai ba bộ đồ vật khách với dăm ba cuốn kinh thôi chứ nhằm nhò gì đâu! Bỏ hết đi, tụi tôi góp tiền may đồ khác cho chú. Bây giờ chú mặc tạm đồ của Tâm Tuệ cũng vừa mà," Tiên góp ý.

"Chú Tiên nói đúng đó, bỏ hết đồ đó đi, sắm lại đồ khác. Tụi tôi có may thêm đồ trước khi đi Hội An, để tôi chia bớt cho chú hai bộ mặc tạm. Sau này tụi mình may thêm. Tôi và Tiên đều có tiền của gia đình, lại thêm tiền của thầy cho nữa. May đồ, mua vé xe đò, vậy là đủ rồi, kinh sách học thì chùa nào lại chẳng có, khỏi lo chú à. Đồng ý đi. Tụi tôi không muốn chú tiếp tục bị đày đọa nữa. Chú phải dứt khoát thì mới có tương lai được."

Chú Hữu suy nghĩ một lúc, lau nước mắt rồi sung sướng gật đầu.

*

Tâm Tuệ đưa tiền nhờ bác Bảy xích lô mua sữa rồi đem đến trao tận tay cho cô Diệu Lan. Bác Bảy là Phật tử thân cận của chùa Từ Quang, theo lời dặn của chú Tâm Tuệ, chỉ nói vắn tắt là có một chú tiêu nhờ đem sữa đến và chú ấy sẽ không bao giờ trở lại nữa. Cô Diệu Lan tròn xoe đôi mắt, lật đật lên báo tin cho thầy biết. Thầy hàm hàm la hét om sòm:

"Để rồi coi, một hai ngày đói meo ngủ bờ ngủ bụi rồi nó cũng lết về đây cho mà xem! Đồ cái quân mất dạy, phản chủ!"

Tâm Tuệ không muốn phiền đến thầy mình nên đem dầu chú Hữu trong phòng. Buổi tối, Tâm Tuệ đem cơm vào phòng cho chú Hữu ăn. Tâm Tuệ nói:

"Chút nữa tôi và chú Tiến lên lạy từ giã thầy để khuya nay đi. Khi tụi tôi đi chào thầy, chú cứ ở lại trong phòng này. Tối nay chú ngủ tạm một đêm ở đây, khuya này khi thầy đang tụng kinh thì tụi mình rời chùa ra bến xe, vậy thì thầy sẽ không biết gì hết. Tôi không muốn thầy biết chuyện... thực ra thầy tôi biết thì thầy cũng thương mà giúp chú thôi, nhưng sợ thầy khó xử với thầy chú. Chuyện tụi mình tính tôi nghĩ là sẽ êm xuôi, không muốn phiền thầy để rồi giữa hai chùa, hai thầy có xích mích với nhau. Chú hiểu tôi không?"

Chú Hữu gật đầu ngay. Chú không ngờ Tâm Tuệ mới mười sáu tuổi mà lanh lợi, tế nhị, biết điều làm sao.

Buổi tối sau khóa Tịnh Độ, thầy gọi chú Tâm Tuệ và cả chú Tiến lên phòng riêng của thầy để dặn dò chuyện đi học xa. Tâm Tuệ và Tiến dầu nhem chuyện của chú Hữu, không hé môi với thầy lời nào. Thầy soạn cho Tâm Tuệ và chú Tiến một ít kinh sách cần thiết. Thầy còn cho hai chú tiền để đi học xa nữa. Khi rời phòng thầy, chú Tiến nói với Tâm Tuệ:

"Thầy tôi có cho tôi tiền rồi. Tiền của thầy chú cho thêm, tôi dành cho Hữu. Nghĩ đến chú ấy tôi thấy tội nghiệp quá. Hy vọng chuyến đi này sẽ cho chú ấy một cuộc sống mới, đúng nghĩa."

Sau khi coi lại hành lý lần chót, Tâm Tuệ và chú Tiến giăng mùng. Ba chú nằm chung trong một cái mùng to, cùng ngủ dưới đất. Cả đêm ba chú cứ bàn tính, nói chuyện tương lai. Hữu sung sướng ngủ không được. Hai chú kia ngủ ngon rồi mà mắt chú cứ trao tráo. Chú nằm lăn qua trở lại bao lần. Chú nhớ về chùa. Chú ôn lại những ngày đầu khi cha mẹ chú đưa chú vào chùa. Chú thấy thương cha mẹ quá. Cha mẹ chú đâu có biết chú bỏ chùa mà đi thế này. Nếu biết, cha mẹ chú hẳn là buồn lắm. Chắc cha mẹ sẽ nghĩ rằng chú hoang đàng, ngộ nghịch, dám cãi thầy, bỏ chùa đi hoang. Chú nghĩ là chú cần phải viết cho cha mẹ một lá thư ngay sau khi đến Phật học viện và biết kết quả chuyện cư trú của mình tại đó. Càng suy nghĩ lòng chú càng nghe buồn vô hạn. Nỗi vui nỗi buồn chen vào nhau, cắn xé nhau, làm cho lòng chú dưng dưng rồi căng ra, thật khó chịu. Chú không rõ tại sao quyết định bỏ chùa đi để tìm một đời sống mới nơi chùa khác, là một quyết định hợp lý, đầy ý nghĩa, đầy hạnh phúc, mà lại khiến cho tâm hồn chú thấy chùng xuống

như mất mát một cái gì to lớn lắm vậy. Nghĩ đến thầy và cô Diệu Lan, trong lòng chú không nảy sinh chút tình cảm êm đềm nào hết. Thật uổng phí hai năm chung sống với họ dưới một mái chùa. Giờ này nghĩ đến họ, chú chỉ nghe một nỗi chán chường, tởm lợm. Chú không luyến tiếc gì họ cả. Có một cái gì khác mà chú bỏ quên nơi ngôi chùa đó. Chú không nghĩ ra được. Chú nằm trần trọc cho đến một hai giờ khuya, bỗng dưng chú sực nhớ đến người bạn thân yêu của chú. Chú ngồi vung dậy. Phải rồi, cây đa, cây đa! Chú thương cây đa của chùa quá. Đó là người bạn duy nhất từng lắng nghe, từng chứng kiến bao nỗi đau buồn khổ nhục của chú suốt hai năm nay, từ khi chú vào chùa. Chú ngồi đó, nghĩ đến cây đa, chú nhớ cây đa, và chú khóc. Một chập lâu, thầy Tiên và Tâm Tuệ hãy còn ngủ ngon, chú bỗng nảy ý định quay trở về chùa.

Chú rón rén chui ra khỏi mùng. Chú ước tính, từ đây về chùa chú khoảng một cây số, nếu chú đi bộ thì chỉ mất mười lăm phút là cao. Chú rón rén mở cửa phòng Tâm Tuệ, bước ra ngoài. Chú nhẹ nhàng đi băng ngang phòng ăn, phòng thầy trụ trì, hành lang chánh điện, rồi ra sân. Cổng chùa này chỉ cài then chứ không khóa kỹ như cổng chùa chú. Chú khép cổng lại rồi đi nhanh về hướng chùa mình.

Đường phố vắng hoe, chỉ có vài chiếc xích lô đạp nhanh đi tìm khách. Chú cúi mặt đi không nhìn ngó ai. Từ xa, chú đã thấy cây đa vươn lên phủ rợp cả một nửa mái chùa. Nhìn thấy cây đa, trong lòng chú đã rung lên, xúc động. Chú chạy nhanh đến cổng chùa. Cổng khóa không vào được, chú leo qua song sắt nhảy vào trong. Rồi chú chạy a đến cây đa. Chú ôm cây đa mà khóc nức. Cây đa, người bạn khổng lồ của chú, dường như dang tay để ôm chặt chú vào lòng. Chú chẳng nói gì với cây đa. Chỉ khóc thôi. Rồi chú từ biệt cây đa. Nhảy ra khỏi cổng rào rồi, chú đưa tay vẫy vẫy với cây đa:

"Tạm biệt Đa nhen. ở đâu tui cũng nhớ Đa hết. Đa ở lại đừng có buồn nghe Đa..."

Rồi chú phóng nhanh trở lại chùa Từ Quang. Nhẹ nhàng vào sân chùa, vào phòng Tâm Tuệ, chui vào mùng, nằm xuống ngủ. Bây giờ chú ngủ được rồi.

Bốn giờ khuya, khi thầy của Tâm Tuệ tụng kinh trên chánh điện, Tâm Tuệ đánh thức Hữu và Tiên dậy. Cả ba cùng mang hành lý ra bến xe. Chú Hữu phụ xách hành lý cho hai chú kia, vì chú chẳng có hành lý gì. Mua được vé xe rồi, ba chú leo lên xe ngồi. Tài xế cho biết một tiếng đồng hồ nữa xe mới chạy. Ba chú ngồi trên xe với tâm trạng nao nao, sung sướng. Khi chắt hành

lý xong xuôi, bác tài xế kiểm soát vé của hành khách trước khi khởi hành. Các chú biết là xe sắp chạy rồi. Khung trời mới sắp mở ra rồi.

Bỗng nghe tiếng gọi từ phía dưới xe. Tiếng gọi rất quen thuộc:

"Tâm Tuệ, Tâm Tuệ!"

Chú Tâm Tuệ thò đầu ra khung cửa sổ và thấy thầy mình. Tay thầy ôm một gói đồ, tay kia thầy cầm hai cái phong bì, vừa đi quanh xe vừa cất tiếng gọi. Tâm Tuệ mừng quá reo lên:

"Con đây, bạch thầy!"

Thấy ba chú rồi, thầy xin phép tài xế lên xe để dặn dò các chú. Ba chú cùng đứng dậy chấp tay vái chào thầy. Thầy kéo chú Hữu đến gần, ôm chú vào lòng, rồi xoa đầu chú. Chú không ngờ trước được sẽ có sự cố này xảy ra. Chú chỉ biết khóc, gục mặt vào chiếc áo nâu bao dung của thầy mà khóc. Thầy hiền hòa nói:

"Đây là hành lý thầy gói cho con. Phong bì này là thư giới thiệu của thầy, con mang lên trình Thượng Tọa Giám Viện thì Thượng Tọa sẽ cho con ở lại Phật học viện mà tu học. Thượng Tọa là bạn cũ của thầy đó. Còn phong bì này là chút tiền thầy cho để con mua sắm thêm các thứ linh tinh. Trong gói đồ này có vài cuốn kinh và mấy xấp vải để con may đồ. Con cố gắng tu học nghen. Có gì không hiểu thì nhờ chú Tiến và Tâm Tuệ dìu dắt. Thầy không kịp thời giờ để căn dặn, dạy dỗ con. Con nên tự biết con đường cao đẹp mà con chọn để tiến tu. Không còn con đường nào cao quý hơn. Thôi các con đi bình an và thành công há."

Thầy xoa đầu các chú rồi xuống xe. Ba chú nhìn theo thầy rồi nhìn nhau. Không chú nào biết tại sao thầy biết có chú Hữu trốn chùa đi theo chuyến đi này. Chỉ có chú Hữu là thàm đoán được rằng có thể lúc khuya lên về chùa Nghĩa Trung thăm cây đa, thầy đã thức và thấy chú... Bỗng thầy lại xuất hiện ở dưới, bên khung cửa sổ, thầy ngược lên gọi chú Hữu. Tâm Tuệ nhường chỗ cho chú Hữu chen ra cửa sổ.

"Bạch thầy gọi con?" chú Hữu cảm động hỏi.

Thầy cười cười nói:

"Khi nào thầy đi ngang chùa con thầy sẽ vẫy tay với cây đa, nói rằng con rất dễ thương, và con đang siêng năng tu học ở xa, nhé!"

---o0o---

Người Quét Chợ

"Nhớ dâng trà cúng sư thúc và dì Linh nghe con?" thầy nhắc chú tiểu khi thấy chú sửa soạn lên chánh điện để cúng ngộ.

"Bạch thầy con nhớ," chú đáp.

Đó là câu mà thầy cứ nhắc chú mỗi ngày trước mỗi thời kinh. Chú chẳng biết sư thúc là ai, dì Linh là ai. Trên chiếc bàn thờ nhỏ đặt cạnh bàn Tổ, chú chỉ thấy hai cái bài vị được viết bằng chữ Hán chứ chẳng có hình ảnh gì cả. Vì thầy nhắc mãi nên chú không lúc nào quên, vậy mà thầy cứ nhắc. Nghe nhắc hoài, ban đầu chú hơi bực mình, nhưng riết rồi cũng quen. Và khi chú rót trà cúng cho hai người đó, chú cũng làm như một cái máy chứ không suy nghĩ gì. Chùa chỉ có một thầy một trò, nên thầy thương chú lắm và chú cũng quý kính thầy vừa như cha mẹ, vừa như thầy, và thỉnh thoảng như một người bạn đạo. Chú không có tên thế tục. Chú chẳng hiểu lý do vì sao. Có lẽ vì chú sống ở chùa từ nhỏ nên thầy đã không đặt tên thế tục cho chú mà chỉ đặt cho chú một pháp danh là Thanh Thị. Chú lớn lên ở trong chùa, quen với tên gọi mà thầy đặt cho, chẳng thắc mắc gì. Nhưng đến khi được thầy dạy cho học chữ Hán, chú mới hiểu được cái tên đọc nghe như tên con gái của mình lại có một ý nghĩa kỳ cục, không được thanh nhã cho lắm. Nó có vẻ như được đặt ra để đánh dấu một kỷ niệm nào đó của thầy, hoặc cho chính chú. Chú băn khoăn suy nghĩ mãi về ý nghĩa của cái tên mà mình đeo mang. Nhân lúc cùng thầy nhổ cỏ sau vườn chùa, chú hỏi:

"Bạch thầy, tại sao thầy đặt tên con là Thanh Thị?"

"Vì thầy thích đặt như vậy," thầy chú thản nhiên trả lời.

"Lâu nay con tưởng rằng chữ thị có nghĩa là đây, như vậy, giống như chữ thị trong như thị, đích thị hoặc chữ thị như trong biểu thị, thị hiện... nhưng mới hôm qua, thầy viết tên con bằng chữ thị có nghĩa là chợ. Con không rõ là tên con sao lại có cái nghĩa không được hay. Xin thầy giải thích cho con."

Thầy nghiêm giọng nói:

"Chỉ là tên gọi thôi, có gì mà phải bận tâm, nhỏ cỏ đi."

Chú cúi xuống nhỏ cỏ tiếp, nhưng được một lúc, chú lại hỏi:

"Con biết đó chỉ là tên gọi thôi, nhưng tên gọi cũng phải nói lên một cái gì, một ý nghĩa gì chứ."

"Thì chợ cũng là một cái gì, một ý nghĩa gì rồi đó," thầy đáp.

"Con thấy chợ chỉ có ý nghĩa là dơ, ồn ào, phức tạp... toàn là xấu không à. Con không tìm ra được ý nghĩa nào hay đẹp ở trong nó. Khi thầy đặt tên con, chắc chắn là thầy có nghĩ đến một ý tưởng hay một hình ảnh gì đó về cái chợ, phải không, bạch thầy?"

"Nhiều chuyện quá," thầy nói, "nhỏ cỏ đi."

Chú im lặng nhỏ cỏ, không dám hỏi nữa. Nhưng trong đầu óc chú bắt đầu nảy ra những suy tưởng, những phán đoán về sự đặt tên của thầy. Chú nghĩ, năm nay chú đã mười sáu tuổi rồi, có thể nói là chú đủ trưởng thành để nghe thầy kể về lai lịch của chú. Lâu nay mỗi lần chú hỏi đến vấn đề đó, thầy chỉ nói là chú chưa trưởng thành, chưa đến lúc cần biết. Nhưng dù thầy chẳng nói ra, chú cũng không đến nỗi ngu độn để không biết rằng chú là một đứa bé mồ côi. Ai cũng có cha mẹ, riêng chú không có. Cái thực tế đó làm gì thầy che dấu được. Nhưng tại sao lại đặt tên là Thị, có nghĩa là chợ? Có lẽ.. có lẽ cha hay mẹ của chú là người bán hàng ngoài chợ, hoặc là người chủ chợ. Nhưng ba mẹ chú đâu mà để cho thầy phải đặt tên? Cũng có thể mẹ chú đi ngang chợ thì sinh ra chú. Không, nếu mẹ chú sinh ra chú ở chợ thì cũng đem về nhà, và chú vẫn còn người mẹ đó chứ chú đâu có mồ côi để cho thầy phải đặt tên! Hay là... hay là thầy lượm được chú ngoài chợ, đem về chùa nuôi cho đến ngày hôm nay? Chính vì kỷ niệm đó mà thầy đặt tên cho chú là Thị (chợ)?

"Bạch thầy..." chú không ngăn được nỗi háo hức tìm hiểu thân phận mình, lại mở miệng hỏi.

"Gì nữa đây?" thầy không nhìn chú.

"Có phải... có phải con là đứa con rơi thầy lượm ở ngoài chợ đem về hay không?"

Thầy ngưng tay nhỏ cỏ. Im lặng một lúc, thầy tiếp tục nhỏ, nói:

"Nhỏ cỏ."

Đến chiều, sau giờ ăn cháo, thầy gọi chú cùng dạo sân với thầy. Hai thầy trò tản bộ cho đến vườn sau, nơi có hai ngôi mộ mà thỉnh thoảng chú thấy thầy ra thắp hương. Một cái mộ thì chú biết là của sư thúc chú, còn cái còn lại chú chẳng biết của ai và cũng không để ý lắm.

"Con đã dâng trà cho sư thúc và dì Linh lúc công phu chiều rồi hả?" thầy hỏi.

"Bạch thầy, rồi," chú trả lời như máy.

Thầy nhặt mấy chiếc lá nằm trên mộ sư thúc, nhô vài bụi cỏ mới mọc quanh hai ngôi mộ. Rồi thầy bắt đầu kể chuyện cho chú nghe.

*

Thầy Hải Chấn đang ngồi đọc sách thì Hải Thanh, sư đệ của thầy, bước vào, mặt buồn dầu dầu. Hải Chấn hỏi:

"Gì mà sư đệ có vẻ rầu lo vậy?"

Hải Thanh buồn bã đứng nhìn ra cửa sổ một lúc rồi nói:

"Đệ... đã phạm giới..." Hải Thanh nói đến đó thì rơi nước mắt.

Hải Chấn kéo tay sư đệ ngồi xuống, vỗ về:

"Có trầm trọng lắm không? Đệ đã sám hối chưa?"

"Đã sám hối. Nhưng đó là cho tự tâm. Không giải quyết gì được cho hoàn cảnh."

"Chuyện gì vậy? Nói đi, để xem huynh có thể giúp gì cho đệ không."

"Huynh đừng trách mắng đệ nghe..."

"Phạm tội thì sám hối, ăn năn; huynh trách mắng có thay đổi gì được đâu! Nói đi, đừng chất chứa trong lòng," Hải Chấn nói với giọng đầy cảm thương.

Hải Thanh đưa hai tay ôm lấy đầu, mặt gục xuống bàn, nói:

"Cô ấy đã có mang."

Hải Chấn sừng sốt một lúc, rồi thở dài, hỏi:

"Cô ấy là ai vậy?"

"Sur huynh không biết đâu. Cô ấy không hề đến chùa mình."

"Vậy làm sao đệ quen để đến nổi..."

"Thôi, huynh hỏi làm gì chuyện đó cho mệt. Bây giờ, đệ chỉ hỏi huynh một điều là đệ phải làm sao đây?"

Hải Chấn nhíu mày, thấy khó xử. Theo luật, Hải Thanh đã phạm một trong các tội Ba-la-di, tức những trọng giới mà đương sự bị coi như mất cả giới thể, không còn là tỳ-kheo thanh tịnh nữa, không thể chữa được nữa—như cây dừa, cây cau, đã chặt đi khúc đầu (đoạn đầu) thì không thể mọc lại tàu lá mới. Đã tới nước đó thì Hải Chấn biết góp ý với Hải Thanh điều gì nữa. Hải Chấn thở dài nói:

"Huynh cũng chẳng biết phải góp ý với đệ làm sao. Chuyện không đơn giản đâu. Đệ phải nói rõ sự việc may ra..."

Hải Thanh ngập ngừng lúc lâu rồi kể:

"Cũng vì cái hạnh quét chợ mà đệ vướng phải nghịch cảnh này. Huynh cũng biết mà, mỗi sáng đệ quét từ sân ra tới chợ, mặc ai cười ai chê, đệ quét thì cứ quét, vừa quét vừa quán niệm về sự cấu bẩn của thế gian và thanh tịnh của niết bàn... năm này qua năm nọ, mưa hay nắng, đệ cũng không bỏ ngày nào. Thế rồi... cô ấy lưu ý đến đệ. Và... một ngày nọ, đệ sa ngã."

"Buồn thay cho đệ. Cô ấy bán ngoài chợ à?"

"Không, cô chỉ đi ngang chợ thôi."

"Vậy bây giờ gia đình cô ấy đã biết rằng chính đệ đã làm... cái chuyện gì đó chưa?"

"Chưa, cô ấy không nói ra là ai. Nhưng... có lẽ có ngày họ cũng biết. Mà họ có biết hay không thì... mình cũng phải tự liệu."

"Tự liệu?"

"Ý đệ nói là mình phải giải quyết vấn đề đó bằng cách đến nói chuyện với gia đình cô ấy, xin hỏi cưới cô ấy, hoặc là... đệ cùng cô ấy trốn đi xa để khỏi mang tai tiếng cho gia đình cô ấy và cho chùa nữa."

"Nghĩa là đệ sẽ hoàn tục?"

"Chứ biết sao bây giờ. Anh có cách gì hay hơn không?"

Hải Chấn ứa nước mắt, thương sư đệ mình gặp nghịch duyên đến phải bỏ đường tu, nhưng chẳng biết phải giúp bằng cách nào. Hải Chấn ngồi lặng thinh. Một chặp, Hải Chấn nói:

"Huynh chẳng biết cách nào hết, mong đệ tha thứ cho sự chậm lụt của huynh. Huynh nghĩ chắc phải làm theo một trong hai cách mà đệ nêu ra thôi. Mà cho dù chọn giải pháp nào, huynh cũng xin lưu ý đệ một điều rằng đệ nên giải bỏ hình thức tăng sĩ trước khi..."

"Đệ hiểu."

Hai huynh đệ im lặng, mỗi người một dòng suy tưởng.

Hải Chấn nhớ lại bao kỷ niệm mà thầy cùng Hải Thanh trải qua nơi ngôi chùa này từ thuở còn để chóp đến nay. Hải Thanh thông minh, nhanh nhẹn mà lại siêng năng nên cái gì cũng vượt qua mặt sư huynh. Nhưng đến khi sư phụ sắp viên tịch, sư phụ lại giao trọng trách trụ trì cho Hải Chấn. Lúc đó Hải Chấn đã không nhận vì cho rằng sư đệ vượt trội hơn mình quá nhiều. Hải Thanh cũng không chịu nhận chức trụ trì, còn sư phụ thì nhất quyết phải giao chức ấy cho Hải Chấn dù Hải Chấn học hành chậm lụt. Rốt cuộc Hải Chấn phải nhận. Giờ ra đi, sư phụ không nói gì nhiều ngoài việc khuyên răn hai huynh đệ nương nhau tu tập, và những lời cuối cùng của sư phụ đều nhắm vào Hải Thanh, cảnh giác Hải Thanh là không nên chú trọng vào sở kiến sở văn mà bỏ quên phần tu tập. Sau khi sư phụ mất, Hải Thanh thức tỉnh, nỗ lực tu tập, không bao giờ chểnh mảng. Rồi một ngày đó, Hải Thanh bỗng phát nguyện quét luôn cả chợ thay vì chỉ quét sân chùa. Hải Chấn không ngăn cản chi hạnh nguyện của sư đệ mình vì nghĩ rằng đó cũng là hạnh tốt thôi. Hải Thanh cho rằng hình ảnh người tu sĩ hiền lành nhẫn nại có mặt nơi phố chợ đông người sẽ cảm hóa và gây được tín tâm cho nhiều người. Ngoài ra, quét chợ cũng là một cách tu luyện cho tâm được định tĩnh ngay giữa chốn náo động. Không ngờ, chính cái hạnh nguyện cao đẹp đó lại đôn ngã Hải Thanh trong một nghịch duyên đau xót.

Hải Thanh không ôn lại kỷ niệm xưa mà chỉ ưu tư vấn đề xảy ra trước mắt. Hải Thanh nhớ đến Thùy Linh, cô gái đã có mang với mình. Cô ấy rất đẹp và là một tiểu thư con của quan huyện. Với sự thông minh vốn có, lại thêm sự giúp đỡ bày mưu của cô nữ tì, cô ấy đã tạo đủ điều kiện để lôi kéo Hải Thanh ngã vào vòng tay mình. Từ những phút đầu Hải Thanh đã biết mình rơi vào lưới tình, nếu không thức tỉnh quay lại ngay với thiên môn thì khó bề giữ gìn được đạo hạnh của mình, nhưng bóng sắc lộng lẫy kiêu sa của nàng đã không để cho Hải Thanh chùn bước mà còn kéo thầy lạm sâu thêm vào cơn men ái dục. Bây giờ chuyện đã lỡ rồi, không cưỡng lại được nữa. Hải Thanh muốn rủ Thùy Linh cùng bỏ huyện này trốn đi với mình qua xứ khác sinh sống và cũng để tránh tiếng cho cả đôi bên, nhưng Thùy Linh không dám. Nàng đã ở lại để rồi không che dấu được cái thai càng lúc càng lớn. Nàng đã bị cha đánh đập, mắng chửi dữ dội. Hải Thanh nghe nữ tì nói lại như vậy nhưng chẳng biết phải làm sao. Nhiều lúc Hải Thanh muốn lên vào tư dinh quan huyện để cứu nàng ra khỏi đó, nhưng lính gác canh phòng nghiêm mật, không cách gì vào được. Dù đã từng xem thế sự như một giấc mộng hư huyền, trước tình cảnh đau xót mà Thùy Linh phải hứng chịu, Hải Thanh không khỏi nghe tan nát trong lòng.

Đêm đó, hai huynh đệ ngồi thức trắng bên bàn sách. Đến lúc mờ sáng, Hải Thanh mới rời phòng sách vào phòng riêng, lấy khăn chít lấy đầu để che dấu cái đầu tròn tu sĩ của mình, thay đổi y phục như một người thế tục rồi từ giả Hải Chấn mà đi. Hải Chấn hỏi:

"Đệ đi đâu vậy?"

"Đến tư dinh quan huyện để nói chuyện thẳng với cha cô ấy."

"Sao huynh thấy ái ngại cho chuyện đi này của đệ quá. Thấy có gì không ổn. Đệ liệu có thể thuyết phục được cha mẹ cô ấy không?"

Hải Thanh không đáp, chỉ nhún vai rồi đi. Hải Chấn nín lại, dúi vào bọc vải của sư đệ một túi tiền nhỏ:

"Đó là tiền riêng của huynh, không phải của chùa đâu, đừng ngại. Đệ mang theo để có gì..."

"Cám ơn huynh. Đệ đi đây. Nếu có tin tốt đẹp, đệ sẽ cùng Thùy Linh ghé thăm huynh trước khi rời xứ này."

Và Hải Thanh đi luôn, không trở lại. Hải Chấn bồn chồn lo lắng suốt cả ngày và đêm hôm đó. Sáng hôm sau, khi Hải Chấn ra vườn thì thấy xác Hải Thanh nằm ở trước sân chùa, thân thể tím bầm vì bị đánh đập đến tởm. Hải Chấn đến khiếu nại với quan huyện nhưng huyện đường đóng cửa, lính gác xua thầy về. Thầy đàn ngậm ngùi chôn xác sư đệ sau vườn chùa. Nghĩ rằng có làm to chuyện lên thì sư đệ nhắm mắt cũng không được yên.

Hai tháng sau, Thùy Linh sinh hạ một bé trai. Nửa đêm nàng lên trôn khỏi dinh, mang con ra chợ, ngồi nơi sạp hàng mà ôn lại chuyện xưa khi nàng đi ngang đây và bắt gặp nhà sư quét chợ lạ kỳ. Nàng ngồi giữa trời sương cho đến sáng thì chết, tay vẫn còn ôm đứa bé sơ sinh đang khóc.

Quan huyện lâu nay cố che dấu chuyện con gái mình nhưng nay, cái chết của Thùy Linh ngay giữa chợ đã làm cho câu chuyện nhanh chóng truyền đi; ông bực dọc và căm giận đến độ sai lính treo bảng thông báo rằng ông đã từ đứa con trác nết phá hoại gia phong, rằng ông không chịu trách nhiệm về cái chết của Thùy Linh cũng như không chấp nhận đứa con của người quét chợ. Thông cáo của ông có vẻ như ngầm phán rằng đứa bé phải chịu chết giữa chợ đời, không ai được phép cứu nó. Vì uy quyền hống hách cũng như sự giận dữ của quan huyện, không ai dám mang đứa bé sơ sinh về nuôi. Người ta gỡ đứa bé khỏi vòng tay lạnh giá và cứng đờ của mẹ nó rồi đặt nó nằm trong một chiếc nôi, để giữa chợ để chờ kẻ nào động lòng trắc ẩn đến mang nó đi. Những người đàn bà bán hàng ngoài chợ đã chăm lo sữa cho đứa bé suốt ngày đó, nhưng cũng không ai chịu nhận đứa bé về. Còn xác Thùy Linh thì được quán sạp sai bằng một cái chiếu, đặt ở gần đó. Đến chiều tối thì chuyện đến tai Hải Chấn. Thầy liền tức tốc ra chợ, ôm chiếc nôi nhỏ mang về chùa. Còn xác Thùy Linh, thầy bảo những người Phật tử bán hàng ở chợ giúp đem về chùa chôn. Ấy vậy mà quan huyện không dám động đến Hải Chấn vì cả nể đức hạnh và uy tín của thầy. Đứa bé được yên thân sống và lớn lên trong cửa chùa.

*

Nước mắt ràn rụa trên hai gò má bầu bĩnh, chú tiểu Thanh Thị quì xuống chân thầy:

"Tạ ơn thầy cứu sống và nuôi dưỡng con."

Thầy đỡ chú dậy, nói tiếp:

"Sự thúc của con có ảnh thờ trong chùa mà thầy thường nhắc con rót trà dâng cúng chính là Hải Thanh cha của con đó. Sự thúc với thầy tu học với nhau từ nhỏ nên ngoài tình đạo bạn còn coi nhau như anh em ruột. Chuyện của sự thúc khiến thầy đau lòng quá mà không biết giúp bằng cách nào. Nuôi dưỡng con chỉ là một chuyện nhỏ để biểu lộ sự mến tiếc của thầy đối với sự thúc thôi. Huống chi, làm sao thầy có thể bỏ mặc một đứa trẻ kêu khóc không người đoái hoài..."

Chú tiểu Thanh Thị bây giờ đã hiểu vì sao chú có cái tên lạ kỳ đó: Thanh là tên của cha chú còn Thị chính là chợ, là nơi ghi lại kỷ niệm chua xót đầu đời của cha chú, mẹ chú, và cả chú nữa.

"Vậy quan huyện hiện nay chính là ông ngoại của con hở, bạch thầy?"

"Không. Ông và phu nhân đều đã qua đời. Quan huyện hiện nay là người mới được bổ nhậm đến."

"Vậy những người ở ngoài chợ... đều biết chuyện của con hở thầy?"

"Mười sáu năm rồi, nhiều người đã dọn đi xứ khác, nhiều người đã chết, chỉ còn lại rất ít người là biết chuyện của con, nhưng chắc họ cũng quên khuấy đi rồi. Mà sao con hỏi vậy? Con không muốn người ta biết rằng con đã xuất thân từ đâu, phải vậy không?"

"Bạch thầy không phải, không phải."

"Nhu vậy thì tốt. Nhân cách không nằm ở chỗ xuất thân từ đâu mà từ chính giá trị thực có của mình."

"Dạ, con biết," chú cúi mặt nói nhỏ.

Theo như lời thầy kể, rồi nhìn hai ngôi mộ song song trước mặt, đọc những chữ Hán viết trên mộ bia, chú thấy rõ đó chính là song thân của mình. Chú quỳ xuống nhìn thật lâu nơi hai mộ bia, lặng người một lúc lâu, chú bật khóc thảm thiết.

Vậy đó mà chú vẫn không sao tẩy xóa được nỗi mặc cảm đè nặng trong tâm khảm mình: rằng chú là một đứa trẻ vô thừa nhận, được sinh ra bởi một người cha tu sĩ phá giới, một người mẹ khuê các phá gia phong; rằng chú bị bỏ rơi giữa chợ đời như một tội nhân tử hình ngay từ lúc sơ sinh. Bao nhiêu ý nghĩ đó ám ảnh chú suốt mấy ngày kế tiếp sau khi nghe thầy kể rõ sự tình.

Thầy theo dõi từng biến động tâm tư hiện trên mặt chú, bèn gọi chú hỏi chuyện:

"Con sẽ mang buồn cho đến bao giờ? Có sinh tức có diệt, sao phải ôm mãi nỗi đau khổ biệt ly như thế!"

Chú lặng thinh không đáp lời thầy. Thầy biểu lộ tình cảm, lấy tay xoa đầu chú:

"Thương cha mẹ, con rán tu học để cha mẹ vui lòng. Cha con là một tu sĩ thông minh, có tuệ căn, làu thông kinh điển. Chỉ một phút yếu lòng mà đánh mất sự nghiệp cao cả. Con có thương cha thì nối tiếp sự nghiệp đó mới phải, sao cứ ôm lòng buồn rầu mãi. Con đến rót trà dâng ba đi, rồi lên tụng kinh."

Chú cúi mặt bặm môi một chặp, bỗng ngược lên nói:

"Chi có thầy mới xứng đáng là cha con thôi. Ông ấy không phải là cha con!"

Nói rồi chú vụt đứng dậy, bỏ đi vào phòng riêng, đóng cửa lại. Thầy sững sờ ngồi nhìn theo, lắc đầu buồn bã. Chú bỏ tụng kinh chiều hôm đó. Thầy lặng lẽ đắp y áo, thắp hương, rót trà cho sư đệ Hải Thanh rồi thầy tụng kinh thay chú.

Suốt mấy ngày, chú vẫn không ra khỏi phòng. Thầy đến gõ cửa, gọi mãi mà không được. Mọi việc trong chùa thầy làm thay chú hết. Chú không ra khỏi phòng nên cũng nhịn ăn luôn cả mấy ngày. Hai thầy trò sống bên nhau mười sáu năm rồi, chưa lần nào vào bữa ăn mà thiếu thầy hay thiếu trò. Cho nên, khi chú nhịn, thầy cũng nhịn theo, không buồn ăn nữa, chia sẻ với chú nỗi đau khổ nặng nề của chú. Đến ngày thứ tư, chú mới mở cửa bước ra, phờ phạc, bệnh hoạn. Chú đến quỳ dưới chân thầy và khóc nức nở. Thầy chỉ lấy tay xoa đầu chú.

Hai thầy trò bỗng dưng mà sống một cuộc sống lặng câm, buồn tẻ. Thầy để chú tự do trong những suy tưởng riêng tư của chú chứ không gọi chuyện gì với chú cả. Không khí trong chùa vì vậy mà nặng nề. Cho đến một ngày nọ, sau khi cùng làm lễ sám hối với thầy xong, chú mới cất được gánh nặng trong lòng. Chú thưa với thầy:

"Con đã sai lầm. Con không thể phủ nhận công ơn sanh thành của cha mẹ."

"Tốt, con biết vậy là tốt. Mẹ con vì sinh mạng của con, vì muốn lưu giữ giọt máu và hình bóng của cha con mà nhẫn nhục sống giữa bao lời xỉ vả, bao trận đánh đập của gia đình để chờ ngày sinh ra con. Mẹ con tuy phá gia phong nhưng, theo thầy, bà là người tinh mắt, thông minh, một phụ nữ đức hạnh biết vượt lên cái hình thức bề ngoài để nhìn thấy được giá trị tinh thần nơi cha con. Còn cha con, tuy phạm cấm giới, nhưng biết ăn năn, biết trách nhiệm, đã can đảm bước vào tư dinh của ông ngoại con với ước mong là cứu được hai mẹ con ra ngoài... và cha con đã chết vì dám đứng ra đối đầu với nguy hiểm. Với truyền thống, với tập tục, cả hai đều bị lên án. Nhưng họ đã chết một cách cao cả, ít nhất là đối với sinh mạng của con, phải không? ở một khía cạnh nào đó, một hoàn cảnh đặc biệt nào đó, con sẽ thấy rằng cái mà người ta gọi là truyền thống, tập tục, gia phong, lễ giáo v.v... thật ra chẳng là gì cả. Rõng tuếch! Chỉ có những tấm chân tình mới thực sự là có ý nghĩa mà thôi."

"Dạ, con hiểu," chú nói trong giọng xúc động và tri ân thầy đã chỉ giáo.

Chú không dám coi thường cha mẹ mình nữa. Chú thăm mộ cha mẹ hàng ngày, chú rót trà dâng cha mẹ vào mỗi thời kinh. Sư thúc và dì Linh, chú không còn gọi hai tên đó nữa mà gọi bằng cha mẹ. Chú cảm thấy có cái gì ngọt ngào và khiến chú ấm lòng khi gọi lên hai tiếng cha mẹ đó. Tuy nhiên, trên thực tế, chú chỉ vui sướng sống trong tình cảm và vòng tay vô hình vô ảnh của cha mẹ; còn đối với những mặc cảm về thân phận mình, chú vẫn không sao tẩy xóa đi một cách thoải mái được. Đến nỗi khi đi ra đường với thầy, chú có cảm giác như mọi người đang nhìn mình, xâm xì, chỉ trỏ, bàn tán về "người quét chợ". Từ đó, chú hết muốn ra khỏi chùa. Và đôi lúc, chú muốn cải đổi cái tên Thanh Thị mà chú mang. Chú thấy cái tên đó chỉ nhắc nhở chú về thân phận buồn tủi của chú mà thôi.

Vì thương chú, và vì chưa biết cách nào giải tỏa mặc cảm của chú một cách hữu hiệu, thầy cũng chiều lòng chú, không sai chú ra ngoài nhiều và cũng tránh cho chú những dịp phải ra trước đám đông.

Trải qua bốn năm, với tuổi đời thêm lớn, với sự học hỏi giáo lý, với sự tu tập thiền định, và với sự tiếp thọ đại giới để trở thành một vị tỳ kheo, chú dần dần thấy vui đi những tình cảm lưu luyến xót xa cho chuyện tình thương tâm của cha mẹ. Nhưng cái mặc cảm sợ người khác biết rõ thân phận mình vẫn cứ đeo bám mãi trong lòng chú, không sao gột bỏ. Thầy biết vậy, cố gắng tháo gỡ cái mặc cảm đó cho chú lần nữa bằng một cuộc nói chuyện sau thời tụng kinh khuya:

"Thanh Thị, con đã trở thành một vị đại đức, một vị lãnh đạo tinh thần xứng đáng cho đồ chúng noi gương tu tập. Vậy mà thầy thấy con như vẫn còn ôm ấp cái mặc cảm rằng mình thấp hèn, phải vậy không? Con nói đi, cái gì khiến con nghĩ như thế? Con có biết rằng chỉ một cái phiền não nhỏ nhất còn sót lại trong tâm cũng đủ ngăn trở con tiến đến giải thoát hay không?"

Thanh Thị không nói không rằng, lặng lẽ bỏ vào phòng. Thầy đến gõ cửa, đứng ngoài cửa nói vọng vào:

"Hãy nhìn kỹ những gì thầy làm. Nếu việc thầy làm khiến con thấy thầy không xứng đáng là thầy con nữa thì con hãy rời thầy mà đi tìm một minh sư khác để tham vấn. Con không thay đổi thì suốt một đời ở bên thầy cũng chỉ vô ích mà thôi. Làm sao thầy được vòm trời giải thoát chứ!"

Nói rồi thầy bỏ đi. Thanh Thị thấy không khí im quá, biết là thầy không còn đứng ngoài cửa phòng mình. Thanh Thị thắc mắc không hiểu thầy đi đâu và làm gì. Chú bước ra, tìm thầy. Thầy không có trong chùa. Thầy đã đi ra ngoài. Chú bước ra cổng chùa nhìn hai bên thì thấy thầy đang cầm chổi quét ở xa xa. Thầy quét về hướng chợ. Chú bậm môi, rồi cắn răng chạy vào phòng mình, ôm mặt khóc như một đứa trẻ. Thầy đã quét chợ như cha chú đã làm trước đây. Thầy muốn chứng minh cho chú thấy rằng việc quét chợ không có gì xấu mà còn là một hạnh nguyện cao cả chỉ có cha chú mới làm nổi. Nhưng, sự cố gắng của thầy không mang lại kết quả gì. Chú vẫn không sao chấp nhận được hành vi quét chợ cho dù thầy có khoác lên đó bao nhiêu ý nghĩa cao đẹp.

Khi thầy quét chợ về, cát chổi dưới bếp, chú đón lạy thầy ngay ở thềm bếp, năn nỉ:

"Lạy thầy, xin thầy đừng vì con mà phải nhọc đến thân tâm như thế. Xin thầy đừng làm vậy nữa, con không chịu nổi."

Thầy không nói. Ngày mai thầy lại tiếp tục quét chợ. Chú lại lạy lục xin thầy chấm dứt. Thầy kiên quyết:

"Ta chỉ ngưng khi nào con thực sự đốt cháy được cái mặc cảm và ý nghĩ cho rằng quét chợ là việc xấu. Con không thay đổi, con sẽ không giải thoát, sẽ không tìm thấy an lạc cho dù con đang khoác mặc tăng bào. Và nếu con không thay đổi, ta sẽ quét chợ cho đến khi nào ta nhắm mắt mới thôi."

Thầy tiếp tục quét. Thanh Thị vẫn không thay đổi mà còn đau khổ hơn. Đến nỗi, chú bỏ thầy mà đi, chỉ ghi lại vài dòng vắn tắt rằng chú muốn đi tham học ở phương xa.

Chú đi xa thật xa khỏi nơi chốn sinh ra và trưởng thành của mình để xóa đi bao hình ảnh, bao ý nghĩ đau buồn về thân phận mình. Chú tìm tới nhiều vị thầy để học hỏi, nhưng không vị thầy nào đã thông được những mặc cảm của chú. Một hôm, nghe đến danh tiếng của một vị thiền sư tên là Đại Ngốc, chú tức tốc tìm đến vị này để học đạo vì chú hy vọng rằng ông ta cũng mang một cái tên không được tao nhã như chính chú, có thể ông ta sẽ có thuốc hay để chữa cho căn bệnh mặc cảm của chú. Chú nghĩ có lẽ đằng sau cái tên của vị Thiền sư này cũng mang một quá khứ nếu không đau xót như chú thì cũng cay chua buồn cười chứ chẳng không.

Thiền sư Đại Ngốc ẩn cư trong một am tranh trên núi cao. Khi lên tới nơi, chú thấy một cái bảng nhỏ treo trên một thân cây: "Đại Ngốc Am". Chú bước vào đánh lễ thiền sư, hỏi ngay:

"Bạch thầy, làm sao có thể gột bỏ được một danh từ chỉ đem lại cho mình những buồn phiền, khổ đau?"

"Nó chỉ là một tên gọi giả tạo thì cần gì phải gột bỏ!"

"Nhưng... rõ ràng là nó đeo bám và gọi lên bao điều đau xót cho con từ nhiều năm nay."

"Đeo bám chỗ nào? Gọi lên cái gì? Ở đâu? Nói ta nghe!"

Thanh Thị hốt nhiên giác ngộ lẽ sinh diệt huyễn hóa của muôn sự muôn vật, liền sụp lạy thiền sư mà về. Chú đi ngày đêm không dừng nghỉ, những mong về quỳ dưới chân thầy mà sám hối.

*

Từ hai năm rồi, khi Thanh Thị bỏ chùa mà đi, thầy cứ mang chổi ra quét sân chùa rồi quét luôn tới chợ. Ban đầu thầy quét chỉ để thức tỉnh Thanh Thị, nhưng khi quét, thầy cảm nhận được nhiều ý nghĩa cũng như công dụng tu tập ngay trong chính sự việc quét chợ đó. Thầy tập trung tâm mình vào từng động tác quét, lắng nghe tiếng chổi khua nhẹ trên đất, nhìn ngọn chổi vờn trên cỏ rác... không phút giây nào mà không lắng lòng vào việc quét. Đến độ, thầy với cây chổi chỉ là một. Vì vậy, âm thanh náo loạn của chợ búa

không ảnh hưởng, không tổn hại gì đến tự tâm thanh tịnh của thầy. Chính trong loạn động thầy tìm thấy sự tịch lặng. Và thầy có thể an lạc trong chính việc quét chợ tầm thường hàng ngày. Trong khi đó, hình bóng của thầy, việc quét dọn của thầy giữa chợ đời cũng làm cho khu chợ sạch sẽ hơn, bớt huyên náo xô bồ, và người ta cũng bớt cạnh tranh cãi vả nhau. Mỗi lúc thấy thầy quét đến chợ, người ta bỗng dưng giảm chuyện nói năng, có nói thì nói nhỏ giọng xuống. Đức độ của thầy làm thay đổi không khí chợ một cách rõ rệt.

Hôm nay thầy đang quét đến giữa chợ, bỗng có người nắm lấy cây chổi của thầy, nói với giọng cung kính:

"Bạch thầy, thầy hãy về nghỉ ngơi để con quét thay thầy."

Thầy ngưng tay ngược nhìn và thấy Thanh Thị. Khuôn mặt của chú ấy không còn dấu vết của mặc cảm, khổ đau và phiền não. Thầy mỉm cười trao chổi cho chú quét, và thầy bước theo chú, từng bước chậm.

Từ đó, cứ mỗi sáng, người ta thấy hai thầy trò tu sĩ cùng quét đường, quét chợ. Bóng dáng họ xuất hiện nơi đâu, sự an lạc lan tỏa ra đến đó.

Hai năm sau, thầy viên tịch. Trước khi từ giã cuộc đời, thầy gọi Thanh Thị đến bên thiền sàng, trao cho Thanh Thị cây chổi mà thầy thường dùng để quét chợ hàng ngày:

"Đời thầy mấy mươi năm học đạo không ngờ đến tuổi xế chiều mới tìm thấy được đạo lớn từ cây chổi tầm thường này. Đây là tất cả công phu và ý chỉ của thầy. Con hãy giữ lấy mà đi cho trọn con đường của con."

Nói rồi thầy hóa. Thanh Thị cất cây chổi đó trong phòng riêng của mình như một kỷ vật ghi lại hình ảnh cao đẹp của cha, của mẹ, và nhất là của thầy mình.

Sáng hôm sau, Thanh Thị vẫn cứ quét chợ. Người ở chợ thấy Thanh Thị quét một mình thì biết rằng thầy Hải Chân đức độ khả kính của họ đã mất.

Thanh Thị quét chợ cho đến tuổi già. Mấy mươi năm không hề xao lãng. Bây giờ Thanh Thị đã trở thành một vị hòa thượng đạo đức thanh cao, nổi tiếng với cây chổi và hạnh nguyện quét chợ. Hải Thanh quét chợ sáu năm. Hải Chân quét chợ bốn năm. Riêng Thanh Thị thì quét chợ đến sáu mươi năm. Bao khuôn mặt mới có cũ có, thay nhau ngồi bán hoặc đi mua sắm ở

khu chợ, không ai mà không biết đến Thanh Thị quét chợ. Hình ảnh Thanh Thị đã trở nên quen thuộc và gắn liền với khu chợ khiến cho mọi người nảy ý lấy tên vị hòa thượng này để đặt cho khu chợ: chợ Thanh Thị—một cái chợ sạch. Ngày Thanh Thị ngưng quét thì tuổi đã tám mươi tư. Ngày ấy, bầu trời u ám. Ngoài khu chợ, cỏ rác đầy mà chẳng thấy tăm dạng Thanh Thị đâu. Chợ nghe chuông chùa vắng lại ba hồi buồn bã. Mọi người ở khu chợ bỗng sa lệ vì biết rằng vị hòa thượng già mang tên Thanh Thị sẽ không bao giờ cầm chổi ra quét chợ này nữa. Cả người bán lẫn khách mua đều sụt sùi khóc.

---o0o---

Sân Ngoài Còn Lá

Có một chú tiểu đầu chùng mười ba tuổi thôi, mà đã bỏ chùa của thầy tổ lên tĩnh tu trên một ngọn núi cao, cao đến nỗi không ai nhọc công lên đến chỗ chú ở.

Chú tu trên núi đã được bốn năm. Nay chú đã trở thành một chàng thanh niên tu sĩ cao lớn, mạnh khỏe. Lâu lâu chú xuống núi một lần để về nhà thăm mẹ và đưa em trai trong làng. Mỗi lần chú xuống núi, trong làng ai thấy chú cũng xì xầm những lời khen ngợi hoặc xuýt xoa như tiếc rằng chú đi tu là làm uổng phí mất một thanh niên đẹp trai của làng xã.

Chỗ chú ở là một hang đá lẩn khuất đầu đó gần đỉnh núi. Cây cối to lớn, cỏ gai rậm rịt, bít hết mọi chỗ trống, chẳng thấy đâu là con đường đi lên. Những hiểm trở, gai góc, vách đá cheo leo của ngọn núi như là một thái độ rõ rệt của chú đối với tục lụy. Chưa hết, từ ngọn núi mà chú ẩn dật đi đến một làng gần nhất cũng phải đi băng qua một cánh rừng hoang mà nơi đó chỉ có đời sống của muông thú chứ không có bóng dáng của loài người. Qua khỏi cánh rừng hoang đó, phải đi bộ khoảng nửa ngày đường nữa mới đến được những bụi tre làm ranh giới của một ngôi làng, mà trong làng này, có căn nhà nhỏ của bà mẹ già của chú.

Thường thường, chú xuống núi thăm mẹ vào dịp tết trung nguyên rằm tháng bảy, nhằm vào ngày lễ Vu Lan. Chú đi xuất gia không phụng dưỡng mẹ già được nên mỗi năm cứ vào dịp lễ Vu Lan—mà người ta quen gọi là Mùa Báo Hiếu—thì xuống núi để thăm mẹ đồng thời giảng thuyết đạo lý của Phật cho mẹ nghe.

Năm nay, còn nửa tháng nữa mới đến rằm tháng bảy nhưng chú linh tính có chuyện bất tường, bèn khăn gói lên đường xuống núi sớm hơn mọi năm. Chú phải mất một ngày để xuống khỏi núi và hai ngày để ra khỏi rừng, sau đó là nửa ngày để đến làng của mẹ già. Vừa đến đầu làng, đã có mấy người láng giềng hối hả chạy đến chỗ chú, vừa vái chào vừa thưa với giọng ái ngại:

"Thưa chú... thưa chú... có chuyện chẳng lành..."

Chú hỏi mau:

"Chuyện gì vậy?"

"Dạ... cậu Tú em chú bị... rắn độc cắn chết. Mẹ chú đau khổ quá, bỏ ăn bỏ uống, chẳng ai dỗ dành gì được. May có chú về..."

"Em tôi mất bao lâu rồi?"

"Thưa cũng ba tuần rồi. Mẹ chú ngồi thần thờ suốt ngày này qua ngày kia..."

Chú lặng người đi một lúc, không nói gì. Rồi vội vàng về nhà tìm mẹ.

Bà mẹ đang ngồi lặng câm bên thềm cửa, nhìn xa xăm. Thấy chú, đưa con trai yêu dấu của mình trở về, mắt bà sáng hẳn lên, nở một nụ cười, đứng dậy. Chú bước vội đến bên mẹ. Hai mẹ con ôm nhau. Bà mẹ khóc òa lên, chẳng nói được lời nào. Chú thì ôm mẹ một cách ngưng ngập tuy nhiên nỗi thương cảm của chú lại dâng trào mãnh liệt. Chú thấy thương, thấy tội nghiệp cho mẹ quá. Chú không ngờ chú đã bỏ mẹ đi tu bảy năm rồi, mà giờ đây, trước tình huống này, bao nhiêu tình cảm thế tục lại quay về dào dạt như thể chú vẫn cứ là một đứa con lâu nay khăng khít chưa rời mẹ nửa bước. Một sơn tăng ẩn cư trên núi cao, quyết chí đạt đạo thì không có những xung động tình cảm ủy mị như vậy. Lâu nay chú tưởng rằng lòng mình đã nguội lạnh với tình trần, ngay cả tình huynh đệ, phụ tử, hay mẫu tử. Nay, trước cái chết thảm thương của đứa em trai và nỗi sầu thảm đơn chiếc của người mẹ già, chú nhận thức thật rõ rằng bảy năm xuất gia học đạo của mình vẫn chưa đạt được kết quả gì đáng kể. Kẻ ôm chí xuất trần trước tiên phải ý thức tính cách vô thường, mong manh, giả tạo của thế gian. Nhờ ý thức đó mà vượt thoát cái đau khổ thường tình của biệt ly chia cách. Nhờ ý thức đó mà vươn lên khỏi cuộc đời. Nhưng hôm nay, đứng bên người mẹ già đau khổ, chú thấy mình chìm lìm trong nỗi thống khổ vô vàn của thế nhân. Chú đứng im, ôm mẹ, không nói gì. Bà mẹ thì chỉ khóc nức nở. Lâu lâu bà lại gào lên, gọi

tên đứa con trai đã chết. Giọng bà nghe thật bi thảm khiến chú không khỏi bùi ngùi, quặn đau trong lòng.

"Nín đi mẹ, con đưa mẹ vào trong nhé!"

Rồi chú dìu bà mẹ vào nhà. Ngồi trên chiếc chõng tre, bà mẹ vẫn cứ sụt sùi khóc. Chú ngồi kế bên bà, chẳng biết nói gì. Lâu nay, cứ mỗi lần về thăm mẹ, chú có thể giảng cho bà nghe đạo lý vô thường, nhân quả, v.v... nhưng bây giờ chú chẳng biết nói gì. Chú không hiểu sao mình lại có thể thụ động, cứng nhắc và vô dụng trong những trường hợp đặc biệt mà sự khổ đau được biểu lộ rõ rệt như vậy. Không phải chú đã từng quán sát về khổ đau, quán sát về tính hư huyền, tạm bợ của thế gian đó sao! Công phu thiền quán lâu nay, coi như không kết quả gì trước thực tế đau thương đang diễn ra trước mắt.

Rồi cũng từ đau thương này, chú biết mình đang đứng trước một hoàn cảnh mới, hoàn cảnh khó xử cho một người đã từ bỏ gia đình xuất gia. Trước kia, người em trai của chú hãy còn, chú có thể yên tâm rời nhà xuất gia, tìm nơi ẩn tu để đạt đạo giải thoát. Nay đứa em đã mất, chú không thể để mẹ mình phải sống đơn côi quạnh quẽ trong tuổi già, không người phụng dưỡng dâng cơm dâng nước. Huống chi, từ ngày chồng mất, mẹ chú tuy không nói ra nhưng hẳn nhiên là trong lòng cũng mong đợi hai anh em sẽ làm tròn chức năng của những đứa con trai, không để cho dòng họ phải tuyệt tự. Nghĩ đến đó, chú không khỏi rùng mình và đau xót cho chí nguyện xuất gia của mình. Chú không ngờ cuối cùng rồi chú cũng phải đương đầu với nghịch cảnh ghê rợn nhất đối với một người xuất gia: lập gia đình. Rõ ràng như vậy. Chú phải lập gia đình để có con nối dõi tông đường. Không bao lâu đâu, mẹ chú sẽ mở lời yêu cầu về chuyện đó. ở làng này, và ở trong tộc họ nhà chú, chuyện nối dõi tông đường là một bổn phận thiêng liêng mà không người trai nào có thể và có quyền từ chối, trừ phi kẻ ấy xuất gia. Nhưng nếu là đứa con trai độc nhất trong gia đình thì chuyện xuất gia hầu như không bao giờ được chấp nhận như là một chọn lựa hợp lý. Trong làng, người ta rất quý mến những người xuất gia; nhưng quan niệm về sự nối dõi vẫn mạnh mẽ, thâm căn, lâu đời hơn, khiến người làng không thể chấp nhận một đứa con trai làm ngơ trước sự tuyệt tự của một gia tộc. Mọi người đều có thể chọn lựa một cách nhanh chóng thay cho chú, rằng chú phải trở về phụng dưỡng mẹ già và lập gia đình, có con cái để giữ giống. Nhưng chú, dù gì đi nữa, cũng đã xuất gia một thời gian, chú thấy khó xử. Chú đau lòng nếu phải từ bỏ cuộc sống ẩn tu để trở về với thế tục, và nhất là phải cưới vợ. ở tuổi của chú, trai trong làng đã có vợ có con cả rồi. Còn chú, đi tu đã lâu, cho dù đến tuổi trưởng thành, cơ thể nảy nở, sinh lý phát triển tự nhiên, chú cũng không và hầu như chưa

hề có ý niệm gì về chuyện yêu thương ai nói chi chuyện cưới vợ. Mỗi khi vào làng, chú cứ theo luật chùa dạy, nhìn dưới đất ngay trước mặt, cách mình ba bước, cứ vậy mà đi thẳng, không liếc ngó hai bên. Cho nên, có vào làng chú cũng chẳng bắt gặp ai. Giới luật bảo vệ chú, tránh cho chú những rung động về ái và dục. Giờ này đây, chú biết là chú sắp mở cái rào cản giới luật ra để chạm trán, đối diện với cuộc đời tục lụy. Chú không biết rõ lắm là khi cưới vợ chú sẽ làm gì để mà có con nối dõi. Chú chỉ hiểu rất đại khái rằng khi người nam người nữ (không phải là anh chị em ruột của nhau) mà sống chung với nhau thì... một ngày nào đó, người nữ tức là cái người mà người ta gọi là vợ, sẽ mang thai và cuối cùng đẻ ra con. Thực là chán ngán. Chú thậm nghĩ như vậy. Khó lòng mà chấp nhận một cuộc sống chung với một người khác phái để rồi có con cái nheo nhóc, đủ thứ rối rắm của cuộc đời. Hình ảnh những cặp vợ chồng già, trẻ ở trong làng không hề gây chút hứng cảm gì nơi chú. Đôi lúc nhìn thấy họ, chú chỉ thấy tội nghiệp dùm.

Mấy năm đầu mới xuất gia, chưa lên núi ẩn tu, chú được thầy dạy cho rằng muốn đạt đạo giải thoát thì điều tiên quyết là phải xa lia ái dục. Chú khát khao giải thoát đến độ một đêm nọ, chú quyết định lạy thầy mà xin lên núi ẩn tu. Thầy ngăn cản, nói rằng chú chưa được chín chắn và chưa đủ bản lĩnh để sống cuộc sống độc cư. Nhưng chú vẫn không nghe lời thầy, lặng lẽ bỏ đi. Năm đó chú mới mười ba tuổi, còn bé xíu mà đã dám một mình độc cư trên núi. mấy năm trên núi, trồng rau hái quả, đêm ngày ngồi thiền, tụng kinh, chú nào biết ái dục là cái gì. Từ ngoại cảnh cho đến nội tâm, chẳng có gì quấy nhiễu chú cả. Chú nghĩ vậy là đã giải thoát rồi còn gì! Vậy đó, mà nay đứng trước gia cảnh bi thương, chú mới ý thức được rằng giải thoát không phải chỉ đơn giản như là chú từng quan niệm. Không phải chỉ bỏ mặc thế gian ngoài tai là đã giải thoát.

Chú nhìn mẹ, thấy mắt bà đã ráo lệ nhưng nỗi đau khổ vẫn cứ còn hiện rõ trên khuôn mặt nhăn nheo và xạm nắng. Chú thương mẹ lắm. Chưa bao giờ chú thấy thương mẹ như lúc này. Chú biết chú nên ở lại bên bà để phụng dưỡng, không thể bỏ đi được nữa. Việc này, chú dễ dàng chấp nhận cho dù từ bỏ cuộc sống xuất gia là một điều thật đau xót đối với chú. Tuy nhiên, nếu về nhà phụng dưỡng mẹ rồi lại lo cưới vợ để nối dõi tông đường thì chú thấy tâm lý mình chưa thích nghi để đồng ý một cách thoải mái được. Nối dõi tông đường, theo chú nghĩ, chỉ là hành động kéo dài cái giây oan nghiệt sầu não của cuộc đời ra mà thôi. Nhưng bây giờ, chú đang được khuyến khích, được yêu cầu đi vào con đường đó. Chú có cảm giác mình như một con bò bị kéo vào lò sát sinh. Cuộc đời, với những phiền toái của nhân tình thế thái,

với những tham muốn, những sân hận, si mê v.v... là một cái gì rất kinh khiếp đối với chú thì giờ này chú buộc lòng phải bước vào đó!

Chú đi quanh trong nhà mấy vòng để suy nghiệm về hoàn cảnh của mình, rồi chú lại đến ngồi bên mẹ. Người mẹ im lặng không nói gì. Bà cũng đã hết thút thít than vãn. Bà quay nhìn chú một thoáng rồi cúi mặt nhìn xuống đất. Có lẽ bà đang do dự là có nên mở lời yêu cầu con mình, một tu sĩ, trở về sống bên mình không. Bà thấy khó lòng để nói ra cái điều mong mỏi đó, dù rằng đó là nhu cầu tự nhiên. Bà đã quen nhìn con như một tu sĩ rồi, giờ này kêu gọi người tu sĩ đó hãy làm tròn bổn phận làm con, bà thấy thật khó xử. Bà cứ ngồi đó, im lặng.

Chú cũng ngồi im, chưa biết nói gì. Một chập lâu, chú mới yêu cầu mẹ đưa đi ra thăm mộ đứa em. Người mẹ vội vàng đứng dậy dẫn chú đi ngay. Bà có vẻ như tin rằng đứa con tu sĩ của mình sẽ tự nguyện quay về khi chính anh ta đòi đi thăm mộ em trai. Trước năm mồ của đứa em trai đã chết hẳn, không thể nào anh ta quên được rằng mẹ anh bây giờ chỉ còn có một mình.

Bước ra khỏi nhà, hai mẹ con thấy gần như cả xóm tụ họp lại trước nhà mình. Ai cũng trở mắt nhìn chú, như thể họ đang chờ cái kết quả, cái quyết định quan trọng từ nơi chú vậy. Hình như ai trong làng cũng đoán biết rằng cái chết của em trai chú sẽ làm thay đổi cuộc đời tu hành của chú. Mẹ chú chào mọi người. Chú chỉ cúi đầu, không nói gì, lẳng lặng đi theo mẹ ra mộ địa. Một vài người hiếu kỳ bước theo sau hai mẹ con.

Chú thấp hương cho đứa em trai nhỏ hơn mình ba tuổi — thằng em ngoan ngoan, thật thà, cần cù, siêng năng mà trong xóm ai cũng mến. Nếu người em không chết thì có lẽ chỉ trong vòng một hai năm nữa đã có thể làm cha rồi, có thể làm tròn bổn phận nối dõi rồi, đâu có cần người anh tu sĩ này phải trở về! Chú cắm nhang vào cái lọ nhỏ trước bia mộ của em thì bỗng dưng nước mắt trào ra. Khuôn mặt hiền hậu của đứa em nhập nhòa trong làn nước mắt của chú. Bà mẹ chú thì khỏi nói rồi, bà đã khóc ngay từ khi mới bước đến cổng nghĩa trang, nhắc thấy mộ con từ xa. Bây giờ thấy đứa con tu sĩ chảy nước mắt, bà càng khóc nhiều hơn. Chú nuốt nghẹn, vội vàng lau nước mắt, lúng túng che giấu, không muốn cho người khác biết.

Bà mẹ vừa khóc vừa than oán:

"Con ơi là con... Con đành bỏ mẹ ở lại một mình sao con!"

Nghe mẹ than mà như thằm nhắc chú cái thực trạng hiu quạnh của bà, chú cúi xuống đỡ mẹ dậy, nói liền để mẹ yên tâm:

"Thôi, nghiệp của em con vậy cũng không tránh được. Mẹ đừng đau buồn nữa. Lo cầu nguyện cho nó là được rồi. Không có nó thì còn có con. Con sẽ về với mẹ."

Bà mẹ ngược lên, lau nước mắt. Bà đã nghe được những lời bà mong đợi. Những lời đó đối với bà đáng ra là một lẽ tự nhiên thì bây giờ, như là đặc ân mà bà tưởng là khó có thể được hưởng. Bà níu lấy cánh tay rắn chắc của thằng con tu sĩ để đứng lên.

Chú dìu mẹ bước ra khỏi nghĩa địa. Vài người hàng xóm lẻo đẹo theo sau, chẳng biết theo làm gì, chú tự hỏi như vậy. Dọc đường về nhà, bà mẹ bỗng ngược lên hỏi lại chú lần nữa cho chắc ăn:

"Con nói con sẽ về với mẹ hở?"

"Dạ, con phải về chứ. Mẹ chỉ còn một mình."

Bà mẹ cười vui trong lòng, cho dù bà cũng vừa mất một đứa con trai cách đây không lâu. Điều mà bà cần lo nghĩ tính toán lúc này đây là làm sao để thằng con trai duy nhất còn lại của giòng họ chấp nhận sứ mệnh nối dõi tông đường (từ lúc đứa con bị rắn cắn chết, bà như giật mình thấy rằng vấn đề nối dõi của nhà chồng là điều cần kíp chứ không nên chậm trễ nữa). Chỉ cần anh ta bằng lòng thôi, chứ chuyện kiếm vợ cho anh ta thì chẳng khó khăn gì. Người con tu sĩ của bà vừa to cao, vừa đẹp trai, vừa có học, vừa hiền đức, chỉ cần thay chiếc áo ca-sa thành thường phục là trở thành thần tượng của gái trong làng cho mà xem. Thậm chí, ngay khi anh ta còn là tu sĩ mà nhiều cô còn nhìn trộm liếc lén mỗi khi anh từ trên núi về thăm nhà nữa kia. Bà nhớ tới Liên, cô gái mồ côi ở cạnh nhà, cứ qua nhà hỏi thăm chừng nào chú về hoai. Con Hoa con bà Thuận cũng chẳng vừa gì, có lúc nó đã nói với bà rằng "chú đi tu uổng quá bác à!" Dĩ nhiên bà biết con bà đẹp trai, đẹp mà thánh thiện lắm, nhưng vì anh ta tu, bà không dám nghĩ tầm bậy. Bây giờ, anh ta về rồi, anh ta tự nguyện về, bà có quyền nghĩ. Phải nghĩ, phải tính cái chuyện lấy vợ cho anh ta. Vừa đi bà vừa đo lường, cân nhắc giữa mấy đứa con gái trong làng mà bà biết. Làm sao thì làm chứ chọn dâu tương lai bà phải kỹ lưỡng. Nhất là Tuấn con bà, lâu nay đi tu chỉ biết tụng kinh niệm Phật, ăn chay nằm đất, lại ẩn cư trên núi, nào có biết cái chuyện đời ra sao. Nếu chẳng may cưới về cho anh ta người vợ dữ như chằn thì khổ cho anh cả đời. Anh ta tu nên hiền và khờ khạo biết bao! Không cưới được con vợ nhu

mì, đức hạnh thì chắc chắn anh sẽ bị ăn hiếp. Bà không an lòng chút nào. Thằng Tú em của anh ta cũng hiền khô như thầy tu, nhưng dù sao cũng có va chạm với đời, cũng hiểu được đời chút chút. Đàng này, Tuấn tuy là anh, lớn hơn thằng Tú ba tuổi, trông đạo mạo uy nghi khi khoác áo tăng sĩ, nhưng khi thay đổi thường phục thì chỉ còn là một cậu bé ngờ nghệch, vụng dại mà thôi.

Khi hai mẹ con vào nhà, chú Tuấn đóng cửa lại thì nhìn thấy mấy người hàng xóm nãy giờ đi theo hai mẹ con ra nghĩa trang, bây giờ cũng theo về đến nơi, đứng ở ngoài nhìn vào, xầm xì. Trong số những người đó, có một thiếu nữ trạc tuổi chú. Chỉ trong một thoáng nhìn thấy cô ta, chú như bắt gặp một cái gì quen thuộc nhưng lại mông lung không hiểu nổi. Thiếu nữ thấy chú nhìn ra thì e thẹn ngó lơ chỗ khác, miệng hơi mỉm cười. Chú thấy run lên, hoảng sợ. Chú từng nghe thầy dạy rất nhiều về những cám dỗ mà một tu sĩ cần phải tránh để tiến tu trong sự nghiệp giải thoát giác ngộ, trong đó tiền tài và sắc đẹp đứng hàng đầu. Nhưng đối với vấn đề tiền tài, những người xuất gia không mấy hãi sợ. Hoàn cảnh của họ ở chùa, ở vùng quê hẻo lánh, ở rừng sâu hay núi cao, vấn đề tiền tài không phải là đối tượng nguy hiểm. Nguy hiểm nhất cho mọi hoàn cảnh vẫn là nữ sắc mà thôi. Chú vội đóng nhanh cánh cửa rồi cài then lại. Mặt chú ửng đỏ lên rồi lại tái mét như một kẻ vừa được thoát hiểm. Mẹ chú thấy vậy liền hỏi:

"Gì vậy? Gì mà... con giật mình hoảng sợ vậy?"

"Đâu có gì đâu mẹ," chú đáp.

Bà mẹ bước đến cửa, kéo tấm liếp nhỏ ở trên nhìn ra ngoài thì thấy những người hàng xóm vừa tan hàng, chỉ có Liên ở nhà kế bên là còn tần ngần đứng lại như chưa muốn về. Bà âm thầm ngắm nhìn cô gái mà bà vẫn thường gặp hàng ngày. Bà thấy cô ấy đẹp lạ. Hình như chính lúc này bà mới nhận ra được cái vẻ mặn mà duyên dáng của Liên. Quần áo đơn sơ xoàng xĩnh của một cô gái quê nghèo không lấp nổi cái nét sắc sảo mà nghiêm trang toát ra từ đôi mắt sáng và sóng mũi thanh cao của cô. Đôi môi hồng, nhỏ, với môi dưới hơi trề ra như nũng nịu càng làm tăng thêm vẻ quyến rũ của nàng. Bà gật gù hiểu ra được nguyên do vì sao con bà thất sắc. Và bà thầm nghĩ: "Tại sao phải tìm kiếm ở đâu cho xa! Chính cô ta là dâu tương lai của ta đây rồi."

Bà đóng nhẹ liếp cửa, quay trở lại thì thấy con mình đang ngồi nơi bàn, có vẻ dăm chiêu nghĩ ngợi chuyện gì quan trọng. Bà e dè hỏi:

"Con tính sao? Con nghĩ là con có thể trở về đây sống với mẹ được không?"

Chú Tuấn ngược lên trả lời ngay:

"Dạ được chứ mẹ, đâu có gì trở ngại đâu. Dù gì thì con vẫn là con của mẹ mà."

Nghe vậy bà cảm động lắm. Nhưng cái điều bà muốn hỏi, bà vẫn chưa biết làm sao để mở lời. Mà không nói bây giờ thì chờ lúc nào nữa. Trước sau gì cũng phải cho con mình biết hoặc ít nhất cũng có trước chút ý niệm gì về những gì mà bà mong đợi nơi anh ta. Ngung một lúc, bà nói:

"Tội nghiệp thằng Tú, và cũng tội nghiệp cho con. Nếu nó không... thì con đâu phải bỏ tu như vậy. Mẹ thấy trong lòng xót xa lắm vì không để cho con đi trọn con đường của con. Nhưng mẹ biết làm sao hơn... Giòng họ nhà mình... chỉ còn có con thôi..."

Bà nói vậy, không rõ ràng lắm, nhưng chú Tuấn cũng nhận ra được ngay cái ý chính của bà. Cái chuyện nói dối tông đường. Chú thở dài rồi nói:

"Con biết, con biết con phải gánh cái trách nhiệm mà nếu Tú còn sống nó phải gánh."

Bà mẹ lắng nghe, thích ý lắm, nhưng cũng chưa dám chắc là con mình đã hiểu mình. Bà không biết là đưa con tu sĩ khờ khạo của bà nghĩ gì về trách nhiệm của thằng Tú. Trách nhiệm đó không phải chỉ là đi kiếm củi, mang củi ra chợ bán để phụng dưỡng mẹ già mà chỗ chính yếu nhất của trách nhiệm làm con (trai) ở làng này, ở trong giòng họ nhà này là sinh đẻ con cái kia. Bà lại dợm lời nói tiếp:

"Thực ra chuyện sinh nhai độ nhật không phải là điều khó khăn cho mẹ. Mẹ có thể bắt chước cô Liên bên cạnh nhà nuôi tầm dẹt lùa cũng sống được. Cái khó là... cái mà mẹ không thể làm được, chỉ có con với thằng Tú làm được mà thôi..."

"Dạ, con biết. Tụi con là thanh niên trai tráng mà, khác với mẹ chứ!"

Bà gật gù rồi làm thinh, suy nghĩ. Anh ta nói vậy là đã biết trách nhiệm thiêng liêng của anh ta chưa nhỉ? Cái trách nhiệm đó đâu phải là chuyện mạnh khỏe, làm việc giỏi dang của trai tráng! Bà kiên nhẫn gọi ý tiếp:

"Ý mẹ muốn nói là... gia đình ta cần phải lấy lại sinh khí, làm đẹp mặt tổ tông nơi chín suối..."

"Dạ, con biết. Mẹ muốn nói đến chuyện nói dối đó mà."

Bà mẹ sáng mắt lên. Bà không ngờ đứa con tu sĩ của bà cũng tự biết được cái trách nhiệm thế tục này chứ không cần bà phải giải thích, kêu gọi dông dài. Vậy mà bà cứ tưởng anh ta khờ khạo không hay biết gì! Bây giờ anh đã tự nói ra, khỏe cho bà biết bao. Bà sung sướng nắm lấy cánh tay con, nói với giọng phấn khởi:

"Ở làng mình, người ta để tang cha mẹ ba năm mới tính đến chuyện cưới hỏi. Nhưng anh chị em thì không cần phải để tang lâu. Hơn nữa, cái chuyện nói dối đối với gia đình này là vấn đề cần kíp. Cho nên..."

Chú nghe đến đó liền cắt ngang:

"Thưa mẹ, con đã biết. Nhưng con..."

"Khỏi lo. Mẹ lo hết. Mẹ sẽ lo tới nơi tới chốn mọi chuyện. Chỉ cần con đồng ý là được rồi, đừng có lo là không có."

"Không phải, ý con muốn nói là con cần phải lên chùa lạy thầy và xin xá giới."

"Nghĩa là sao, mẹ không hiểu?"

"Con đã thệ nguyện giữ mười giới trọn đời. Nay không giữ nữa thì phải lên lạy thầy xin xá giới, tức là xin bỏ lời thệ nguyện đó, khi nào cảm thấy có thể giữ được thì xin giữ lại."

Bà mẹ tỏ vẻ ái ngại. Bà sợ con bà đến chùa, gặp thầy, gặp bạn, thấy lại cảnh chùa rồi đôi ý không chịu về nhà nữa.

"Không lên chùa xá giới được không con?"

"Thực ra chuyện thệ nguyện giữ giới thì cần có giới sư truyền trao, nhưng khi xá bỏ thì chỉ cần đứng trước bàn thờ Phật mà xin xá cũng được rồi. Tuy nhiên, con muốn nhân dịp này, trở về chùa để thăm thầy bạn luôn thể. Chỉ hoàn cảnh đặc biệt lắm thì mới tự xá giới, còn bây giờ có chùa, có thầy thì nên về chùa để xá giới."

"Có phải không xả giới thì con sẽ có mặc cảm mang tội mỗi khi làm bất cứ điều gì không đúng với giới luật, dù rằng con hoàn tục?"

"Dạ phải, thưa mẹ. Chính vì vậy luật Phật mới đặt ra vấn đề xả giới."

"Vậy con nhất quyết phải đi lên chùa?"

"Dạ, con cần phải đi. Nhưng con e ngại là để mẹ ở nhà một mình."

Bà mẹ thở dài rồi nói:

"Nếu phải vậy thì mẹ cũng không cản con làm gì. Có điều, mẹ muốn con hứa với mẹ."

"Mẹ à, mẹ sợ con đi luôn sao? ở chùa thì quét lá đũa, về nhà thì phụng dưỡng mẹ. Lúc con ở chùa, con đã một lòng siêng năng tinh tấn tu học thì nay về nhà con cũng đem cả lòng mình để làm tròn bổn phận đũa con. Làm sao con có thể bỏ mẹ mà đi luôn được!"

"Không, không phải mẹ bảo con hứa chuyện đó. Mà chỉ muốn con hứa với mẹ là dù thế nào đi nữa, con cũng không để cho giòng họ nhà này phải bị tuyệt tự."

Chú Tuấn im lặng một lúc. Chú đã biết không thể tránh cái chuyện đó được nhưng giờ này nghe mẹ nói chú vẫn cứ nghe trong lòng như đau nhói và hãi sợ. Chú cúi mặt xuống một lúc rồi ngẩng lên ngay:

"Con hứa với mẹ. Đó là bổn phận mà con, đũa con trai duy nhất của giòng họ phải gánh lấy. Xin mẹ yên tâm."

"Vậy thì tốt rồi. Con có thể lên đường ngày mai. Mẹ ở nhà không sao đâu. Có cô Liên bên cạnh nhà cũng thường qua lại giúp đỡ mẹ. Những ngày tháng Tú mới chết, con chưa xuống núi, cô ấy chăm sóc mẹ đó."

"Vậy hả mẹ. Nếu có người giúp đỡ, chăm sóc mẹ thì con đỡ lo."

"Cô ấy mồ côi cha mẹ, ở sát bên cạnh nhà mình. Tánh tình cô ấy hiền dịu mà lại đảm đang việc nhà nên mẹ thích cô ấy lắm. Để chiều nay mẹ gọi cô ấy qua chơi giới thiệu cho con biết trước khi con lên đường."

"Thôi, khỏi cần mẹ ạ."

"Đừng có sợ mà, trước sau gì cô ấy và con cũng thành vợ thành chồng mà. Biết trước cũng là hay hơn chứ."

"Cái gì? Mẹ đã chọn cô ấy cho con rồi sao? Con đâu biết cô ấy là ai, mặt mũi thế nào đâu!"

"Bởi vậy mới nói là để gọi cô ấy qua cho con biết mặt," bà vừa nói vừa cười sung sướng như thể chuyện thành thân của con bà và Liên đã là chuyện ăn chắc rồi vậy.

Mà bà tin như vậy cũng phải. Liên có cảm tình với con bà ngay từ khi anh ta còn tu, nay biết anh ta hoàn tục, cô ta hẳn là phải thích ý rồi. Ngoài ra, nàng còn cảm thấy vinh dự khi được sánh duyên với chú rể là một người tu có đạo đức nổi danh trong làng ai cũng biết. Bà mở lời thì nàng sẽ nhận lời ngay, làm sao mà từ chối cho cam. Bà tính là trong vòng chiều hay tối nay bà sẽ gợi ý trước với Liên. Sau khi con bà từ chùa về, sẽ tiến đến việc tổ chức đám cưới. Chuyện hãy còn trong dự tính mà đã vui mừng khắp khởi, đến độ hầu như quên luôn cái chết đau thương của đứa con trai khác của mình cách đây chưa đầy một tháng.

Chú Tuấn cũng vậy, chú đã không khỏi nghe một nỗi xao xuyến lạ kỳ đọng đưa trong tâm hồn mình. Chú không ngờ lâu nay tĩnh tu trên núi cao, cắt đứt những tham luyến thường tình của thế gian, vậy mà nghe mẹ khen ngợi một thiếu nữ và nói rằng sẽ cưới nàng về làm vợ mình, lòng chú đã thấy rung động, băng khuâng khôn tả được. Chú như nhìn thấy được những chồi non của ái dục cùng một lúc trỗi dậy, vươn lên khỏi mặt đất phẳng lặng của tâm mình. Chú không hiểu sao chú lại có thể bị đánh bại một cách dễ dàng trước dục vọng, đối thủ hàng đầu của người xuất gia học đạo.

Chú đang băn khoăn với những rạo rục, những đổi thay rõ rệt của lòng mình thì nghe có tiếng gõ cửa. Chú giật mình đứng dậy, nhưng mẹ chú đã xua tay, nói:

"Con cứ ngồi đi, để mẹ ra mở cửa xem thử ai."

Khi mẹ chú đến nơi cửa, lòng chú bỗng hồi hộp, run bắn lên, như thể bà đang mở ra cho chú cánh cửa của một kho tàng bí mật. Chú bỗng linh cảm rằng người gõ cửa sẽ là thiếu nữ mà mẹ thường nhắc đến tên, và thiếu nữ đó sẽ là thiếu nữ mà chính chú đã bắt gặp lúc nãy khi chú đóng cửa. Chú nhìn theo mẹ, dán mắt vào cánh cửa, chờ đợi.

Quả nhiên, khi mẹ chú mở cửa ra thì Liên đang đứng đợi, hai tay nàng bung một cái khay nhỏ thức ăn. Nàng đúng là người thiếu nữ mà chú đã nhìn thấy khi nãy. Nàng nói với mẹ chú những lời nhỏ nhẹ mà chú ngỡ như là mình vừa lạc vào một cõi trời nào đó và nghe được lần đầu âm thanh nhẹ nhàng thánh thót của tiên nữ trên ấy.

"Thưa bác, con đem qua chút ít thức ăn để bác và chú... dùng. Con biết bác và chú đang còn bối rối chuyện của em Tú nên chưa chuẩn bị được thức ăn thức uống trong nhà..."

"Ôi chao Liên à... con thật tốt bụng. Thật là phiền con quá. Bác có thể tự lo được mà. Thôi được, con đã có lòng mang qua, bác không dám từ chối. Cám ơn con. À này, sẵn đây bác giới thiệu con cho... Tuấn biết."

Nói rồi bà đón lấy khay thức ăn đặt lên bàn, kéo tay Liên bước vào trong nhà. Liên hơi níu lại, nhưng rồi cũng bước theo bà đến chỗ chú Tuấn đang ngồi.

"Tuấn con, đây là cô Liên mà mẹ nói với con lúc nãy đây. Liên thì biết con rồi, mẹ khỏi phải giới thiệu."

"Chào... chú."

Chú Tuấn ngượng ngập đứng dậy, mặt chú đỏ bừng lên, lúng búng nói:

"Chào... cô."

Bà mẹ cười tủm tỉm trước cảnh lần đầu tao ngộ của đôi trẻ. Rồi bà dắt tay đưa Liên đến bàn định mời nàng ngồi chơi nhưng Liên không ngồi, nàng tự nhiên đi xuống bếp lau chén đĩa mang lên. Chú đứng chết trân nhìn theo dáng đi khoan thai uyển chuyển của nàng. Có một mùi thơm nhẹ thoang thoang mà chú nghĩ là do nàng mang đến, làm ngây ngất tâm hồn chú. Trong phút chốc, chú thấy công phu học đạo của mình tan tành theo mây khói. Cuộc đời trước mặt chú, trước kia là một bể khổ mênh mông đầy sóng thì nay được phơi bày như một bức tranh nên thơ, tuyệt đẹp, không có bút mực nào tả xiết. Chú thấy trong lòng dâng lên một niềm rung động lâng lâng, nhẹ nhàng. Chú mỉm cười. Chú đón nhận cuộc đời một cách dễ dàng không thể tưởng.

Mẹ chú bắt được tia nhìn say đắm của con mình. Bà thầm cảm ơn Trời Phật đã không ngăn cản mà còn khuyến khích con bà đáp ứng kỳ vọng của bà một cách không khó khăn, vướng mắc gì.

Liên sắp đặt mâm cơm với hai đôi đũa, hai cái chén trên bàn rồi nói:

"Mời bác với... dùng cơm," rồi cô nói nhỏ với mẹ chú rằng "con nghĩ chú ăn chay lâu năm rồi, bây giờ chú có về luôn không tu nữa thì cũng phải cần một thời gian mới ngã mặ được."

"Bác biết chuyện đó. Mà con cũng tinh ý nữa. Con thật trẻ mà chu đáo mọi bề. Nay, con cũng ngồi ăn miếng cơm với mẹ con bác chứ. Sao chỉ lấy có hai chén hai đũa thôi?" Nói rồi, bà vội vã xuống bếp lấy thêm một chén và một đôi đũa nữa.

Trong lúc đó, Liên bới cơm vào chén. Xong nàng quay qua, thấy chú Tuấn vẫn còn đứng gần cuối phòng, mắt đăm đăm nhìn mình.

"Mời... chú."

Chú lúng túng, không biết nói gì.

"Lại ăn đi con, đừng để cô ấy nhọc lòng mời mãi," mang chén đũa từ bếp lên, bà mẹ chú vừa nói.

Chú theo mẹ bước đến bàn ăn. Liên định rút lui để hai mẹ con tự nhiên, nhưng thấy mẹ chú mang chén lên nên cũng chần chừ chưa quyết định. Mẹ chú nắm tay nàng giữ lại, bảo ngồi xuống chiếc ghế trống bên cạnh bà. Chú Tuấn vẫn dán mắt nhìn nàng. Chú thấy nàng đẹp quá, không giống như những mô tả về nữ giới trong kinh điển mà chú từng đọc thấy. Không những từ thể chất qua làn da trắng hồng thơm tho của nàng mà ngay cả đến tinh thần của nàng nữa, chú như nhìn thấy, cảm thấy được cái vẻ trong suốt sáng ngần như pha lê hay như giọt nước cam lồ trong vắt từ bình tịnh thủy của đức Quán Thế Âm Bồ Tát. Chú không thấy gì là bất tịnh, là ô uế, là tạp nhiễm, là cấu bẩn... nơi con người nàng cả. Ngược lại, chú thấy nàng là hiện thân của những gì cao đẹp, thánh thiện, trong sạch nhất của cuộc đời.

Mẹ chú đã dự tính là sẽ nói chuyện, gợi ý riêng với Liên rằng bà muốn cưới nàng cho chú Tuấn. Nhưng bỗng dưng, trước sự đăm say say đắm nhau thấy rõ giữa đôi trẻ, bà thấy không cần phải úp mở gì nữa. Bà muốn nói ngay những gì bà mong ước, ngay bây giờ, chứ không còn dịp nào tốt hơn, vì

ngày mai con bà sẽ phải lên đường về chùa để xin xả giới. Một hứa hẹn tuy chưa có sự chính thức thừa nhận của làng xã xóm giềng bằng một lễ cưới nhưng cũng tạo đủ sức mạnh để lôi kéo đứa con trai cưng của bà quay trở lại cái tổ ấm này.

Nghĩ vậy rồi, tay phải cầm tay Liên, tay trái cầm tay chú Tuấn, bà nói:

"Sáng sớm ngày mai Tuấn lên đường rồi," (bà nói ngang đây thì Liên sững sốt trở mắt nhìn bà rồi quay sang nhìn Tuấn), "mẹ muốn trước khi Tuấn đi, hai con ngay trước mặt mẹ, hãy hứa với nhau một điều là sẽ trở thành vợ chồng của nhau, chung sống với nhau tới ngày răng long tóc bạc. Mẹ thấy hai con rất xứng với nhau, không thể chọn lựa được người nào khác hơn nữa. Thương mẹ, hai con hãy nói cho chính tai mẹ nghe lời hứa của hai con. Nào, Tuấn, con là trai, con hãy nói trước. Nói đi, hứa đi. Con có muốn cưới Liên làm vợ không?"

Mặt chú Tuấn đỏ bừng bừng lên. Chú không ngờ mẹ lại đặt mình vào một tình thế gay cấn như vậy. Dĩ nhiên là chú bằng lòng rồi, nhưng ai lại đi hỏi thẳng thừng trước mặt nàng, làm sao mở miệng được. Chú lúng túng, chẳng biết làm sao. Liên cũng e thẹn cúi mặt xuống như muốn lần trốn, dù rằng trong lòng nàng thật sung sướng.

Mẹ chú nhắc lại:

"Tuấn, con không thương mẹ sao? Con đã nói là con sẽ không từ chối chuyện đó mà. Hứa với mẹ đi nào."

Ngập ngừng một chốc chú mới nói:

"Đâu có biết ý của... ra sao?"

Bà mẹ liền quay qua Liên. Nàng đang bẽn lẽn vịn về góc áo bà ba của mình.

"Liên con, Tuấn muốn biết ý của con rồi mới dám hứa. Vậy con nghĩ sao? Con có đồng ý là sẽ làm vợ của Tuấn không?"

Liên thẹn thùng, nhưng cũng biết đây là cơ hội tốt của nàng và Tuấn, nàng mạnh dạn nói:

"Con muốn biết là... đi đâu sáng mai cái đã."

"À, lên chùa xin xả giới. Tuấn sẽ đi trong ba ngày thôi, sẽ quay lại và chúng ta sẽ tiến hành việc tổ chức đám cưới. Bác muốn biết trước ý của con và Tuấn hôm nay trước khi Tuấn lên đường."

"Dạ... nếu chú đi rồi quay trở lại thì... thì con xin hứa."

"Thấy chưa, Tuấn. Liên đã thuận hứa rồi đó. Con sao, con có đồng ý cưới Liên làm vợ không?"

"Dạ... con hứa."

Bà mẹ nắm tay đôi trẻ đặt vào nhau. Hai cánh tay hơi rút lại lúc đầu nhưng rồi cũng đi theo chiều kéo của bà mẹ, tìm đến nhau. Hai bàn tay nắm lấy nhau một lúc bỗng vỡ. Chú Tuấn nghe như có luồng điện chạy rần rần vào tim mình. Chú nhìn thẳng vào mắt Liên, không e dè nữa. Liên cũng mạnh dạn, ngược nhìn chú, rồi chớp chớp đôi mắt. Hai bàn tay im lặng. Hai trái tim lên tiếng rộn rã. Bà mẹ nói:

"Hai con đã hứa trước mặt mẹ rồi. Vậy kể từ hôm nay, duyên vợ chồng coi như đã thành. Mẹ vui mừng đón nhận Liên vào gia tộc này."

Nói đến đó, bà mẹ thả tay đôi trẻ ra. Liên định rút tay về nhưng thấy tay Tuấn cứ nắm chặt lấy tay mình nên cứ để yên như vậy, chờ đợi. Thấy mẹ tủm tỉm cười, chú giật mình buông vội tay Liên ra, rút về. Chú và Liên nhìn nhau, cảm thấy mình đã là sở hữu của nhau rồi.

Sau bữa ăn, Liên trở về nhà nàng và lo chuẩn bị chút thức ăn để làm hành trang cho người chồng tương lai của mình lên đường vào sáng sớm ngày mai. Lòng nàng vui rộn rã, nàng thức luôn cả năm canh để mơ mộng, suy tưởng về cuộc sống chung đang cận kề của nàng và chú Tuấn, một chàng trai hiền lành, đẹp trai, đạo đức mà nàng hằng ôm ấp hình bóng từ mấy năm nay.

Chú Tuấn cũng không ngủ được. Buổi tối ngồi tham thiền, quán tưởng, chú chỉ thấy hình bóng Liên với môi cười tươi như một đóa hoa, với mắt sáng long lanh và hiền như mắt nai, với bàn tay mềm mại, với làn tóc óng ả, với giọng nói thanh tao dễ mến... Hình ảnh nàng chiếm đoạt cả tâm tư chú trong suốt những giờ ngồi thiền. Chú mong cho đến sáng để được nhìn lại nàng lần nữa trước khi lên đường.

*

Chùa vắng tanh như chùa hoang. Lâu lắm chú mới về thăm lại chùa nên thấy cảnh chùa có vẻ khác lạ. Tuy nhiên, những kỷ niệm xa xưa cũng trở dậy, làm chú thoáng thấy buồn trong lòng. Chú bước nhanh hơn về phía phương trượng để bái kiến thầy và cũng để đánh tan đi những lưu luyến mà chú nghĩ là vô ích vừa mới dâng lên trong lòng.

Thầy đang ngồi tĩnh tọa trên bồ đoàn, thấy chú bước vào, gật gù hỏi:

"Thiền sư xuống núi có duyên sự gì lớn lao lắm hả?"

Chú Tuấn ngượng ngập một lúc, sụp lạy ba lạy rồi quỳ thưa:

"Bạch thầy, gia đình con chỉ còn mẹ già và một đứa em trai. Tháng rồi em con bị rắn độc cắn chết khi đang đi đốn củi, mẹ con yêu cầu con hoàn tục để lo việc nối dõi tông đường."

"Đau xót thay cho con! Vậy, con tính xin xả giới hôm nay, phải không?"

"Bạch thầy, phải. Con xin thầy cho con xả giới."

"Thầy làm chứng cho rồi, giới đã xả, con yên tâm lo về phụng dưỡng mẹ già và lo việc gia tộc."

Chú Tuấn lại lạy thầy ba lạy, nước mắt chú rơi xuống đất. Ngày đầu tiên lạy thầy để xuất gia, chú đâu có khóc như vậy.

"Đừng khóc con ạ. Con hẳn biết nghiệp quả của mỗi người là cái do chính người ấy tự tạo và tự lãnh thọ. Không có gì rơi ngoài vòng nhân quả. Con hãy về ngay bây giờ đi. Ta không muốn con ở lại chùa đêm nay."

"Bạch thầy, vì sao? Con muốn ở lại một đêm cuối cùng bên thầy để được chỉ giáo trước khi quay về với thế tục. Xin thầy cho phép."

"Không. Ta không cho phép. Ta muốn con về ngay lập tức, không nên nấn ná."

Biết thầy đã dứt khoát, chú đành lạy dài rồi thưa:

"Dạ, bạch thầy con về," chú lại sa nước mắt. Bước đến cửa, chú sực nhớ điều gì đó, liền đứng lại, hỏi thầy:

"Bạch thầy, tại sao con tu tập thiền định đã gần bảy năm rồi mà cho đến bây giờ con vẫn chưa thoát ly được ái dục?"

Vị thầy không trả lời câu hỏi, chỉ nghiêm sắc mặt nói rằng:

"Về đi!"

Chú quày quả lui ra, rời chùa lập tức. Chú cúi thấp bước đi, lòng cứ thắc mắc sao thầy lại xua mình về sớm.

Chú đi suốt đêm không dừng nghỉ, một phần vì mong gặp lại mẹ già và người vợ sắp cưới, một phần vì nghi ngại là trong sự xua đuổi của thầy có lý do gì liên quan đến mẹ mình ở nhà.

Ngày hôm sau chú đã về đến đầu làng. Từ xa, chú thấy khói đen mịt mù trong khắp xóm làng. Chú kinh hãi, thầm nghĩ: "Chắc có tai biến gì cho làng rồi!" Nghĩ vậy, chú vọt chạy nhanh vào làng. Hai bên đường, chú thấy nhà cửa xác xơ tiêu điều. Có nhiều tiếng than khóc, nghe rất sầu thảm. Chú vừa chạy vừa hồi hộp lo sợ cho mẹ già và Liên. Chú tính dừng chân hỏi thăm những người than khóc, nhưng đôi chân chú không chịu dừng, nó như muốn kéo chú đi thật nhanh về nhà mình.

"Mẹ! Mẹ ơi!" chú vừa hét lên vừa xông vào căn nhà cháy rụi của mẹ. Chú tìm không thấy mẹ đâu cả. Chú hốt hoảng chạy ra khỏi nhà, tìm qua nhà của Liên bên cạnh. Nhà Liên gần bên nhưng cũng cách một bờ rào và khoảng vườn giữa hai nhà nên khuất sau những tàng cây. Vào đến sân nhà của nàng, chú mới biết là nhà nàng cũng bị đốt cháy như nhà mình. Chú tính xô cửa vào nhà nàng thì sực nhìn thấy mẹ mình đang nằm dưới đất, mặt mày lem luốc cháy nám. Một cây cột ngã xuống đè ngang ngực bà. Chú vội đỡ cây cột lên, lay gọi mẹ. Mẹ chú sắp tắt thở rồi. Vội hơi thở thì thào, bà nói:

"Cướp bóc... hãm hiếp... cả làng bị tai họa. Liên... Liên bị... nên nó tự tử rồi. Nó... chết rồi, trời ơi! Con dâu của mẹ. Con ơi! Sao gia đình ta tan nát thế này... hờ con?... (nghẹn ngào một lúc, bà tiếp) À, mẹ nghĩ ra rồi, mẹ hiểu rồi... ôi, tất cả đều như thế. Con à, con đã hứa là không để giòng họ bị tuyệt tự... phải không? Nhưng hôm nay, mẹ xả bỏ lời hứa cho con, mẹ không buộc con phải giữ lời hứa đó. Tất cả chỉ là những trò bầy vẽ của thế gian... Con là người xuất gia, con đã chọn đúng đường đi của mình. Con không cần phải quay về để làm những chuyện của thế tục... Hơn nữa, con và Liên đã hứa trước mặt mẹ là trở thành vợ chồng của nhau. Tuy hai con chưa thực sự chung sống nhưng nghĩa vợ chồng và lời kết ước thề nguyện của hai con

chẳng phải phút chốc mà quên, mà xóa đi được. Do đó, mẹ yêu cầu con hãy quay trở về chùa với thầy con. Về mặt thế tục, đó cũng là cách tỏ tấm lòng thủy chung của con đối với nàng; về mặt tu hành, cũng là sự lựa chọn tốt đẹp cho đời con. Mẹ yên tâm nhắm mắt nếu con trở lại với thầy tổ chứ không muốn con dần bước trở lại với dòng đời hỗn mang này để làm cái chuyện nói dối tầm phào. Thế gian này chẳng có gì tồn tại lâu dài... không có gì đáng để luyến tiếc, vậy thì nói dối đâu có nghĩa gì, con thấy không?"

Chú chỉ ôm mẹ mà lắng nghe, nghẹn ngào không nói được một lời. Đau khổ tột cùng. Chú chưa bao giờ cảm nhận được một nỗi đau khổ to lớn đến mức độ này. Chú ngồi với mẹ mà khóc rưng rức. Nhìn thi thể mẹ, nghe giọng nói thì thào của mẹ, chú biết mẹ sẽ chẳng còn sống bao lâu. Chú chia sẻ niềm đau với mẹ bằng sự im lặng và vòng tay của chú để tiễn đưa bà đi về thế giới khác. Một lúc lâu, chú mới thức tỉnh rằng chú nên niệm Phật lớn tiếng để cầu nguyện cho mẹ. Mẹ chú chớp chớp mắt nhìn, không nói, đưa tay chỉ vào nhà trong. Chú biết bà muốn nói gì. Có lẽ thi thể của Liên ở trong đó. Mẹ chú muốn chú đem xác nàng ra để bên cạnh bà để chú ngồi niệm Phật cho cả hai người. Chú tạm rời mẹ, mở cửa ra nhìn vào. Liên treo cổ chết trên cây đà ngang duy nhất còn lại trong căn nhà cháy rụi. Xác nàng thâm đen, treo lủng lẳng, đôi mắt sáng đẹp và hiền như nai của nàng trợn trừng lên; lưỡi nàng lè ra, tím ngắt; đôi môi tươi hồng của nàng cũng đã biến thành bầm xanh. Chú đau xót gỡ nàng xuống. Ấm nàng ra ngoài, đặt bên cạnh mẹ. Mẹ chú đưa tay qua, cầm lấy tay Liên, ứa nước mắt. Rồi bà nói với chú:

"Không cần phải nói dối tông đường. Đừng phụ tình của Liên. Hãy chôn mẹ và nàng bên nhau, cạnh mộ của Tú."

Đó là những lời cuối cùng của bà.

*

Tuần chôn cất mẹ và Liên trong khu đất nghĩa trang, gần mộ của Tú. Nhiều người trong làng cũng lo chôn cất người thân của họ. Không ai màng để ý đến chú.

Chôn cất mẹ và Liên xong rồi, chú cứ quanh quẩn bên mộ của cả ba người để niệm Phật cầu nguyện và thiền quán, chẳng muốn rời đi. Suốt cả tuần lễ như vậy mà chú vẫn không ăn không ngủ được. Cho đến đêm thứ tám, chú mới mệt mỏi ngủ thiếp đi. Trong giấc mơ, chú thấy mình đang chèo một chiếc thuyền bé tí trên giòng sông cuộn cuộn sóng. Mẹ, Tú và Liên đều từ nơi bờ xa vẫy tay với chú. Nhưng ba cách vẫy mang ba ý nghĩa khác nhau.

Tú vẫy tay như giã từ chú; Liên vẫy tay như kêu gọi chú đến với nàng; còn mẹ chú thì như xua tay bảo chú đừng tấp vào bờ. Đang phân vân với ba cách vẫy tay của ba người thì chiếc thuyền con của chú đụng phải đá ngầm, vỡ toang. Chú kinh hãi thức giấc.

Mặt trời đã lên cao. Chú dụi mắt một lúc mới tỉnh trí để nhận biết chú đang ở đâu. Chú tiếp tục ngồi thiền nhưng hình ảnh ba người thân cứ lớn vờn trong tâm chú. Cuối cùng, chú sực nhớ tới thầy. Phải, thầy có linh giác để đoán biết một sự việc bất tường xảy ra cho gia đình chú. Thầy bảo chú về gấp là để nghe những lời cuối cùng của mẹ. Chú ôn lại lời mẹ dặn. "Con là người xuất gia, con đã chọn đúng đường đi của mình." Chú vội vàng đứng dậy. Lạy mộ mẹ ba lạy, từ giã Tú và Liên với giây phút ngậm ngùi rồi lên đường.

*

Tuần bước vào phương trượng, thấy thầy vẫn ngồi trên bồ đoàn. Không nói một lời, chú sụp lạy thầy. Nước mắt chú rơi xuống nền đất. Lạy xong ba lạy, chú quỳ thưa:

"Bạch thầy, sao con tu tập thiền quán đã gần bảy năm rồi mà vẫn chưa thoát được những đau khổ thường tình của thế nhân?"

"Hãy ra ngoài mà quét sân đi," thầy chỉ nói với chú như vậy.

Chú lại lạy thầy ba lạy rồi lui ra. Vừa đi, chú vừa suy gẫm lời thầy. Có lẽ thầy muốn nói rằng quét sân chưa sạch thì đừng toan tính đến chuyện vào rừng lên non để làm chàng ẩn sĩ.

Chú bước ra sân. Lá hầy còn rụng đầy mà chưa ai quét. Chú nhớ có lần thầy dạy chú rằng hãy xem lá đa rụng ở vườn chùa như là những phiền não tham lam, sân hận, si mê nơi chính vườn tâm mình. Quét lá và rác rưởi cũng chính là quét đi những cấu bẩn của tự tâm: không để cho bất cứ một ngọn lá hay một cọng rác nhỏ nào sót lại thì mới tạo ra được một khu vườn sạch đẹp.

Có một cây chổi nằm tro dưới đất, bị lá đa phủ lấp đi một nửa. Chú đến nhặt lấy cây chổi, cầm trên tay một lúc để nhớ lại bài nguyện nói về quét sân chùa mà lâu lắm rồi vì không quét sân nên chú không đọc tới. Chú vẫn chưa quên bài nguyện.

Gió thổi qua vườn chùa làm rụng thêm nhiều chiếc lá vàng khô. Chú nhìn cái sân ngập lá mà vẫn thấy tâm mình thanh thản, nhẹ nhàng như được trở lại cái thời thơ ấu mới xuất gia năm xưa. Chú bắt đầu quét lá.

---o0o---

Pháp Sư Tí Hon

ở chùa đôi khi cũng có người đi tu vì hoàn cảnh cưỡng ép. Có kẻ đi tu vì nhà quá nghèo không đủ cơm gạo ăn; có kẻ đi tu vì mồ côi cha mẹ; có kẻ đi tu vì bị gia đình bạc đãi; có kẻ đi tu vì thất tình; có kẻ đi tu để trốn quân dịch; có kẻ đi tu vì chán ngán cõi đời phiền lụy, muốn tìm chỗ yên tĩnh để trốn chạy cuộc đời. Những nguyên do đi tu như vậy đều bị coi là không chân chính. Tuy vậy, cửa chùa luôn luôn mở rộng để đón nhận tất cả những con người đau khổ, dù họ đến với mục đích chân chính hay không chân chính. Trăm sông dù trong dù đục cũng không làm hao mòn gì cái lượng bao la của biển được.

Chú Hòa là một trong những kẻ đi tu vì hoàn cảnh. Hoàn cảnh của chú bị thảm lắm, cho nên khi mẹ chú đem gửi chú ở chùa, thầy trụ trì nhận lời ngay; mà chú cũng vậy, cảm thấy thích ở chùa hơn là theo mẹ đi lang thang, sống nhờ bà con hết nhà này sang nhà khác. Chú nhớ rằng nhà chú trước kia cũng to lớn rộng rãi lắm. Có sân có vườn, có nhiều cây ăn trái, có chú Hải làm vườn, có chị Tám giúp việc, bác Cần tài xế v.v... Dinh cơ đồ sộ của ba chú là một trong những ngôi nhà danh tiếng của vùng. Không biết ba chú có làm việc gì cho chính quyền không. Chú chỉ nhớ là mỗi sáng bác Cần lái chiếc xe hơi màu đen đưa ba chú đi làm ở đâu đó, chiều mới về đến nhà. Thịnh thoàng có vài ông lính, hay mấy ông cảnh sát đến nhà nói chuyện gì với ba chú mà trông họ có vẻ trọng vọng ba chú dữ lắm.

Đùng một cái, đêm đó chú bừng thức dậy, nghe nhiều tiếng sùng nổ quanh nhà. Một hồi lâu có nhiều người vào nhà chú la hét om sòm và cuối cùng, họ bắt trời ba chú lại, dẫn đi đâu không biết. Mẹ chú lăn lộn khóc dưới đất. Chú chỉ biết ngồi ôm mẹ mà khóc theo thôi. "Mẹ ơi, đừng khóc nữa mẹ." Cho đến sáng mà mẹ chú vẫn cứ ngồi thẫn thờ dưới đất nhìn chăm chăm ra đầu ngõ. Chị Tám giúp việc cho nhà chú nói rằng đêm qua người ta lấy thóc gạo, thức ăn, đồ dùng trong kho, đem đi đâu hết rồi. Lính ở đâu kéo tới nhà chú đông lắm. Rồi họ nói là sẽ đi kiếm ba chú về. Nhưng mẹ chú, và chú nữa, chờ hoài chờ hoài mà chẳng thấy ba về bao giờ. Bỗng nhiên một đêm nọ, chú bừng thức dậy thấy mẹ cũng mình chạy. Nhà cửa trong xóm sao mà

cháy dữ dội. Đạn bom ở đâu mà nổ long trời. Nhiều người cũng kéo nhau chạy như mẹ con chú vậy. Và từ đó, mẹ không công chú về nhà nữa. Và cũng từ đó, mẹ có vẻ như không còn chờ đợi ba về nữa. Mẹ nói ba đi luôn rồi. Chú không biết đi luôn là đi đâu.

Mẹ con chú lên xe xuống xe, đi đâu xa lắm. Chú đói khát cứ khóc hoài và mẹ đành đi xin cơm cho chú ăn suốt dọc đường. Mẹ đưa chú đến thành phố mà mẹ nói là có nhà bà ngoại ở đó. Nhưng bà ngoại chú dọn đi đâu rồi, mẹ không tìm được địa chỉ. Mẹ đành đi lang thang và cuối cùng mẹ đem chú gửi vào chùa.

Ngày vào chùa, chú vui vì có được mấy chú tiểu ngang lứa khác làm bạn nên quên rằng mẹ đã bỏ đi từ sáng. Đến chiều tối, sau khi ăn chú mới sực nhớ đến mẹ rồi chú ngồi khóc hu hu. Thầy trụ trì đang tụng kinh nên không ai dỗ dành chú cả. Mấy chú tiểu khác cứ ngồi trở mặt ra mà ngó chú thôi. Chú khóc nghe thảm thiết lắm. Và đây là lần đầu tiên chú khóc mà không có sự vỗ về an ủi của mẹ. Chú cảm thấy hình bóng mẹ lúc này thật cần thiết, cần thiết hơn tất cả những gì hiện có chung quanh chú. Chú thấy không cần thiết phải ở chùa như thế này. Chú muốn mẹ quay trở lại, mang chú đi, dù là đi lang thang bất định, đói khát. Càng nghĩ đến mẹ chú càng khóc rống lên. Khóc thật lâu, thật mệt rồi, chú mới chịu im và ngồi ì ra đó mà thút thít. Một chú tiểu đến cầm tay chú, nói hoài một câu dỗ dành, chẳng thêm chẳng bớt một chữ: "Nín đi, đừng khóc nữa." Dù vậy, chú cũng thấy đỡ tủi đôi chút, còn hơn là chẳng ai an ủi lời nào. Đến khi thầy tụng kinh xuống, chú bỗng đứng lại khóc to lên như trước. Thầy vào phòng giải y hậu xong là quay trở ra ngay, hỏi liền:

"Sao? Sao mà khóc trời sập đất thảm vậy, hờ con?"

Chú không nói gì, thấy có thầy lưu tâm là chú khóc nhiều hơn, nước mắt nước mũi tuôn ra không kèm lại được. Thầy xoa xoa đầu chú, dỗ dành:

"Nín đi con, mai một mẹ con sẽ trở lại mà."

Đó là câu an ủi mà chú đang chờ đợi. Chú nín khe, quẹt mũi một cái rồi hỏi thầy:

"Mẹ con nói như vậy hờ?"

"Ừ, sẽ trở lại. Con đừng có khóc mấy chú cười cho. Mấy chú đó cũng như con, đâu có ba má bên cạnh mà có khóc tiếng nào đâu. Đi tu thì phải hùng

dững lên, nhất là mình con trai nữa, chẳng nên khóc như mấy đứa con gái, nghe chưa?"

Thầy nói chưa hết câu là chú giật mình nhìn lại mấy chú tiểu kia. Chuyện đơn giản vậy mà chú không để ý, bây giờ mới thấy què què. Không nên khóc như vậy, chẳng anh hùng chút nào. Chú không thể chịu thua mấy chú tiểu kia được. Chú lấy vạt áo lau nước mắt, nín luôn. Từ đó, chú học theo các chú tiểu khác: đồng mãnh, cứng rắn, dẹp bỏ những đòi hỏi thường tình của một đứa con nít, không khóc, không thắc mắc chùng nào mẹ đến, chỉ lo học kinh, tụng kinh, quét sân, quét chánh điện v.v... làm tất cả những công việc mà những chú tiểu khác làm. Tuy vậy, trong thâm tâm, chú vẫn mong mẹ đến, không phải là để mang chú đi nữa, nhưng để chú bớt nhớ mẹ mà thôi.

*

Chú Hòa là một đứa trẻ thông minh và có thể nói là "có căn tu." Vài người Phật tử thường lui tới chùa đã nói như vậy. Sự tiến bộ rất nhanh của chú trong việc học kinh và giáo lý khiến thầy hài lòng và có khi tấm tắc khen với vài đạo hữu khác. Chú đến sau mà thuộc kinh, giỏi giáo lý hơn những chú tiểu đến trước. Do đó, chỉ trong vòng một tháng là chú đã được thầy xuống tóc cho, chừa lại một cái chỏm ở trước. Cho đến lúc chú xuống tóc để trở thành một chú tiểu, mẹ chú vẫn không thấy trở lại. Dù sao, chú cũng dần dần quen thuộc với cảnh chùa rồi. Nơi đây, chốn tu hành thanh đạm, chú cũng tìm thấy những thú vui thích hợp cùng các chú tiểu ngang lứa. Chú không thấy khổ; chỉ thỉnh thoảng thấy nhớ mẹ và trông mẹ đến thăm mình—không phải để cứu mình ra khỏi cái chốn thiền môn âm đạm buồn tẻ mà chú cảm thấy ngay lúc mới bước vào, mà để ôm mẹ, khoe với mẹ rằng mình đã cạo tóc và trở thành một chú tiểu ngoan.

Quả vậy, chú là một chú tiểu ngoan, dễ thương, học giỏi, được thầy lưu tâm và hài lòng lắm. Đặc biệt nhất là chú có thể nhớ rất kỹ những lời thầy giảng dạy cho các Phật tử vào các buổi thuyết pháp vào mùng một và ngày rằm mỗi tháng. Ký ức của chú rất tốt. Có thể nói là đầu óc chú như một cuốn băng thâu lại rất chính xác những âm thanh nào mà chú để ý. Cho nên, sau khi thầy giảng xong, chú có thể nói lại y trang những lời của thầy. Một vài Phật tử biết vậy nên lâu lâu lại nhờ chú "tụng" cho nghe lời giảng của thầy thay vì họ phải đến nhờ thầy giảng lại. Có một hôm, đi ngang phòng của các chú tiểu, thầy nghe chú nói lại những lời của mình giảng, thầy giật mình. Thầy nói khi xưa thời đức Phật còn ở đời, cũng có một đệ tử lớn của Phật

tên là A Nan có trí nhớ khủng khiếp lắm: bao nhiêu lời giảng của Phật, A Nan đều nhớ hết. Không những chỉ nhớ lời giảng, A Nan còn nhớ cả nơi chốn, thời gian, và những ai tham dự thời thuyết giảng của Phật nữa. Nhờ vậy mà sau khi đức Phật nhập Niết-bàn, giáo hội mới suy cử A Nan đọc lại tất cả những gì Phật giảng dạy trong suốt 45 năm để ghi chép thành kinh điển lưu lại cho nhân gian. Nhưng thầy cũng nói thêm, A Nan chỉ nhớ mà không thực hành cho nên mãi đến khi ngài Ca Diếp triệu tập 500 vị Thánh tăng lại để kết tập kinh điển thì A Nan vẫn chưa đủ tiêu chuẩn để tham dự. Khi A Nan bước vào hội trường, ngài Ca Diếp chặn lại, nói khích một câu: "Nếu ông có thể đi xuyên qua cánh cửa này thì cứ việc," rồi đóng cửa lại. A Nan chịu thua vì chưa chứng được quả vị A La Hán để có thể đi xuyên qua vách qua cửa. A Nan liền quày quả tìm chỗ thanh vắng để tham thiền nhập định và chỉ trong vòng nửa ngày sau, A Nan chứng được Thánh quả A La Hán, vận thân thông đi xuyên qua cửa hội trường, bước thẳng lên pháp tọa và thay mặt tăng đoàn tuyên đọc lại kinh tạng của Phật giáo.

Nghe thầy kể chuyện ngài A Nan chú cũng hiểu được rằng có lẽ thầy không có ý chê trách gì chú đâu. Thầy chỉ muốn nhắc chú là phải thực hành, phải tu theo những gì mà mình nghe được, học được. Thầy dạy gì chú cũng siêng năng thực hành, chỗ nào không hiểu chú liền thỉnh ý thầy, xin thầy giải thích. Chú đã thông minh, hiểu học lại ngoan ngoãn như vậy bảo sao thầy không thương không quý. Ngay cả các chú tiểu trong chùa, dù sức học thua kém chú thấy rõ nhưng cũng không đem lòng ganh ghét đố k là vì chú không kiêu hãnh tự cao tự đại. Chú luôn vui vẻ và hết lòng giải thích cho bạn những gì mình hiểu.

Có lần thầy đi vắng ba ngày để đi họp đại hội Phật giáo tại Sài Gòn. Các Phật tử đến chùa tụng kinh thấy vắng bóng thầy bèn mời chú Hòa lên thuyết pháp. Họ nài nỉ quá nên cuối cùng chú cũng đứng ra giảng pháp ngay tại chánh điện chùa. Chú giảng y như thầy đã giảng, một đề tài mà không ai có thể ngờ được rằng một chú bé 10 tuổi như chú có thể nhớ chứ chưa nói là hiểu đề mà "thuật" lại cho mọi người nghe. Xong buổi giảng, Phật tử vỗ tay hoan nghênh quá sức. Có người còn chụp hình, thâu băng để đem khoe lại với thầy nữa. Lúc về, thầy nghe kể lại, nửa vui nửa lo, bèn gọi riêng chú vào phòng. Đó là lần đầu tiên hai thầy trò tâm sự với nhau thân mật. Thầy xoa đầu chú hỏi:

"Lâu nay con có nhớ mẹ không?"

Chú buồn buồn đáp:

"Dạ... có."

"Có lẽ mẹ con đi tìm bà ngoại con chưa ra. Và mẹ con đang đi kiếm việc làm, dành dụm để nuôi con. Con đừng oán trách mẹ con nhé. Mẹ nào cũng thương con hết. Nhất là mẹ con, chỉ có mình con thì bà thương con vô cùng. Thầy nghĩ có lẽ bà đang bận làm việc ở đâu đó chưa có thể xin nghỉ để đến thăm con."

Chú Hòa rơm rớm nước mắt:

"Con nhớ mẹ, nhưng con học kinh, tụng kinh để khỏi nhớ. Con cũng thường cầu nguyện cho mẹ bình an để mẹ mau đến thăm con."

"Mẹ con sẽ đến mà. Con ráng học, ráng tu đi. Mẹ con biết con tu học giỏi thì bà cũng vui mừng. À, thầy hỏi thiệt con điều này nghe..."

Chú Hòa ngược mắt lên nhìn thầy, chờ đợi:

"Dạ, thỉnh thầy..."

Thầy im một lúc, rồi mới hỏi:

"Nếu mẹ con trở lại đem con về nhà ngoại thì con tính sao?"

Chú lúng túng. Mấy tháng nay, vui theo chúng bạn, nương thầy học đạo, sớm tối kinh kệ, tương chao rau dưa; thầy trò, chúng bạn, vui vầy với nhau dưới mái chùa âm cúng, chú quên khuấy đi rằng có thể có một ngày nào đó mẹ trở lại và đòi đem chú trở về với đời, tiếp tục sống cuộc sống cũ: không có tiếng chuông chùa, không có tiếng kinh kệ và những buổi ngồi thiền, niệm Phật, những buổi sáng thầy trò ra vườn nhổ cỏ, tưới cây... Sống ở chùa mới mấy tháng thôi, chú đã cảm thấy là chú không thể chọn một cuộc sống nào khác hơn, dù là cuộc sống êm đềm dưới sự chăm sóc của mẹ hiền yêu dấu. Chú thương mẹ chú lắm và chú biết mẹ rất khổ sở từ khi ba chú bị dẫn đi mất biệt. Mẹ rất cần có chú cũng như chú rất cần mẹ. Nhưng, cuộc sống ở chùa, sao mà hiền hòa dễ thương quá. Nó có một cái gì đó êm nhẹ, lặng lẽ, níu kéo chú, khiến chú không sao tưởng được rằng mình có thể bỏ chùa ra đi được nữa. Chú nói với thầy với giọng bần khoản, không dứt khoát:

"Con chưa biết con phải làm sao... Con thương mẹ con lắm..." nói đến đó thì nước mắt chú chảy dài trên hai gò má bầu bĩnh. Phải một lúc lâu chú mới nói tiếp:

"Nhưng con cũng thích ở chùa nữa. Con không muốn xa chùa, con không muốn xa thầy..."

Thầy cảm động, vỗ vai chú:

"Cái khó khăn đầu tiên của người xuất gia là rũ bỏ được tình cảm sâu đậm của gia đình. Mà rồi về sau này, suốt cuộc đời của người xuất gia cũng chỉ là một cuộc chiến đấu để thắng được những tình cảm ràng buộc của thế gian. Con khó xử là phải. Thầy thấy cửa chùa rất thích hợp với con. Nhưng nếu mẹ con cần con, con nên trở về với mẹ để vui lòng bà. Khi nào mẹ con muốn con xuất gia thì con đến tìm thầy cũng không muộn đâu."

"Phải chi mẹ con ở gần chùa... Con cứ ở chùa, lúc nào nhớ mẹ thì chạy về nhà thăm."

Thầy cười:

"Tu như vậy đâu có được. Phải dứt khoát con à. Xuất gia là chọn lựa một đời sống mới vô cùng hệ trọng cho cả đời mình. Với đời sống mới cao đẹp đó, người xuất gia cắt đứt mọi tình cảm thân thuộc để dẫn mình vào mục đích tối hậu. Không thể có được cả hai thứ, vừa nhà vừa chùa, chạy tới chạy lui thì chẳng khác gì chim chuột. Con có biết chim chuột là ý nói gì không?"

"Bạch thầy, không."

"Ở trong chùa, chữ chim chuột dùng để chỉ cho những người tu không ra tu, đời không ra đời, thứ chi cũng thích, cũng không từ bỏ; gặp khi bất lợi thì bên nào cũng chối chạy, gặp lúc tốt đẹp thì bên nào cũng muốn dự phần. Giống như con dơi, khi người ta muốn bắt những loài biết bay như chim thì nó nói nó thuộc loài chuột chứ không phải loài chim, dù nó biết bay. Nhưng khi người ta bắt chuột thì nó chối, nói rằng nó không phải giống chuột mà thuộc loài chim biết bay!"

"Dạ, con hiểu rồi."

"Cho nên, thầy muốn con suy nghĩ trước, chọn lựa trước để khi mẹ con trở lại, con sẽ biết điều gì nên làm."

Chú cúi đầu, chấp tay cảm ơn thầy rồi lui ra. Chú bước đến cửa thì thầy gọi lại.

"Dạ, thưa thầy gọi con?"

Thầy vừa nói vừa cười:

"Con thực sự muốn xuất gia luôn hả?"

"Dạ, con muốn xuất gia."

"Mẹ con chỉ gửi gắm con nơi đây cho chùa chăm sóc dùm chứ không phải cho con xuất gia."

"Nhưng con thích... con cũng đã xuống tóc rồi."

"Còn làm tiêu thì xuống tóc hay để tóc lại cũng chẳng khó khăn gì."

"Mẹ thấy con xuống tóc rồi chắc mẹ cũng không bảo con về đâu."

"Thầy hy vọng như vậy. Tuy nhiên, chỗ quan trọng là chính con có muốn xuất gia hay không."

"Bạch thầy, con muốn."

"Xuất gia khổ cực lắm, gian nan lắm. Làm chú tiêu như con bây giờ chưa thấy được những nghịch cảnh to lớn mà các thầy gặp phải đâu. Xuất gia không dễ dàng như làm chú tiêu quét lá đa, học kinh Phật là đủ. Đến khi con trưởng thành, trăm ngàn thứ chướng ngại kéo đến, quấy phá, không để cho con yên. Chỉ những kẻ quyết tâm, ý chí đồng mãnh, nguyện lực thâm sâu mới có thể vượt qua được."

"Con sẽ vượt qua."

"Giỏi lắm, có chí lớn! Hãy nhớ lời con nói với thầy hôm nay nhé. Thầy mong con sau này sẽ làm rạng rỡ cho đạo. Con muốn làm gì mai sau? Làm Phật? Làm Tổ?"

Chú chỉ cười rồi nói:

"Làm Pháp sư."

Thầy cười to:

"Pháp sư?! Tốt. Mấy hôm thầy đi vắng con đã giảng pháp cho Phật tử rồi kia mà! Được lắm, con có thể thành Pháp sư lắm, nhưng phải chịu khó nghiên cứu học hỏi nhiều nghe. Đọc nhiều chưa hẳn đã giảng thuyết hay. Phải có thực hành, và phải có năng khiếu giảng nữa."

"Con sẽ cố gắng."

*

Một hôm thầy đi họp đầu ở chùa Tinh Hội về, tập họp các chú lại bảo rằng:

"Tinh hội ta có mở một Phật học viện cấp Sơ đẳng để đào tạo các chú tiểu mới xuất gia như các con. Thầy tính gửi các con đến đó học. Nhưng các con phải qua một kỳ thi khảo hạch về kinh luật và giáo lý căn bản thì mới được nhập học. Cho nên, trong vòng ba tháng, thầy sẽ kèm các con học để mà thi vào Phật học viện. Còn bây giờ thì phải ghi danh trước để xin dự thi."

Chú Tâm nhanh nhẩu hỏi:

"Phật học viện có phải là chùa không, bạch thầy?"

Thầy từ tốn giải thích:

"Phật học viện cũng có chánh điện thờ Phật như chùa vậy thôi, nhưng đặc biệt là ở đó có mở trường đào tạo học tăng—học tăng là những người học về Phật Pháp để trở thành Tăng sĩ đó mà. Nói cho dễ hiểu thì đó là trường để dạy học cho tu sĩ. Phật học viện có nhiều bậc: Phật học viện Sơ đẳng tương đương với cấp Tiểu học phổ thông ở ngoài, Phật học viện Trung đẳng I tương đương với Trung Học Đệ nhất cấp, Phật học viện Trung đẳng II tương đương với Trung học Đệ nhị cấp và Phật học viện Cao đẳng ngang với Đại học. Lứa tuổi từ 6 đến 11 tuổi như các con thì phải học Phật học viện sơ đẳng. Các con muốn thành tu sĩ tài giỏi sau này để phục vụ cho nhân loại, cho giáo hội thì phải theo học tại các Phật học viện."

Chú Tuấn e dè hỏi:

"Nếu chúng con đi học hết thì ai ở lại chùa với thầy?"

Thầy cười:

"Chuyện học của các con là cần thiết. Các con ở mãi bên thầy thì không học được nhiều như khi theo học ở Phật học viện. ở đó, Giáo hội cử các giáo sư giỏi đến dạy cho các con. Nhiều môn học lắm. Thầy không có thì giờ và cũng không có khả năng để dạy cho các con tất cả các môn. Hiểu chưa? Ngoài ra, các con xuất gia theo thầy không có nghĩa rằng các con chỉ là đệ tử của riêng thầy, mà các con chính là đệ tử Phật, là con của giáo hội. Sau này lớn lên, các con sẽ hiểu rõ hơn vai trò của các con đối với đạo pháp cũng như đối với đất nước. Tóm lại, các con nên chuẩn bị để lên đường đi học. Nay Hòa, sao nãy giờ con im lặng vậy? Con nghĩ sao? Con thích đi học không?"

Chú Hòa cúi mặt, lặng thinh một lúc rồi hỏi:

"Phật học viện ở xa không, bạch thầy?"

"Trong tỉnh, nhưng cũng xa lắm. Khi đến đó học các con chỉ có thể về thăm thầy mỗi năm vào dịp Tết hay dịp rằm tháng bảy thôi."

Chú Hòa ngập ngừng một chốc rồi nói:

"Con rất thích đi học, nhưng con nghĩ, để mấy chú đi còn con ở lại hầu thầy."

Thầy cảm động khi nghe chú nói vậy. Nhưng thầy cũng đủ sành tâm lý để hiểu rằng chú chưa muốn đi xa khi chưa gặp lại mẹ. Thầy không đá động gì đến chuyện mẹ con chú, chỉ nói bóng gió rằng:

"Con cứ vào Phật học viện mà học. Muốn làm giảng sư, pháp sư thì cũng phải học mới thành được. ở mãi với thầy con chỉ có thể trở thành một ông thầy trụ trì mà thôi. Các con thương quý thầy thì siêng năng tu học, mỗi tháng thầy lên đó thăm các con. Nếu cha mẹ các con có muốn đi thăm, thầy sẽ hướng dẫn cho đi thăm. Sao, chú Tâm, chú Tuấn tính sao?"

Hai chú kia nhanh nhẩu đáp lời thầy:

"Dạ, chúng con muốn đi học."

Thầy nhìn chú Hòa, ôn tồn hỏi:

"Con không thích đi với hai chú ấy hả? Thôi, thầy cho con suy nghĩ lại trong vòng ba hôm rồi trả lời thầy để thầy ghi danh trước cho các con luôn một lúc."

Chú Hòa chỉ khẽ dạ một tiếng nhỏ rồi lui về phòng.

*

Cha mẹ chú Tâm và chú Tuấn được tin các chú sắp đi học xa liền lên chùa gặp thầy để tìm hiểu thêm về việc học đó. Nghe thầy giải thích, họ đều vui mừng và hãnh diện là con mình được gửi vào Phật học viện. Thầy nói:

"Được đi học như vậy là quý lắm. Hồi xưa tôi ở chùa thầy tổ dạy chi biết đó, ngoài ra đều là tự tham khảo chứ có được vào trường lớp đâu. Bây giờ Phật học viện mở ra, các chú có cơ hội, có tương lai quá mà. Tuy nhiên, phải lo học thi ngay từ bây giờ."

Nhìn cha mẹ các chú đến thăm các chú, Hòa tủi thân lặng lẽ bỏ ra ngoài vườn sau, nơi có cây bồ đề cổ thụ mười người ôm không hết. Chú ngồi dưới gốc cây, nhớ đến mẹ. Chú không hiểu sao mẹ lại bỏ chú đi lâu quá. Mẹ có gặp chuyện gì bất trắc không? Mẹ có nhớ rằng mẹ đang còn một đứa con trai nhỏ đang gởi gắm ở chùa hay không? Chú thì chú nhớ lắm, chú muốn xuất gia, muốn trở thành pháp sư về sau, nhưng bao giờ, nhất là ngay lúc này, chú cũng nhớ mẹ thật nhiều. Chú nhớ mẹ ngồi thẫn thờ suốt ngày khi ba bị người ta bắt dẫn đi. Chú nhớ mẹ hót ha hót hã cũng chú chạy giặc. Chú nhớ mẹ đi xin ăn, bị người ta xua đuổi và mẹ khóc. Chú nhớ mẹ vô cùng. Và chú khóc nức lên, tức tưởi.

Thấy vắng chú, thầy để cho cha mẹ chú Tâm và chú Tuấn tha hồ tâm sự với con của họ, rồi thầy lặng lẽ đi tìm chú Hòa. Thầy thấy ngay chú dưới gốc cây bồ đề. Thầy bước nhẹ đến, ngồi xuống bên cạnh chú, tay xoa đầu, vuốt vuốt cái chòm của chú:

"Nín đi con. Hồi xưa đức Phật ngồi dưới gốc bồ đề chứng thành đạo quả, nay con ngồi dưới gốc bồ đề mà khóc sao?"

Chú cúi mặt xuống, thút thít. Thầy nói tiếp:

"Muốn trở thành pháp sư giỏi, ngay từ bây giờ con phải lập chí lớn. Quyết tâm vượt qua những khó khăn, buồn tủi. Đồng ý là xa mẹ lâu ngày con phải nhớ mẹ rồi, nhưng đừng khóc. Mỗi khi thấy buồn nhớ, con vào điện Phật

tụng kinh, hoặc ngồi bất cứ ở đâu, niệm Phật. Nhớ chưa? Như vậy mới là con ngoan của mẹ. Như vậy mới là đệ tử giỏi của Phật chứ!"

Chú nín, không nói gì. Thầy nắm tay chú kéo dậy, dắt vào trong. Vừa đi thầy vừa nói:

"Mẹ con sắp trở lại thăm con trong nay mai thôi, đừng có lo nữa."

Chú ngược lên hỏi:

"Bạch thầy, sao thầy biết?"

Thầy cười nói:

"Thầy biết."

Quả nhiên ngày hôm sau, khi chú đang quét sân thì mẹ chú bước vào cổng chùa. Hai mẹ con nhìn nhau ngập ngừng một chốc, rồi chú ném cái chổi xuống đất chạy a đến mẹ. Chú ôm ghì lấy mẹ, gọi mẹ trong giọng nghẹn ngào:

"Mẹ ơi, mẹ ơi... con nhớ mẹ quá, mẹ ơi!"

Mẹ chú cũng ôm chặt lấy chú, không nói một lời, nhưng nước mắt bà chảy ròng ròng. Một lúc lâu, bà mới nói:

"Nín đi con. Mẹ đến với con rồi nè."

Rồi mẹ xoa đầu chú, nhìn bộ đồ vật khách màu nâu chú đang mặc, hỏi rằng:

"Ai bảo con cạo tóc đi tu vậy?"

"Con thích, mà thầy cho phép nữa."

Người mẹ im lặng, suy nghĩ.

Rồi hai mẹ con kéo nhau đến ngồi ở băng ghế đá trong vườn chùa. Chú tíu tít kể chuyện ở chùa cho mẹ nghe. Nào là thầy thương chú và thường an ủi chú. Nào là các chú Tâm chú Tuấn, bạn nào cũng mến chú. Nào là chuyện chú học kinh, tụng kinh, "thuyết pháp." Nào là chuyện ăn uống, ngủ nghỉ như thế nào. Nào là chuyện thầy xuống tóc cho chú v.v... Rồi đến cả những lần chú nhớ mẹ mà khóc. Kể huyền thuyên một hồi, chú sực nhớ lại là chưa

hỏi về chuyện của mẹ. Mẹ ngập ngừng một chốc rồi kể tóm tắt cho chú nghe rằng mẹ đi tìm bà ngoại nhưng bà ngoại dọn xuống miền Tây mà chẳng biết là ở tỉnh nào. Mẹ phải hỏi thăm hết chỗ này đến chỗ nọ, từ bà con đến láng giềng, cuối cùng mới biết được là bà ngoại dọn xuống Cần Thơ. Mẹ phải xuống đó rồi nhờ cảnh sát khắp các địa phương tìm giúp. Cuối cùng khi tìm ra được nhà bà ngoại thì bà ngoại đang nằm trên giường bệnh. Ông ngoại ghê (ba ghê của mẹ chú Hòa) chết trước đó một tháng. Ngoại buồn quá bệnh theo và nằm liệt giường, nhờ hàng xóm thương tình thay phiên chăm sóc. May có mẹ về kịp lúc để hầu hạ bà ngoại trước khi mãn đời. Bây giờ, căn nhà của ngoại, có cả vườn tược, để lại cho mẹ. Mẹ nhờ hàng xóm trông hộ rồi lên đây rước chú về sống với mẹ dưới đó. Chú nghe mẹ nói thì sùng sốt:

"Mẹ... mẹ nói là mẹ rước con đi hả mẹ?"

"Ừ, chứ sao nữa con. Mẹ chỉ có mình con thôi mà, không rước con thì rước ai!"

Chú rơm rớm nước mắt:

"Mẹ không thích con đi tu hả mẹ?"

"Hồi đó mẹ chỉ đến gửi con nhờ thầy trông coi một thời gian để mẹ đi tìm bà ngoại thôi mà. Mẹ đâu có nói là cho con đi tu đâu."

"Thầy nói con có căn tu đó mẹ, thầy còn nói sau này con sẽ thành pháp sư đó."

Bà mẹ mỉm cười, nói:

"Vì không thấy mẹ trở lại thầy nói vậy thôi chứ bây giờ mẹ đến rước con thì có ở chùa nữa đâu mà làm pháp sư."

"Nhưng con giảng hay lắm mẹ à, ai cũng khen con hết đó."

"Đó đâu phải là lý do để con bỏ mẹ đi tu. Bây giờ nhà cửa ổn định rồi, con phải theo mẹ về chứ."

Chú giẫy nẩy một chút rồi hỏi mẹ:

"Chỗ nhà bà ngoại gần đây không mẹ?"

"Xa lắm. Đi xe đò cả ngày mới tới. Chi vậy?"

"Con muốn ở chùa tu. Mẹ ở nhà, khi nào mẹ rảnh mẹ đến thăm con."

Người mẹ thở dài, buồn bã nói:

"Con hết thương mẹ rồi hả?"

"Dạ thương chứ, nhưng... con muốn đi tu, con muốn làm pháp sư giảng đạo quá mẹ à. Mẹ cho con đi tu đi."

Mẹ chú ứa nước mắt, tự nghĩ có lẽ tại lỗi mình bỏ con ở đây lâu quá. Bà thở dài:

"Con có giận mẹ không?"

"Không, mẹ. Con thương mẹ, con nhớ mẹ thôi, con không có giận mẹ."

"Vậy con đi về với mẹ nhé."

Chú chưa kịp trả lời thì mẹ bỗng đứng dậy chấp tay vái chào. Chú quay lại thấy thầy đến phía sau lưng. Thầy nở nụ cười đôn hậu nói với chú:

"Sao? Con đã thỏa lòng chưa? Con niệm Phật nhiều nên mẹ đến với con đó." Rồi thầy nói với mẹ chú:

"Mời bà vào trong phòng khách, chúng ta sẽ bàn về chuyện chú ấy."

"Dạ," mẹ chú nói nhỏ rồi nắm tay chú dắt theo thầy.

Thầy ngồi xếp bằng trên trường kỷ. Hai mẹ con chú cùng ngồi ở một chiếc ghế dựa rộng ở phía đối diện. Thầy chậm rãi rót trà mời khách xong, rồi hỏi:

"Bà đã tìm được bà thân chưa?"

"Bạch thầy, đã tìm được rồi, nhưng mẹ con cũng vừa mất."

"Vậy sao?" ngưng một lúc, thầy nói, "tôi chia buồn cùng bà và sẽ ghi tên cầu siêu cho bà cụ."

Nhìn sang chú Hòa, thầy bảo:

"Con ra ngoài chơi với hai chú Tâm, Tuấn. Để thầy bàn chuyện với mẹ con một chút."

Chú Hòa tần ngần một lúc rồi bái thầy lui ra ngoài. Tâm và Tuấn chờ chú ngoài hiên. Hai chú kia có vẻ mừng cho chú Hòa, Tâm nói:

"Vậy là má chú đến thăm chú thường xuyên, chú khỏi có buồn nữa há."

Tuấn hỏi:

"Má chú có mua gì cho chú không vậy?"

Chú chưa kịp trả lời thì Tâm nói chen vào ngay:

"Vô duyên. Hỏi chi vậy! Gặp nhau là mừng lắm rồi."

Chú Hòa lúc đó mới nhớ sực rằng mẹ mình đến đã không mang cho mình món quà gì—như là cha mẹ của hai chú kia từng làm. Có lẽ mẹ còn nghèo không có tiền mua quà cho chú, mà cũng có lẽ mẹ chỉ nghĩ đến chuyện rước chú đi về, mua quà làm gì cho nặng nhọc đoạn đường xa. Chú nói với hai bạn, giọng cảm động lắm:

"Tui sợ mẹ tui dẫn tui về, không cho tui tu ở đây nữa đó."

Nói rồi, chú ứa nước mắt, khóc thút thít nữa. Chú Tâm lại vuốt lưng, vỗ vai, nói hoài một câu như ngày đầu tiên chú Hòa khóc ở chùa vậy: "Nín đi, đừng khóc nữa!"

Trong khi đó, trong phòng khách, thầy nói với mẹ chú Hòa rằng:

"Con bà có căn tu. Chú ấy là một đứa bé thông minh, có căn khí ngay từ nhỏ. Nếu chú xuất gia thì sẽ làm rạng rỡ cho đạo mà bà cũng được hưởng nhiều phước báo. Tuy nhiên, chuyện xuất gia của chú là do bà quyết định. Theo qui chế của cửa chùa thì một đứa trẻ xuất gia phải có sự chấp thuận của phụ huynh. Nếu không có thì việc bất thành. Tôi chưa thấy có đứa bé nào thông minh đặc biệt như chú. Vì vậy tôi rất tiếc là nếu hôm nay bà đến để đem chú về lại đời. Có lẽ bà thắc mắc là tại sao tôi cạo tóc cho chú để trở thành một chú tiểu. Thực ra, chuyện tôi cạo tóc cho chú không phải là tôi muốn đặt lưởi cày trước con trâu, bắt buộc bà phải chấp nhận một chuyện đã rồi. Trong cửa chùa, hình thức của các chú tiểu chỉ là tập sự, chưa có gì chính thức, không có tính cách vĩnh viễn, bắt buộc. Do đó, chú có thể theo

bà trở về mà không có gì trở ngại trên phương diện kỷ luật hay sở nguyện của chú ấy cả. Trong đạo Phật cũng không bao giờ có tính cách bắt buộc một người phải theo hay bỏ đạo. ở chùa, chú tiểu chỉ là một chú bé tập sự hạnh xuất gia, thấy tu được thì tiếp tục, không kham được hoặc vì hoàn cảnh nào mà phải bỏ dở thì cứ việc đi về, không có gì rắc rối trở ngại hết. Bà không phải lo ngại. Điều quan trọng là bà nên chọn lựa tương lai của chú. Tôi chỉ góp ý thôi, và bà quyết định. Tôi nhắc lại như đã nói khi nãy rằng nếu xuất gia thì cả chú và bà đều được phước báo lớn. Bản thân chú sẽ là rường cột cho đạo pháp mai sau. Còn ngược lại, thì không có gì cả... Ý tôi muốn nói... không được tốt đẹp bằng để cho chú xuất gia."

Mẹ chú Hòa cảm động thưa:

"Bạch thầy, con thật đội ơn thầy đã dưỡng dục chú ấy một thời gian, giúp cho con qua cơn ngặt, và đề nghị một tương lai tốt đẹp cho chú trong nẻo đạo qua sự xét đoán của thầy. Ôn này con suốt đời không quên nổi..."

Nói đến đó thì bà quỳ sụp xuống, vừa lạy vừa khóc. Vị thầy ngăn cản:

"Đừng làm vậy. Thời buổi loạn ly này, bao gia đình tan nát, đổ vỡ. Mọi người gặp kẻ nguy khó, ngặt nghèo, ai cũng muốn đùm bọc nhau, hướng chi cửa chùa là nơi nương tựa cho mọi con người đau khổ. Việc đón nhận chú ấy hay giúp bà là bổn phận của chúng tôi thôi. Tôi chỉ muốn hỏi bà xem ý kiến của bà thế nào về việc đi hay ở của chú ấy. Bà nghĩ sao? Nếu bà chưa có thể quyết định liền được, bà có thể đem chú ấy về nhà hôm nay, rồi hai mẹ con cùng suy tính, bàn bạc và quyết định. Khi nào bà đem chú trở lại, cửa chùa cũng hoan nghênh đón nhận."

"Dạ.. bạch thầy. Giòng họ bên chồng con chỉ còn có chú ấy. Chú xuất gia mà thành được danh tăng có lợi cho đạo cho đời thì thật là phúc đức cho con, nhưng... nghĩ đến sự tuyệt tự của dòng họ nhà chồng, con thấy không được an lòng. Cho nên, con nghĩ... con chỉ còn có mỗi một cách là đem chú ấy về mà thôi."

Thầy gật gù, rồi thở dài:

"Đành vậy. Đáng tiếc, đáng tiếc. Thôi, bà hãy ra gọi chú ấy vào sửa soạn hành lý mà về."

Mẹ chú đứng dậy vái dài rồi lui ra. Chú Hòa đang đứng cùng hai bạn ngoài hiên, thấy mẹ bước ra liền quệt nước mắt, hỏi liền:

"Sao mẹ? Thầy nói sao mẹ?"

Mẹ chú nói với chút ái ngại:

"Thầy bảo mẹ quyết định."

"Vậy mẹ quyết định sao?"

Người mẹ không trả lời, quay nhìn hai chú kia rồi nhìn lại con mình. Bà chưa biết phải nói sao. Chú Hòa lại giục:

"Mẹ quyết định sao hở mẹ?"

"Con thương mẹ không?"

"Thương."

"Vậy thì mẹ ở đâu con ở đó, phải không?"

"Dạ phải... dạ... không."

"Sao lại không?"

"ở chùa cũng thương mẹ được mà."

"Con nỡ bỏ mẹ một mình ở nhà sao con?"

"Con muốn đi tu, mẹ ơi, con năn nỉ mẹ, cho con đi tu."

Nói đến đó, chú ôm lấy chân mẹ, khóc thảm thiết, lập đi lập lại một câu:

"Cho con đi tu mẹ ơi!"

Mẹ chú không cầm được nước mắt. Bà không ngờ chỉ mới hai tháng mà chú đã có thể dám quyết định xa bà để đi tu. Không hiểu ở chùa có sức cuốn hút nào mà một đứa trẻ giàu tình cảm như con bà, từng đeo níu lấy bà mà cũng đành đoạn đời ở lại, mặc cho mọi gian khổ, cực nhọc, thiếu thốn, đạm bạc, buồn tẻ của cảnh chùa. Dù sao, bà cũng phải dứt khoát mới được. Chồng bà mất tích, có thể nói là đã chết rồi. Chỉ còn đứa con trai này, phải nuôi dưỡng nó để nối dõi. Đó là bổn phận duy nhất mà bà có thể làm được để làm vui lòng tộc họ nhà chồng cũng như chính chồng bà nơi chín suối. Bà nói giọng cương quyết:

"Không, con phải về với mẹ. Mẹ chỉ có mình con thôi, con không biết điều đó sao? Mẹ không thể thiếu con được!"

Rồi bà nắm tay chú kéo đi. Chú vụt vùng ra, chạy u vào trong phòng khách, nơi thầy chú đang còn ngồi xếp bằng trên trường kỷ. Chú quỳ dưới chân thầy, khóc lóc:

"Bạch thầy, xin thầy đừng đuổi con về, xin thầy đừng để mẹ đem con về... nói mẹ con giúp con, con muốn xuất gia, con muốn làm pháp sư!"

Thầy im lặng, lắc đầu. Mẹ chú bước vào:

"Bạch thầy, con phải làm sao đây? Con không thể..."

Thầy đưa tay ra dấu cho bà đừng nói nữa, rồi thầy xoa đầu chú Hòa, nói với giọng truyền cảm:

"Chú muốn xuất gia ai cũng hoan hỷ. Nhưng bốn phận làm con, chú phải lo cho tròn trước khi đầu Phật. Phật dạy vào cái thời mà Phật không còn tại thế thì cha mẹ chính là Phật ở trong nhà vậy. Chú hãy nhớ lấy điều đó. Chuyện xuất gia của chú, thầy làm chứng cho. Dù chú không ở bên thầy, nhưng tâm luôn hướng thiện, hàng ngày ngoan ngoãn vâng lời mẹ, làm vui lòng mẹ, chăm chỉ học hành, tránh làm điều ác, làm các việc lành, trọn đạo làm con, thì thầy vẫn coi chú như là một đệ tử thân cận của thầy đó. Hơn nữa, thầy bao giờ cũng nhớ ước nguyện của con là xuất gia và trở thành pháp sư. Mấy hôm thầy đi vắng không phải con đã từng làm một pháp sư tí hon đó sao! Con giỏi lắm, nhưng con nên về với mẹ, sau này con có trở lại chùa bất cứ lúc nào thầy cũng đón nhận."

Chú im lặng lắng nghe thầy nói, nhưng sao chú vẫn không muốn đi về với mẹ dù rằng chú thương mẹ rất nhiều. Chú quay qua nhìn mẹ, đôi mắt thành khẩn, năn nỉ. Thầy đưa tay ra dấu cho mẹ chú, bảo cứ đi về. Người mẹ ngập ngừng một lúc, rồi vái chào thầy, bước lui; vừa bước lui vừa nói với chú:

"Thôi được, con thành tâm muốn xuất gia thì con ở lại hầu thầy. Bây giờ mẹ về đây. Con nhớ tu học siêng năng, đừng phụ lòng thầy và cũng không làm xấu mặt họ hàng nhà mình nghe con."

Nói rồi, bà lau nước mắt bước đi. Chú Hòa đứng dậy, ngạc nhiên. Chú không ngờ cuối cùng chú cũng được mẹ chấp thuận, một cách đơn giản, dễ

dàng, và mẹ đã bỏ chú ở lại để ra về một mình. Chú tần ngần đứng lại, ngó thầy rồi nhìn theo dáng mẹ bước ra sân chùa. Thầy ôn tồn nói:

"Chú tiến mẹ ra khỏi cổng chùa chứ sao lại đứng đó!"

Chú dạ rồi lật đật chạy theo mẹ.

"Mẹ, chờ con chút."

Mẹ chú quay lại, tưởng chú đã đổi ý theo mình về, nhưng bà vẫn nói giọng hờn dỗi:

"Thôi con vào với thầy đi, con xuất gia rồi thì đừng bịn rịn nhiều không tốt."

"Thầy bảo con tiến mẹ về."

"Tiến? Không cần. Mẹ về một mình được mà. Con không thương mẹ thì mẹ về một mình, sống một mình. Con ở lại vui với thầy với bạn đi."

Chú im lặng không nói, chỉ bước theo sau mẹ đến cổng tam quan. Mẹ chú nói mà không nhìn chú:

"Mẹ về đây. Con vào đi."

Rồi bà đi thẳng.

Chú đứng nhìn theo. Vai mẹ vẫn gầy như thuở cổng chú chạy giặc. Tóc mẹ bạc hơn, từ xa chú vẫn nhìn thấy. Mẹ đi không ngoái lại. Chú muốn mẹ ngoái lại một chút để chú vẫy tay với mẹ. Chú chờ. Mẹ không quay lui. Mẹ đi gần khuất ở cuối đường rồi mà vẫn chưa hề quay ngó lại. Chú vội kêu to lên:

"Mẹ, mẹ ơi!"

Lúc đó mẹ chú mới chịu đứng lại, quay lui, đưa một tay lên vẫy vẫy. Chú cũng đưa một tay lên vẫy, nhưng chú nghẹn ngào, chú khóc. Chú thương mẹ quá. Chú thấy tội nghiệp mẹ quá. Mẹ không còn ai bên cạnh. Ông ngoại bà ngoại đã chết, ba đã mất tích, chú đi tu thì mẹ chỉ có một mình thui thủi. Chú biết chú không thể bỏ mẹ đi về một mình được. Chú vùng chạy theo mẹ. Mẹ chú đứng ở cuối đường chờ đợi. Hai mẹ con ôm lấy nhau khóc nức nở. Rồi họ đi luôn, không quay trở lại chùa nữa.

*

Mười hai năm sau, thầy trụ trì đã già rồi. Thầy giao chùa cho chú Tâm coi sóc. Chú Tâm lúc đó cũng đã là một vị đại đức, tuy còn trẻ nhưng tài giỏi, đức hạnh, đủ khả năng quán xuyên mọi việc của chùa. Chú Tuấn cũng đã thành một vị trụ trì ở một ngôi chùa khác. Thầy trụ trì tĩnh tu trong tịnh thất, ít tiếp xúc ai.

Hôm đó, bỗng có một người lính vào chùa xin gặp thầy trụ trì. Chú Tâm ra tiếp. Người lính nói:

"Thưa thầy, tôi muốn gặp vị thầy trụ trì... lớn tuổi kia."

Chú Tâm hiểu là người lính muốn gặp thầy mình:

"Thầy đang tĩnh tu, không tiếp khách, anh có việc gì cần nhắn lại không?" chú nói.

Người lính lưỡng lự một lúc rồi trình bày:

"Thưa thầy, tôi có người bạn thân cùng đơn vị tác chiến với tôi. Đi trận, anh ấy bị thương nặng được đưa vào quân y viện. Khi tôi về thăm thì anh đang hấp hối. Trước khi chết, anh chỉ xin tôi giúp anh một ước nguyện là mang khung ảnh của anh ấy đến đây, xin thầy cho thờ ở chùa này. Anh ấy... nói anh nhớ chùa lắm, nhớ thầy và nhớ bạn lắm..."

Người lính nói đến đó thì xúc động, ngồi im một lúc rồi lôi trong cái bao giấy lớn ra một khuôn ảnh lồng kiếng, trao cho chú Tâm. Chú Tâm nhìn người lính trong ảnh, thấy nét mặt quen quen. Chú hỏi người lính:

"Anh thân với người này lắm hả? Anh ấy tên gì vậy?"

"Dạ tên Nguyễn Đức Hòa."

Chú Tâm nín thở, nén xúc động. Rồi chú ôm khung ảnh vào lòng.

Người lính bối rối. Chú Tâm thở dài hỏi:

"Mẹ anh ấy đâu rồi?"

"Bà ta đã chết khi anh ấy còn ở ngoài trận tuyến. Thầy biết bạn tôi à?"

"Vâng, anh ấy là một chú tiểu của chùa này. Anh chờ tôi lên trình thầy tôi rõ."

Rồi chú Tâm mang khung ảnh chú Hòa lên tịnh thất của thầy. Nhìn ảnh là thầy biết ngay đó là chú Hòa năm xưa, chú bé thông minh và tình cảm, đã từng nhất quyết đòi xuất gia nhưng khi tiễn mẹ về thì chạy theo mẹ không một lần quay trở lại nữa. Thầy ngắm nghía chú Hòa trong ảnh một lúc, rồi thầy thờ dài nói:

"Thầy biết là con trở về sẽ không tốt nhưng không sao cản được. Mỗi người có một duyên nghiệp đeo bám, có khi biết mà không sao tránh khỏi. Pháp sư tí hon ơi! Thầy chờ con mà đến giờ này con mới trở lại sao!"

Chú Tâm lui ra, đặt khung ảnh của chú Hòa lên bàn thờ các vong linh. Chú Tâm đốt nhang cho bạn, thấy đôi mắt bạn trong ảnh có vẻ như muốn khóc. Hỏi nhỏ chú Hòa cũng hay khóc lắm. Đôi mắt chú lúc nào cũng ươn ướt. Bây giờ, chú là người lính chiến đã chết trận, da xám đen, răn chắc, nhưng đôi mắt chú vẫn vậy, không thay đổi: đa cảm, thông minh và trong sáng như thiên thần. Chú Tâm bùi ngùi nói:

"Nín đi, đừng khóc nữa. Pháp sư tí hon!"

---o0o---

Giấc Mơng Đầu

Cao Phong lớn lên giữa núi rừng, vui chơi với muôn chim và ngàn hoa nội cỏ mà không hề thắc mắc chi về nguồn gốc của mình—như thể chú ấy được sinh ra bởi sự giao hợp tự nhiên của khí thiêng đất trời, hay được sinh ra một cách có vẻ như ngẫu nhiên như những loài hoa dại mọc đầy trên núi cao này. Con người duy nhất mà Cao Phong biết suốt từ lúc bé thơ cho đến bây giờ—mười lăm tuổi—chính là thầy của chú.

Thầy của chú là một tu sĩ trẻ, chưa đến bốn mươi, vì muốn xa lánh tục lụy mà ẩn tu trên núi. Ông đem chú về nuôi lúc ông được hai mươi bốn tuổi và đặt cho cái tên Cao Phong (có nghĩa là ngọn núi cao) mà ông thường giải thích cho chú nghe rằng nó nói lên một khát vọng, một hoài bão vươn cao đến chân trời tự tại giải thoát. Ông là một vị thầy rất lạ, có những ý nghĩ ngộ nghĩnh. Sự kiện ông không cho Cao Phong tiếp xúc với bất cứ một con người nào khác ngoài ông cũng là một điển hình. Có lẽ ông muốn nghiên cứu chi đó về bản năng của con người. Hoặc ông đang tìm tòi thí nghiệm

một phương pháp giáo hóa đệ tử sao cho đạt được kết quả hữu hiệu nhất. Ông dạy Cao Phong học kinh kệ, học chữ nghĩa mà lại tránh tất cả những từ ngữ nào có liên hệ đến cuộc đời, đến những con người khác ở những nơi chốn khác. Kết quả là suốt mười lăm năm trường sống bên thầy, Cao Phong chỉ biết thế giới này có những cây cỏ, những loài thú hiền lành hay hung dữ và chỉ vồn vẹn hai con người cùng một giới tính, sống quây quần bên nhau giữa núi rừng bạt ngàn mênh mông này. Điều ngộ nghĩnh nhất của ông thầy là đã không cho Cao Phong biết rằng ngoài cái giống đực mà ông và chú cùng mang, thế giới hãy còn một giống phái khác nữa, một giống rất quan trọng mà nếu thiếu đi, thế giới sẽ buồn tẻ vô cùng—thậm chí sẽ không còn được coi như là một thế giới nữa! Có lẽ qua kinh nghiệm học đạo, ông đã nhìn thấy rằng, sự phủ nhận cái giống phái—mà ông cho là nguy hiểm cho đường tu—đó, là một điều cần thiết để bảo vệ Cao Phong trong thế giới hỗn nhiên trong sạch của chú.

Từ khi Cao Phong có thể tự biết lo cho mình rồi, cứ đôi ba năm vị thầy lại xuống núi một mình, về làng để thăm sư phụ mà vẫn không cho Cao Phong biết rõ về mục đích chuyến đi đó. Cao Phong lúc nào cũng bị bỏ lại trên núi. Chú ấy được giải thích rằng một chuyến đi xa rất nguy hiểm cho tuổi trẻ của chú. Lý do đó càng lúc càng mất đi về hợp lý, vì càng trưởng thành, Cao Phong càng thấy rằng nếu mình đi theo hộ tống thầy thì sẽ bớt nguy hiểm cho thầy hơn. Chuyến đi xa nguy hiểm cho người lớn tuổi hơn là cho một thiếu niên mười lăm tuổi đầy sinh lực như chú. Vì vậy, hôm nay, khi thầy lại chuẩn bị khăn gói lên đường, chú đã nằng nặc đòi đi theo. Thầy nói:

"Thầy đã bảo không được là không được. Con phải ở lại trông coi tịnh thất. Đi xa nguy hiểm và mệt nhọc lắm."

"Tịnh thất này có gì đâu mà trông coi, thưa thầy. Bao năm nay có con thú nào đến quấy phá thầy trò mình đâu! Chúng nó với mình đều là bạn bè với nhau hết mà."

"Nhưng con cũng không cần phải đi. Thầy không muốn con bị... nguy hiểm."

"Con đã lớn rồi mà thầy. Lần đi trước của thầy, con còn nhỏ xíu không theo bảo vệ thầy thì đúng rồi. Bây giờ thầy thấy không, con cao lớn khỏe mạnh như con khi đột, con phải đi theo để hầu hạ thầy chứ! Thầy để con ở lại con chẳng yên tâm chút nào."

Thầy Cao Phong năn nỉ mãi thầy cũng hơi xiêu lòng nhưng nghĩ đến cảnh chú ấy phải tiếp xúc và biết nhiều thêm về cuộc đời phía dưới, thầy cũng thấy e ngại, sợ phá hủy mất công trình giữ gìn mười lăm năm nay của mình. Thầy im lặng ngồi đắn đo cân nhắc dữ lắm. Cuối cùng thầy nghĩ rằng có thể cho chú tiếp xúc với thế gian xô bồ nhộn nhịp cũng là một cách để chú hiểu rõ mà xa lánh cuộc đời dứt khoát hơn vì mai sau khi thầy không còn nữa, biết đâu chú lại chẳng có dịp tiếp xúc với đời! Thôi thì đây cũng là một thí nghiệm. Thầy thở dài nói:

"Được rồi, thầy cho phép con cùng đi, nhưng với điều kiện là..."

"Bao nhiêu điều kiện con cũng xin hứa với thầy hết. Con chỉ muốn đi theo để hầu hạ, bảo vệ thầy thôi."

Thầy cười nói:

"Làm như thầy già lắm vậy! Có gì nguy hiểm cho thầy đâu. Sợ là sợ cho con mà thôi. Con đi theo chỉ mất công thầy bảo vệ con thì có. À, điều kiện của thầy là con chỉ bước theo chân thầy, không được nhìn qua liếc lại. Chỉ nhìn ngay ngó thẳng, ngó dưới đất, phía trước mặt, một đường mà đi. Điều kiện như vậy thôi, làm được không?"

"Dễ quá, con làm được!"

"Vậy thì đi."

Hai thầy trò khăn gói lên đường. Khi băng đèo, khi lội suối, khi qua rừng, đường đi thật cách trở, nhưng cũng chẳng có gì xảy ra có vẻ hiểm nguy đến tính mạng hai thầy trò ngoại trừ lúc nghe tiếng cộp gầm. Cao Phong hỏi:

"Có phải đó là tiếng con cộp mà hôm trước đi ngang qua suối trước tịnh thất của mình không thầy?"

"Chắc là nó. Vùng này chỉ có mỗi một con. Nếu sau này có gặp nó con phải hết sức thận trọng. Nó là con thú nguy hiểm nhất trong rừng này đó."

"Dạ con nhớ. À, thưa thầy, tại sao thầy muốn con phải nhìn dưới đất, nhìn thẳng, không ngó qua liếc lại? Con thấy điều kiện thầy đưa ra đâu có lợi gì khi đi trong rừng như vậy?"

"Bây giờ chưa tới lúc. Khi nào thầy bảo áp dụng thì áp dụng."

Đến chiều tối mà hai thầy trò vẫn chưa về được tới ngôi làng gần nhất, ngôi làng mà thỉnh thoảng thầy về thăm vị sư phụ già của thầy. Hai thầy trò nghỉ đêm trong rừng. Họ lượm củi khô đốt một đồng lửa to, dọn dẹp sạch sẽ chung quanh, trải cỏ làm đệm mà ngủ qua đêm. Sau khi tham thiền, thầy trò nằm xuống ngủ. Đường xa mỗi mệt, thầy ngủ được ngay. Nhưng Cao Phong thì cứ trần trọc mãi. Chú thấy một nỗi niềm gì đó rộn lên trong lòng. Chú không hiểu nỗi. Chú chỉ có cảm giác rằng ngày mai khi thức dậy tiếp tục cuộc hành trình, chú sẽ được thầy đưa đến một thế giới rất lạ, khác với thế giới lâu nay chú sống trên núi cao. Có lẽ thế giới đó sẽ có những mới lạ, những bất ngờ mà chú chưa hề bắt gặp. Trăn trở một lúc rồi chú cũng ngủ vùi. Trong mơ, chú mộng thấy con cọp từ bụi rậm phóng ra vồ lấy chú. Chú hét lên một tiếng, bừng giấc. Mồ hôi ướt đầm cả người. Thầy đã thức và đang ngồi thiền bên đồng lửa. Chú bẽn lễn dụi mắt một lúc rồi cũng xếp bằng ngồi thiền theo thầy.

Buổi sáng, hai thầy trò vùi mấy củ khoai dưới lửa than để lót lòng trước khi lên đường. Thầy hỏi:

"Con nằm mộng thấy điều dữ hôm qua phải không?"

"Dạ, con thấy con bị cọp vồ."

Thầy cười:

"Bởi vậy thầy nói con chẳng nên đi đường xa làm gì. ở lại tịnh thất mà yên hơn," ngưng một chập, thầy nói với tiếng thờ dài, "nhưng chỉ mới có con cọp thôi cũng chưa đủ thiếu gì! ở đời còn nhiều thứ nguy hiểm hơn cọp nữa kia."

"ở đời là ở đâu, bạch thầy?" Cao Phong ngây thơ hỏi.

Thầy lắc đầu:

"Rồi từ từ con sẽ hiểu. À, trong kinh cũng có nhiều đoạn diễn tả về nỗi khổ đau của cuộc đời, của thế gian. ở đời là ở thế gian đó. Người xuất gia là kẻ muốn vượt thoát cái khổ lụy của thế gian để an trú vĩnh viễn trong niết-bàn tịch tịnh. Con đã học điều này rồi mà."

Cao Phong ngẫm nghĩ một lúc:

"Dạ, con đã học. Nhưng con thấy đâu có lợi gì đâu. Con đang ở trong niết-bàn tịch tịnh thì con đâu cần phải vượt thoát cái thế gian khổ lụy hử thầy?"

"Ai bảo là con đang sống trong niết-bàn vậy?"

"Tự con nghĩ vậy. Tại vì con không sống ở đời, có nghĩa là con đang sống trên niết-bàn."

Thầy lắc đầu ngao ngán, nhưng chẳng biết nói sao. Thầy nghĩ bụng: "Nó nghĩ nó đang sống trong niết-bàn thì cũng là điều tốt thôi. Một thế giới hồn nhiên bình lặng như vậy thì có khác chi niết-bàn đâu! Nó không đối diện với khổ đau, không chịu đựng khổ đau, cho nên đâu có nhu cầu tìm kiếm niết-bàn. Niết-bàn chính là thế giới nó đang sống rồi đó. Thực là điên khùng khi dạy cho nó những bài học về cách diệt khổ để chúng nhập niết-bàn trong khi nó không hề biết khổ đau là gì! Và cũng thật là điên khùng khi dắt ông Phật bé con này từ niết-bàn mà về thăm cõi sinh tử! Có nên không nhỉ? Ta vẫn còn đủ thời giờ để hủy bỏ chuyến đi này. Có nên cho nó đối diện cuộc đời hay không?"

Thấy thầy có vẻ dăm chiêu suy nghĩ, Cao Phong hỏi:

"Thầy nghĩ gì vậy thầy? Con nói vậy không đúng hở thầy?"

Thầy giật mình hỏi lại:

"Con nói gì?"

"Con nói rằng con đang sống trên niết-bàn, vậy con đâu cần phải diệt khổ hay thoát ly cuộc đời. Con đâu có ở đời đâu mà thoát ly cuộc đời! Con nói vậy không đúng hở thầy?"

"À... à... cũng đúng thôi. Nhưng... con thấy sao? Con thấy niết-bàn của con như thế nào? Một thế giới an vui, siêu tuyệt, phải không? Và sau này có lạc vào một thế giới khác, con sẽ không đắm nhiễm mà luôn nhớ về thế giới niết-bàn tịch tịnh của chúng ta để quay về lập tức, phải không?"

Cao Phong không trả lời ngay, vừa bước tới vừa suy nghĩ. Từ bé thơ đến giờ, chú chỉ biết có mỗi cái thế giới núi rừng hoang sơ mà chú đang sống chứ không biết thế giới nào khác; do đó, chú chẳng có ý niệm gì về một thế giới thứ hai để so sánh với thế giới mình đang sống. Câu hỏi của thầy gợi cho chú cái ý niệm so sánh đó. Té ra ngoài "thế giới niết-bàn" hãy còn có một thế giới khác, cái thế giới mà đôi lúc vô tình, thầy đã gọi là thế gian hay cuộc đời, cái thế giới mà trong kinh nói là "ngôi nhà lửa", cần phải ra khỏi! Hình ảnh ngôi nhà lửa lập tức hiện lên, chập chờn trong trí óc chú—cái trí óc

hoang sơ như núi rừng chung quanh, chưa có những ngõ ngách phân biệt, toan tính. Chú biết nhà, chú biết lửa, chú biết thế nào là cháy và thế nào là sự nguy hiểm khi ở trong căn nhà rục lửa ấy. Nhưng tại sao lại có một thế giới đầy lửa cháy như vậy? Và tại sao cứ lâu lâu thầy lại xuống núi để đi vào thế giới rục lửa đó? Tuy thầy không nói rõ thầy đi đâu, nhưng ít ra chú cũng đoán được rằng khi thầy không ở trên niết-bàn với chú, có nghĩa là thầy đang xuống thế gian rục lửa. Và có lẽ vì sự nguy hiểm đó mà lúc nào xuống núi thầy cũng bắt chú ở lại chứ không cho theo. Chú nói:

"Một cái nhà rục lửa thì cần gì phải bước vào, hở thầy?"

"Phải, bước ra thì nên, bước vào thì đừng."

"Vậy tại sao thầy cứ phải bước vào? Và tại sao... mình không chữa cho tắt lửa đi mà để cho cháy mãi như vậy?"

Thầy bật cười, dừng bước, nói:

"Đúng, thật ra không cần thiết phải bước vào. Chỉ có thế giới của chúng ta là thế giới an lành mà thôi. Thế gian là ngôi nhà rục lửa mà không ai chữa tắt nổi. Thoát ly nó thì có. Nguy hiểm lắm! Cho nên... chúng ta nên trở về đi thôi."

Thầy kéo chú đi lui nhưng chú níu lại, chú nói:

"Con thật không hiểu sao... thầy đã biết nó nguy hiểm mà thầy vẫn cứ bước vào. Hẳn là thầy phải có chủ đích gì đó. Sao thầy không nói cho con nghe? Hơn nữa... khi này thầy hỏi con thế giới niết-bàn con đang sống như thế nào, con muốn nói cảm nghĩ của con cho thầy nghe. Khoan về đã thầy."

"Vậy thì nói đi," thầy thúc dục.

Cao Phong cùng thầy ngồi xuống trên một tảng đá ở vệ đường. Ngập ngừng như lựa lời diễn tả, một lúc sau chú mới tuôn ra hết những cảm nghĩ của mình:

"Tuy biết rằng thế gian như căn nhà rục lửa, nguy hiểm thật, nhưng sao con vẫn thấy có cái gì hấp dẫn, cuốn hút mình vào đó. Con thực tình muốn hiểu biết cái thế gian rục lửa đầy hiểm nguy mà trong kinh cũng như thầy đã từng dạy. Thầy đã bước vào thế gian rồi thầy quay trở lại thế giới niết-bàn của chúng ta một cách bình yên. Vậy tại sao thầy không cho con bước vào thử?"

Nếu nói rằng thầy có nhiều kinh nghiệm và bản lĩnh để bước vào mà không bị nguy hiểm thì sao thầy không cho con tập sự, học hỏi những kinh nghiệm bước vào thế gian của thầy? Con thấy nếu thầy dạy cho con bản lĩnh, nghị lực để bước ra bước vào giữa thế gian và niết-bàn mà không bị phỏng cháy thì hay hơn là cứ bảo vệ con sống bình yên phẳng lặng mãi trên niết-bàn."

"Sao con khờ dại quá! Ai đời đang ở nơi cõi bình yên mà lại muốn bị khuấy động lên. Đâu có cần thiết phải bước ra bước vào giữa hai thế giới. Khi biết trước thế gian là bất an thì mình tránh né đi, chứ bước vào làm gì cho khổ!"

"Vậy tại sao thầy lại bước vào? Con không hiểu thầy xuống núi để làm gì? Có cái gì ở thế gian mà cứ lâu lâu thầy lại xuống núi?"

Thầy thở dài, lắc đầu ngao ngán:

"Thôi thầy nói thực con nghe: thầy đi thăm sư phụ của thầy, tức là sư ông của con đó. Sư ông đang tu ở một ngôi chùa trong làng mà chúng ta dự định vào. Thỉnh thoảng có điều gì còn nghi vấn là thầy về lạy sư ông để cầu chỉ giáo. Đó là lý do thầy xuống núi, chứ có phải ham vui gì ở thế gian mà xuống!"

Cao Phong ngẩn người một lúc lâu, giọng hơi trách móc:

"Té ra ngoài thầy và con ra, vẫn còn có người khác nữa, không phải chỉ có hai thầy trò mình thôi sao! Chuyện như vậy đâu có gì nguy hiểm mà thầy dấu con, không cho con biết, để con cứ đinh ninh rằng cuộc sống này chỉ có chư Phật ở trên cao, có hai thầy trò ở tịnh thất và bầy thú trong rừng."

Thầy lại thở dài, hai tay ôm lấy đầu nói:

"Âu đó cũng là lỗi thầy, để cho con trở thành ngu ngơ không biết một cách trung thực về cuộc sống. Nhưng, đó là ý tốt của thầy, con không hiểu sao? Thầy thực tình không muốn con biết nhiều về cuộc đời. Cứ sống như lâu nay con sống, cứ tu tập như lâu nay con đã tu tập, một ngày nào đó, chắc chắn con sẽ đạt được đạo quả vô thượng, không phải vậy sao? Cần gì phải tiếp xúc chung đụng với thế gian. Có biết thêm về thế gian bên dưới, cũng chẳng thêm được gì lợi ích cho đường tu của con nơi đây. Chính vì vậy mà thầy bảo vệ con, không cho con xuống núi."

"Vậy, thực ra... thế gian như thế nào? Thế gian là cái gì vậy? Một căn nhà rục rữa mà sư ông lại ở trong đó sao?"

"Nói căn nhà rục rữa là dùng hình ảnh tỷ dụ vậy thôi chứ có phải là lửa cháy hừng hực như trong bếp lò của mình đâu! Thế gian cũng chỉ là... mà thôi, không cần giải thích nữa. Chúng ta đi. Bước vào thế gian rồi con sẽ hiểu nó như thế nào."

Cao Phong vui mừng bước nhanh theo thầy. Vừa đi, chú vừa nói:

"Bạch thầy, con không có ý trách thầy về cách dạy dỗ của thầy đâu. Con chỉ thắc mắc nên hỏi cho ra lẽ vậy thôi. Tại khi nãy thầy hỏi, con mới nói cảm nghĩ của con. Còn một ý nghĩ mà con quên thưa với thầy, thầy cho phép con nói không?"

"Nói đi, để bụng làm gì."

"Cái hôm mà con cộp đi ngang tịnh thất của thầy trò mình, thầy dạy con rằng con cộp đó rất hung dữ, nó sẽ vô chup, ăn tươi nuốt sống bất cứ con thú nào trong rừng mà nó gặp; nó cũng sẽ không buông tha cả thầy trò mình nếu nó gặp, phải vậy không thầy?"

"Phải, đúng như vậy."

"Cho nên thầy dặn con phải cẩn thận, nếu biết có con cộp quanh quẩn thì phải tìm cách lánh xa hoặc ẩn nấp đi."

"Tất nhiên là phải làm vậy rồi."

"Nhưng kể từ lúc thầy dặn dò như vậy, tự dung con thấy trong lòng nao nao làm sao."

"Con nói vậy là ý gì?"

"Khó nói quá, ý con là... ý con là, hình như tự lúc biết cuộc sống của mình không được bình yên nữa vì có sự đe dọa của con cộp, con cảm thấy cuộc sống có ý nghĩa hơn, hồi hộp hơn, hứng thú hơn. Con nghe tim con đập mạnh một cách lạ kỳ. Vừa lo sợ, vừa thích thú. Cho nên, đã có lúc con định nói với thầy rằng, nếu trong rừng mà không có con cộp, không có sự đe dọa của hiểm nguy, thì... riết rồi thầy cũng chán lắm thay! Cho nên mới khi nãy thầy nói rằng sư ông đang ở thế gian, tự dung con nghĩ rằng chắc sư ông muốn sống trong nguy hiểm để bớt nhàm chán đó mà!"

"Nói bậy! Lo tịnh tâm mà đi. Sắp vào làng rồi đó, nhớ điều kiện thầy dặn trước khi lên đường không?"

"Dạ nhớ, đầu hơi cúi, mắt nhìn xuống đất cách chân ba bước, không ngó tới ngó lui, không liếc nhìn hai bên, giữ tâm trong chánh niệm."

"Tốt, áp dụng bây giờ là vừa!"

*

Cao Phong không ngờ thế gian là như vậy. Ngôi làng sư ông đang sống nằm gần thị trấn nên cũng ảnh hưởng đôi chút vẻ sầm uất đông đảo của thị tứ. Cảnh tượng hiện ra trước mắt Cao Phong thứ gì cũng mới lạ, sinh động, nhộn nhịp. Cao Phong như bị choáng ngợp giữa những điều mới mẻ lần đầu tiên chứng kiến đó. Nào là sông dài lặng lẽ chảy uốn khúc với ghe thuyền qua lại tấp nập; nào là ruộng đồng bát ngát xanh tươi với những hàng lúa thẳng tắp và những người nông phu trai gái hát hò cười cợt; nào là chợ búa với hàng quán la liệt, thức ăn thức uống, đồ đạc bày biện, ngựa xe lũ lượt, người người lảng xãng lui tới... Điều gì cũng mới, điều gì cũng lạ. Cao Phong luôn miệng hỏi thầy mới biết được tên gọi của từng thứ mà lâu nay chú chưa hề trông thấy. Ban đầu, thầy không trả lời, cứ tăng háng một tiếng để nhắc chú là phải giữ chánh niệm, áp dụng điều kiện đi đường mà thầy đã căn dặn; nhưng rồi thấy chú cứ ngẩn ngơ đứng lại ngó hết cái này đến cái khác, thầy đành phải trả lời từng câu hỏi cho chú mới mong kéo chú đi được. Nếu phải giải thích cặn kẽ cho chú hiểu thì e phải mất rất nhiều thì giờ; cho nên, thầy cứ trả lời ngắn gọn, ví cái này với cái kia, sao cho chú tạm hiểu là được. Lúc mới vào làng, gặp ngay một thiếu nữ trạc chừng mười lăm tuổi đang chăm sóc vườn hoa trước nhà, Cao Phong cũng ngẩn người đứng lại trở mắt nhìn. Thầy lật đật quay lại kéo tay chú:

"Nhìn cái gì mà nhìn chăm chăm vậy! Đi chứ!"

Cao Phong đưa tay chỉ thiếu nữ, hỏi:

"Con đó là con gì vậy thầy? Cũng là người hờ thầy?"

Thầy vừa bực mình vừa lo sợ, trả lời nhanh:

"Con cọp chúa đó! Nó còn hung dữ hơn con cọp trên rừng nữa. Con phải tuyệt đối lánh xa những con cọp chúa như vậy. Thế gian này nhiều cọp chúa lắm, nguy hiểm lắm, nhớ chưa!"

"Dạ nhớ," vừa đáp lời thầy Cao Phong vừa thấy rùng mình, vội vàng nhìn xuống đất, bước nhanh theo thầy. Tim chú đập mạnh.

Cuối cùng, hai thầy trò cũng đến được ngôi chùa của sư ông một cách "bình an". Vào lạy sư ông thăm hỏi sức khỏe rồi, hai thầy trò được sắp xếp một phòng nghỉ ở hậu liêu. Thầy nhìn Cao Phong thấy sắc diện chú có vẻ thất thần, không được bình thường, liền hỏi:

"Con đi đường xa không quen, chắc mệt mỏi lắm hả?"

"Dạ không sao. Con chỉ thấy tim con đập mạnh quá xá, chưa bao giờ nó đập mạnh như vậy."

"Như vậy là mệt đó, nằm nghỉ đi, chút nữa sẽ khỏe lại."

Nói rồi, thầy định bước ra khỏi phòng thì Cao Phong nói vói theo:

"Bạch thầy, con vẫn còn thắc mắc."

Thầy dừng lại ở bậc cửa:

"Gì nữa? Thắc mắc gì?"

"Con thấy con cọp chúa khi nãy đâu có vẻ gì là hung dữ đâu mà thầy nói là hung dữ hơn cọp trên rừng?"

"Tâm ý con thật lảng xãng, mới lần đầu vào thế gian là đã như vậy rồi con thấy không. Thật là trở ngại cho việc định tâm. Thầy nói hung dữ là hung dữ, cần gì phải hỏi lại chứ!"

"Vậy sao khi nãy nó nhìn con nó cười?"

"Xi! Nó cười như vậy cho con đến gần rồi nó ăn thịt con mấy hồi! Đừng có nghĩ đến nó nữa được không? Nghỉ qua đêm, sáng sớm ngày mai trở về gấp, không nên nấn ná dưới này lâu. Thế gian này không thích hợp với con chút nào cả. Thôi nằm xuống nghỉ đi. Thầy có việc phải lên hầu chuyện sư ông bây giờ."

Quả nhiên sáng sớm hôm sau thầy trò đã khăn gói lên đường trở về với rừng xanh núi thẳm. Suốt đoạn đường trở về, Cao Phong lầm lì bước theo thầy, không hé môi nói một lời. Hai ngày sau mới về tới tịnh thất. Thầy trò sống

lại thế giới bình an như trước, nhưng trong lòng Cao Phong đã không còn thấy bình an nữa. Chú không buồn ăn, không buồn ngủ, không buồn nói chuyện với thầy. Chú thức suốt, liên tiếp mấy đêm, ngồi thừ ra một chỗ, chẳng chịu thiền định, chẳng chịu tụng kinh hay làm công tác gì. Thầy hết sức dễ dàng, chăm sóc cũng không sao làm chú nguôi nguây được. Hỏi nguyên có thì chú không đáp. Đến ngày thứ năm thì chú nằm liệt, không ngồi dậy được nữa, trùm chăn nhìn trần nhà, mắt thao láo không lay động, như người chết. Thầy lo âu ngồi mãi bên chú, vừa khuyên dỗ vừa câu chuyện. Đến tối thì hơi thở chú yếu dần, tay chân lạnh ngắt, thầy hoảng quá, hỏi:

"Cao Phong, con thực sự muốn gì, thầy sẽ tìm cách giúp con, đừng có tự hành hạ như vậy mà bỏ mất thân mạng! Có phải con... không muốn sống nơi tịnh thất này nữa phải không?"

Cao Phong không trả lời, chỉ thấy mắt chú chớp một cái. Thầy hỏi tiếp:

"Có phải con muốn về sống bên cạnh sư ông cho được vui vẻ hơn, phải không?"

Cao Phong vẫn không trả lời. Có vẻ như suy nghĩ, rồi mắt chú chớp chớp vài cái. Thầy ngồi im một lúc, cố tìm hiểu nguyên do. Bất chợt thầy hỏi:

"Hay là con muốn mua sắm những thứ người ta bán ngoài chợ đem về đây, những thứ mà con đứng lại ngắm nghía hỏi thầy hoài đó?"

Cao Phong nhăn mặt. Thầy thở dài nói:

"Thầy thật chẳng hiểu con muốn gì! Khi không về tới đây lại thất thần nằm liệt luôn. Thầy thật là sai lầm khi xiêu lòng để con đi theo thầy chuyến này. Đã nói trước là thế gian tối ư nguy hiểm, mà con cứ nằng nặc đòi theo. Có gì đâu, con cũng đã thấy, đã biết hết rồi đó, chẳng có gì vui thú cả. Thế gian chỉ giăng đầy những cạm bẫy và tai họa. Thế gian chỉ có những con cạp chúa chuyên ăn thịt người mà thôi chứ gì đâu mà tham đắm!"

Nghe thầy nói đến đó, mắt Cao Phong chớp lia chớp lịa, mặt chú bỗng sáng rỡ lên, quay mặt nhìn về hướng thầy. Thấy vậy, thầy giật mình, lắp bắp:

"A... té ra... té ra con thích... con cạp chúa hả?"

Cao Phong gật đầu liên tiếp mấy cái—như thể sợ rằng gật một cái thì thầy chưa hiểu chưa tin được. Thầy thở dài, thả người xuống, nói băng quơ:

"Ôi là nghiệp! Ôi là ái dục! Làm sao trốn khỏi mà trốn kia chứ!" *

Nói rồi thầy đứng dậy rảo bước quanh phòng. Cao Phong nhướng mắt nhìn theo thầy, chờ đợi. Thầy suy nghĩ lung lăm. Cuối cùng, thầy đến bên giường Cao Phong, sờ trán chú, kéo lại tấm chăn đắp ngang cổ chú, rồi nói:

"Thầy sẽ đưa con về sống với thế gian. Con phải ngủ và ăn uống lại cho lấy sức rồi mới đi đường xa được."

Cao Phong nở một nụ cười rạng rỡ, một nụ cười đẹp mà thầy mới thấy được từ mấy ngày nay.

Hôm sau, Cao Phong đã sinh hoạt trở lại bình thường, không nằm liệt trên giường nữa. Và chỉ vài hôm kế tiếp, chú nằng nặc đòi thầy đưa đi. Thầy đem chú về làng gọi gắm sư ông. Thầy nói rằng chú muốn hoàn tục hay ở tu tại chùa sư ông là tùy ý chú. Nhưng ít nhất trong thời gian đầu về với thế gian, chú cũng có chỗ để nương tựa. Rồi thầy một mình trở về tịnh thất, buồn bã. Thầy đã mất đi người học trò dễ thương, trong sạch, ngây thơ như con nai nhỏ ở đồng xanh. Dù sao, thầy vẫn còn tin tưởng rằng những gì thầy dạy Cao Phong từ mười lăm năm nay, không hẳn là đã mất hết trong tâm hồn chú ấy. Người ta có thể chồng lên nhiều lớp nhơ bần trên một tâm hồn nhưng không thể làm mất đi cái bản chất trong sạch cao khiết của nó.

Và cũng từ ngày đó, thầy quyết định không rời tịnh thất nữa dù là để tham bái sư phụ mình. Thầy nỗ lực tịnh tu trên núi cao, quên bẵng đi tất cả.

*

Năm năm sau, Cao Phong lên núi thăm thầy. Cao Phong đã ra về một người thế tục hẳn hoi, không còn cái vẻ ngượng ngập lúng túng ngày xưa khi mới bước chân vào đời nữa. Cao Phong cố tình ăn mặc đơn sơ để đi đường xa và nhất là để bá kiến thầy, nhưng cũng không dấu hết được những dấu hiệu tối thiểu của một cuộc sống sang trọng giàu có. Cao Phong kể lại cho thầy nghe rằng chàng hiện là con rể của quan tuần phủ. Vợ chàng đang mang thai lần thứ nhì. Cuộc sống thế gian, theo lời Cao Phong, là một cuộc sống thú vị và đầy hấp dẫn. Thầy nhìn tròn, chỉ gật gù chứ không ý kiến. Thầy không ngờ đứa học trò năm xưa đã thay đổi quá nhiều ngoài sức tưởng tượng của mình. Trên nét mặt Cao Phong, thầy thấy cái vẻ hả hê của một người muốn gì được

nấy. Cao Phong kể chuyện huyền thuyên về những thành tựu của chàng. Chưa hết, Cao Phong còn nói loáng thoáng về những thú vui lạ kỳ của thế gian mà chàng không ngờ rằng nó làm chàng hạnh phúc đến như vậy. Chẳng hạn như niềm vui có con, Cao Phong nói:

"Thầy có thấy đó là điều mầu nhiệm không? Sau cuộc giao hoan giữa vợ chồng, tự dưng một mầm sống được thai nghén, lớn dần lên, rồi chui ra, thành một con người, giống y trang cha hoặc mẹ nó... Ô thật là kỳ lạ! Rồi con người đó cũng biết ăn uống, cử động, suy nghĩ, làm được tất cả những động tác mà cha mẹ nó đã làm. Kỳ diệu làm sao! Qua đứa con đó, người cha người mẹ thấy được khả năng sáng tạo của mình và thấy được sự tồn tại của mình qua không gian thời gian. Chẳng phải đó cũng là một cách để trở nên bất tử hay sao? Thầy biết không, sung sướng nhất là khi nhìn thẳng con trai giống hệt mình, chạy tung tăng đùa giỡn như một con nai con. Vui quá đi thôi!"

Thầy bỗng bật cười một tràng sang sảng, vang động cả núi rừng. Thầy cười lâu lắm và nụ cười lạ lắm, Cao Phong không hiểu nổi. Chàng ngẩn người ra, ngồi nhìn thầy. Một lúc sau thầy mới dịu dần, nhìn Cao Phong với nụ cười chưa tắt hẳn, hỏi:

"Năm năm nay sống ở thế gian có bao giờ con nhớ nghĩ về thế giới yên tĩnh này không?"

Cao Phong đáp ngay không cần suy nghĩ:

"Có, con có nghĩ về thầy và tịnh thất này chứ."

"Vậy con nghĩ gì về thế giới của ta và thế gian bên dưới?"

Cao Phong nói liền:

"Đôi lúc con thấy thầy thật tội nghiệp. Con tự hỏi tại sao thầy phải chấp nhận giam mình nơi một chỗ heo hút buồn tẻ như vậy. Thế gian đâu có rục rủa, đâu có nguy hiểm như trong kinh nói mà thầy lo sợ. Thế gian có nhiều niềm vui, nhiều mới lạ, nhiều điều bí ẩn cần khám phá. Những con cọp chúa mà thầy cảnh giác con năm xưa, nay cũng vui vậy bên con, chăm sóc con, không phải một con mà có thể là nhiều con nữa, vẫn không hại gì con cả. Họ rất thương yêu con, ngược lại con cũng rất thương yêu họ. Thật là một cuộc sống hạnh phúc. Không phải phẳng lặng buồn tẻ như nơi đây đâu. Mỗi ngày mỗi giờ là mỗi mới lạ kỳ thú. Không sao kể hết được. Tóm lại, niết-bàn của

thầy thực ra không đem lại hạnh phúc gì cả. Chỉ có thế gian mới thực là đáng sống."

Thầy im lặng không nói. Cao Phong chấp tay lạy thầy:

"Hôm nay con đến thăm thầy là để nói với thầy điều đó. Và, nếu thầy muốn theo con về thế gian, con sẽ chăm sóc và lo cho thầy, sẽ chứng minh cho thầy thấy vẻ đẹp muôn màu của thế gian."

Thầy đưa tay chặn ngang Cao Phong lại, ôn tồn nói:

"Con đừng khuyến dụ ta vô ích. Con hãy trở lại với thế gian kỳ tuyệt của con đi. Cuộc sống nơi đây thích hợp với ta hơn."

Cao Phong không dám nói nữa, lạy thầy rồi đi. Thầy đưa chàng qua khỏi con suối nhỏ chảy ngang tịnh thất. Cao Phong đi một khoảng xa thì quay đầu lại, nhìn dáng thầy sừng sững bên ngọn núi dựng đứng. Cao Phong thương thầy phải sống cô độc như ngọn núi ấy. Thầy thì qua cái nhìn ngoảnh lại của Cao Phong, chợt nhận thấy rằng Cao Phong tuy đã thay đổi tất cả, nhưng đôi mắt nâu kia hãy còn vương lại chút ngây thơ trong sạch của ngày cũ.

Ba mươi năm sau, thầy đang rửa chân bên suối thì Cao Phong lại xuất hiện. Bây giờ, thầy đã là một sư cụ trên bảy mươi tuổi, còn Cao Phong đã trở thành một ông già gần sáu mươi. Cao Phong ăn mặc rách rưới, mặt mày lem luốc dơ bẩn, đầu tóc bù xù như ổ quạ. Nhưng chính đôi mắt nâu hiền lành như con nai con của Cao Phong đã khiến thầy nhận ra ngay đứa học trò năm xưa của mình. Thầy nghĩ bụng, cái trong sạch dễ thương đó, đến chết cũng hãy còn mang theo. Thầy gọi:

"Cao Phong, con đó hả?"

Cao Phong bước vội đến bên thầy, sụp lạy, vừa nói vừa khóc:

"Dạ, con đây. Thầy nói con nghe đi. Tại sao? tại sao những gì ta thấy là có đó lại tan biến, mất hút, rời bỏ ta? tại sao những gì ta yêu quý lại không ở bên ta mãi mãi?"

Thầy không trả lời thẳng câu hỏi của Cao Phong, chỉ nói:

"Rửa đi con, rửa mặt cho tươi tỉnh."

Cao Phong vốc nước suối rửa mặt xong, theo chân thầy vào tịnh thất. Thầy ngồi xếp bằng trên bồ đoàn. Cao Phong cũng ngồi trên một bồ đoàn khác ở gần đó. Hai thầy trò im lặng không nói gì. Cao Phong nhìn ra cửa sổ thấy cây xoài năm xưa nay vẫn còn đó. Có hai con sóc đuổi nhau đùa giỡn trên cành. Chim chóc vẫn hót, côn trùng vẫn kêu vang, đều là những âm điệu quen thuộc năm xưa, hầu như không có gì thay đổi. Nhưng bỗng có tiếng cộp găm ở đâu vang dội đến. Cao Phong giật mình đánh thót một cái, rồi bật cười nói:

"Thế gian chỉ là một giấc mộng thôi, thầy ạ."

Thầy mỉm cười hài lòng, không nói gì nhưng thâm nghĩ trong bụng rằng:

"Ngay cả Niết-bàn cũng vậy thôi." ^a

2/93

(*) Truyện Giác Mộng Đầu này phóng tác từ câu chuyện "Hổ Vương" mà tác giả được nghe kể lúc nhỏ, rằng: Một chú tiểu sống bên thầy trên núi cao không hề biết gì về thế gian bên dưới. Sau có dịp theo thầy qua phố chợ, chú bắt gặp một thiếu nữ, chú liền hỏi thầy. Thầy bảo đó là "Hổ Vương" (cọp chúa). Sau khi về lại núi, chú buồn bã suốt ngày, thầy hỏi chú muốn gì, chú bảo chú muốn đem con Hổ Vương về nuôi.

Quét Lá

Thầy trụ trì vóc người gầy gò, xương xẩu như một nhà tu khổ hạnh nhưng thầy làm việc rất mau mắn, tươm tất. Cứ đến chùa mà nhìn cách thầy điều động công việc trong một ngày lễ lớn thì biết thầy có óc tổ chức và giỏi dang như thế nào. Thầy sống bình dị, hiền hòa, ai gặp cũng thấy cảm mến. Nhờ vậy mà ngôi chùa nhỏ trở nên rất cần thiết cho cái xóm lao động nghèo khổ này. Năm ngoái có vài bổn đạo ở thị xã đến viếng chùa và muốn cúng tiền để thầy cất lầu cao lên. Thầy không nhận. Nguyên do rất đơn giản: thầy không muốn mái chùa cao khỏi những mái nhà ọp ẹp chung quanh cũng như vượt quá tầm nhìn của những con người lam lũ trong xóm. Thầy chú trọng việc cảm hóa, dạy dỗ kẻ khác trong việc học đạo cũng như giúp đỡ họ lúc khó khăn hơn là xây dựng chùa tháp đồ sộ nguy nga để rồi không lợi ích gì thiết thực cho những con người đau khổ.

Một hôm, trời hãy còn mờ sáng, thầy đang ngồi đọc sách thì thấy tháp thoảng ngoài vườn chùa một chú bé trai đầu chùng mười hai tuổi đang đi

đạo trong sân, quanh tượng Bồ Tát Quán Thế Âm. Giờ này ít có ai đến chùa. Sự hiện diện của chú bé vào lúc mờ sáng như vậy khiến thầy cảm thấy có một cái gì khác thường. Trông chú bé mặt mày sáng láng thông minh, ăn bận tươm tất chứ không lem luốc như lũ trẻ hàng xóm. Từ trong nhìn ra, thầy thấy rõ chú bé, nhưng chú bé không nhìn thấy thầy. Tự dưng thầy lưu tâm đến chú bé như đọc được nơi chú cái nét đặc biệt mà lại quen thuộc nào đó. Thầy nhớ năm xưa khi thầy còn bé sắp sửa đi tu, thầy cũng đến chùa và lẩn quẩn quanh sân với một vẻ triu mến như vậy. Lúc đó, thầy thấy thế giới của chùa trở thành ngôi nhà thân yêu quen thuộc của mình. Cảm giác đầu tiên của thầy bấy giờ khi bước chân vào chùa chẳng khác gì cảm giác của một gã giang hồ lâu năm trở về căn nhà xưa của mình vậy. Nay hình ảnh chú bé dạo sân chùa gợi lại nơi thầy kỷ niệm dễ thương của ngày cũ. Chú bé đứng lại trước tượng Quán Thế Âm, ngược mắt lên nhìn đức Bồ Tát như đang muốn nói lên ước nguyện nào đó của chú. Thầy xúc động nhớ lại rõ ràng cách đây ba mươi năm trước thầy cũng đứng trước tượng Bồ Tát để cầu nguyện cho sự xuất gia của mình được thành tựu. Có lẽ chú bé đang dự tính xuất gia như thầy xưa kia, thầy nghĩ thầm như vậy. Thầy xếp sách lại, từ từ bước ra khỏi phòng để ra sân chùa. Ngang nhà bếp, thầy nhặt cây chổi có cán dài mang ra sân. Sân hãy còn ướt nước vì thầy đã tưới cây và rưới nước sân từ hồi năm giờ sáng sau khi tụng thời công phu khuya. Bây giờ thầy quét, đất không lên bụi. Lâu nay, vì chùa không có chú tiểu nào, thầy đảm trách luôn việc quét sân chùa.

Thầy quét từ hiên bếp dần ra sân trước. Vừa quét thầy vừa nhớ lại năm xưa sư phụ của thầy cũng quét sân và thầy là chú bé đến làm quen với sư phụ để học cách quét lá đa và xin tham dự vào hàng ngũ những thiên thần quét lá. Lần đầu gặp sư phụ, thầy đã thấy cảm mến lạ thường, như thể thầy tìm lại được một người thân lâu ngày xa cách. Sư phụ nhận thầy làm đệ tử mà không cần sự cho phép của cha mẹ, bởi vì thầy là một đứa bé mồ côi trốn từ cô nhi viện ra. Sau khi thế phát cho thầy trở thành một chú tiểu, sư phụ đến cô nhi viện để thông báo cho dì phước ở đó biết rằng chú bé tên Nguyên đã xuất gia đầu Phật. Dì phước biết tiếng sư phụ là một vị chân tu và cũng là một mạnh thường quân thường quan tâm đến trẻ mồ côi, đã từng ủng hộ vừa tâm lực vừa sản vật cho cô nhi viện nên dì hoan hỷ và lo giúp đỡ mọi thủ tục cho sự xuất viện của chú Nguyên, xem như chú đã có người xin nhận làm con nuôi. Quả vậy, bao nhiêu tình cảm, sư phụ dành trọn cho chú, chăm sóc chú từ cơm ăn áo mặc, học hành cho đến công phu tu niệm—cái tình đó so với tình phụ tử e còn nặng hơn. Vì không có cha mẹ nên chú Nguyên không tưởng ra được tình phụ tử và mẫu tử to lớn ra sao. Nhưng chú nghĩ nếu chú có cha mẹ thì cha mẹ chú cũng chỉ lo cho chú ăn học (như sư phụ chú từng

làm) chứ không thể chăm sóc được cho vườn tâm của chú bằng sự giáo dục tâm linh qua giáo lý và công phu tu tập. Từ sư phụ, chú Nguyễn tìm lại được vòm trời đã mất của chú. Chẳng may, năm chú Nguyễn thọ đại giới, tức là chính thức trở thành một vị tỷ kheo, tăng sĩ của giáo hội, thì sư phụ viên tịch. Lúc đó chú mới tròn hai mươi tuổi. Chú thay sư phụ đảm nhận chức trụ trì ngôi chùa cho đến ngày hôm nay. Hơn hai mươi năm rồi, chú Nguyễn, tức là thầy trụ trì bây giờ, đã tu tập một mình như vậy giữa xóm nghèo này chứ không có một bạn đồng tu hay một đệ tử xuất gia nào để chia sẻ niềm vui học đạo. Thầy không hiểu sao từ sư phụ rồi đến lượt thầy nữa, lại không có cái duyên thu nạp nhiều đệ tử xuất gia như những tăng sĩ ở các chùa khác. Có lẽ trong đạo cũng như ngoài thế tục, mỗi người đều có một lối đi, một đời sống riêng (mà trong đạo gọi là biệt nghiệp), không ai giống ai, nhưng đôi khi: cha nào con nấy như ở thế tục, và thầy nào trò nấy như ở trong đạo. Bây giờ nhìn thấy chú bé trước sân chùa, thầy bỗng có linh cảm rằng chú bé sẽ là kẻ tiếp nối thầy trong sứ mệnh hoằng dương Phật pháp tại ngôi chùa này.

Thầy quét gần tới sân trước thì chú bé nhìn thấy thầy. Chú hơi bối rối một thoáng rồi đứng chắp tay cúi đầu chào thầy từ xa khi thấy thầy nhìn mình. Thầy rất hoan hỷ đón nhận cái chào rất đúng phép của chú. Thầy nghĩ bụng, "chắc chú ấy đã từng đi chùa với cha mẹ chứ không phải như mình hồi trước. Mình ở cô nhi viện của nhà thờ nên chỉ biết cầu nguyện, làm dấu thánh giá và hát Thánh ca của Thiên Chúa giáo chứ đâu có biết chắp tay chào sư phụ như chú bé này." Thầy đáp lễ chú bằng cách gật đầu chào lại. Rồi thầy cúi xuống quét tiếp. Chú bé liền bước đến chỗ thầy, lễ phép nói:

"Bạch thầy, để con quét sân giúp thầy."

"Con biết quét không?" thầy vừa hỏi vừa ngạc nhiên khám phá rằng chú bé nói năng như người biết lễ nghi trong chùa.

"Bạch thầy, biết. Quét sân chùa cũng giống như quét sân ở nhà."

"Giống mà thật ra không giống con ạ."

"Vậy thầy dạy con quét sân chùa đi."

"Con thực sự muốn học không? Được, con lắng nghe nhé. Khi quét chùa miệng đọc câu:

Cần tảo già-lam địa

Thời thời phước huệ sanh

Tuy vô tâm khách chí

Diệc hữu Thánh nhân hành.

tức là: siêng năng quét đất già-lam thì phước đức và trí tuệ càng ngày càng thêm lớn. Dù không có khách khứa đến chùa thì cũng có thánh nhân hay thiện thân qua lại. Ngoài ra, quét chùa phải quét trong chánh niệm, tức là chỉ chú tâm vào việc quét chứ không để tâm lan man nghĩ đến chuyện khác. Còn nữa, quét rác phải quét kỹ lưỡng, không để sót lại cọng rác hay chiếc lá nào. Những cọng rác lớn nhỏ kẹt trong hốc đá như vậy phải moi ra cho được, không để rác rưởi ản nắp, tụ lại. Chưa hết, quét không để lại dấu vết nào trên đất, tức là không để lại những vết tích của chổi kéo thành lằn vẽ, thành đường ranh trên đất. Gặp chỗ đất cát như chỗ này, bắt buộc phải để lại dấu vết thì phải để lại những dấu vết ngay hàng thẳng lối chứ không quét qua quét lại một cách cầu thả, lười biếng. Quét như vậy cũng y như là con cầm bút mà vẽ một bức tranh vậy. Nhưng bức tranh ở đây, nơi cửa chùa, chỉ cần những nét ngay thẳng chứ không cần những nét ngửa nghiêng xô lệch. Tâm con sẽ hiện rõ trên từng đường chổi lướt đi trên nền đất. Cứ nhìn cái sân sau khi quét là thấy được cái tâm của người quét. Còn rất nhiều điều mà con cần học trong việc quét chùa. Thầy chỉ nói sơ lược cho con biết mà thôi. Sao, con thấy quét chùa thế nào và có thấy là khác với quét sân nhà không?"

"Bạch thầy, khác. ở nhà, khi chị ở bị bệnh, mẹ con bảo con ra quét sân, con chỉ quét mau cho xong chứ không nghĩ gì hết," chú bé ngưng một lúc rồi nói tiếp "quét chùa khó quá thầy há, nhưng con sẽ quét được."

"Con muốn quét chùa lắm sao?" thầy hỏi với giọng xúc động, hồi hộp.

"Dạ... con muốn," chú bé đáp.

"Con ở đâu đến đây?"

"Bạch thầy, con ở phố," chú bé đáp với chút ngập ngừng. Thầy hỏi tiếp:

"Sao mới sáng sớm mà con đã đến đây? con đi với ai hay đi một mình?"

"Bạch thầy... con đi một mình."

"Con mấy tuổi rồi? sao dám đi một mình từ phố xuống xóm này?"

"Dạ con mười hai tuổi. Tết rồi mẹ con có dẫn con đi hành hương vào lễ chùa này nên con biết đường."

"Con đi sớm như vậy... ủa, con đi bằng cách nào mà có mặt ở đây giờ này?"

Chú bỗng bật khóc. Thầy vỗ vai xoa đầu chú, khuyên giải:

"Nín đi con, con có chuyện gì cứ kể thầy nghe để thầy giúp cho."

Khóc như tức tưởi một hồi chú bé mới dịu dần rồi nói:

"Con trốn nhà để đi tu. Ba mẹ con không cho con đi tu nên con trốn."

"Vậy sao! Con trốn đi hồi nào?"

"Bạch thầy con mới đi hồi khuya này thôi. ở nhà ai cũng còn ngủ nên không biết con đi."

Thầy thấy khó xử, suy tính một lúc rồi nói:

"Nếu con thật sự muốn đi tu thì đến đây tu với thầy. Nhưng... phải có sự đồng ý của ba mẹ con mới được. Luật ở chùa chỉ nhận người xuất gia dưới mười tám tuổi nếu có sự cho phép của cha mẹ hoặc anh chị lớn. Riêng thầy, thầy rất vui mừng đón nhận con vào chùa. Con nghĩ là con có thể xin phép ba mẹ được không?"

Chú bé ngẫm nghĩ như đang tìm câu trả lời, rồi chú nói:

"Nếu con xin phép được thì con đâu có trốn nhà."

"Ừ nhỉ, vậy mà thầy nghĩ không ra. Ba mẹ con nói sao mà không cho con đi tu?"

Chú bé ôn lại lời ba mẹ đã nói với mình:

"Ba mẹ con nói đi tu khổ lắm, con không tu nổi đâu. Ba mẹ con còn nói là con còn con nít, biết cái gì đâu mà đòi tu. Với lại... ba mẹ con nói là ở nhà đâu có thiếu cơm thiếu gạo, sao mà đòi đi tu."

Thầy phì cười:

"Đâu phải thiếu cơm thiếu gạo mới đi tu. Cũng không phải là con nít không biết tu, người lớn mới biết tu. Hồi thầy đi tu, thầy mới có mười hai tuổi, tuổi của con bây giờ. Không có gì trở ngại trong việc lớn tuổi hay nhỏ tuổi cả. Lớn tuổi đi tu cũng được mà nhỏ tuổi đi tu cũng được. Sao cũng tốt cả. Điều quan trọng là tu mà thôi. Có điều, theo kinh nghiệm của thầy, thầy thấy rằng tuổi nhỏ xuất gia dễ thành công hơn. Những người lớn... cái đầu họ già đi rồi: đây áp những thành kiến, những định kiến, những thói tật, những cố chấp, bảo thủ, những... à, chắc con không hiểu những danh từ đó. Tóm lại là người lớn có cái đầu chai sạn, khó mà vào được cửa đạo một cách thông dong nhẹ nhàng như tuổi thơ vô tư của con được. Còn nữa, những cái như oai-nghi tế-hạnh, à... con cũng không hiểu danh từ này.. tóm lại là sự trau luyện kỷ luật và đức hạnh, tức là hạnh kiểm đó, chỉ có thể trau luyện một cách hoàn hảo qua thời gian ấu thơ. Các thầy lớn tuổi mới xuất gia không có được những oai nghi tế hạnh mà những thầy khác luyện tập từng giờ từng phút từ thuở nhỏ. Cũng có người lớn tuổi đi tu thành công, nhưng đa phần là các vị đồng chơn xuất gia, tức là những người đi tu từ nhỏ, trở thành rường cột của đạo pháp. À, nói vậy chắc con không hiểu. Thầy nói tóm cho con... rằng đi tu lúc nhỏ tuổi có cơ hội thành công nhiều hơn là để lớn tuổi mới đi tu. Kìa, con nhìn lên trời xem, con thấy mây bay không. Đó, cái gì nhẹ thì mới bay được trong không gian bao la. Phật pháp cũng vậy, là vòm trời cao rộng mà chỉ có những tâm hồn nhẹ nhàng như mây trắng mới bay qua nổi. Tuổi thơ, như sợi mây mỏng, như cánh chim hiền, không cố gắng nhiều mà tâm hồn lúc nào cũng có thể cùng với trời cao hòa chung một nhịp. Con chim nếu không tập bay lúc nhỏ thì khi lớn chỉ biết đi chứ không biết bay. Đứa bé không tập đi thì khi lớn lên cũng chỉ biết bò chứ không biết đi, dù có hai chân rắn chắc. Những chuyện dễ dàng như thế mà không chịu tập từ nhỏ thì lớn cũng đã trở thành chuyện khó khăn, khổ nhọc cho mình. Huống chi, tu là tập bay giữa vũ trụ bao la bát ngát, là tập đi trên con đường thênh thang không cửa không lối! Đi tu là gì? Là trở về với tuổi ấu thơ của mình. Chờ cho lớn tuổi, cho già khụ đi mới tính chuyện trở về thì xa lắm, khó lòng về tới nơi tới chốn được. Cho nên đi tu lúc bé chính là giữ cho cái hồn nhiên thiên thần của mình không bị mất đi. Bảo vệ vật quý trong túi của con dù gì cũng dễ hơn là đánh mất nó rồi lại đi tìm nó, phải không? Người lớn đi tu cũng được chứ chẳng phải không, nhưng... nếu không có tuệ căn và chí nguyện xuất trần cực mạnh, nếu không dốc lòng cầu đạo, khổ nhọc tu tập như thái tử Tất-Đạt-Đa thì một đời xuất gia kể như uổng phí mà thôi."

Thầy nói ngang đó thì ngưng lại, sực nhớ rằng nãy giờ mình nói với một chú bé mà như nói với một người bạn ngang tuổi mình. Tuy vậy, qua đôi mắt

thông minh của chú bé, thầy như cảm nhận rằng chú ấy có thể vượt lời mà hiểu được ý thầy. Thầy triu mền hỏi:

"Con tên gì?"

"Bạch thầy, con tên Thông."

"Tại sao con muốn đi tu đến độ cha mẹ không cho lại trốn nhà mà đi?"

Thông suy nghĩ một lúc rồi trả lời thầy:

"Bạch thầy, con không biết sao nữa. Con chỉ thấy... con chỉ thấy con thích đi tu quá, rồi con xin ba mẹ đi tu."

"Con đến chùa, thấy thích chùa rồi đòi đi tu, hay là con đang ở nhà bỗng dưng thấy thích đi tu?"

Thông cười như được thầy hiểu và nói trúng ý mình, đáp ngay:

"Dạ, con đi chùa với mẹ, thấy cảnh chùa tự nhiên con muốn đi tu chứ không biết sao nữa."

Thầy gật gù, rồi cười tủm tỉm, nghĩ thầm: "Đơn giản như vậy thôi. Thế giới của con chim là bầu trời, nó được thấy bầu trời thì nó thích. Đâu có cần phải hiểu vì sao. Còn những chàng thanh niên nhiệt huyết của thế gian thường đến chùa học đạo hoặc xin xuất gia thì mang theo họ những lý tưởng, những hoài bão, những ước nguyện cao xa lắm: nào là học làm Phật làm Tổ, nào là đốn ngộ thiên tâm, nào là hoằng dương Phật Pháp, nào là liễu sinh thoát tử v.v... nhưng rồi, qua một vài năm nỗ lực đã bị đánh rơi lại phía sau như những chiếc lá mùa thu vàng rụng. Họ đến với sự hăm hở nồng nhiệt như thể một ngày hai ngày là với ngay đến được mục tiêu tối hậu; nhưng đến khi ra đi thì lặng lẽ tiêu điều như thể cửa chùa không đủ chất liệu để đáp ứng cho nhu cầu tâm linh của họ vậy! Lý do rất dễ hiểu: bầu trời này quá xa lạ với họ. Bỗng dưng phải nhảy vào trời mà bay, dĩ nhiên là khó khăn rồi. Trong khi những kẻ đồng chơn xuất gia ung dung qua lại giữa rừng giới luật và các oai-nghi tế-hạnh như đi dạo mát xem hoa, thì họ, những kẻ trung niên xuất gia hay bán thế xuất gia, như bị ném vào một thế giới mới mẻ đầy những ngõ ngách âm u và chằng chịt những lối đi hiểm hóc, không biết đâu mà dò. Chỉ những kẻ đã đánh mất đi sự hồn nhiên của mình mới thấy cần thiết phải vẽ ra những con đường, những lý tưởng, những mục tiêu này nọ để thánh-hóa con đường xuất gia của mình; còn những thiên thần cao khiết như

bé Thông thì không cần sự vẽ vời đó. Cảm thấy thích chùa nên muốn đi tu. Chỉ vậy thôi. Đúng, chỉ vậy thôi, là đủ rồi. Nhất giả, phát tâm xuất gia, hoài bội đạo cố (Tiên khởi, phát tâm xuất gia là vì cảm mến đạo). Điều thứ nhất trong Năm Đức của các chú Sa-di (các chú tiểu) đã nêu ra như vậy mà. Nay bé Thông nói thích chùa và muốn đi tu là đúng với đức thứ nhất đó, có gì là lạ đâu. Chính mình năm xưa cũng xuất gia với lý do đơn giản như vậy: cảm mến đạo, cảm mến chùa ngay từ lúc đầu bước chân vào."

Thầy lại hỏi:

"Con nói con mới trốn đi hồi khuya, vậy con đi bằng gì đến đây?"

"Bạch thầy... con đi bằng xe ngựa."

"Bằng xe ngựa?" thầy hỏi rồi bật cười, "xe đông khách không vậy con?"

Thông ngạc nhiên không hiểu sao thầy lại thắc mắc chi tiết đó. Ngẫm nghĩ một lúc, chú đáp:

"Bạch thầy, lúc đó còn sớm chưa có ai đi nên chỉ có con với bác đánh xe ngựa thôi."

Thầy bật cười vui vẻ:

"Năm xưa thái tử Tất-Đạt-Đa rời bỏ cung điện xuất gia và cỡi con ngựa tên là Kiên-Trắc để vượt thành. Chỉ có một người hầu cận đi theo thái tử thôi. Con bỏ đi giữa khuya trên chiếc xe ngựa trông cũng giống thái tử xuất gia quá hả! Người hầu cận của con là bác đánh xe đó."

Thông cười sung sướng như được thầy tán đồng và khích lệ việc trốn nhà đi tu của mình vậy. Chú hỏi:

"Bạch thầy, con trốn nhà đi tu... có được không?"

"Ý con muốn hỏi là... việc đó đúng hay sai hả?"

"Bạch thầy, phải. Con hỏi là đi tu như vậy có đúng không."

Thầy ngập ngừng một lúc:

"Vì chí xuất gia của con quá mạnh mẽ mà gia đình cản trở mới khiến con bỏ nhà đi tu như vậy. Điều đó không phải là sai vì nếu sai thì thái tử Tất-Đạt-Đa

cũng đã sai: ngài đã bỏ nhà đi tu một cách lén lút vào giữa khuya, gia đình ngài không ai hay biết. Tuy nhiên, hoàn cảnh của con không giống như hoàn cảnh của thái tử. Con còn bé, khi con bỏ nhà đi tu, ba mẹ con không biết có thực là con đã vào chùa hay con đi lạc ở nơi chốn nào. Lúc thái tử đi tu thì ngài đã trưởng thành, gia đình không lo là ngài bị lạc đường lạc lối. Ngài cũng là người học nhiều hiểu rộng, có chí khí, có bản lĩnh, có lập trường, nên gia đình không sợ ngài đi bụi đời hoặc rong chơi lêu lổng. Vậy mà khi vào rừng rồi, ngài cũng không quên gửi lại mái tóc và đôi lời nhắn nhủ với gia đình nhờ người hầu cận đem về. Còn con, bác đánh xe ngựa có nhắn tin dùm con không? Chắc là không rồi. Cho nên, gia đình con sẽ lo âu, mọi người sẽ đổ ra đường đi tìm kiếm con, sợ con bị bắt cóc hoặc đi lạc đường, hoặc bị bạn xấu rủ đi bụi đời, phải không? Trước khi đi con có viết thư để lại cho ba mẹ không?"

"Bạch thầy, có. Con có viết cho ba mẹ con lá thư, nói rằng con muốn đi tu, ba mẹ đừng lo lắng cho con và đừng tìm kiếm con."

"Chà, viết như vậy thôi thì ba mẹ con làm sao yên tâm nổi."

"Chứ viết sao, bạch thầy?"

Thầy gãi đầu ngẫm nghĩ, rồi nói:

"Thầy cũng chẳng biết viết sao. Hồi đó thầy đi tu cũng trốn đi nhưng trốn cô nhi viện chứ không có trốn nhà như con. Thầy không có ba mẹ nên... thầy không biết là phải viết làm sao. Hơn nữa, thầy đâu biết tính ba mẹ con ra sao. Con biết rõ ba mẹ thì con mới viết được. À, con có nói là con sẽ đi tu ở chùa nào không?"

"Bạch thầy, không. Vì con không muốn ba mẹ con tới đây," Thông đáp liền.

"Bộ con sợ ba mẹ con lắm hả? Ba mẹ con hay đánh đập con lắm sao?"

"Bạch thầy, không phải. Ba mẹ con hiền lắm, không bao giờ đánh con. Nhưng... con không muốn ba mẹ đến đây rồi bắt con trở về nhà."

"Tại sao con không nghĩ rằng khi ba mẹ thấy con quyết chí, ba mẹ sẽ đồng ý cho con đi tu chứ không ngăn cản con nữa?"

"Bạch thầy, con nghĩ ba mẹ sẽ không đồng ý vì hồi trước con có người chị cũng khóc lóc đòi đi tu, ba mẹ con đã cho phép đi. Chị ấy đi tu chưa được

một năm thì đòi về nhà, không chịu ở chùa nữa. Ba mẹ con thấy vậy nên không thích nghe con nói chuyện đi tu nữa. Ba mẹ con sợ con sẽ giống như chị con."

"Ồ, ba mẹ con lầm rồi. Con trai với con gái khác nhau chứ, con đồng ý không? Ngay cả chuyện trốn nhà đi tu, cũng chỉ có con trai mới dám làm chứ con gái hầu như không. Theo thầy thấy, ba mẹ không nên cản trở con."

Mắt Thông sáng lên. Chú vui mừng vì thầy biểu đồng tình với mình. Chú nói:

"Vậy con đâu có sai hử thầy?"

"Ừ, thầy đã nói khi nãy rồi, rằng trốn nhà đi tu không có sai. Tuy nhiên, phải làm sao cho gia đình yên lòng kéo tội nghiệp họ. Con có biết là... ba mẹ và các anh chị em ở nhà thương con lắm không? Con bỏ đi, gia đình lo lắng buồn rầu lắm."

"Vậy con phải làm sao, bạch thầy?"

Thầy suy nghĩ hồi lâu, đột nhiên hỏi:

"Sao con không đến đây hỏi thầy trước về chuyện đi tu rồi sau đó hãy tính đến chuyện trốn nhà!" Nói đến đó, thầy thấy mình lỡ lời, có vẻ như khuyến khích chuyện trốn nhà của Thông vậy. Thầy bèn chữa:

"Ý thầy nói là nếu con đến đây thưa chuyện với thầy trước biết đâu thầy có cách hay để chỉ bày cho con, khỏi phải trốn nhà."

Thông im lặng như hồi tiếc. Thầy xoa đầu Thông rồi nắm tay dắt chú đi vòng vòng sân chùa. Vừa đi thầy vừa nói:

"Chuyện đi tu của con thầy nghĩ cũng dễ thôi chứ không khó. Con xin không được nhưng thầy xin dùm có lẽ là được."

"Thật hử thầy?" Thông mừng rỡ.

"Thật, nhưng bây giờ thầy trò mình chưa kịp về nhà con thì ba mẹ con kéo đến đây rồi."

Thông giựt mình, trố mắt lên nhìn thầy như muốn hỏi vì sao thầy nói vậy. Thầy mỉm cười nói:

"Ngoài chùa này ra con có biết ngôi chùa nào khác không?"

"Con chỉ biết một chùa ở gần nhà với chùa này thôi," Thông ngây thơ đáp.

Thầy cười cười nói:

"Vậy thì ba mẹ con sẽ đến ngôi chùa gần nhà xem thử có con ở đó không; nếu không có, họ sẽ đến đây, phải không?"

Lúc đó Thông mới sực nghĩ ra là chú muốn nhảy một bước xa thật xa nhưng cũng không xa khỏi tầm tay níu kéo ràng buộc của gia đình. Khả năng trốn nhà của chú cũng chỉ đến đó là cùng. Chú không thể trốn xa hơn. Chú chỉ biết tìm đến ngôi chùa ở thôn quê duy nhất mà chú có đến một lần trước đây. Bây giờ chú mới biết rằng chuyện đi tu của chú chưa có gì làm chắc chắn. Lúc tìm đến chùa này, chú chỉ nghĩ thật đơn giản là nội trong ngày hôm nay, chú sẽ thưa với thầy ý nguyện xuất gia của mình; thầy sẽ đồng ý, và chú sẽ trở thành một chú tiểu ở chùa, không ai có thể ngăn cản được chú. Hóa ra sự việc không dễ dàng như chú nghĩ. Đi tu là chuyện tốt mà cũng phải có sự đồng ý của cha mẹ nữa sao! Vậy thì trốn nhà làm gì! Trước đây chú còn nghĩ rằng chùa là một nơi chốn của tự do, chùa rất rộng rãi, dễ dãi và sẵn sàng đón tiếp mọi người. Vậy mà nay chú đến chùa xin xuất gia thì thầy nói phải có sự cho phép của gia đình mới được chấp nhận. Chú thất vọng, mặt chú sầm xuống, buồn bã. Đôi mắt long lanh của chú bây giờ trông tội nghiệp như đôi mắt của một con nai con bị lạc bầy mà chẳng ai giúp đỡ. Thấy Thông bắt đầu bồn chồn, liú quíu như kẻ chạy trốn sợ bị đuổi kịp, thầy thương cảm ôm vai chú, nói:

"Con đừng lo. Xuất gia là việc lớn. Chính vì lớn mà gặp nhiều trở ngại gian nan. Nếu con giữ chí bền chặt thì lo gì không vượt khỏi những nghịch cảnh."

"Bạch thầy, xin thầy giúp con. Ba mẹ con mà đến đây con không biết làm sao... Con muốn đi tu..."

Thông vừa nói đến đó thì thấy thầy nhướng mắt nhìn ra ngoài cổng chùa. Thông liền quay lại và thấy ba mẹ mình vừa mới đến. Ba Thông đang dựng chiếc xe gắn máy ở trước cổng chùa. Mẹ Thông vội vàng xuống xe. Cả hai nhìn vào chùa và thấy ngay đứa con mình đang đứng với vị thầy trụ trì mà họ từng gặp trước đây vào mỗi kỳ lễ lớn. Thấy được đứa con trai bé bỏng là

hai ông bà vui mừng, thở nhẹ. Phản ứng của Thông lúc đó rất tội nghiệp: chú định quay mình bỏ chạy. Thầy nắm tay giữ chú lại, nói vừa đủ cho chú nghe trong khi ba mẹ chú đang bước vào cổng chùa, cách chỗ hai thầy trò một khoảng sân rộng:

"Con yên tâm đi, ba mẹ thương con sẽ đồng ý cho con đi tu mà. Thầy sẽ nói giúp con chuyện xuất gia nhé. Đừng sợ, hãy đến với ba mẹ con đi."

"Thầy nhớ xin giùm con..." vừa nói Thông vừa rời tay thầy, lững thững tiến về hướng cha mẹ.

Mẹ Thông bước nhanh tới, ôm chầm lấy Thông mà khóc. Ba Thông trầm tĩnh hơn, bước đến sau, đứng bên cạnh hai mẹ con, lấy một tay xoa đầu con. Người mẹ ôm chặt lấy con như sợ vượt mất lần nữa, vừa mếu vừa nói giọng trách yêu:

"Sao con dại quá vậy con, có gì thì cũng thủng thỉnh để ba mẹ tính chứ."

Thông chẳng nói gì. Chú cũng không khóc dù chú rất cảm thương ba mẹ. Điều chú mong đợi lúc này là ba mẹ cho phép chú xuất gia chứ không ngăn cản nữa. Chú ngoái đầu lại tìm thầy. Chú hy vọng thầy sẽ xin được cho chú xuất gia. Lúc chú ngoái lui thì thầy cũng vừa bước đến. Mẹ Thông đứng dậy chấp tay chào thầy. Ba chú cũng bắt chước, chấp tay chào theo nhưng trông ông lúng ta lúng túng như thể đây là lần đầu ông chào một người khác bằng cách chấp tay vậy. Thầy chấp tay chào lại hai vợ chồng:

"Chào ông bà. Tôi vừa nói với chú ấy là ông bà sẽ đến đây tìm chú. Tôi và chú đều có ý đợi chờ ông bà đó."

"Bạch thầy, cháu Thông của chúng con dại quá. Chúng con không ngờ cháu dám bỏ đi một mình giữa đêm khuya như vậy. Chắc cháu nó làm phiền thầy..." mẹ Thông ái ngại nói.

Thầy xua tay:

"Đâu có gì phiền, tôi thích nói chuyện với chú ấy lắm. Sáng giờ hai thầy trò tôi nói chuyện với nhau chờ quý vị đến đó. Thôi mời ông bà vào trong phòng khách, chúng ta nói về chuyện chú ấy."

Mẹ Thông quay lại nhìn chồng như hỏi ý. Người chồng khẽ gật đầu. Hai vợ chồng dắt tay Thông bước theo thầy. Thầy bước vài bước bỗng dừng, quay lại nói với Thông:

"Con ở chơi quanh sân, để thầy nói chuyện với ba mẹ con nhé. Còn nữa, thầy dạy con cái gì sáng nay, con thử thực tập xem sao."

Nghe thầy nói, tự dưng Thông thấy như việc xuất gia của mình đã thành tựu. Chú hân hoan đáp lời thầy ngay:

"Dạ."

Nhưng ba mẹ chú có vẻ như không yên lòng khi để chú ở ngoài một mình. Thầy hiểu ý, trấn an họ:

"Ông bà đừng quá lo. Chú ấy không bay xa hơn nữa đâu. Chú ấy đang chờ đợi kết quả mà."

Rồi họ cùng vào trong, bỏ lại Thông ngoài sân. Thông hí hửng đi tìm cây chổi quét sân. Cầm chổi trên tay, chú ôn lại lời thầy dạy khi nãy về cách quét sân chùa. Chú không nhớ bài kệ thầy đọc, nhưng thầy dạy cách quét sân như thế nào thì chú không quên. Bắt đầu quét, chú thầm nguyện:

"Con quét sân chùa, nguyện cầu ba mẹ con cho con đi tu."

Rồi chú quét.

Bên trong phòng khách, thầy và ba mẹ chú đã ngồi vào bàn. Thầy châm trà mời khách. Hai ông bà có vẻ bồn chồn, ngồi không yên. Người vợ mở lời trước:

"Bạch thầy, chúng con không muốn cho cháu xuất gia."

Thầy chỉ cười nhẹ, nói:

"Tôi không bắt chú ấy xuất gia. Ông bà cũng không bắt chú ấy xuất gia. Tự chú ấy muốn như vậy."

"Dạ, chúng tôi biết cháu nó tự nguyện, nhưng... không phải cháu muốn là mình phải đáp ứng," người chồng nói.

"Dĩ nhiên ông bà có quyền sắp xếp cuộc sống của con theo ý mình. Nhưng chắc ông bà cũng thấy rằng trăm ngàn đứa bé mới có một đứa phát tâm xuất gia, tự nguyện dẫn mình vào con đường thoát tục. Và sự tự nguyện phát tâm này là một vấn đề đáng quan tâm chứ không phải chỉ cảm đoán là yên chuyện."

"Bạch thầy, chúng con biết xuất gia là tốt, là điều phúc cho gia đình nhưng thật sự là chúng con không đủ can đảm để thả con ra khỏi vòng tay mình khi nó còn non dại," người vợ nói như phân trần.

Thầy gật gù:

"Cha mẹ nào cũng muốn con mình được sống cuộc sống bình an, êm ấm, vì vậy chẳng ai an lòng cho con vào chùa xuất gia. Tôi biết đó là lý do khiến ông bà không cho phép chú Thông xuất gia dù rằng chú ấy đã nài nỉ ông bà nhiều lần. Tôi rất thông cảm tâm trạng của ông bà. Nhưng mặt khác, tôi cũng rất thông cảm tâm trạng của chú Thông: một đứa bé phát tâm xuất gia. Tôi chưa bao giờ khuyên người khác xuất gia dù rằng đối với tôi, dĩ nhiên xuất gia là việc tốt. Nhưng tôi cũng không thể không cảm động khi thấy một đứa trẻ trốn nhà xuất gia. Ông bà không thấy cái điếm khác thường nơi một đứa bé trốn nhà đi tu sao? Tôi muốn ứa nước mắt khi tưởng tượng chú ấy nửa khuya rón rén rời khỏi nhà để một thân một mình ra bến xe ngựa, tìm đến chùa này xin xuất gia. Trong việc trốn đi của chú có cái vẻ quyết tâm đáng sợ mà chúng ta không tưởng tượng ra nổi. Người ta nói đời sống trẻ thơ là đời sống thuần tình cảm; tình thương đối với trẻ thơ rất cần thiết. Vậy tại sao chú ấy đang sống trong gia đình êm ấm với tình thương yêu của cha mẹ và anh chị em mà lại bỏ đi để tìm một cuộc sống khác? Với lứa tuổi mười hai, tôi không tin là chú ấy buồn chán gì gia đình cả. Chú ấy chỉ đi tìm một cuộc sống mới thích hợp với tâm hồn và ước nguyện sâu xa nào đó của chú mà thôi."

Người chồng nói chen vào:

"Tuổi trẻ có những ước mơ đôi khi bốc đồng. Có thể cháu nó nông nổi tưởng tượng ra một nếp sống thần tiên ở ngoài mái ấm gia đình của nó."

"Tôi đồng ý là tuổi trẻ bông bột. Nhưng bông bột trong những ước vọng thế tục thì nhiều, còn bông bột trong ước nguyện xuất gia thì tôi chưa thấy. Tôi cũng đồng ý rằng trốn nhà đi tu mà chưa biết ở chùa có chấp nhận mình hay không là cái bông bột của chú Thông; nhưng thái độ quyết tâm đạt được ước nguyện của mình vào cái tuổi bé nhỏ đó thì không phải là bông bột. Và khi

quyết tâm thành đạt ước nguyện của mình, chú ấy bất kể mọi trở lực. Không ai cưỡng ép chú chọn lựa con đường xuất gia và cũng không sợi dây nào trói buộc được chú với đời sống gia đình thế tục."

Người chồng vẫn chưa đồng ý:

"Lý tưởng của một đứa trẻ mười hai là một lý tưởng đáng ngờ lắm. Không ai tin rằng một đứa bé như thế có thể tự tìm tự vạch cho mình một lý tưởng sống."

Thầy cười nói:

"Ước nguyện xuất gia của một đứa bé thực ra không phải là một lý tưởng—vì lý tưởng chỉ là con đẻ của lý trí—trong khi bé Thông, con của ông bà, đã không sử dụng lý trí để chọn lựa lối đi của nó. Và lại, mọi manh động của lý trí đều trở nên vô ích và phải bị đánh rơi trước khi đặt chân vào lộ trình thênh thang dẫn đến đạo quả giải thoát. Chú Thông đã đến với cửa thiền bằng con đường ngắn nhất mà những kẻ giàu lý trí, ưa chuộng lý trí, muôn đời không thực hiện nổi. Chú đến đây với một tình cảm thuần chất không pha lẫn chút lý trí nào. "

Người vợ định nói gì đó nhưng người chồng đã nhanh miệng nói:

"Theo tôi thì những ước mơ của một đứa bé chưa trưởng thành cần phải được cha mẹ nó phán xét, quyết định. Và chúng tôi quyết định rằng giữ nó ở nhà, cấm nó ra khỏi nhà, tăng lờ mọi yêu cầu của nó, một thời gian thôi, mọi ước mơ, mọi mong cầu nông nổi của nó cũng sẽ chết tiệt và đi vào quên lãng."

Thầy lại cười nhẹ nói:

"Điều quan trọng là tạo nên hạnh phúc cho đứa con mà mình thương yêu chứ không phải là lo bảo vệ sự ổn cố, bình yên của mình. Ông bà nghĩ rằng với sự cấm đoán, ông bà sẽ giữ chân được con và khiến cho nó được hạnh phúc sao? hay là suốt đời nó cứ thao thức ôm mãi một ước nguyện chưa tròn? Và ông bà có thể ngăn cản chú ấy được mãi hay không? Bây giờ chú mới mười hai mà đã dám bỏ nhà ra đi rồi. Một hai năm nữa, khôn lanh hơn, nghị lực hơn, liều lĩnh hơn, quen thuộc đường sá hơn, biết cách xoay sở hơn, liệu ông bà có còn cầm chân chú ấy nổi hay không? Đừng cho rằng chuyện chú ấy xin ông bà cho xuất gia cũng giống như lúc chú ấy xin miếng bánh hay cây kẹo. Một đứa bé tự động xin xuất gia không phải là một sự kiện cón

con có thể bỏ qua, không quan tâm được. Đó không phải là một nhu cầu vật chất mà là một nhu cầu tâm linh. Chúng ta không thể dùng dung bỏ mặc một đứa con nít kêu khóc vì đói bụng; cũng vậy, chúng ta không thể phớt lờ sự đói khát tâm linh của nó. Tôi biết gia đình ông bà là một gia đình Phật tử thuần thành nên tôi mới dám có đề nghị với ông bà là hãy nhìn kỹ lại cái ước nguyện cao đẹp của con mình. Ước nguyện đó rất khác với những ước vọng thông thường của tuổi trẻ như muốn trở thành ca sĩ, kỹ sư, bác sĩ, triệu phú v.v... Một bên thì bỏ tất cả, một bên thì muốn tất cả. Ông bà sợ con mình bỏ tất cả để rồi không có tương lai đối với cuộc sống, phải không? Nhưng ông bà đừng quên rằng khi một đứa trẻ không đòi được cái gì nó thích thì nó cũng đã mất tất cả ngay tự lúc đó chứ không phải chờ đến tương lai, phải vậy không?"

Người chồng im lặng một chốc, nhìn vợ dò phản ứng; thấy vợ như không biết phải nói gì, ông liền nêu câu hỏi với giọng cay chua:

"Thưa thầy, vậy có nghĩa rằng thầy rất tán đồng sự kiện con chúng tôi bỏ nhà đi tu?"

Thầy từ tốn giải thích:

"Tôi tán đồng sự kiện một đứa bé tự nguyện xuất gia. Còn chuyện nó bỏ nhà ra đi chỉ là phản ứng trong hoàn cảnh đặc biệt của nó mà thôi. Nếu có sự thương lượng một cách hòa hợp giữa đôi bên thì không có chuyện nó bỏ nhà ra đi. Sự kiện bỏ nhà đi tu là một cách để biểu lộ mức độ khao khát của đứa bé đó. Sự kiện không quan trọng; mục tiêu mới là điểm chính yếu. Khi đứa trẻ nói lên ước nguyện của nó mà người lớn không đáp ứng, nó sẽ tìm mọi cách để người lớn quan tâm cái ước nguyện chính đáng của nó. Sự kiện trốn nhà có vẻ như là một hành vi hoang đường, ngộ nghĩnh, nhưng thực ra đó chỉ là cách để biểu lộ sự phản kháng mãnh liệt của một đứa trẻ đối với môi trường sống của nó hoặc nó muốn bày tỏ ước nguyện của nó một cách cụ thể và khẳng định hơn."

"Ý thầy muốn nói rằng chúng tôi đã đối xử không được tốt đẹp đối với con cái khiến cho một đứa phải tỏ thái độ phản kháng?"

"Không, xin ông bà đừng hiểu lầm. Như tôi đã nói khi nãy: tôi không nghĩ rằng chú Thông đã buồn chán gì gia đình mà bỏ đi. Sự chăm sóc của ông bà với những sinh hoạt vui vẻ và tiện nghi trong một gia đình thế tục đương nhiên là đầy đủ và hấp dẫn trẻ con hơn cuộc sống thanh bần đạm bạc buồn tẻ của thiên môn chứ. Nhưng điều này không ngăn cản được ý thích xuất gia

của nó. Khi người lớn chọn lựa một lý tưởng, một nếp sống, họ suy tính thiệt hơn, so đo từng chi tiết; còn đứa trẻ thì không chọn lựa lý tưởng mà chỉ chọn lấy một cách vô tư những gì nó thích. Nó thích đến chùa, nó thích ở chùa, đơn giản vậy thôi. Không nhất thiết là phải chán cái này mới tìm đến cái khác mà có khi chỉ vì quá thích một cái khác mà người ta bỏ rơi những gì hiện có."

Người chồng lắng nghe xong, thở dài. Một thoáng buồn trên mặt ông. Ông nhìn ra ngoài sân qua khung cửa lưới nhỏ của phòng khách: con ông đang cầm chổi quét sân chùa. Bộ tịch con ông coi có vẻ vui tươi, phấn khởi lắm. Nhưng ông chỉ thấy buồn, và hơi bất mãn. Ông nghĩ thầm, "không lý nào con mình lại trở thành một chú tiểu, ăn rồi chỉ biết làm ba cái việc lật vật trong chùa thôi sao! Chưa đi tu mà nó đã bị sai quét sân rồi hướng chỉ vào chùa ở hẳn thì phải biết! Chắc là bao nhiêu cực nhọc đổ lên đầu nó!" Không kềm được sự bất mãn của mình, ông đặt vấn đề với thầy:

"Một đứa trẻ vào tu ở chùa sẽ làm gì, học gì và... tương lai của nó thế nào?"

Thầy bình thản nói:

"Chùa là trường trau luyện đời sống tâm linh đức hạnh. Kẻ nào chấp nhận vào chùa là chấp nhận sự trau luyện đó. Tất nhiên sẽ không có ngoại lệ nào dù là ngoại lệ cho một chú tiểu."

"Nghĩa là chú tiểu cũng chịu đựng tất cả những thử thách, những khổ nhọc như một người lớn tuổi trong chùa?" người chồng khó chịu hỏi.

Thầy bật cười:

"Tôi không hiểu sao mọi người đều nghĩ rằng cuộc sống trong chùa là một cuộc sống đầy ải, khổ nhọc. Thực ra điều đó cũng đúng nếu ta đứng ở ngoài mà nhìn vào: chẳng hạn một người ham ngủ sẽ không thích giờ giấc ngủ nghỉ quá ít của thiền môn rồi cho rằng tu thật là khổ, khổ vì ít ngủ; kẻ ham tiền bạc tài sản cũng sẽ không thích đời sống thanh đạm bần hàn lấy trí tuệ làm sự nghiệp của người tăng sĩ, rồi họ cho rằng cuộc sống tu hành là khổ, khổ vì nó không cho phép họ chạy theo sự nghiệp làm giàu; kẻ tham nữ sắc, thích cuộc sống lứa đôi ràng buộc gắn bó với nhau cũng sẽ không chịu đựng nổi cái cảnh tự nguyện độc thân suốt đời của người tu sĩ, từ đó họ cho rằng tu là khổ nhọc, khổ vì phải sống độc thân v.v... Chung qui, cũng vì những ham muốn của họ đều bị tước mất khi vào cửa chùa mà họ cho rằng tu là khổ. Nhưng cái thực tế khổ nhọc đó thật không đúng chút nào với những kẻ

tự nguyện dẫn bước vào chùa. Nó lại càng không đúng với những đứa trẻ hồn nhiên, những tâm hồn trong trắng thanh cao như thiên thần. Những đứa trẻ đó vì chưa vướng bận mùi tục lụy nên không đau tiếc tục lụy, vì chưa tham đắm trần duyên nên không cần phải xả bỏ trần duyên, và vì chưa có óc chiếm hữu, vị kỷ nên không có tâm bảo thủ, cố chấp. Cho nên, chúng không cần cố gắng mà vẫn bước vào thanh qui và nề nếp của thiền môn một cách dễ dàng. Chúng không thấy đời sống ở chùa là khổ sở như những người lớn của thế tục thường nghĩ. Ngược lại, nếp sống thiền môn đối với chúng là một nếp sống hạnh phúc. Và khi chúng cảm thấy hạnh phúc, người ta không có gì cần phải bàn về các sinh hoạt và những vấn đề thứ yếu khác của chúng nữa, phải không?"

Người chồng chưa thỏa mãn, lại cất vấn:

"Đó chỉ là mặt lý thuyết. Còn trên thực tế thì sao? Chúng tôi muốn biết một đứa trẻ sẽ làm gì, và học được gì từ những việc làm mà chúng phải gánh lấy khi vào chùa? Chẳng hạn như... việc quét tước dọn dẹp ở ngoài sân kia," nói đến đây thì ông đưa tay chỉ con mình đang cầm chổi quét phía ngoài, gần khung cửa sổ.

Thầy vẫn nở nụ cười hiền hòa, an nhản:

"Trong cửa thiền, mọi sinh hoạt đều không ngoài công phu trau luyện tâm đức. Bài học vỡ lòng tôi dạy chú ấy sáng nay là bài học về quét sân. Chú ấy đang thực tập bài học đó. Thôi, bây giờ tôi đề nghị chúng ta hãy cùng thăm viếng thế giới của chú Thông để từ đó ông bà dễ dàng quyết định hơn," vừa nói thầy vừa kéo ghế đứng lên, đưa tay ra dấu mời hai vợ chồng cùng ra sân. Người vợ ngó chồng hỏi ý. Người chồng do dự một lúc rồi đứng dậy, theo thầy ra ngoài.

Cái sân rộng đã được Thông quét gần hết, chỉ còn một khoảnh ở quanh cây me phía phải của sân chùa. Thông chăm chú quét lá. Chú đưa chổi đi từng đường ngay hàng thẳng lối. Chú quét một cách thận trọng, không để sót một cọng rác hay một chiếc lá cỏ con nào. Những sỏi đá lộn cợn nổi lên trên nền đất cũng được chú dôn lại, hốt sạch rồi đem đổ dưới gốc cây me. Những chiếc lá me nhỏ kẹt trong các hốc đá hay ẩn nấp dưới các chậu kiểng cũng được chú bươi móc ra, cào dôn rồi hốt đi đổ. Chỗ nào không dùng chổi được, chú lấy tay lượm từng chiếc lá nhỏ bỏ vào đồ xúc rác. Chú tận mẫn tỉ mỉ dọn sạch vườn chùa với tâm hồn và nét mặt hân hoan, thư thới. Thầy và ba mẹ chú bước ra sân, quan sát chú làm việc mà chú cũng không hay biết.

Chú cứ cặm cụi quét dọn. Chút mồ hôi rịn chảy thành hai dòng hai bên má chú mà chú vẫn không bận tâm. Chú cứ cười tươi và chăm chú làm việc một mình. Quét xong rồi, chú nhìn lại toàn bộ cái sân rồi lom khom đi lượm những chiếc lá còn sót lại hoặc mới rụng xuống. Khi chú lần dò kiểm soát trở lại chỗ chú bắt đầu quét, chú mới phát giác sự quan sát lặng lẽ của thầy và ba mẹ mình. Chú nở một nụ cười tươi tắn hồn nhiên như một lời chào hướng về ba người. Chú ngược nhìn họ, có vẻ như muốn hỏi tại sao họ lại đứng yên lặng để nhìn chú quét, và có vẻ như muốn dò biết cuộc nói chuyện giữa ba người đã đưa đến kết quả nào cho sự xuất gia của chú. Chú e dè đứng lại một khắc rồi chấp hai tay, thưa với thầy bằng ngôn ngữ ẩn dụ mà thầy nói chuyện với chú ban sáng:

"Bạch thầy, tâm con đã dọn xong."

Thầy hài lòng khen:

"Tâm con đẹp lắm. Năm xưa thầy phải tốn ba bốn tháng thực tập mới dọn được một vườn tâm đẹp như vườn tâm của con. Con thật xứng đáng là đứa con ngoan của ba mẹ mà còn là đệ tử giỏi của Phật nữa đó."

Chú quay lại nhìn công trình quét lá của mình lần nữa. Quả thật, thầy đã không quá khen. Sân chùa bây giờ quá đẹp và sạch mà trông như chẳng có dấu vết gì cho thấy là mới được quét dọn. Ba mẹ chú trở mắt nhìn cái sân rộng rồi nhìn đứa con trai bé bỏng của mình. Chú thấy cõi lòng tràn ngập hạnh phúc. Mặt chú tươi lên như một cánh hoa mới nở đón chào tia nắng sớm. Rồi chú nhìn vào mắt thầy, vào mắt ba mẹ, chờ đợi. Chú chưa biết họ đã quyết định thế nào. Thầy chỉ lặng thinh nhìn chú, vừa xúc động vừa thấy thương chú vô cùng. Mẹ chú cũng không nói gì, chỉ ứa hai giọt lệ hãnh diện. Còn ba chú thì lẩm bẫm một mình:

"Sân nhà mình chưa bao giờ được chăm sóc kỹ như vậy. Chị ở hay bất cứ người lớn nào ở đời cũng không thể nào dọn được một cái sân như con mình đã làm. Quả thật đây không phải chỉ là quét sân mà là một sự trau luyện."

Hai vợ chồng đều cảm thấy con mình đã bước thật xa, ra khỏi vòng tay mình. Thế giới của Thông là đây. Niềm vui của Thông là đây. Nhìn nét mặt hân hoan của Thông thì thấy. Chưa bao giờ Thông tươi tắn rạng rỡ như hôm nay. Hạnh phúc nơi Thông thật khác lạ: hạnh phúc nhẹ nhàng và tự nhiên, không thể tìm thấy ở nơi nào khác. Như một loài hoa quý chỉ có thể thích hợp duy nhất với một loại đất, hay một khí hậu đặc biệt nào đó, Thông có vẻ

như chỉ thích hợp với đất này, không khí này. Không thể bứng cây hoa này đi đâu khác. Ba Thông gọi chú đến với mình, ông nói:

"Con muốn đi tu thật hử Thông?"

Không chút ngập ngừng, Thông đáp:

"Dạ, con muốn đi tu."

"Con không muốn sống với ba mẹ nữa sao?"

Thông lặng thinh không đáp. Ba Thông kéo chú vào lòng, ôm chú, xiết nhẹ lấy chú với đầy thương yêu. Rồi ông nói với mẹ chú:

"Thầy nói đúng đó em. Chúng ta sẽ không ngăn cản bước đi của con được đâu."

Mẹ Thông nói:

"Em cũng tính nói với anh điều đó. Ngay bây giờ, em biết chúng ta phải hy sinh để biểu lộ lòng thương của mình chứ không phải giữ gìn con trong vòng tay để rồi nó phải quay quắt một đời với một ước nguyện chưa thành. Đến đây với mẹ, con."

Người mẹ ôm con vào lòng, khóc.

Sau khi gửi gắm Thông nơi thầy rồi dặn dò con đủ thứ, họ bằng lòng để Thông ở lại với thầy. Đợi ba mẹ bước ra khỏi cổng chùa rồi, Thông nói với thầy:

"Con cảm ơn thầy. Thầy nói sao mà ba mẹ con nhận lời vậy hử thầy?"

Thầy xoa đầu chú, cười nói:

"Người lớn nói chuyện với nhau chỉ bày vẽ chuyện lý luận mà cuối cùng cũng chẳng đưa đến đâu. Chỉ có cái sân do chính tay con quét dọn và chỉ có niềm hạnh phúc an lạc trong con mới đủ khả năng thay đổi sự kiên quyết của ba mẹ con mà thôi. Thầy không có công lao gì hết. Tất cả là nhờ chính con. Với một cây chổi cùn, con có thể vẽ nên ước nguyện cao xa của con. Và nếu con luôn giữ tâm con sạch đẹp như sân chùa hôm nay thì việc gì con cũng sẽ thành tựu."

Tám năm sau, chú tiểu Thông thọ đại giới. Hai năm sau nữa, thầy chú viên tịch. Chú thay thầy trụ trì ngôi chùa nhỏ đó. Cũng như thầy, chú không ham xây cất chùa to Phật lớn. Chú chỉ đặt hết tâm mình vào việc tu niệm và sốt sắng góp công sức vào những việc từ thiện xã hội mà chú thấy là đem lại những lợi ích cụ thể cho cuộc đời. Và cũng như sư tổ (sư phụ của thầy), cũng như vị thầy khả kính của mình, chú luôn luôn sử dụng cây chổi như một cây bút, vẽ nên bức tranh cao đẹp chân chất của thiền môn.

---o0o---

Bước Đi Của Thiên Thần

Lúc nào cũng vậy, hễ nghe ai nhắc tới cha của Rahula là nét mặt Yasodhara sầm xuống, buồn dàu dàu. Rahula còn bé bỏng, không làm sao cảm thấu được nỗi buồn của mẹ. Cậu bé cứ hỏi mẹ về người cha chưa bao giờ thấy mặt của mình. Yasodhara chẳng biết trả lời sao. Cứ hứa hẹn với con, rằng cha sẽ về, một ngày nào đó, một ngày rất gần.

Nhiều năm và nhiều lần như vậy rồi, đến hôm nay tin tức về chồng nàng mới thực sự được đưa về kinh thành một cách chính xác và đáng tin cậy. Rằng Siddhārtha chồng nàng, đương kim thái tử của vương quốc Sākya, sau sáu năm lìa bỏ cung thành xuất gia tầm đạo trong núi tuyết Hymalaya, đã chứng được đạo quả vô thượng, trở thành một kẻ giác ngộ hoàn toàn, một bậc đạo sư, một đấng Thế tôn... và sau ba năm kế tiếp thành lập giáo đoàn, truyền bá giáo lý giải thoát khắp nơi, người đang trên đường trở về kinh thành để thăm cố quốc. Bây giờ cái tên quen thuộc Siddhārtha đã không được người ta dùng để gọi chàng nữa: người ta gọi chàng là Thế tôn, Như lai, hay đức Gotama.

Từ ngày chồng nàng vượt thành vào rừng xuất gia, nàng lặng lẽ ở mãi trong tư phòng, chẳng thiết tha gì với mọi sinh hoạt, lễ lộc, cùng bao cuộc vui ca múa hát thường xuyên tổ chức trong cung đình. Với nàng, cuộc đời thanh xuân kể như đã khép lại. Thực ra, hơn ai hết, nàng hiểu rõ tâm trạng, tình cảm cũng như hoài bão cao xa của chồng mình. Có những điều mà có lẽ chàng chưa nói với ai, nhưng đã không che giấu nàng. Nàng còn nhớ những lần cùng đi dạo với chồng trong ngự uyển dưới ánh trăng vắng vạc trải ánh vàng lênh láng trên ngàn hoa nội cỏ. Trước vẻ đẹp của thiên nhiên và không khí riêng tư êm đềm ngoài cung đình, nàng sung sướng ôm chặt cánh tay chàng, tựa đầu vào vai chàng để lắng nghe những lời tình tự mà hiếm khi chàng bày tỏ. Nhưng chàng cứ im lặng. Mắt chàng vẫn cứ nhìn xa xăm, nhìn đâu đâu, như thể sự hiện diện của nàng không còn là một sở hữu vô giá mà chính chàng đã từng nâng niu, từng ra sức thi thố tài năng trước mọi công

tôn vương tử khác để chiếm hữu! Sau những lần dạo chơi ngoài cung thành để tìm hiểu đời sống nhân dân, chàng đã thay đổi quá nhiều. Trong mắt chàng, dường như chỉ còn một thứ lửa còn cháy, cháy dịu nhưng triền miên, đó là thứ lửa bi mẫn mà chàng dành trọn cho nỗi thống khổ của nhân sinh. Và trong mắt chàng, nàng cũng chỉ hiện hữu như một biểu trưng của kiếp người khổ bệnh. Nhưng có lẽ nàng đặc biệt hơn: nàng được gần gũi chàng để lắng nghe, để cảm thấu bao biến động trong tâm tư và ý chí của chàng. Những lời chàng trao cho nàng, dù được thốt ra dưới một đêm trăng huyền ảo thơ mộng, hay được thốt ra trước ánh bình minh rực rỡ trải dài muôn tia nghìn sắc trên sông núi bao la hùng vĩ, vẫn chỉ là những lời than thở, đau xót cho nhân sinh khô lụi. Lần ấy, cùng đứng bên nhau trước bao cơn nhìn ra ngự uyển đang ngập ánh trăng, chàng nói rằng:

"Yasodhara, nếu một ngày nào đó ta không còn ở bên em, em có hờn trách ta không?"

Yasodhara cúi mặt không trả lời. Tim nàng dường như đứng lại. Dĩ nhiên như bao nhiêu thiếu phụ son trẻ khác, nàng không muốn rời chồng nửa bước. Nàng và chàng chưa hề hực hực gây gỗ, lời qua tiếng lại với nhau bao giờ. Cuộc hôn nhân của họ là một cuộc hôn nhân đầm thắm, đẹp, và có thể nói là một cuộc hôn nhân cực kỳ xứng hợp và toàn vẹn để có thể làm gương cho bao cặp tình nhân khác. Vậy thì, không có lý do nào, không có trở lực nào có thể cưỡng ép, lôi kéo, đưa đẩy nàng và chàng phải xa nhau. Nhưng rõ ràng là chàng đã từng có ý ra đi. Dường như chàng có mặt trên cuộc đời này không phải là để hân thưởng hoặc đón nhận những gì hiện hữu của cuộc đời mà có mặt để thực hiện một chuyến đi, một cuộc hành trình, một sở nguyện nào đó rất cấp thiết cho muôn loài. Tình yêu của chàng không phải là thứ tình mà người ta có thể đóng đầy hay phong kín trong một trái tim, một tâm hồn mà là thứ tình lan tỏa, trải rộng, không bến bờ. Tình yêu đó đã lan thấm nhẹ nhàng vào lòng nàng một cách êm mát, dễ chịu và thanh thản, nhưng mặt khác, nó đánh bật đi độc quyền chiếm hữu của nàng. Nó không phải là cái gì có thể chiếm riêng được. Đôi lúc nàng sung sướng đón nhận cái tình yêu bao la và trong sáng đó, nhưng thoát khi, nàng cũng muốn chối bỏ nó, để chỉ được vớt vát lại cái tình cảm giới hạn dù rằng rất là tầm thường của thế nhân. Nàng muốn chàng cứ yêu mình như một người chồng yêu thương một người vợ. Một người vợ duy nhất. Tình yêu đó không cần phải san sẻ cho ai. Tình yêu đó, không ai khác trên thế gian này có thể được chung hưởng...

"Siddhârtha yêu dấu, em biết, em có thể nhìn thấy trước điều đó trong mắt anh. Một ngày nào đó anh sẽ ra đi. Nơi anh đến sẽ không cần có em. Em biết

anh muốn tìm cái gì. Cái đó không có ở nơi em. Cái đó không phải cho riêng anh, cũng không phải cho riêng em..." Yasodhara nghẹn ngào giãy lất rồi bật khóc.

Siddhārtha ôm choàng lấy vai nàng, không nói. Úp mặt trên vai chồng, Yasodhara thở thê:

"Muôn loài sẽ hân hoan an lạc nếu anh tìm thấy ánh sáng và lối đi của anh. Cùng với muôn loài, em cũng sẽ được chung hưởng niềm vui đó. Nhưng... làm sao em có thể chịu đựng nỗi sự ly biệt này, hỡi Siddhārtha yêu dấu của em..."

Siddhārtha vỗ về nàng, giọng chàng ấm và dịu như ánh trăng vàng đang trôi trên lá cỏ:

"Đừng khóc em yêu. Nhân loại đang chờ đợi ta. Không phải chỉ chờ đợi riêng ta, mà còn chờ đợi em nữa đó. Trên và trước tất cả mọi người, em là kẻ đầu tiên có thể chia sẻ cùng ta sứ mệnh thiêng liêng này."

Chính đêm ấy, Yasodhara thọ thai. Và cũng từ đêm ấy, nàng ý thức rất rõ ngày ra đi của Siddhārtha càng lúc càng kề cận. Chàng trầm tư nhiều hơn, tạ thiên nhiều hơn, cả ngày lẫn đêm.

Khi nàng sinh hạ Rahula, phụ vương Shuddodhana cùng hoàng thân quốc thích, thần dân trong kinh thành đều hết sức hoan hỷ. Đức vua Shuddodhana tổ chức lễ tiệc linh đình để ăn mừng sự ra đời của vương tôn Rahula. Nhưng đối với Yasodhara, sự ra đời của Rahula như là sự báo hiệu của một cuộc biệt ly đoạn trường mà nàng từng tiên cảm. Trong tư phòng, nàng gượng gạo đón tiếp những người thân thay nhau bước vào thăm hỏi sức khỏe mà mắt nàng cứ dăm dăm nhìn về hướng cửa phòng để mong ngóng chồng mình. Đến tối, khi chỉ còn lại một mình nàng, Siddhārtha mới lặng lẽ bước vào. Không nói gì. Chàng ngồi bên mép giường, cầm tay nàng. Rồi đưa tay vén nhẹ những sợi tóc lòa xòa trên vầng trán cao của nàng, đặt bàn tay ấm của chàng lên đó. Yasodhara bỗng nghẹn ngào khóc. Nước mắt nàng ràn rụa trên gương mặt xanh xao. Nước mắt nàng cứ chảy mãi, chảy mãi như thể phút phân kỳ đã kề cận, không còn mơ hồ nữa. Siddhārtha cúi hôn lên đôi mắt đẫm lệ của nàng.

Rồi chàng ẵm Rahula lên, nhìn ngắm đứa con sơ sinh với thương yêu đầy tràn trong ánh mắt. Chàng ôm con đi vòng vòng trong phòng. Nàng nằm trên giường nhìn theo, ngắm bóng dáng chàng, quan sát đôi mắt và nụ cười của

chàng. Mắt chàng ánh lên niềm vui, miệng chàng đã nở được nụ cười. Cũng là ánh mắt và nụ cười hạnh phúc của một người cha. Chàng đã trở thành một người cha rồi đó. Rahula bị bầm dễ thương hơn bất kỳ đứa bé nào có mặt trong kinh thành này. Chàng đã cười vui. Có lẽ... có lẽ chàng sẽ quên. Có lẽ chàng sẽ quên. Chàng sẽ không rời xa nơi này nữa. Rahula xinh đẹp, khẩu khinh quá. Rahula thừa hưởng tất cả nét đẹp thanh cao quý phái của cha nó. Ô kìa, chàng đang sung sướng ẵm con. Chàng sẽ quên, chàng sẽ quên... Bỗng Rahula khóc ré lên. Chàng không biết làm gì cho nó nín khóc. Chàng lúng túng nhìn nàng vừa cố gắng đu đưa hai tay đỡ con. Nhưng Rahula cứ khóc. Chàng bèn đem con đến giường, đặt con nằm bên cạnh nàng. Yasodhara ôm lấy con. Rahula ẹ ọ vài tiếng rồi nín khe. Chàng ngồi bên mép giường, nhìn hai mẹ con, cười nhẹ. Rồi mặt chàng bỗng sầm xuống. Niềm vui không bao giờ kéo dài được trong chàng. Chàng ngồi im lặng thật lâu, rồi đứng dậy, rời khỏi phòng.

Tối nào cũng vậy, chàng ghé tạt vào phòng của hai mẹ con như để thăm hỏi, vài ba phút thôi, rồi rời khỏi phòng. Chàng có phòng riêng để tọa thiền và nghỉ đêm một mình. Tỉnh thoảng vào nửa đêm, Yasodhara bước nhẹ đến trước phòng của Siddhârtha để thăm chừng giấc ngủ của chồng và nàng thấy chàng ngủ trong tư thế tọa thiền. Nàng không biết phải làm sao. Nàng không muốn đánh thức chàng. Sự tĩnh tâm hàng giờ, hàng ngày của chàng càng lúc càng tạo nên một khoảng cách giữa hai vợ chồng khiến đôi lúc nàng có cảm tưởng chàng như một vị thầy, một đạo sư của nàng chứ không còn là một người chồng đã từng chia sẻ tình cảm vui buồn với mình như trước đây nữa.

Tối hôm đó, khác với mọi khi, chàng đến thăm hai mẹ con sớm hơn, vừa sau giờ ăn tối. Chàng ngồi nơi chiếc ghế nạm ngọc, chống cằm nhìn nàng cho con bú. Chàng vẫn im lặng, không biểu lộ tình cảm nào rõ nét. Một chốc, chàng bảo Yasodhara đưa con cho chàng bồng. Chàng bồng Rahula thật lâu, bước quanh trong phòng, rồi đến bên cửa sổ chỉ cho Rahula mảnh trăng non vừa lú lên ở cửa thành phía đông. Rahula bé bỏng không hiểu gì, chỉ cười. Rồi chàng lặng yên đứng mãi bên cửa sổ, tay vẫn ôm con mà mắt nhìn xa xăm. Rahula tựa đầu lên vai cha nó, mút ngón tay. Yasodhara ngồi trên giường quan sát hai cha con, vừa hạnh phúc, vừa lo sợ.

Khi chàng quay lại để trao Rahula cho nàng, Yasodhara thấy mắt chàng long lanh. Chàng nhìn nàng một cách triu mến, nhưng vẫn không nói gì. Rồi chàng rời khỏi phòng.

Vào khoảng nửa đêm, khi Yasodhara còn đang trầm trọc ưu tư về cuộc sống chung giữa nàng và Siddhārtha thì chàng xuất hiện. Chàng vào phòng, có vẻ ngập ngừng một lúc rồi bước nhẹ đến bên giường của hai mẹ con. Yasodhara vờ ngủ say, nhưng với ánh đèn dầu mờ đặt trên bàn và ánh trăng thượng tuần nhọt nhọt hắt vào song cửa sổ, nàng có thể nhìn thấy được nỗi xúc cảm của chàng hiện lên trên nét mặt vốn nhiều trầm tư đó. Chàng cúi xuống hôn Rahula. Rồi khẽ ngồi xuống giường, đặt nhẹ bàn tay ấm của chàng lên má nàng. Bàn tay ấm đặt lên má và để yên như vậy vài phút. Yasodhara nín thở, nén xúc động. Chàng không hay biết nàng đang thức. Chàng nhìn ngắm nàng, nhìn ngắm con, thật lâu. Rồi chàng đứng dậy. Nước mắt Yasodhara lăn dài, lăn dài. Nàng nằm yên nhìn chàng vén màn bước ra khỏi phòng. Bóng chàng nhạt nhòa qua làn nước mắt của nàng. Nàng vẫn cứ nằm yên, nước mắt lăn mãi, lăn mãi. Nhưng chàng bỗng quay trở lại, bước vào phòng, đến cạnh giường, nhìn vợ con lần nữa. Hình như mắt chàng long lanh, nàng cảm thấy vậy. Nàng muốn ngồi bật dậy để ôm lấy chàng, nhưng nàng không thể. Và nàng cứ nằm đó, vờ nhắm mắt ngủ. Chàng khẽ nâng nhẹ bàn tay nàng lên, hôn nhẹ. Chàng không biết nàng đang khóc. Chàng quay qua vuốt tóc Rahula. Rahula cười hồn nhiên trong giấc ngủ. Chàng hôn lên trán con rồi bước ra khỏi phòng. Lần này, bước đi chàng mạnh dạn hơn. Nhưng đến cửa phòng, chàng lại dừng, quay đầu nhìn vợ con trước khi khuất nhanh sau màn cửa. Yasodhara cứ nằm yên mà khóc một cách thầm lặng. Nàng biết chàng đã lên đường, sẽ không quay lại nữa, trừ phi chàng có thể tìm được một con đường, một phương thuốc để đem lại hạnh phúc và lợi lạc cho muôn loài. Nàng đứng dậy bước đến bên cửa sổ, nhìn ra ngoài trời đêm bao la. Một lúc lâu, có tiếng vó ngựa gõ vang ở xa xa, đâu đó ngoài kinh thành.

*

Bây giờ, chàng đang trên đường về. Cả hoàng thành nhón nháo. Quốc vương Shuddodhana hân hoan thấy rõ. Ông lẳng xẵng lui tới trong hoàng cung rồi đích thân cùng với Maha Pradjapati (dì của Siddhārtha) ra ngõ môn quan để đón rước Siddhārtha vào thành. Ông cũng cho người gọi Yasodhara cùng đi, nhưng nàng cáo bệnh, từ chối. Nàng ở lại một mình trong phòng. Vén rèm nhìn qua cửa sổ. Nơi đây, nàng không thể nhìn thấy được tận cổng thành. Chỉ nghe tiếng trống, tiếng kèn, tiếng hò reo hân hoan của thần dân vương quốc Kapilavastu. Nàng biết quốc vương Shuddodhana vẫn còn ảo tưởng, vẫn còn hy vọng rằng một khi Siddhārtha đã chịu trở về kinh thành, chàng cũng sẽ đồng ý gánh lấy sứ mệnh nối ngôi vua cha để cai trị xứ này. Ông chỉ mong đợi chừng đó. Bây giờ, nghe rằng chàng đã giác ngộ và trở thành một

đạo sư du thuyết khắp nơi, ông vẫn không từ bỏ niềm hy vọng của ông. Ông vui mừng đi đón Siddhārtha. Ông cho rằng, một bậc thế tôn—như người ta xưng tụng—cũng có thể thay ông cai trị vương quốc Kapilavastu chứ không gì trở ngại cả. Đức độ của vị thế tôn đó càng làm tăng thêm uy tín cho ngài vàng cũng như càng làm vững mạnh thêm cho vương quốc này. Yasodhara không tin như vậy. Nàng biết chàng đã tìm được con đường của chàng. Chàng đã tìm thấy chơn lý. Và như vậy, chàng sẽ không bao giờ từ bỏ con đường của chàng để trở về với những phù hoa ảo ảnh của cuộc đời—cho dù là cuộc đời vương giả. Chàng đã tìm được thuốc hay và chàng sẽ mang thuốc đó đi chữa bệnh cho nhân loại. Chàng đã kết thúc cuộc tìm kiếm của chàng, nhưng chỉ mới bắt đầu con đường chữa trị cho kẻ khác. Chàng vĩnh viễn không thuộc về tộc họ đế vương hạn hẹp này nữa. Chàng là một đạo sư cao cả của thế gian—một kẻ mà những sợi tóc óng mượt của nàng sẽ không bao giờ có thể cột trói được nữa—vậy thì nàng đi đón chàng với tư cách gì đây. Ngay khi chàng còn bên cạnh, nàng đã cảm nhận rằng chàng không thuộc về mình nữa. Huống chi giờ này, chàng đã trở nên một con người khác, một con người với trí tuệ siêu việt, một bậc thế tôn—tiếng đồn đã lan đi như vậy.

Yasodhara đứng bên rèm cửa sổ, lặng yên nhìn hoa nở, lặng yên nhìn mây bay qua bầu trời. Lòng nàng lặng yên một lúc rồi cuộn cuộn dâng dậy bao xúc cảm bình thường của một người vợ. Đã mười năm rồi, xa cách nhau, không biết bây giờ chàng đã thế nào? Chàng có được khỏe mạnh không? Bao năm lăn lóc với sương tuyết trên núi cao, trong rừng thẳm, không biết chàng có mang bệnh trong người không. Chắc là chàng phải gầy hơn xưa nhiều. Đôi mắt chàng, sáng đẹp nhưng buồn làm sao! Nhưng chắc bây giờ chúng không còn vương buồn nữa vì chàng đã tìm thấy những gì chàng mong đợi kiếm tìm. Càng suy nghĩ, Yasodhara càng nghe rạo rục nôn nả trong lòng. Nhưng cuối cùng, nàng gạt phắt đi tất cả. Nàng quỳ xuống bên cửa sổ. Hai tay vịn vào khung cửa, gục mặt trên đó, tự nhắc nhở chính mình:

"Không, không, ta không thể ngăn trở bước đi của chàng. Phải can đảm. Phải dứt khoát. Phải chia xẻ cùng chàng sứ mệnh thiêng liêng đó."

Tuy đã tự nhủ như vậy mà mắt nàng vẫn cứ đoanh lệ. Nàng cố nén tất cả nỗi đau trong lòng, ngược nhìn lên trời cao như mong đợi sự tiếp sức của một thần linh nào để nàng đủ nghị lực vượt qua những đau khổ thường tình hạn hẹp. Bất chợt Rahula chạy xông vào gọi:

"Mẹ ơi, mẹ."

Yasodhara vội vàng lau nước mắt, quay lại với con:

"Gì vậy Rahula, sao con không đi đón cha?"

"Con đi với chú Ananda ra tuốt ngoài kia rồi, nhưng con không muốn đi nữa, con muốn về đây với mẹ. Sao mẹ không đi đón cha hỏi mẹ? Mẹ buồn hỏi mẹ?"

Nghe Rahula hỏi, Yasodhara cố nén tiếng khóc, nói:

"Mẹ đâu có buồn. Cha con về thì mẹ vui chứ. Con ngoan thì đi đón cha, vào đây với mẹ làm gì!"

"Mẹ đi thì con mới đi. Không có mẹ con sợ cha quá à!"

"Đừng có vậy mà. Cha con hiền lắm, ai gặp cũng quý mến. Mẹ thường kể cho con nghe rồi, con không nhớ sao! Cha con thương người thương vật, tại sao con phải sợ chứ!"

"Thương người thương vật chứ đâu có thương con!" Rahula phụng phịu nói.

"Nói bậy! Cha chỉ có mình con, cha thương con lắm," nói ngang đây thì Yasodhara nhe răng muốn ứa nước mắt.

Nàng có thể hy sinh dâng tặng chồng mình cho nhân loại, nhưng đứa con thơ Rahula này phải hy sinh người cha thì đáng thương cho nó quá. Ngay từ lúc sơ sinh nó đã mất đi người cha này rồi. Bây giờ, cha nó trở về... nhưng cũng không còn là cha nó như một người cha thông thường nữa. Có thể sự trở về của chàng hôm nay càng làm cho con buồn tủi hơn, vì chàng về rồi chàng sẽ đi. Đây không phải là nơi chốn dừng nghỉ vĩnh viễn của chàng. Đã có lần chàng tâm sự với nàng như vậy. Chàng nói rằng nếu một ngày nào đó chàng tìm được chân lý, chàng sẽ đi muôn phương, đi khắp nơi nào có bóng dáng của khổ đau để giáo hóa, vỗ về, đem lại hạnh phúc và an lạc cho tất cả mọi người. Vậy thì, chàng sẽ lên đường sau khi thăm viếng và giảng dạy cho nhân dân kinh thành Kapilavastu. Nếu chàng có dự tính thiết lập một nơi chốn cố định để truyền đạo và phát huy tư tưởng giải thoát của chàng thì nơi chốn đó sẽ không bao giờ là hoàng cung này. Một bậc thế tôn sẽ không bao giờ làm như thế. Và trước tất cả mọi người, nàng biết rất rõ rằng chàng không còn là sở hữu của riêng quốc gia nào, dòng dõi nào, giai cấp nào, hay của riêng một người nào, dù người đó đã từng là vợ chàng, Yasodhara, hay là con chàng, Rahula.

Nghẹn ngào một lúc, nàng gắng giọng nói tiếp:

"Rahula à, cha thương con lắm, nhưng cha cũng thương nhân dân đau khổ nữa. Chính vì vậy mà cha đã rời hoàng cung đề xuất gia tìm đạo đó. Mẹ đã nói con nghe điều này rồi, phải không?"

"Dạ phải, mẹ đã nói. Mẹ còn nói rằng cha đã trở thành một sa môn, một tu sĩ không nhà, chỉ sống trong rừng sâu, dưới gốc cây, đúng không mẹ?"

"Đúng, nhưng bây giờ cha đã trở thành một đức thế tôn, nghĩa là một vị đạo sư cao cả xứng đáng cho mọi người trên thế gian kính ngưỡng quy phục."

"Như vậy... như vậy... cha có trở về hoàng cung để làm vua không hở mẹ? Cha có về với mẹ, với con không hở mẹ?"

Yasodhara ngấp ngừng một chốc rồi nói với hy vọng rằng Rahula cũng sẽ vui lòng chấp nhận sự vắng mặt của Siddhārtha nơi cung điện này:

"Một vị vua tài đức như ông nội con cũng chỉ đủ sức đem lại ấm no hạnh phúc cho nhân dân Kapilavastu chứ không đem lại hạnh phúc cho nhân dân thuộc các vương quốc khác. Ông nội con cũng chỉ có thể cai trị vương quốc này trong vòng mấy mươi năm hạn cuộc chứ không thể cai trị vĩnh viễn. Ông nội con không chăm sóc, không giải quyết được những đau khổ riêng lẻ của mỗi người trong vương quốc này. Một bậc thế tôn thì khác. Khác lắm. Nhưng... con có hiểu mẹ nói gì này giờ không vậy Rahula?"

Rahula nhanh nhẩu đáp:

"Thưa mẹ con hiểu. Con hiểu mẹ nói rằng cha con đã trở thành một đức thế tôn thì cha con sẽ làm nhiều việc to lớn hơn cả ông nội con nữa."

Yasodhara sung sướng ôm con vào lòng:

"Ôi con thương yêu của mẹ, con thông minh biết bao! Con mới được mười tuổi đầu mà tâm trí sáng láng như vậy thực chẳng kém sút gì cha con thời ấu thơ. Mẹ kể con nghe rồi phải không? Đúng, cha con thực là phi thường ngay từ thuở bé. Dù lúc ấy còn nhỏ, mẹ cũng đã nghe được tiếng đồn về một đứa bé trai đặc biệt ngang tuổi mẹ mà đã tỏ ra thông minh tột đỉnh. Sau này mẹ còn nghe các hoàng thích, các cung nhân lớn tuổi kể lại nữa. Con thừa hưởng tất cả những cái phi thường của cha. Nhưng... cha con thì đã... vậy con phải..."

"Mẹ không muốn con theo cha, phải không mẹ? Vì cha đã làm sa môn, cha đâu có làm vua thay thế ông nội. Mẹ muốn con thay thế cha làm vui lòng ông nội, phải không hở mẹ?"

Yasodhara giật mình nhìn Rahula. Nàng không ngờ con mình lại tinh ý đến như vậy.

"Rahula, con thật là hiểu chuyện. Đúng, thay cha, thay ông nội trị vì vương quốc này chính là trách nhiệm của con đó. Nhưng... điều mẹ muốn hỏi là..." ngưng một lúc, Yasodhara quyết định hỏi thẳng, "nếu cha về thăm chúng ta xong rồi sẽ ra đi trở lại thì con có buồn không?"

Rahula suy nghĩ một lúc rồi nói:

"Con buồn chứ. Con muốn có cha bên cạnh mẹ để mẹ không buồn, để mẹ khỏi đến bên cửa sổ nhìn ngóng hoài. Con cũng muốn có cha để cha dạy con bắn tên, múa kiếm, cưỡi ngựa và học đọc sách nữa. Chú Ananda nói cha giỏi tất cả những môn đó. Không có cha con buồn lắm. Mẹ cũng sẽ không vui được. Nhưng con nghĩ lâu nay cha cũng đã xa chúng ta rồi mà. Nay biết được cha khỏe mạnh và thành đức thế tôn thì con vui mừng rồi. Con không dám đòi cha về đâu, để cha lo làm công việc của đức thế tôn."

Yasodhara nhìn Rahula, nàng khóc sung sướng.

"Đừng khóc nữa mẹ. Mẹ đi với con ra đón cha đi."

"Mẹ không buồn đâu Rahula ạ. Mẹ đang sung sướng đấy chứ. Nhưng mẹ không đi đâu. Con ngoan thì nghe lời mẹ, hãy đi đón cha. Con sẽ thu thập được từ cha con nhiều điều hay đẹp có lợi cho cuộc sống hằng ngày của con cũng như trong việc cai trị vương quốc về sau này. Cha con có một kho tàng vô tận mà không ai trên thế gian này có được."

"Kho tàng hở mẹ! Ô, thật thích quá!"

Yasodhara mỉm cười:

"Ừ, một kho tàng vô giá, chỉ riêng cha con mới có."

Rahula khuất dạng rồi mà nàng cứ nhắc đi nhắc lại mãi câu ấy trong lòng. Một kho tàng vô tận mà không ai trên thế gian này có thể có được.

*

Rahula ra khỏi dãy hậu cung, băng ngang một dãy hành lang dài dẫn đến tiền cung. Khi Rahula đến nơi thì đức Gotama (tức Siddhārtha) cùng các đệ tử đã vào hẳn cung điện rồi. Từ bên ngoài lén nhìn vào, Rahula thấy khoảng mười vị sa môn cạo nhẵn râu tóc, mặc ca-sa bạc màu, lem luốc hoặc vá chùm vá đụp. Rahula ngạc nhiên lắm. Cậu không ngờ rằng phụ thân mình—một thái tử—lại là một trong những vị sa môn khô hạnh bản hàn như vậy. Trước đây Rahula chỉ nghe mẹ nói cha mình trở thành sa môn; nghe thì nghe vậy chứ không bao giờ hình dung nổi là cha mình cũng ăn bận và sống đời đơn giản khổ hạnh như các sa môn khác. Từ xa, Rahula không nhìn thấy rõ mặt cha, nhưng biết cha mình đang ngồi trò chuyện cùng đức vua Shuddodhana. Các vị sa môn khác thì đứng vây quanh. Rahula ngần ngại đứng bên ngoài một lúc, rồi hít mạnh một hơi, mạnh dạn bước vào.

Đức vua Shuddodhana là người trông thấy Rahula trước hết. Ông đang buồn lòng vì đứa con thân yêu Siddhārtha ăn bận y phục nghèo nàn của các sa môn mà đi khắp các vương quốc, rồi trở về cố quốc cũng bằng thứ y phục nghèo nàn đó. Ông tiếp Siddhārtha và các sa môn mà trong lòng như tan vỡ. Ông không cần một đức thế tôn. Ông chỉ cần một thái tử nối ngôi ông mà thôi. Siddhārtha là đứa con trai duy nhất cho ông nhiều hy vọng và cũng làm ông thất vọng đau khổ nhiều nhất chỉ vì đứa con ấy không bước đi bằng những bước chân bình thường của một người trai thế tục. Nay thấy Rahula bước vào, ông như sực tỉnh. Ông biết rằng chỉ có Rahula mới là niềm an ủi duy nhất, là người mà ông có thể tin tưởng để giao phó vương quyền trước khi lìa đời. Ông biết rằng Siddhārtha con ông sẽ không bao giờ chịu từ bỏ đời sống phạm hạnh của sa môn để trở về cung điện này nữa. Ông nói với Siddhārtha khi Rahula còn từ xa bước đến:

"Nếu con nhất quyết như vậy, ta cũng không còn cách nào khác hơn. Thôi thì để Rahula thay con nối nghiệp ta vậy. Rahula kia kia, nó mới mười tuổi mà thông minh đĩnh ngộ chẳng khác chi con ngày xưa."

Siddhārtha quay nhìn về hướng Rahula, điểm một nụ cười chờ đợi.

Rahula quỳ xuống chào đức vua Shuddodhana trước rồi quay sang Siddhārtha, phụ thân của mình. Siddhārtha đưa tay vẫy, từ tốn gọi:

"Rahula, đến đây."

Rahula rón rén bước đến bên cha. Cậu hãy còn ái ngại không biết phải xưng hô và biểu lộ cử chỉ như thế nào cho thích hợp với sự liên hệ giữa mình và cha, giữa một người thế tục và một đức thế tôn. Rahula không dám nhìn thẳng vào mắt cha. Cúi đầu, bước nhẹ, Rahula đến đứng một bên Siddhàrtha. Siddhàrtha xoa đầu con, nói những lời có vẻ như không có tình cảm đặc biệt riêng tư gì nhưng thật là cảm động và đầy thương yêu:

"Rahula đây sao! Con thật mau lớn ngoài sức tưởng tượng của ta!"

Đức vua Shuddodhana ứa lệ. Các sa môn hầu cận Siddhàrtha cũng không khỏi nghẹn ngào.

Chỉ một câu nói đó, một cái xoa đầu đầy thương yêu đó của Siddhàrtha, Rahula đã trở nên dạn dĩ, quỳ xuống dưới chân cha, ngược nhìn cha. Rahula cảm thấy trong lòng tươi mát hân hoan như thể được tắm mình trong dòng suối trong veo vào một ngày nắng cháy. Nơi cha mình, Rahula cảm nhận một tình thương bao la bát ngát vượt hẳn thứ tình cha con mà cậu hằng mong đợi. Nỗi hân hoan trong lòng Rahula như kéo dài, lan tỏa ra, khiến cậu muốn quỳ mãi dưới chân cha và được gần gũi cha mãi mãi. Một chốc, Rahula buột miệng nói:

"Cha ơi... ồ không... Thế tôn ơi, con muốn theo Thế tôn suốt đời."

Siddhàrtha mỉm cười xoa đầu con, nói riêng vào tai Rahula:

"Nếu con thực sự muốn, có ngày con sẽ ở bên ta."

Vừa lúc đó, Yasodhara xuất hiện. Mọi người cùng quay lại nhìn. Không khí trong cung bỗng như lắng lại. Yasodhara đẹp một cách đằm thắm và đức hạnh. Nàng ăn mặc đơn sơ, không mang đồ trang sức, không xông ướp hương hoa, chân trần bước nhẹ vào cung, đứng lặng im một lúc hướng nhìn Siddhàrtha, người chồng yêu dấu xa cách mười năm của mình. Đức vua Shuddodhana lâu nay có mặc cảm là tộc họ mình đã không mang lại hạnh phúc cho công nương Yasodhara này nên vừa thấy Yasodhara, ông liền nói, vừa đủ cho Siddhàrtha nghe:

"Khốn khổ thay cho Yasodhara, con dâu ta! Mười năm nay nàng lặng lẽ trong cung phòng chờ đợi, nghe ngóng từng ngày từng giờ những tin tức về con. Nàng đã từ chối tất cả những tiệc vui, bỏ hết những trang sức xa hoa, bỏ luôn cả những bữa ăn thịnh soạn của hoàng cung... Nàng muốn chia sẻ với con đó. Khi con tu khổ hạnh trong rừng thì chính nơi cung phòng, nàng cũng

đã sống một cuộc sống khổ hạnh không kém. Ta thật đau xót cho nàng! Nhưng ta biết làm sao bây giờ! Con... con hãy an ủi nàng. Chỉ có con mới xoa dịu được nỗi buồn của nàng mà thôi."

Nói rồi, đức vua đứng dậy, bảo rằng ông mệt cần nghỉ ngơi: ông muốn để Siddhārtha và Yasodhara gặp gỡ nhau trong không khí tự nhiên. Các quần thần hiểu ý cùng đứng dậy hộ giá đức vua rời hoàng triều.

Yasodhara bước đến gần Siddhārtha hơn. Nàng nhìn chàng thật kỹ, nhìn từng nét. Chàng vẫn vậy, vẫn đôi mắt đen láy ẩn sâu hai bên sống mũi cao quý phái, vẫn đôi chân mày dài và đen sẫm nổi bật dưới vầng trán cao ngất thông minh. Nàng run run bước thêm vài bước gần chàng hơn. Vẫn không rời mắt nhìn chàng, nàng phát giác có một vài đổi thay: chàng gầy và da xạm đen hơn xưa, và trong mắt chàng, trên vầng trán chàng đã mất đi những nét ưu tư khắc khoải ngày xưa. Chàng đã tìm thấy, đã nắm được một cách chắc chắn những gì chàng hằng tìm kiếm.

Siddhārtha ngồi yên không nói gì. Chàng đưa tay ra dấu mời Yasodhara ngồi ở chiếc ghế đối diện. Nhưng Yasodhara không ngồi. Nàng đứng im một lúc lâu, vẫn nhìn chàng. Rồi nàng sụp xuống ôm lấy chân chàng. Nàng bật khóc nức nở. Nước mắt nàng rơi trên bàn chân chàng. Những kỷ niệm xa xưa bất chợt trở dậy, trở dậy, tuần tự theo thứ lớp thời gian: từ khi nàng nghe tiếng đồn về những tài năng xuất chúng của chàng; từ khi nàng cùng vua cha và mẫu hậu ngồi xem chàng thi văn võ cung kiếm với các hoàng thân của các lân bang để được kết hôn nàng; từ khi hôn lễ được cử hành trọng thể với sự ăn mừng của thần dân của hai vương quốc; từ khi nàng và chàng tham dự các cuộc vui thâu đêm suốt sáng của triều đình; từ khi nàng và chàng dạo chơi nơi ngự uyển mỗi đêm sáng trăng; từ khi nàng phát giác nàng có mang Rahula; từ khi chàng nắm lấy tay nàng lần cuối trước khi rời hoàng cung xuất gia; từ khi chàng tu khổ hạnh trong rừng sâu và nàng ngày đêm ở lại hoàng cung nuôi con chờ đợi... Tất cả những kỷ niệm đẹp đẽ thiêng liêng đó, không sót một chi tiết nào, lần lượt trôi qua tâm tưởng nàng như một dòng sông êm. Dòng sông đó, nàng đã trải qua với bao hạnh phúc của sự chiếm hữu, bao âu lo về sự gãy đổ chia ly của cuộc sống chung. Bây giờ nó được chảy lại, chỉ trong vài khoảnh khắc thôi, nhưng thật rõ nét như thể chính nó tự biết rằng nó sẽ không còn có thể chảy trôi lại như thế được bao giờ. Nàng biết, nàng thấy rất rõ rằng tuổi xuân, ái tình, những mộng đẹp và cả những hy vọng hão huyền cuối cùng của nàng gần đây—rằng chàng sẽ trở về mãi mãi bên mẹ con nàng—tất cả đã thực sự trôi đi rồi. Trôi đi như dòng sông kỷ niệm kia, trôi đi theo dòng lệ nóng này. Phải, nàng đã cho chúng trôi đi.

Nàng chia xẻ cùng chàng. Nàng hy sinh, vui lòng hiến tặng chàng cho nhân thế, cho niềm hạnh phúc hân hoan của muôn loài. Nhưng nàng vẫn cứ khóc và thấy đau buốt thế nào ấy trong lồng ngực mình.

Các sa môn đệ tử của Siddhārtha chứng kiến cảnh này đều bối rối nhưng cũng không khỏi bùi ngùi cho người vợ trẻ của thầy mình. Có người nghĩ rằng Yasodhara thật đáng thương, nhưng công nương không nên ôm chân đức thế tôn và nhỏ những giọt lệ nhi nữ trên chân người như vậy. Siddhārtha thì điềm tĩnh, để mặc cho nàng khóc và ôm lấy chân mình. Chàng biết nàng hành động như vậy là đã cố gắng lắm rồi. Nàng là một thiếu phụ đức hạnh, nhiều nghị lực, nhưng điều đó không có nghĩa rằng nàng sẽ dễ dàng chấp nhận một cuộc chia tay vĩnh viễn với chồng ngay khi chàng đang còn sống và đang đối diện mình. Chàng ôn tồn nói:

"Yasodhara, ta thật không biết nói sao để cảm ơn nàng. Trong đời học đạo và hành đạo của ta, không phải rằng nàng là người đã chia xẻ cùng ta một cách lặng lẽ và ý nhị nhất đó sao! Những gì ta cống hiến cho thế gian này đều có ẩn tàng bên trong sự đóng góp thâm lặng cao cả của nàng. Hãy tiếp tục chia xẻ cùng ta sứ mệnh đó hỡi Yasodhara!"

Yasodhara không nói gì, chỉ biết khóc. Rahula nhìn mẹ ghen ngào. Không khí lúc ấy bỗng im phắc, chỉ nghe tiếng nấc của Yasodhara.

Nghe thầy nói những lời vừa khen tặng, vừa an ủi với người vợ xưa như vậy, các sa môn có mặt đều xúc động và tin tưởng sự trong sáng thanh cao của cả thầy mình lẫn công nương Yasodhara. Một vị sa môn bỗng bước ra trước Siddhārtha cung kính nói:

"Kính lễ đức Thế tôn, hàng môn đồ chúng con cũng nghiêng mình cảm tạ ân đức của công nương Yasodhara. Chính nhờ sự hy sinh đóng góp một cách cao cả và thâm lặng của công nương mà đức Thế tôn vượt qua được những ràng buộc tình cảm, đồng mãnh hơn trên đường tìm đạo để cuối cùng chứng thành đạo quả vô thượng, dìu dắt chúng con và nhân loại tiến đến giải thoát giác ngộ."

Siddhārtha cúi xuống Yasodhara nói:

"Đúng vậy, Yasodhara đã chia xẻ cùng ta từ phút đầu, và sẽ tiếp tục chia xẻ cùng ta mãi mãi sứ mệnh đó. Phải không, Yasodhara? Nàng hãy nói đi."

Yasodhara rời Siddhārtha, vấp quỳ dưới nền đất, chặm nước mắt rồi ngược lên nói:

"Kính lễ Gotama... đức Thế tôn... người tìm thấy bình an giải thoát là Yasodhara mãn nguyện rồi. Xin hân hoan chúc mừng Thế tôn."

Rồi Yasodhara đứng dậy, cáo lui. Siddhārtha và các đệ tử đều thấy rất rõ nét mãn nguyện trong sáng trên khuôn mặt Yasodhara khi nàng rời khỏi triều. Rahula cũng cáo từ Siddhārtha để chạy theo mẹ. Nhưng đến ngang bậc cửa, Rahula như nhớ điều gì, dừng chân rồi quay trở lại bên cha.

"Thế tôn, có phải ngài có một kho tàng vô tận mà chẳng ai có được, phải không? Ngài hãy cho con xem kho tàng ấy đi."

Siddhārtha mỉm cười nói:

"Tất cả những gì có sinh ra tất phải có lúc hủy diệt. Nếu con mong đợi nơi ta một kho tàng ngọc ngà châu báu, con sẽ thất vọng. Vì ngọc ngà châu báu không mua được sự bình an giải thoát cho con người. Ta chỉ có niềm tịch lặng vô biên của tự tâm, ngàn đời không hư hao, không giảm bớt. Kho tàng của ta chỉ có thế. Nhưng để thấy được kho tàng này, con phải có trí tuệ siêu việt để chặt đứt tất cả những dây mơ rễ má của phiền não chằng chịt phủ lấp cái kho tàng đó. Sao, con có thích tìm thấy kho tàng đó không?"

"Kính lễ đức Thế tôn, con thích lắm. Nhưng... con phải theo mẹ bây giờ. Con xin kính chào Thế tôn."

*

"Mẹ ơi, sao khi này gặp cha mà mẹ lại khóc. Mẹ đau khổ lắm hở mẹ? Mẹ không vui khi cha trở thành sa môn, trở thành thế tôn và không trở lại với mẹ con ta, phải không mẹ?"

"Đâu có, Rahula. Mẹ đâu muốn ngăn cản bước đi của cha con. Mẹ đã vui lòng chấp nhận sự chia tay với cha con để người có thể tận tụy chăm sóc cho nỗi khổ đau của mọi người."

"Vậy sao mẹ khóc nhiều vậy, con không hiểu. Con thấy mẹ có vẻ... đau khổ nhiều quá."

"Đừng nghĩ vậy Rahula. Con có nhớ tháng trước mẹ nhổ cho con cái răng cửa không?"

"Nhớ chứ mẹ."

"Trước khi đẻ mẹ nhổ, con có biết là nhổ răng sẽ đau không?"

"Dạ biết chứ."

"Vậy sao con vẫn đồng ý cho mẹ nhổ?"

"Vì con không muốn giữ lại cái răng sâu chỉ làm đau con suốt ngày suốt đêm. Với lại, mẹ nói rằng phải nhổ cái răng sâu đó thì răng mới, tốt hơn mới mọc được."

"Con bằng lòng để mẹ nhổ răng, vậy khi mẹ nhổ con có thấy đau không?"

"Dạ... đau điếng."

"Rồi con vừa đau vừa khóc, phải không?"

"Dạ, phải."

"Biết rõ nhổ răng là tốt, bằng lòng để người ta nhổ răng cho mình, vậy mà cũng đau cũng khóc chứ đâu có khỏi!"

Rahula cười thẹn:

"Sao mẹ không trả lời con mà lại đi nói chuyện nhổ răng vậy mẹ?"

"Vì chuyện khi này mẹ khóc dưới chân cha con, đức Thế tôn, cũng tương tự chuyện nhổ răng của con vậy thôi. Mẹ rất vui lòng để cha con ra đi, trở thành sa môn, và trở thành đức Thế tôn để cứu khổ ban vui cho muôn loài. Nhưng... chia tay với cha con, mẹ cũng thấy đau lắm chứ."

"Mẹ đau ở đâu vậy mẹ? để con xoa cho mẹ há."

"Mẹ đau ở đây nè, nơi ngực, ngay nơi tim mẹ đây."

*

Ngày hôm sau đức Gotama (Siddhàrtha) giảng kinh cho hoàng cung. Rahula theo mẹ đến nghe.

Gotama diễn tả về sự thống khổ của kiếp người mà không ai trên thế gian có thể tránh khỏi dù kẻ ấy được sinh trong hoàng cung hay từ một túp lều xiêu vẹo của những người cùng đinh nô lệ. Sinh, già, bệnh, chết, là những nỗi khổ mà Gotama nhấn mạnh. Sau đó, người vạch rõ đâu là những nguyên nhân đưa đến thống khổ. Rồi người ca ngợi về niết-bàn, trạng thái an tĩnh giải thoát của tâm linh mà bất cứ ai cũng có khả năng đạt đến được nếu cố gắng và tu tập đúng phương pháp. Cuối cùng, ngài chỉ dạy phương pháp để đạt đến niết-bàn. Đó là con đường trung đạo với Bát Chánh Đạo.

Khi Gotama chấm dứt buổi giảng, cả hoàng cung đều thấy hân hoan an lạc như tìm được lối đi sau những đêm dài mờ mịt. Nhiều hoàng thân phát tâm xuất gia, được đức Gotama cho phép cạo bỏ râu tóc ngay tại chỗ.

Rahula nghe pháp xong cũng thấy chấn động cả tâm hồn. Từ khi đức Gotama về thăm hoàng cung, Rahula đã nhen nhúm một ước muốn gì đó trong lòng mà cậu chưa nhìn rõ được. Nay thấy chú Ananda (anh em chú bác của Siddhàrtha) và các hoàng thân xuất gia, Rahula hiểu ngay rằng có lẽ con đường thích hợp của mình chính là con đường xuất gia, trở thành sa môn y như thân phụ Siddhàrtha. Rahula nhớ lần đầu tiên gặp lại cha, chính đức Gotama đã nói với cậu rằng: "có ngày con sẽ ở bên ta". Câu đó hẩn hàm ý đức Gotama sẽ chấp thuận cho Rahula xuất gia nếu Rahula xin phép. Nhưng nhìn vào phái đoàn sa môn đi theo đức Gotama, Rahula thấy chẳng có vị nào nhỏ tuổi như mình. Rahula suy nghĩ mông lung. Không biết đức Gotama có cho phép cậu xuất gia hay không. Có lẽ muốn xuất gia, cậu phải chờ cho đến khi cao lớn như chú Ananda mới được cho phép. Như vậy thì lâu quá. Rahula muốn trở thành sa môn ngay bây giờ. Không thể chờ đợi được. Rahula sẽ thưa với mẹ điều đó, nhờ mẹ giúp đỡ, ngay hôm nay.

Rahula vào gặp mẹ trong cung phòng của bà. Thấy Rahula bước vào với vẻ đăm chiêu rất dễ thương của một đứa trẻ, Yasodhara vừa cười vừa hỏi:

"Con bận tâm điều gì mà có vẻ nghiêm trọng vậy? Thật giống cha con hồi trước, chẳng khác chút nào!"

Rahula quỳ xuống bên mẹ, hôn lấy tay bà rồi nói:

"Nghe Gotama nói pháp mẹ có thích không hở mẹ?"

"Hay lắm. Phải là một bậc giác ngộ hoàn toàn mới có thể diễn bày chân lý một cách rõ ràng và tường tận như vậy. Nghe xong là mẹ muốn... xuất gia thành sa môn. Tiếc rằng tăng đoàn của đức Gotama không thu nạp người nữ."

"Phải rồi, con không thấy người nữ xuất gia trong hàng đệ tử của đức Gotama. Con cũng không thấy những người sa môn nhỏ tuổi như con. Sao vậy mẹ, sao đức Gotama không cho người nữ và người nhỏ tuổi đi tu?"

"Có lẽ Gotama cho rằng sự có mặt của người nữ sẽ gây phiền phức cho đời sống phạm hạnh của tăng đoàn; huống chi, giáo pháp của Gotama cao xa khó hiểu, người nữ đa phần vô học làm sao thấu đạt được!"

"Vậy còn những người nhỏ tuổi như con thì sao? Sao không thấy ai được Gotama cho phép xuất gia hết vậy?"

"Tuổi của con ư?" Yasodhara bật cười, "tuổi của con biết gì mà xuất gia! Xuất gia đâu phải là chuyện chơi, con không biết vậy sao! Nếu Gotama cho những đứa con nít vào tăng đoàn thì... chắc người phải mất công lau mũi cho chúng! ủa, mà sao con lại hỏi chuyện đó? Bộ con muốn... con muốn xuất gia sao?"

"Dạ phải, con muốn xuất gia thưa mẹ. Mẹ thưa với Gotama giúp con đi mẹ!"

"Trời ơi! Cha con xuất gia thành sa môn, thành Thế tôn rồi, chưa đủ hay sao mà con lại muốn theo cha, bỏ mẹ!"

"Con đâu có bỏ mẹ. Con xuất gia mà. Xuất gia đâu phải là chết mất tiêu đâu mà mẹ sợ?"

"Nhưng, như vậy cũng chẳng khác gì con bỏ mẹ rồi. Con không muốn gần gũi bên mẹ nữa sao?"

"Dạ... dạ muốn chứ, nhưng rồi cũng có ngày con phải xa mẹ thôi. Gotama nói đâu có gì còn mãi trên thế gian đâu."

"Đành là vậy, nhưng... trời ơi! Biết nói sao với con đây! Tóm lại, mẹ không bằng lòng chuyện con xuất gia chút nào. Huống chi, ông nội và cả hoàng cung này đều trông cậy nơi con. Con không nhớ rằng ngôi vua của xứ Kapilavastu đang chờ đợi con hay sao?"

"Con nhớ chứ, nhưng điều đó có gì quan trọng đâu mẹ! Chính mẹ cũng đã nghe Gotama nói rằng không có sự vật nào tồn tại lâu dài. Ngai vàng cũng vậy thôi mà."

"Nhưng con bỏ đi thì ai sẽ thay ngôi vua?"

"Người nào thích thì để họ làm vua, đâu có sao đâu! Tại sao vương quốc này bắt buộc phải là của tộc họ Sàkya chứ?"

"Bởi vì... bởi vì... là của dòng Sàkya. Chuyện này quan trọng lắm. Con chưa đủ tuổi để hiểu đâu. Nói tóm là con không nên làm ông nội thất vọng lần nữa. Vả lại..." (nói đến đây thì Yasodhara đổi thành vui, như tìm được chỗ nương tựa chắc chắn, không lo sợ nữa), "con cũng không cần phải bận tâm chi chuyện xuất gia: Gotama đâu có cho phép những người nhỏ tuổi tham dự vào tăng đoàn của người đâu mà con ham!"

"Con sẽ yêu cầu Gotama cho phép thiếu niên xuất gia."

"Con yêu cầu?" Yasodhara lại bật cười, "ai mà nghe con. Nhìn các đạo khác con cũng sẽ thấy, có đạo nào có con nít xuất gia bao giờ!"

"Nhưng giáo pháp của Gotama sẽ mở đường cho tuổi thiếu niên của con."

"Sao con biết?" Yasodhara vừa hỏi vừa cười.

"Vì hôm qua Gotama giảng rằng tất cả mọi người đều có khả năng giác ngộ, có khả năng trở thành một đức thế tôn như ngài."

Yasodhara giật mình chung hửng một lúc, rồi nói:

"Điều đó không chứng tỏ rằng Gotama sẽ cho phép thiếu niên xuất gia. Tại sao không chờ cho những thiếu niên đó trưởng thành để tự chọn lựa và quyết định lý tưởng của họ chứ. Xuất gia sớm vào tuổi thiếu niên có lợi gì đâu! Chỉ thêm phiền cho Gotama và môn đồ của người mà thôi."

"Có lợi lắm mẹ ạ. Nhưng... để con thưa với Gotama cái đã. Con biết chắc Gotama sẽ bằng lòng cho con xuất gia mà. Bây giờ con đến gặp Gotama nghe."

"Khoan... con ngồi đây chờ đi. Để mẹ đến gặp Gotama xin cho con trước, nếu không được thì con ra năn nỉ Gotama sau. Được không?"

"Mẹ đồng ý xin phép cho con rời hả?" Rahula mừng rỡ hỏi.

Yasodhara chỉ âm ừ trong họng, lại bảo:

"Ngồi đó, không được đi đâu. Chờ mẹ đến trình Gotama."

"Dạ, mẹ đi đi mẹ. Con sẽ ngồi đây chờ. Con biết mẹ xin đức thế tôn sẽ cho phép mà. Nhớ nói là con, Rahula, muốn xin xuất gia, chứ đừng nói có một đứa bé trong hoàng cung xin xuất gia nghe mẹ."

Yasodhara dừng lại ở cửa, quay lại nói:

"Con làm như nói tên con ra thì Gotama sẽ thay đổi điều lệ của giáo hội vậy! Bộ con không biết rằng đối với một bậc thế tôn đã giải thoát giác ngộ thì..."

Nói đến đây, Yasodhara bỗng đổi ý, ngưng ngay, rồi đi.

Yasodhara lòng bối rối, lo âu, kinh sợ viễn ảnh đứa con thơ cũng sẽ rời bỏ mình và hoàng cung để theo cha nó sống lang thang khổ hạnh ngoài sương gió. Nàng vội vã đi tìm đức Gotama và được biết người đang thuyết giảng lần nữa cho các công tôn vương tử lẫn các vị đại thần trong hoàng thành. Đến nơi, Yasodhara thấy một đám đông cử tọa gần hai trăm người đang chăm chú nghe đức Gotama nói pháp. Nàng không biết sao để thưa riêng với đức Gotama về việc ngăn chặn ý định xuất gia của Rahula. Nàng lặng lẽ quỳ mọp xuống đất, như mọi người, để chờ đợi đức Gotama chấm dứt thời pháp. Lòng nàng nóng như lửa bỏng, cứ thấp thỏm chờ đợi, không tâm trí đâu mà nghe pháp. Vậy đó mà những lời dạy của đức thế tôn cũng thấm và lan nhẹ vào lòng nàng. Nàng nghe thật rõ đức Gotama nhấn mạnh rằng bất cứ ai cũng có khả năng thành Phật. Cái khả năng đó không có sự khác biệt nhiều hay ít, to hay nhỏ nơi giới hạn giai cấp, tuổi tác, nam nữ... của mọi người. Đó là một khả năng tiềm tàng một cách bình đẳng nơi tất cả mọi loài. Nàng càng lo sợ hơn. Nàng muốn xua đi những lời dạy ấy. Nàng không muốn nghe. Nàng muốn thưa ngay với đức Thế tôn rằng nàng đã mất người chồng rồi, nàng không muốn mất thêm đứa con thương yêu nữa. Nàng sẽ không có sức chịu đựng nhiều đến như vậy. Tuyên ngôn của Thế tôn làm rúng động chao đảo chủ thuyết của các học phái thời danh trong nước thì cũng làm run sợ tâm tư người mẹ đang bầu vú vào tình mẫu tử này. Không phải Rahula và cả chính nàng, Yasodhara, cũng đã từng bị xao động bởi tuyên ngôn đó hay sao. Tuyên ngôn đó mở đường cho mọi người, mọi tầng lớp. Người ta ò ạt bố thí nhà cửa, từ bỏ quan quyền tước vị để xin xuất gia theo Thế tôn. Nếu

không sớm ngăn chặn, chắc chắn Rahula có ngày sẽ rời bỏ cung điện để thành sa môn.

Đang băn khoăn lo nghĩ, nàng bỗng giật mình thấy mọi người quỳ rạp kính lễ đức Gotama để lui ra. Biết thời pháp đã xong, nàng vội đứng dậy lần dò đến chỗ đức Gotama để trình bày sự việc của Rahula.

Gotama như đọc được nỗi lo âu trên nét mặt và dáng điệu nàng, liền hỏi ngay lúc nàng quỳ xuống thi lễ:

"Yasodhara, người có việc gì bận tâm lắm sao? Hãy nói đi xem ta có giúp gì được không."

Những lời của đức Gotama như khích lệ sự giải bày, Yasodhara vội nói:

"Kính lễ Thế tôn, Rahula..."

"Rahula thế nào? Có phải nó tinh nghịch làm cho người không vui?"

"Thưa không... Yasodhara xin hỏi trước đức Thế tôn... rằng có phải Thế tôn rất tán đồng việc Rahula thay cha nối ngôi vua sau khi phụ vương băng hà hay không?"

"Phải, ta rất tán đồng việc đó."

"Như vậy, có phải rằng Thế tôn cũng sẽ nỗ lực can ngăn Rahula khi nó có ý định rời bỏ hoàng cung hay không?"

"Phải, ta sẽ can ngăn nếu Rahula rời bỏ hoàng cung để rong chơi sa đà."

"Không, Rahula không rời bỏ hoàng cung để rong chơi sa đà, mà đề xuất gia theo chân Thế tôn."

"Vậy sao? Ta chưa biết điều đó. Ta chưa chấp thuận việc xuất gia của Rahula và Rahula cũng chưa tỏ ý đó với ta bao giờ, ngoại trừ lần đầu gặp ta Rahula có nói Rahula muốn sống bên cạnh ta."

"Vậy Thế tôn có khích lệ Rahula xuất gia ngay lúc đó không?"

"Không, Yasodhara. Ta chỉ nói nếu Rahula thực sự muốn thì có ngày nó sẽ được ở bên ta. Điều này chỉ là một hứa hẹn và chỉ có ý nghĩa khích lệ đối với Rahula nếu nó thực sự muốn xuất gia."

"Ôi, quả thật Rahula đã ngộ ý muốn xuất gia, Yasodhara biết làm sao đây. Thế tôn hãy ngăn cản nó. Yasodhara chỉ còn có mỗi một Rahula mà thôi..."

"Đừng lo, Rahula chưa đến tuổi trưởng thành mà. Tăng đoàn của ta đâu có chấp thuận cho thiếu niên xuất gia."

"Nói như vậy, có nghĩa rằng Thế tôn sẽ cho phép Rahula xuất gia khi nó đủ tuổi. Vậy thì chỉ tám đến mười năm sau là nó cũng rời hoàng cung, rời Yasodhara để xuất gia rồi."

"Nếu nó không có căn duyên xuất gia, không mang chí xuất trần thật mãnh liệt thì trong vòng ba năm sau nó sẽ quên lãng chuyện hôm nay. Nhưng nếu nó thực sự muốn xuất gia để tìm cầu giác ngộ, ta nghĩ rằng sự cấm đoán, ngăn cản nó không phải là điều hợp lý và có hiệu quả tốt. Huống chi, xuất gia học đạo giải thoát là điều đáng khích lệ chứ!"

"Không, không thể như vậy được. Rahula không thể xuất gia. Yasodhara biết xuất gia là điều cao quý khó làm, nhưng Yasodhara không bao giờ vui lòng để cho Rahula ra đi. Thế tôn hãy vì Yasodhara, hãy vì tộc họ Sàkya mà ngăn cản ý định xuất gia của nó. Kính lễ Thế tôn, xin người đừng chấp thuận cho Rahula xuất gia..."

Gotama im lặng trầm ngâm một lúc, rồi trấn an Yasodhara:

"Được rồi, ta sẽ cố gắng. Tuy nhiên, hãy chờ xem những ngăn trở của ta có thắng nổi ý chí của Rahula hay không mới là điều quan trọng. Đối với những kẻ có chí lớn, ta không bao giờ dám tin rằng có thể có một phương cách trói buộc tâm thường nào cản ngăn được bước chân của họ. Nhưng người hãy yên tâm, và hãy nói với Rahula rằng giáo đoàn của ta chỉ khứng nhận những kẻ đủ tuổi trưởng thành xuất gia mà thôi."

Yasodhara quày quả trở lại tư phòng. Rahula đang chồm lên cửa sổ, nhìn ra ngoài mong ngóng nàng. Thấy mẹ trở về, Rahula mừng rỡ chạy a đến hỏi ngay:

"Sao mẹ? Đức Thế tôn nói sao hờ mẹ?"

"Con đừng trách mẹ. Mẹ cố gắng lắm nhưng không xin được cho con. Thế tôn nói tăng đoàn của người không cho phép thiếu niên xuất gia. Con mới có mười tuổi thì làm sao Thế tôn cho phép được."

"Con đã gần mười một tuổi rồi mà. Đâu phải mười tuổi."

"Mười một tuổi cũng chưa đủ thiếu gì! Phải hai mươi tuổi mới được gọi là trưởng thành!"

"Hai mươi tuổi!" Rahula đếm các đầu ngón tay, "mười hai, mười ba, mười bốn, mười lăm... mười chín, hai mươi! Chín. Chín năm nữa. Con không chịu đâu! Con phải xuất gia ngay bây giờ."

"Tại sao phải ngay bây giờ mà không phải là chín năm nữa. Bộ không xuất gia bây giờ thì chết đi sao?" Yasodhara không nén được buồn bực.

Rahula nhìn mẹ ái ngại, rồi nhỏ giọng năn nỉ:

"Con xin lỗi mẹ, nhưng... con không biết sao nữa, tự dưng con muốn xuất gia quá. Mẹ cho con đi gặp Thế tôn nghe."

Yasodhara ôm Rahula vào lòng, trùi mền xoa đầu con:

"Thôi được, con muốn trực tiếp gặp Thế tôn thì con cứ đi. Mẹ không cản con nữa. Nhưng, như mẹ đã nói trước, Thế tôn không bằng lòng cho thiếu niên xuất gia đâu."

"Con sẽ yêu cầu Thế tôn. Con đi nghe mẹ."

Rahula bá cổ mẹ, hôn lên má Yasodhara rồi vụt chạy đi. Yasodhara lắc đầu nhìn theo, vừa cười vừa khóc.

*

"Rahula, vào đi. Sao còn đứng lập ló làm gì?" Gotama nói.

Rahula rụt rè xuất hiện ở cửa rồi bặm môi, mạnh dạn bước vào, quỳ xuống thi lễ Gotama. Gotama nghiêm nghị hỏi:

"Rahula hôm nay đến gặp ta có việc lành gì chăng?"

Rahula không ngược lên, nói từng tiếng rõ ràng:

"Thế tôn, con Rahula, hôm nay đến xin Thế tôn cho phép con được xuất gia."

Gotama mỉm cười không nói. Người nhìn quanh để xem phản ứng của các môn đồ. Người thấy rất rõ đại chúng bàng hoàng xúc động khi nghe vương tôn Rahula bày tỏ ý nguyện xuất gia. Không ai có thể tưởng được một cậu bé mười tuổi, một vị vua tương lai của xứ sở này lại tự nguyện xin xuất gia.

Gotama vẫn nghiêm giọng, nói với Rahula:

"Tăng đoàn của ta chưa có điều lệ khứng nhận những kẻ vị thành niên xuất gia. Con hãy còn quá nhỏ để tham dự vào tăng đoàn của ta."

Rahula đồng dạc nói:

"Con nghe Thế tôn dạy rằng tất cả mọi người đều có khả năng thành Phật. Như vậy hàng thiếu niên chúng con cũng có khả năng đó. Chúng con có thể xuất gia và thành Phật như Thế tôn và các sa môn khác."

"Phải, ta đã từng dạy như thế. Nhưng đó là đứng về mặt pháp tánh mà nói; riêng về mặt tâm lý, trí tuệ, thì tuổi thiếu niên hãy còn bông bột, non dại, chưa đủ trưởng thành và chín chắn để tiếp thọ giáo lý cao siêu cũng như chịu đựng cuộc sống kham khổ bần hàn của sa môn."

"Con sẽ thực tập thiền định để tiếp thọ giáo lý, sẽ trau luyện ý chí để chịu đựng kham khổ."

"Tăng đoàn của ta không ai rảnh rỗi để chăm sóc con như mẹ con đã làm."

"Con tự biết chăm sóc cho chính con."

"Đời sống sa môn cực nhọc, dầm sương dãi nắng, ăn uống kham khổ, ngủ nghỉ ít giờ, thiếu niên làm sao chịu nổi!"

"Con sẽ chịu nổi."

"Sa môn thực hành hạnh khát thực, mỗi ngày phải tự nguyện đi xin ăn độ nhật, con là vương tôn quen mùi phú quý vinh hoa làm sao theo được!"

"Thế tôn làm được, con cũng sẽ làm được."

"Hạnh sa môn suốt đời tự nguyện sống độc thân, không vợ không con, không nhà không cửa, xa lìa tình cảm gia đình và họ hàng thân thuộc để giốc lòng cầu đạo giải thoát, con liệu có kham nổi hay chăng?"

"Con sẽ kham nổi."

"Dù con quyết tâm như vậy, ta vẫn chưa dám tin rằng cho phép những thiếu niên xuất gia là điều nên làm. Và làm sao ta có thể vội tin rằng con sẽ giữ được, làm được những gì con hứa! Huống chi, đạo lý cao siêu của ta, tuổi con bé bỏng làm sao tiếp nhận được!"

Rahula vẫn quỳ mọp không ngược lên, nói rất cứng rắn:

"Kính lễ đức Thế tôn, năm xưa Thế tôn một mình tìm chân lý, phải cực nhọc khổ sở, trải qua nhiều năm mới thành đạo cả, là bởi không người dẫn đường, điu dắt, mà do chính Thế tôn tự tìm thấy. Bây giờ, chân lý đã sáng tỏ, đường đi cũng rõ ràng, lại có Thế tôn điu dắt thì dù cho con bé bỏng, chắc chắn cũng có ngày thành công."

"Đáng khen, Rahula! Tuy nhiên, vẫn chưa có gì chứng minh rằng con sẽ quyết tâm từ bỏ cung vàng điện ngọc để theo ta xuất gia. Con hãy chứng minh đi!"

Rahula vẫn quỳ sát đất, úp mặt trên hai tay, suy nghĩ cách chứng minh ý nguyện của mình. Im lặng chừng một khắc, Rahula đã trả lời Gotama ngay:

"Kính lễ Thế tôn, nếu không được phép xuất gia, con nguyện quỳ mãi nơi đây không đứng dậy."

Gotama nhìn Rahula, vừa buồn cười mà cũng vừa sửng sốt trước thái độ và cử chỉ cương quyết một cách dễ thương của cậu bé. Tình thế này buộc Gotama phải đắn đo, cân nhắc giữa ý chí quyết liệt của Rahula và sự thỉnh cầu của Yasodhara, chưa biết quyết định sao. Bỗng thấy Yasodhara từ đâu vụt hiện phía trước, cúi mình thi lễ Gotama rồi vội vàng thưa:

"Kính lễ Thế tôn, Rahula hãy còn nhỏ dại, e rằng không kham chịu được đời sống khắc khổ khôn phép của tăng đoàn, xin Thế tôn suy xét kỹ lưỡng trước khi quyết định."

Gotama ôn tồn:

"Yasodhara, ta vẫn chưa quyết định gì dù rằng ý chí của Rahula đã tỏ rằng Rahula không chịu chùn bước trước bất cứ trở lực nào. Có lẽ nàng cũng đã chứng kiến và nghe được những gì Rahula nói, phải không?"

"Thưa Thế tôn, Yasodhara đã nghe thấy, nhưng... thật khó mà chấp nhận."

Rahula nghe được tiếng mẹ, vẫn không ngược lên, nói thật cương quyết:

"Kính lễ Thế tôn, kính lễ các Thánh tăng, kính thưa mẹ, xin đừng coi thường hàng niên thiếu chúng con. Nếu giáo đoàn của Thế tôn không thể hay không bao giờ mở cửa đón nhận con chỉ vì con còn nhỏ tuổi thì con xin noi gương Thế tôn vượt thành xuất gia để tìm chân lý."

Gotama và đồ chúng vây quanh lại thêm một phen kinh động trước sự quyết tâm của Rahula. Yasodhara cũng giật mình, sợ hãi, vừa thương con, vừa cảm kích ý nguyện sắt đá của con, rung cả nước mắt. Một vị trưởng lão trong số các đại đệ tử của Gotama bước ra thì lễ Gotama rồi cung kính thưa:

"Kính lễ đức Thế tôn, lành thay ý nguyện của Rahula, cao cả thay ý nguyện của Rahula, tuổi trẻ chí lớn, xứng đáng làm gương cho hàng thiếu niên có tâm nguyện xuất trần của muôn đời sau. Xin Thế tôn từ bi hứa khả cho vương tôn Rahula."

Một vị sa môn khác lại bước ra thì lễ rồi thưa:

"Đúng vậy, Thế tôn. Xin đừng phụ lòng vương tôn Rahula. Chí nguyện xuất gia của vương tôn là việc hy hữu khó có, khó thực hiện. Hàng thiếu niên của ngàn thế hệ sau cũng sẽ nhờ nhân duyên xuất gia hy hữu này mà được tiếp thọ giáo pháp cao siêu của Phật đà ngay từ tuổi ấu thơ để uốn nắn. Con tin rằng việc cho phép niên thiếu xuất gia là điều đáng làm, đáng thay đổi trong sinh hoạt tăng đoàn. Xin Thế tôn hoan hỷ chấp thuận sự thỉnh cầu của vương tôn Rahula."

Gotama chưa trả lời. Người im lặng suy tưởng trong vài khắc. Cả hội trường im lặng chờ đợi. Bỗng đức vua Shuddodhana xuất hiện. Ông nghe tin báo về việc Rahula xin xuất gia nên tức tốc tìm đến để can ngăn. Vừa vào đến chỗ Gotama, ông đã nói ngay:

"Kính thưa... Gotama, không thể chịu lòng một đứa trẻ với những ước muốn xóc nổi, nhất thời. Có thể chỉ trong vài ngày sau là Rahula đã không còn thích hợp với nếp sống tăng đoàn nữa. Đến lúc đó, quay về lại với hoàng cung thì bất tiện, mang tiếng cho cả tăng đoàn cũng như cho hoàng cung mà thôi. Vậy xin có đề nghị như sau: Thế tôn có thể nói rộng quy chế tăng đoàn để đón nhận tuổi niên thiếu xuất gia, nhưng phải có sự chấp thuận của cha

mẹ đưa trẻ đó thì việc xuất gia mới thành. Xin hỏi đề nghị đó có hợp lý không?"

Gotama gật gù đáp ngay:

"Phải lắm. Đề nghị của quốc vương rất hợp lý."

Câu trả lời của Gotama khiến cho các môn đồ hoan hỷ, biết rằng thầy mình đã mặc nhiên chấp thuận việc cho phép niên thiếu xuất gia. Tuy nhiên, trong trường hợp của Rahula, mọi người đều biết rằng sự việc chưa ngã ngũ thuận lợi cho vương tôn bé nhỏ này: Quốc vương Shuddodhana tin rằng công nương Yasodhara cũng sẽ đứng về phía ông để cản trở việc xuất gia của Rahula nên mới đưa ra đề nghị như vậy để cản trở Rahula. Khi xưa Siddhārtha chưa xuất gia thì hiển nhiên người có quyền quyết định về cuộc sống thế tục của Rahula; nhưng khi người trở thành một đức Thế tôn, trở thành sa môn Gotama rồi thì cái quyền đó mặc nhiên không còn nữa. Rahula chỉ còn lệ thuộc vào quyền làm mẹ của Yasodhara mà thôi. Cho nên, Gotama vừa trả lời xong là quốc vương Shuddodhana đã quay sang Yasodhara, nói ngay:

"Trẫm thực tình không muốn Rahula xuất gia mà không có sự đồng ý của mẹ nó. Yasodhara, theo như sự đồng thuận của Gotama về đề nghị của ta thì hiện tại chỉ có con mới có thể cho phép Rahula xuất gia được hay không mà thôi. Gotama có thể đón nhận Rahula xuất gia, đó là quyền của Gotama trong giáo hội, nhưng Rahula có được phép rời khỏi hoàng cung để xuất gia hay không thì đó là quyền của con đó, Yasodhara. Phải vậy không? Vậy con hãy nói đi, nói cho Gotama, cho mọi người, cho Rahula biết, rằng con có đồng ý việc Rahula xuất gia hay không."

Gotama mỉm cười nhìn xuống Rahula đang khom mình dưới đất. Trong khi đó, mọi người đều hướng về công nương Yasodhara, chờ đợi. Yasodhara dán mắt nhìn Rahula, đứa con thương yêu từng quấn quít bên mình mười năm nay. Bây giờ, đứa con thơ đó đang quỳ mọp dưới đất với dáng điệu rất dễ thương để bày tỏ chí nguyện cao xa của nó. "Ta biết làm sao đây?" Yasodhara nghẹn ngào tự hỏi như vậy. Rồi nàng từ từ bước đến gần Rahula, quỳ xuống bên cạnh con. Nàng đưa tay xoa mái tóc với từng lọn quăn mượt mịn như tơ của Rahula. Rahula không nhúc nhích, cứ úp mặt im lặng trên hai bàn tay nhỏ bé mũm mĩm của mình, nhưng cậu cũng cảm nghe được tình thương yêu của mẹ như truyền qua từ bàn tay ấm của bà. Bàn tay đó, hơi ấm đó, quen thuộc với Rahula lắm. Đó là tất cả vốn liếng mà cậu có được để

sống hạnh phúc, an vui trong mười năm qua. Đó là tất cả niềm thương yêu mà cậu được hẳn thưởng từ người mẹ nghi dung đức hạnh của mình. Rahula nghe rung động trong lòng một lúc. Nhưng cậu vẫn im lặng, không nhúc nhích. Yasodhara trìu mến nói với con:

"Con thực tâm muốn xuất gia theo Thế tôn hử Rahula?"

"Thưa mẹ, phải."

"Con sẽ không hối hận quay về hử Rahula?"

"Thưa mẹ, phải."

"Con sẽ quyết tâm đạt được Thánh quả hử Rahula?"

"Thưa mẹ, phải."

Nước mắt lãnh dài trên đôi má, Yasodhara ngược nhìn Gotama, rồi nhìn qua quốc vương Shuddodhana, cúi mặt sụt sùi một lúc. Nén tiếng khóc, nàng cúi lạy Gotama rồi thưa:

"Kính lễ Thế tôn, bậc đạo sư cao cả của ba cõi bốn loài, Rahula quyết tâm như vậy hẳn là không ai có thể ngăn trở được. Xin Thế tôn hoan hỷ cho phép Rahula xuất gia và dìu dắt Rahula tiến đến mục tiêu tối hậu của những kẻ xuất trần."

Quốc vương Shuddodhana bàng hoàng sửng sốt, nhìn Yasodhara một lúc, rồi thở dài, buồn bã quay đi. Gotama nói:

"Cao cả thay, Yasodhara. Vì ta, vì Rahula mà dẹp bỏ tình riêng, người đã làm được những điều khó làm nhất, gián tiếp góp phần vào sự thành tựu và hồng truyền chánh pháp cho muôn đời sau. Ta ghi nhận đức hy sinh của người và hôm nay, trước ý nguyện xuất gia mãnh liệt của Rahula và lời thỉnh cầu của người, ta cho phép Rahula gia nhập giáo đoàn của ta; và cũng kể từ hôm nay, ta cho phép hàng thiếu niên xuất gia theo học làm sa môn nếu có sự đồng ý của cha mẹ. Rahula, ước nguyện của con đã thành, con hãy đứng dậy đi."

Rahula bấy giờ mới ngược lên, mừng rỡ lạy tạ Gotama rồi đến trước Yasodhara. Hai mẹ con ôm lấy nhau. Yasodhara ứa lệ xoa đầu con. Rahula không khóc nhưng cũng nghẹn ngào xót thương mẹ. Cậu nói lời từ biệt lần

cuối với mẹ để bắt đầu dẫn mình vào cuộc sống mới với các sa môn. Yasodhara không muốn làm bịn rịn lòng con quá lâu, bèn thi lễ Gotama mà cáo biệt.

Đứng dõi theo bóng mẹ một lúc, Rahula quay lại mới giật mình biết rằng Gotama và các sa môn như đang có ý chờ đợi mình. Cậu lật đật quỳ xuống trước Gotama, chờ nghe lời dạy bảo. Gotama nói:

"Khá khen Rahula, tuổi nhỏ mà có chí xuất trần. Ta mong rằng con sẽ không phụ lòng mong đợi của mọi người. Kể từ hôm nay con đã chính thức là thành viên của giáo hội. Vì vậy, hãy cố gắng tuân thủ những điều lệ, nội qui và cấm giới của tăng đoàn. Trưởng lão Saripùtra sẽ thay ta giáo dục con. Con hãy bái trưởng lão làm thầy và theo hầu cận người để học hỏi giáo pháp."

Saripùtra vâng mệnh Gotama, cạo tóc cho Rahula, nhận Rahula làm đệ tử. Rahula trở thành chú tiểu đầu tiên của giáo hội. Và danh từ Sa-di cũng xuất hiện từ đó để chỉ cho hàng niên thiếu xuất gia.

*

Mặc dù quyết chí xuất gia như vậy, Rahula cũng không làm sao trong một sớm một chiều vượt qua được lứa tuổi thiếu niên với những nghịch ngợm, phá phách của mình. Cho nên, sống quen trong tịnh xá một thời gian, Rahula bỗng nảy sinh những ý tưởng đùa giỡn, trêu cợt các sa môn lớn tuổi. Rahula bắt kiến bỏ vào áo các vị sa môn đang ngồi thiền; hoặc lấy que ráy vào tai họ để chọc cho họ phân tâm. Có khi Rahula nói dối với các sa môn hoặc các phái đoàn hành hương từ xa đến về nơi chốn đức Gotama cư ngụ khiến cho những người này phải đi lạc, tìm mãi không gặp Gotama. Có khi Rahula leo cây hái trái ném vào các sa môn khi họ đang chú tâm lắng nghe Gotama thuyết pháp. Lại có khi giăng giây giữa đường cho các sa môn đi ngang phải vướng giây lão đảo để mình có dịp ôm bụng cười. Không biết bao nhiêu là hành động tinh nghịch do một tay Rahula bày ra. Ban đầu các sa môn vì lòng từ bi và hạnh nhẫn nhục quen nếp, đã bỏ qua cho Rahula. Mặt khác, không nhiều thì ít, họ cũng cả nể Rahula là con trai của Gotama cũng như đã từng là vương tôn của vương quốc Sakýas nên không bắt nạt chú. Nhưng càng làm ngơ thì Rahula càng nghịch ngợm quá tay hơn. Cuối cùng, chuyện đến tai Gotama. Gotama bèn đến ngay phòng Rahula.

Thấy dáng vẻ nghiêm nghị của Gotama, Rahula kinh hãi, sợ sệt, định tìm chỗ trốn nhưng Gotama đã gọi ngay:

"Rahula ra đây ta bảo."

Rahula riu ríu bước ra, thi lễ Gotama rồi đem chậu nước đến cho Gotama rửa chân. Gotama rửa chân xong liền hỏi:

"Rahula, nước rửa chân này uống được không?"

"Kính thưa Thế tôn, nước đã dơ rồi không thể uống được."

"Nước sạch mà để cho dơ thì không thể dùng được nữa, phải vậy không? Con cũng như thứ nước dơ này. Chí nguyện cao xa, tâm tư thoát tục, nhưng lại để cho cáu bẩn lên vì lời ăn tiếng nói thì chuyên dối gạt chọc ghẹo kẻ khác, hành động cử chỉ thì chuyên phá phách nhiều hại người. Cái tâm như vậy thì đâu còn dùng được nữa!"

Rahula nghe Gotama quở như vậy thì nín lặng, không dám hó hé cử động, cứ cúi mặt ngó dưới đất. Gotama nói:

"Nước dơ rồi thì đổ đi chứ!"

Rahula lật đật đem nước đi đổ. Khi chú trở lại, Gotama lại hỏi:

"Cái chậu con đang cầm có thể đem đựng thức ăn được không, Rahula?"

"Thưa Thế tôn, chậu đã dơ, không dùng để đựng thức ăn được."

"Con bây giờ chẳng khác gì cái chậu dơ: tâm tư, lời nói và hành động không trong sạch thì làm sao đón nhận được giáo pháp cao siêu thanh tịnh!"

Rahula xấu hổ quỳ xuống, đặt cái chậu xuống đất. Gotama bèn dùng chân hất cái chậu đi:

"Chậu này bề con có tiếc không?"

"Thưa không ạ, vì chậu đã dơ, không phải đồ quý."

"Nếu thân tâm con cũng dơ như chậu thì sự có mặt hay vắng mặt của con sẽ không ai luyện tiếc, quan tâm nữa. Như vậy con có thích lắm không?"

Rahula vả mồ hôi hột, cúi lạy Gotama, thưa rằng:

"Kính lễ Thế tôn, con đã biết lỗi. Con xin nguyện từ nay chừa bỏ và hứa tinh tấn tu học để trau luyện thân tâm thanh tịnh."

Quả nhiên, kể từ lúc đó, Rahula siêng năng tu học, ngoan ngoãn vâng lời người trên, không còn phá phách tinh nghịch nữa. Rahula trở nên một chú tiểu nổi tiếng với sự nghiêm trì các điều cấm giới, các oai nghi tế hạnh, cũng như tâm tính ôn hòa nhẫn nhục đối với mọi người, mọi nghịch cảnh. Năm 20 tuổi, Rahula được tiếp thọ giới tỳ kheo, chính thức trở thành một sa môn của tăng đoàn. Đức độ và uy tín của Rahula càng lúc càng tăng. Trong tăng đoàn, Rahula cũng được xưng tụng như là một trong mười đại đệ tử của Gotama với danh hiệu "Mật hạnh đệ nhất".

Và cũng như bao nhiêu vị Thánh tăng khác đi theo đức Gotama, Rahula đã đạt được ý nguyện của ông: vào năm 20 tuổi sau khi thọ giới tỳ kheo, Rahula chứng được Thánh quả Arahán. Nhưng đặc biệt nhất, hình ảnh của Rahula trong giáo hội nguyên thủy cho đến ngàn sau vẫn là hình ảnh tuyệt đẹp của một thiên thần bé nhỏ, quyết chí xuất gia từ lúc ấu thời, và cuối cùng cũng đã sánh vai với Phật Thánh trên lộ trình giải thoát giác ngộ. Rahula không phải chỉ mở đường cho chính mình mà còn mở đường cho muôn ngàn chú tiểu bé bỏng dễ thương khác trên khắp trái đất, trong mọi thời đại, bước vào vòm trời cao rộng siêu thoát của Thiên môn.

---o0o---

Nghề Đuổi Qua

Theo qui chế nhà chùa, Sa di (danh từ gọi chung cho các chú tiểu) được chia làm hai hạng: hạng thứ nhất, tuổi từ 7 đến 12, gọi là Sa di Khu Ô; hạng thứ hai, tuổi từ 13 đến 19, gọi là Sa di Ứng Pháp. Hạng thứ hai được coi như đã thuần thực nhờ trải qua một thời gian tập sự trong chùa, phần khác vì ở trong lứa tuổi phát triển hoặc sắp trưởng thành, nên có thể giúp cho chùa nhiều việc quan trọng như tưới cây, quét dọn, lau chùi, làm việc đồng áng (nếu chùa ở vùng quê), tụng kinh, tiếp khách (khi thầy đi vắng) v.v... Chữ Ứng Pháp có thể hiểu nghĩa đen là có khả năng thích ứng, thực hiện nhiều pháp sự trong chùa. Còn hạng thứ nhất, Sa di Khu Ô, theo nghĩa đen thật đen, thì chỉ là Sa di Đuổi Qua. Là vì ở cái tuổi quá nhỏ, các chú tiểu ở hạng này không vác nổi cái chổi cao hơn mình, không xách nổi thùng nước nặng bằng mình, không giơ nổi cây cuốc dài gấp đôi thân hình mình... Cái gì cũng không nổi, không xong, thì chỉ còn cách chia phiên các chú đuổi qua, đuổi chim, không cho chúng ăn phá thóc lúa, đậu mè, hoa quả của vườn chùa. Công việc duy nhất và dễ nhất cho các chú hàng ngày là như vậy, cho nên

gọi các chú là Sa di Khu Ô (đuôi quạ). Các thầy trụ trì khi nuôi các chú tiểu ở lứa "khu ô" biết rằng các chú không làm được việc lớn nên phải kiếm chút việc nhỏ nào đó mà giao cho các chú để các chú khỏi ở không. Điều đó, chẳng phải là chèn ép gì các chú" vì đuôi quạ cũng giống như chơi đùa, chẳng mệt nhọc chi hết" mà cũng là một trong những sự trau luyện của Thiền môn đó thôi. Thứ nhất, sự làm việc của các chú (dù là việc nhỏ) cũng được xem như những đóng góp vào chuyện chung của chùa để các chú khỏi mang tiếng ngồi không mà ăn cơm bá tánh. Thứ hai, cắt chia công việc cho các chú cũng là cách tập cho các chú có trách nhiệm đối với công tác mà chùa giao phó.

Cứ theo qui chế nói trên mà xét thì lẽ ra không có những chú tiểu ở tuổi từ 4 đến 6, mà nhỏ nhất cũng phải là 7 tuổi. Có lẽ hồi xưa qui chế đó được áp dụng, nghĩa là chỉ nhận cho xuất gia những chú từ 7 tuổi trở lên. Còn thời nay, người ta thấy ở nhiều chùa sự có mặt của các chú tiểu ở lứa dưới 7 tuổi. Điển hình là chú Hiếu ở chùa Phước Tân. Chú Hiếu mới có 5 tuổi thôi. Như vậy, lý ra chú chưa đủ tiêu chuẩn để được xếp vào hạng Sa di Đuôi Quạ nữa. Nhưng thầy trụ trì cũng đã cắt việc cho chú, coi chú như là hàng Sa di Đuôi Quạ chính thức vậy. Có lẽ vì chùa cũng thiếu người làm công việc đuôi quạ nên thầy mới phải dành công việc đó cho chú. Được giao công việc, chú thích lắm. Chú cảm thấy mình được "lớn", có khả năng làm việc. Công việc của chú, trước đây do chú Hân đảm trách. Nhưng chú Hân bây giờ đã được 13 tuổi rồi" đã qua khỏi cái tuổi Đuôi Quạ rồi" vì thế, chú Hiếu được "bổ nhiệm" sớm.

Chuyện đi tu của chú Hiếu cũng là một đề tài khá ly kỳ. Cha mẹ chú kể rằng từ hồi mới biết ăn, chú đã không ăn được cá thịt, cứ đòi ăn rau cải quanh năm suốt tháng. Nhiều lúc sợ chú bị thiếu dinh dưỡng, cha mẹ chú nghiền thịt hay cá để nấu chung với rau cho chú. Vậy mà chú cũng biết, bỏ ăn; có khi lỡ ăn thì ói thốc ra hết, không chịu được mùi tanh cá thịt. Cho đến tháng chạp năm ngoái, khi theo cha mẹ đến chùa, thấy chú Hân ngồi học kinh dưới gốc cây, chú Hiếu bèn nảy ý xin đi tu. Chú xin nằng nặc đến độ giận lẫy, bỏ ăn, không tắm rửa, đủ thứ chuyện. Cuối cùng cha mẹ đành phải chịu thua, mang chú lên chùa.

Chùa Phước Tân là một chùa ở thôn quê. Cái tên của chùa, thầy trụ trì nói rằng nó chẳng mang chút Thiền vị nào hết mà chỉ có ý nghĩa gắn bó với ngôi làng nhỏ này mà thôi" chùa Phước Tân của làng Phước Tân. Và vì là chùa làng, mọi sinh hoạt đều mang tính cách của làng xã địa phương. Dân trong làng làm ruộng làm vườn thì chùa cũng có ruộng có vườn để canh tác hàng

ngày. Chùa có cả thầy sáu người: thầy trụ trì, thầy tri sự, chú Hân, hai dì vải già dưới bếp và chú Hiếu. Hàng ngày, thầy trụ trì và thầy tri sự cùng vác cuốc ra ruộng. Lúa cấy xong, hai thầy vác cuốc ra vườn trồng rau, đậu. Ruộng vườn của chùa nhiều lắm nên hết khoảnh ruộng này lại xoay qua miếng đất khác, chẳng biết lúc nào hai thầy mới nghỉ việc được ngoài trừ các ngày Tết, ngày lễ vía, hoặc ngày rằm, mừng một. Chú Hân cũng đi theo hai thầy từ khi có chú Hiếu đảm trách việc đuổi quạ. Nhưng chú Hân chẳng làm được gì ngoài ruộng vườn trừ việc đem nước uống hoặc đem "bữa lờ" (bữa ăn xách ra tận ngoài ruộng để ăn qua loa mà làm việc tiếp) cho hai thầy. Có khi chú giúp các thầy tưới đậu, trồng rau lang, những việc tương đối dễ dàng và không cần phải dùng nhiều sức. Buổi sáng sớm sau khóa lễ khuya, chú Hân mang chổi ra quét sân, rồi vào quét Tô đường trong khi thầy trụ trì quét dọn chánh điện còn thầy tri sự thì tưới các chậu kiểng. Hai dì vải già dưới bếp thì nấu ăn, quét dọn quanh bếp và vườn sau. Hai dì cũng lo việc xắt khoai lang khoai mì để phơi khô, có khi các dì phơi lúa, phơi đậu ở mảnh sân xi măng bên hông chánh điện. Ai cũng có nhiều việc để làm trong ngày. Duy có chú Hiếu là rảnh rang nhất, chỉ làm mỗi công việc đuổi quạ mà thôi.

Công việc của chú chỉ bắt đầu khi nào hai dì vải khiêng bao bắp hay lúa ra sân, trút ra phơi khi nắng bắt đầu rọi đến khoảnh sân đó. Chiều, khi trời sắp tắt nắng, hai dì vải ra sân hốt lúa vào bao là chú hết trách nhiệm. Ai cũng cho rằng việc đuổi quạ là việc nhàn rỗi, dễ nhất. Ban đầu chú Hiếu cũng nghĩ vậy. Nhưng khi bắt tay vào việc rồi, chú mới thấy rằng nó không đơn giản. Trước đây, khi chú Hân còn làm việc đuổi quạ, cứ mỗi lúc ngồi trông coi đồ phơi thì mang kinh ra học, có khi đem giấy bút ra tập viết chữ Hán nữa. Còn chú Hiếu chưa biết chữ, chẳng biết phải học hay làm gì cho đỡ chán suốt thời gian ngồi trông coi bắp đậu. Ngoài ra, chú Hân có cái thanh quản rất tốt, nói năng lớn tiếng như ễnh ương kêu. Khi nào thấy có chim đến phá, chú Hân chỉ la lên một tiếng là chim bay hết. Còn chú Hiếu, giọng nhỏ xíu như con gà con mới chui ra khỏi trứng, hét mãi mà chim cứ nhảy qua nhảy lại, tung tăng mà mổ. Nội hai chuyện đó không đã thấy rằng việc đuổi chim quạ của chú Hiếu đã không phải là đơn giản rồi. Rất chán! Chán quá không biết làm gì, chú đâm ra buồn ngủ. Chú ngồi dựa vào cây tùng, ngủ rất ngon. Chim chóc tha hồ đáp xuống mà ăn bắp, ăn lúa. Hao của chùa quá. Chỉ có hai dì vải mới biết chuyện hao hụt đó. "Chẳng phải lúa bắp teo khô lại mà thấy ít đi đâu! Tại chim ăn nhiều quá đó," hai dì vải nói với thầy tri sự như vậy khi thầy giúp hai dì vác các bao lúa vào kho. Thầy tri sự tuổi trẻ mà tần mẫn, chăm chút từng thứ li ti. Có lẽ thầy trụ trì giao cho thầy làm chức tri sự cũng vì biết cái tính ý tỉ mỉ của thầy. Thầy tri sự không muốn làm rơi rớt bất cứ hạt thóc nào. Hẳn nhiên là ở chùa xưa nay ai cũng học bài học vỡ

lòng là phải biết trân quý hạt cơm như hạt ngọc, do công lao khó nhọc của người nông phu làm nên. Nhưng trân quý đến cỡ thầy tri sự này thì chữ "cơm chùa" sẽ không còn ý nghĩa nữa. Cũng bởi thầy tri sự quá trân quý vật sản của chùa, dù là do bầm tánh hay do tinh thần trách nhiệm, thầy không thể tha thứ cho chú Hiếu được.

"Chú Hiếu lại biểu," thầy tri sự nghiêm giọng gọi.

Chú Hiếu rón rén bước đến gần thầy, tay vịn vê chéo áo vạt hò nâu, chưa biết chuyện gì mà trông như đã muốn khóc.

"Hôm nay chú làm gì ở chùa?"

"Dạ... dạ đuổi quạ."

"Có con quạ nào không?"

"Dạ không, con không biết con quạ."

"Con quạ cũng giống con chim, nhưng nó lớn hơn, màu đen. Mỏ nó hơi dài như vậy," ngưng một lúc thầy tiếp, "không biết, không thấy con quạ nào nên chú chẳng làm gì hết hả? Di Bầy nói chú ngồi ngủ mà, phải không?"

"Dạ đâu có."

"Vậy chớ chú làm gì mà lúa mất đi đâu muốn hết?"

"Dạ... có mấy con chim nhỏ nhỏ như vậy nè, tụi nó ăn đó."

"Sao chú không đuổi chớ!"

"Dạ... con đuổi nó hông chịu bay. Vớ lại... đâu phải quạ đâu mà đuổi."

"Phật Tổ ơi! Quạ hay chim gì cũng đuổi hết, nhớ chưa? Còn đuổi thì nó phải bay chớ. Chắc chú ngồi một chỗ rồi xì xì mấy tiếng có lẽ thôi nên chúng không sợ chớ gì! Chú đuổi sao làm lại tui coi thử coi."

Chú Hiếu ngập ngừng một lúc rồi vung hai tay lên la: "Huớ... huớ!" Thầy tri sự bật cười, rồi nhả mặt than:

"Trời thần ơi! Đuổi như vậy làm sao nó sợ chớ! Huớ huớ gì như thần lẩn chặc lưỡi vậy trời!"

Thầy trụ trì nghe được câu chuyện, bước ra vừa cười vừa nói:

"Kiếm cho chú một cái thùng thiếc nhỏ với hai cái dùi. Khi nào chim chóc tới thì cứ gõ rên trời lên là chúng hoảng kinh bay hết chứ lo gì. Giọng chú ấy đâu có lớn được như giọng chú Hân, mà la hét suốt ngày cũng khan cổ chết, ai mà chịu nổi."

Thầy tri sự dù sao cũng là hàng đệ tử nên nghe thầy trụ trì nói vậy cũng không bàn cãi gì thêm, liền đi tìm một cái thùng thiếc cho chú Hiếu. Chú đứng lại đó như trời trồng, chẳng dám bước đi đâu. Thầy trụ trì thấy thương, gọi chú lại:

"Con làm việc có mệt không?"

"Dạ không."

"Có chán không?"

"Dạ... không chán."

"Không chán? Thiệt không nè? Xuất gia không được nói dối. Thầy hỏi lại, đuổi chim quạ có chán không?"

"Dạ... chán."

"Phải vậy chứ! Chán chứ sao không! Con chưa học nghề mà bắt đi làm thì sao không chán được. Ở chùa, việc nào cũng có ý nghĩa riêng của nó, cho nên việc nào cũng phải học hết. Ngồi xuống đây, thầy dạy con cách đuổi quạ. A, có thùng thiếc đến cho con rồi kìa. Tốt lắm. Lại có hai cái dùi đẹp như vậy, sướng quá! Lại đây."

Chú Hiếu bước đến gần thầy trụ trì. Thầy tri sự cũng đứng một bên để lắng nghe thầy trụ trì dạy chú cách đuổi quạ. Thầy trụ trì nói với thầy tri sự:

"Cái thùng thiếc này tốt lắm rồi, nhưng nếu chú ấy phải mang đi bằng hai tay thì không còn tay đâu mà gõ. Cho nên, thầy hãy đục hai lỗ ở hai bên miệng thùng, mắc vào đây một sợi dây cho chú đeo trước bụng."

Thầy tri sự cười dòn một tràng, mang thùng thiếc đi ngay. Một chốc sau là thầy ấy đã mang cái thùng thiếc với sợi dây làm quai, trở lại. Chú Hân cũng theo thầy tri sự đến nghe thầy trụ trì dạy. Thầy trụ trì tròng dây vào cổ mình,

sửa cho thùng thiếc nằm ngay ngắn trước ngực. Ai cũng cười. Chú Hiếu chẳng dám cười, ngó thầy trụ trì lom lom ý chừng không muốn bỏ sót động tác đuổi quạ nào mà thầy dạy cho. Thầy vừa gõ thùng vừa nói:

"Đuổi quạ cũng như quét rác. Quét rác là quét cho sạch những phiền não (thầy ngưng một lúc để tìm chữ dễ hiểu cho chú Hiếu), tức là những cái tánh xấu ác của mình, thì đuổi quạ cũng có nghĩa là đuổi đi những thứ tầm bậy tầm bạ phá hoại đời sống tu hành của mình. Cái gì là tầm bậy tầm bạ, biết không? Là ham ăn, ham ngủ, ham chơi, lười biếng học hành, lười biếng kinh kệ, ganh tị, ghen ghét, sân si, ác độc... (tùng tùng) Nói tóm lại là đủ thứ xấu xa của mình (tùng tùng). Người tu là một chiến sĩ anh dũng, xông ra trận, chiến đấu với các thứ ma quỷ dơ nhớp xấu xa, đuổi cho chúng chạy, đánh cho chúng tan, không chịu thua một thứ phiền não nào hết. Quạ đâu, chim đâu! Tụi bây là ma vương, là phiền não đến đây quấy phá chùa chiền phải không? (tùng tùng! tùng tùng!) Có ta đây! Ta đuổi bây! Mau chạy, mau bay! Đừng xớ rớ đến vườn chùa thanh tịnh của ta nữa! Bay đi, bay đi! (tùng tùng! tùng tùng!)."

Thầy trụ trì cười. Chú Hân cũng cười ngặt nghẽo. Thầy trụ trì ngó chú Hiếu, hỏi:

"Sao, con đã học được cách đuổi quạ chưa?"

"Dạ chưa... dài quá con không nhớ hết!"

"Ai bắt con học những gì thầy nói đâu mà dài với ngắn! Khi thấy chim quạ tới, con chỉ việc chạy u đến, vừa chạy vừa gõ thùng là được rồi, đâu cần phải nói hay đọc cái gì!"

Mắt chú Hiếu sáng rỡ lên, chú nói:

"Dạ, vậy thầy để con làm thử coi."

Nói rồi chú đón cái thùng thiếc từ thầy, tự tròng dây vào cổ mình. Vừa chạy chú vừa gõ "tùng, tùng" một cách khoái chí. Chú chạy riết tới bãi phơi lúa. Chú Hân phân bì:

"Bạch thầy, hỏi trước con đuổi quạ thầy đâu có dạy con như vậy."

Thầy trầm ngâm một lúc:

"Mỗi người có một tính nết, một căn cơ riêng. Con sẽ giống như thầy tri sự. Lau chùi, quét dọn, giữ gìn cho sạch đất chùa, tích chứa công đức, không để sơ tán, làm gương mẫu giới hạnh cho đồ chúng mai sau."

Chú Hân nghe thầy dạy như vậy có vẻ thích ý lắm, tin tưởng tương lai của mình sẽ vững vàng suông sẻ như đường đi của thầy tri sự. Chú hỏi:

"Chú Hiếu không phải vậy hử, bạch thầy?"

"Không," thầy chỉ nói vậy.

Lúc này chú Hiếu đã trở lại với mặt mày sáng rỡ. Thầy nói với chú trước khi trở vào phương trượng:

"Mỗi ngày khi làm việc đuổi quạ, con hãy nghĩ rằng con là một anh hùng, một chiến sĩ, chiến đấu với những điều xấu xa ác độc của cuộc đời. Nhớ chưa? Vũ khí của con là cái thùng thiếc đó. Gióng nó lên để đuổi giặc như là hồi xưa đức Phật nói giáo lý trung đạo để phá tà ma ngoại đạo vậy. Không hiểu hả? Thôi, đại khái là phải hết sức chiến đấu không chịu thua bao giờ hết. Được chưa? Hiếu chưa?"

"Dạ, hiểu," chú Hiếu đáp nhanh, tay không quên gõ "tùng tùng".

*

Kể từ hôm được trao "vũ khí" và bài học "chiến đấu", chú Hiếu đã thấy hăng hái hơn nhiều. Chú không còn thấy chán và buồn ngủ nữa. Buổi sáng không đợi dỉ vải kê nhắc, chú đã túc trực sẵn ở sân phơi lúa với cái thùng thiếc đeo trước ngực. Chim chóc chỉ mới đậu trên cây chưa kịp sà xuống sân là chú đã gõ thùng xua đuổi. Vừa gõ vừa chạy xấn tới, hăng say như lính cảm tử. Chỉ một thời gian ngắn chừng vài ba tháng, chim chóc đã có vẻ như hết dám bén mảng đến sân phơi. Chúng chỉ tập trung trên các cành cây xa thật xa ở ven rào của chùa để chờ cơ hội thuận tiện. Nhưng chú Hiếu đã không cho chúng một cơ hội thuận tiện nào để ăn lúa bắp trên sân phơi nữa. Chú không những là một chiến sĩ anh dũng, mà còn là một chiến sĩ siêng năng, tinh tấn, biết trách nhiệm nữa. Dần dần, chú rút được những kinh nghiệm trong nghề đuổi quạ của mình khiến chú có thể thông thả, ít cực nhọc hơn, không cần phải dùng sức nhiều quá, không cần phải làm "cảm tử", không cần phải quá siêng năng như lúc đầu nữa. Chẳng hạn khi cần phải đi tiểu tiện hay đại tiện, chú không phải kêu gào nhờ dỉ vải trông coi thay mình: chú cởi áo ra, máng trên một nhánh cây trong chậu kiếng gần sân phơi nhất; cái

thùng thiếc cũng được treo lên, lủng lẳng bên cạnh cái áo. Cành mềm làm cho cái áo và cái thùng đu đưa đu đưa y như chú hầy còn đứng đó vậy. Cho nên, chim chóc cũng chẳng dám đến. Lúc đầu, chú chưa dám thực hiện cái mẹo đó vội. Chú treo áo treo thùng lên cành cây xong, chạy vào nhà kho gần đó núp đợi. Thấy thật lâu mà vẫn không có con chim nào dám đáp xuống, chú mới yên tâm áp dụng. Bây giờ thì chú ăn chắc kết quả của mưu mẹo đó rồi. Muốn đi đâu, chú cứ việc treo áo treo thùng lên rồi đi. Quen rồi, sáng kiến càng nảy ra nhiều hơn. Chẳng hạn, thay vì phải cởi áo mình ra, chú lấy cái áo cũ rách đã bỏ của thầy tri sự, treo lên; thay vì cứ ngồi mãi bên sân phơi mà không thấy quân thù nào xuất hiện, chú ra vườn sau hì hục làm sào để thọc ôi xuống mà ăn; thay vì cứ chăm chăm nhìn ngó bóng chim, chú nằm đợi xuống bậc thêm bước lên chánh điện mà ngủ ngon lành. Hai thầy và chú Hân ra đồng, có khi chiều tối mới về; có khi về vào giấc trưa để thợ trai và nghỉ ngơi đâu chừng một tiếng rồi đi lại. Như vậy, chú có ngủ lén một hai giờ đồng hồ cũng chẳng ai hay. Hai dì vải thì cứ lui cui làm việc dưới bếp, có rảnh rỗi đâu mà kiểm soát công việc của chú. Chú nằm chèo queo nơi bậc thêm, ngủ dưới làn gió mát hây hây dễ chịu từ ruộng đồng thổi vào. Lâu lâu giật mình thức dậy, chú vói tay lấy hai cái dùi gỗ vào thùng một tràng rôm rả, rồi ngủ tiếp. Ấy vậy mà chim chóc cũng không dám đến. Có lẽ chúng đã thực tình sợ hãi và tránh xa vườn chùa dưới sự canh gác gắt gao nghiêm nhặt của "chiến sĩ đuổi quạ" này rồi.

Cho đến trưa hôm nay, đang khi ngon giấc bên hiên chùa, chú bỗng nghe tiếng kêu của một giống chim lạ. Tiếng kêu lạ và lớn đến nỗi chú phải vùng thức dậy, dụi mắt, đảo đảo nhìn quanh. Chú không thấy con chim đó đâu. Có lẽ nó đang đậu trên một cây cao nào đó gần sân phơi. Chú nhìn quanh sân. Hôm nay chùa phơi một món rất đặc biệt: đậu phụng. Món đậu phụng này rất đắt tiền, đắt hơn lúa bắp, có thể đem ép dầu và làm món muối đậu, ăn rất ngon miệng cho bữa cơm chay. Vì vậy, thầy tri sự dặn chú phải trông coi cho kỹ. Thầy dặn thì dặn, chú thấy chẳng có gì thay đổi trong công việc của chú. Lúa hay bắp cũng gõ tùng tùng, mà đậu phụng thì cũng gõ tùng tùng thôi, có gì khác đâu. Khác chẳng là khi phơi lúa bắp, chú không hề đụng chạm gì đến những thứ đó. Còn đậu phụng thì trước khi đánh giã, chú đã ních cho một bụng đã đời rồi. Cái thứ đậu này quý thật! Chú đâu có ý ăn chi cho nhiều, vậy mà cứ lột, cứ bóc vỏ, hết trái đậu này đến trái đậu khác. Dòn dòn, ngọt ngọt, béo! Ăn xong, đem vỏ đi ném tận bờ rào. Trở vô, lại muốn ăn, rồi lại đem vỏ đi vứt thật xa nữa. Thật là phiền quá, mất công quá! Vậy mà cứ ăn. Bây giờ, ngồi sật sừ chưa tỉnh hẳn, chú vừa suy nghĩ chuyện đậu phụng, vừa thắc mắc không biết con chim gì đó có thực không hay là chỉ có trong giấc mộng của chú. Đang vật vờ muốn thiu thiu ngủ trở lại, chú bỗng

nghe tiếng con chim đó kêu lần nữa: "Ku...ạ! Ku...ạ!" Chú đứng hẩn dậy, tay che trán, nhưng mắt nhìn lên cây bồ đề, chỗ phát ra tiếng kêu. Chú thấy rõ ràng một con chim lớn hơn con chim sẻ rất nhiều, mỏ nó dài và hơi cong, lông nó đen mun, dễ sợ. Chú thấy ớn lạnh trong người. Con chim có cái vẻ gì rùng rợn ma quái lắm. Chú nhớ lại lời mô tả của thầy tri sự. "A, đúng rồi! Đây là con quạ! Chết rồi, làm sao đây?" Chú run. Chú sợ. Chú nép vào mé tường rồi len lén rút ra, nấp sau chậu kiểng, nơi chú treo cái áo rách và cái thùng thiếc. Chú nhìn lên cành cây xem con quạ có thấy chú không. Nó thấy. Nó nhìn chú. Nó theo dõi chú. Chú sợ quá, không dám động dậy. Chú ngồi yên sau chậu kiểng, len lén ngược mắt lên nhìn nó.

"Ku...ạ! Ku...ạ!" con quạ lại kêu lên những tiếng ghê rợn. Rồi bỗng chốc, hai con quạ khác từ đâu bay ào tới. Ba con cùng đậu trên một cây, lúc lắc đầu cổ như nói với nhau điều gì. Rồi cả ba con cùng cúi đầu ngó xuống chỗ chú nấp. Chú xanh mặt, đổ mồ hôi, run lên, rồi chú vụt bỏ chạy. Chú chạy bán mạng vào Tổ đường, chui xuống dưới bàn thờ, ngồi thở dốc. Ba con quạ thấy chú vùng dậy thì giật mình tính bay đi nhưng nhìn lại thấy chú chạy xa, bèn hờn hờ rủ nhau sà xuống ăn đậu phụng. Ăn thoải mái. Ăn tại chỗ, khỏi cần phải tha đi đâu.

Dưới bàn thờ Tổ, chú hãy còn run cầm cập. Chú không ngờ con quạ lại có cái vẻ hiểm ác, dữ tợn như vậy. Chú suy tính cách chống trả lại nó. Trốn như vậy lỡ các thầy về biết được thì chết. Chú ăn đậu phụng hồi sáng đã hao lắm rồi, bây giờ để cho quạ ăn thì còn hao nhiều nữa. Quạ mà đáp xuống ăn tỉnh bơ thì những con chim nhát cáy mọi hôm cũng sẽ rủ nhau ùa xuống cho xem. Chú thấp thỏm ngồi không yên, định mò ra lại thì nghe tiếng chân chạy rần rật ngoài sân, rồi nghe tiếng chú Hân hét lên nữa:

"Huớ! huớ! Xịt! xịt! Chú Hiếu đâu! Sao để chim quạ xuống cả bầy cả đàn vậy trời!"

Thấy có chú Hân tiếp cứu chú mừng quá vụt chạy ra:

"Tui đây nè! Mới chạy ra sau chút xíu à!"

"Xạo! Tui đi từ xa nhìn vào thấy chú bỏ chạy rõ ràng!"

"Đâu có!"

"Thôi đừng có cãi. Nói tui nghe, sao chú bỏ chạy? Chú sợ cái gì?"

"Đâu có sợ cái gì đâu?"

"Chút nữa tui mét thầy tri sự cho coi."

"Đừng có mét mà, năn nỉ chú đó."

"Vậy chú nói nghe, chú sợ cái gì mà bỏ chạy?"

Ngập ngừng một hồi, chú đáp:

"Con quạ đó."

"Mô Phật! Người mà sợ quạ! Đời thuở nào có cái chuyện này nè trời! Sợ cái gì chớ. Thùng của chú đâu sao không gõ?"

"Kia kia."

"Sao không đeo vô người mà treo trên đó?"

Chú không trả lời, đứng phụng phịu, vịn cành cây rồi vùn vệt vạt áo. Chú Hân thấy tội nghiệp bèn đổi giọng:

"Thôi đừng sợ nữa, tui không mét thầy đâu. Còn cái thứ quạ quỷ quái đó lần sau có thấy chú lượm cục đá chọi nó một cái là xong, có gì đâu mà sợ chớ!"

"Lỡ không trúng nó thì sao?"

"Đâu có cần phải trúng. Chọi gần gần nó thôi là nó hoảng kinh bay tuốt hết rồi chớ lo gì!"

"Lỡ trúng nó thì sao?"

"Trúng nó? Thôi chú à, tui đứng đây chú chọi thử coi trúng không mà đòi chọi trúng con quạ biết bay. Làm như chú chọi giỏi lắm vậy. Lo cái chuyện gì đâu. Hao đậu của chùa không lo! Đeo thùng vô đi. Lượm sẵn mấy cục đá để một bên. Ném hết đá thì đi lượm lại. Không có đá thì cứ chạy xấn tới, cầm hai cái dùi của chú quơ quơ lên là chúng bay hết. Quạ cũng giống như chim chứ khác gì đâu. Nó nhỏ xíu như vậy mà cũng sợ!"

Nói rồi chú Hân xuống nhà bếp lo bới xách cơm trưa ra ruộng cho các thầy. Còn lại một mình, chú Hiếu lững thững đi lượm vài cục đá trong sân. Chú

thấy phục chú Hân hết sức. Nhờ chú Hân mà chú lấy lại được tự tin. Quyết chiến đấu anh dũng trở lại chứ không để mất nhuệ khí như khi nãy.

Khi chú Hân trở ra, chú Hiếu níu tay chú Hân lại nói:

"Cám ơn chú bày tui đuổi quạ. Chú nhớ đừng mét hai thầy nghe."

"Không mét đâu ông Sa di Đuổi Quạ à! Ủa quên, ông Sa di Quạ Đuổi chớ, ha ha, Sa di Quạ Đuổi," vừa nói vừa cười, chú Hân đi tuốt.

Chú Hiếu ngồi lại nơi sân, thấy nhột nhột, quê quê. Chú lượm cục đá ném mạnh lên cây bồ đề, nhưng cục đá lại bay ra sau lưng chú, trúng vào vách chánh điện nghe "bụp" một tiếng. Chú giật mình, quên mất rằng từ nhỏ tới giờ chú chưa hề lấy đá chọi ai. Bây giờ phải tập. Vậy là nghề đuổi quạ cũng cần phải biết thêm chuyện chọi đá nữa.

Chiều hai thầy và chú Hân về, chú Hiếu len lén lui đi chỗ khác, tránh mặt họ. Dù chú Hân hứa là không mét chuyện hồi trưa, chú Hiếu vẫn cứ sợ. Chú không biết chắc là chú Hân có giữ lời hay không. Thực ra tính ý chú Hân cũng bất thường lắm. Nội chuyện đái dầm của chú Hiếu không là đủ biết chú Hân chẳng quan tâm gì chuyện giữ lời hứa. Chú Hân hứa không nói thầy nghe, vậy rồi thầy nào cũng biết chú Hiếu đái dầm. Cả hai dì vãi cũng biết nữa. Cũng may là thầy trụ trì thương nói vớt cho chú rằng lúc thầy mười hai tuổi thầy vẫn còn đái dầm mỗi tuần hai ba lần.

Thấy chú Hân ra giếng, chú Hiếu chạy ra theo:

"Chú Hân, chú có mét hai thầy không vậy?"

"Không. Không nói gì hết. Yên tâm chưa ông Sa di Quạ Đuổi?"

"Chú đừng kêu tui như vậy nữa mà. Kêu như vậy cũng giống như mét thầy rồi."

"Nhiều chuyện quá! Vào trong đi."

"Chú hứa đi, hứa đừng mét đừng nói Quạ Đuổi nữa đi!"

Chú Hân bỗng nổi quạ lên:

"Phiền quá hà! Bắt tui hứa nữa! Sợ cái gì chứ!" chú Hân to tiếng lên, cố tình la thật to, "bị quạ đuổi thì nói là quạ đuổi chứ sợ gì chứ hờ Sa di Quạ Đuổi! Sa di Quạ Đuồ...i!"

Biết bịt miệng chú Hân không được, chú Hiếu ôm đầu ôm cổ vùng chạy về phòng mình, ngồi ôm gối khóc thút thít. Tức chú Hân quá sức. Khóc chưa hả cơn bỗng thấy thầy trụ trì bước vào phòng. Chú khóc òa ra. Chú biết thầy trụ trì xuống đỡ dành chú chứ không phải xuống để la rầy đâu. Quả vậy, thầy ngồi bên cạnh chú, vuốt cái chóp nhỏ xíu của chú, an ủi:

"Đừng khóc như vậy mất hết tinh thần chiến đấu bây giờ. Hồi nhỏ thầy cũng như con vậy thôi. Lúc đó chùa có nuôi con gà trống để nó gáy mỗi khuya mà thức dậy tụng kinh. Con gà đó to lắm, dữ dằn lắm. Chùa phơi bắp, thầy ngồi coi. Thấy con gà tới là thầy bỏ chạy để nó muốn ăn bao nhiêu bắp thì ăn. Thực ra, nó đâu có đói gì. Nó có phân bắp đem đến tận nơi cho nó ăn nhưng nó cứ thích ăn bắp phơi ngoài sân ngoài trời vậy. Nó muốn ăn đồ có vẻ thiên nhiên hay sao đó mà. Thì cho nó ăn bắp phơi cũng chẳng sao, nhưng nó ăn được thì gà quanh xóm cho tới chim, quạ, cũng xúm xít bu lại, rất là phiền! Cho nên phải đuổi luôn cả nó. Ăn uống phải có trật tự, nề nếp chứ. Mà đuổi nó thì thầy không dám. Chẳng biết sao thầy cứ sợ nó mà không sợ bất cứ con gà nào khác. Nó đuổi thầy chạy te thì có. Riết rồi mỗi lần muốn ra sân ăn lúa bắp là nó lo đuổi thầy trước rồi ăn sau. Vừa ăn vừa rử rê gà vịt chim quạ hàng xóm, làm như nó là chủ nhà muốn đãi tiệc láng giềng vậy. Thầy trụ trì hồi đó, tức là sư ông của con, biết được chuyện mới vót cho thầy một cây roi tre mỏng. Bảo thầy xông đến quất cho nó một trận. Thầy đành liều mà làm theo. Chỉ quất xem xém thôi chứ không cố tình quất ngay nó. Vậy mà cũng trúng đuôi nó một chút, bay mấy cái lông. Nó kêu quang quác, bỏ chạy trời chết. Từ đó về sau, thấy mặt thầy là nó lui thủ né đi chỗ khác. Vậy đó, đối với chim quạ, hay bất cứ loại nào, con cứ coi chúng như những phiền não quấy phá mình, thầy dạy con điều đó rồi, phải không? Mình phải quyết tâm thắng nó, phải biết rõ là nó vốn sợ mình, phải biết rõ là mình chắc chắn thắng nó, thì con mới không sợ nó. Biết mình biết người, trăm trận trăm thắng. Chưa biết rõ kẻ thù thì còn có lúc thắng lúc thua, nhưng khi đã biết rồi thì trăm trận trăm thắng chứ. Cũng như khi con chưa biết con quạ thì con sợ, bây giờ biết nó rồi, đâu có sợ nữa, phải không? Con lại có vũ khí nữa, nào đá, nào dùi, nào thùng, nào tay chân to lớn. Nó nhỏ xíu chỉ có cái mỏ thì làm gì thắng được con. Phải không? A lê, nín khóc. Ngày mai ra trận đánh đuổi nó một lần, con sẽ làm chủ tình hình, không ai hơn con được nữa."

*

Ngày mai, và những ngày kế tiếp, chú Hiếu làm chủ lại tình hình, đúng như lời thầy nói. Trăm trận trăm thắng. Không chim không quạ nào dám đến nữa. Chú hăng say đánh đuổi ngay cả những chim những quạ đậu xa lác trên các cành cây, bụi rậm ngoài vườn chùa. Chú không làm chết một con chim nào, chỉ xua đuổi thôi, nhưng chim nào cũng đâm sợ, lánh xa khu vực chùa. Có khi thấy chú từ xa là chim đã vụt bay như thể bị kinh động bởi tiếng gầm của chúa sơn lâm.

Kết quả việc làm của chú bây giờ, theo lời thầy tri sự thưa với thầy trụ trì, tiến xa hơn trước nhiều. Lúa, bắp, đậu xanh, mè, không bị hao chút nào; đậu phụng thì có hao chút chút không đáng kể; chim chóc đi biệt không thấy không nghe tăm dạng hay tiếng kêu ríu rít hàng ngày nữa. Thầy trụ trì lắng nghe thầy tri sự báo cáo, nhắm mắt trầm ngâm một lúc rồi nói đùa:

"Không khéo mình lại sống trên một mảnh đất chẳng lành đó nghe."

Thầy tri sự không hiểu ý thầy trụ trì nói gì. Thấy vậy, thầy trụ trì thở dài xua tay cho thầy tri sự rút đi. Chờ thầy tri sự ra khỏi phương trượng rồi, thầy trụ trì ngâm nga:

"Xuân khí hoa hoàn tại,

Nhân lai điều bất kinh."

(Xuân đi hoa vẫn trên cành

Người về chim hót an lành bên sân).

Buổi tối, thầy trụ trì bảo chú Hân gọi chú Hiếu lên phương trượng. Nghe gọi như vậy chú Hiếu biết là thầy có việc muốn dạy bảo. Chú bận áo tràng tràng hoàng, bước đến chỗ thầy rồi đứng chắp tay một bên chờ đợi.

Thầy gật gù nói:

"Con đuổi quạ được mấy năm rồi?"

"Bạch thầy, năm năm rồi."

"Vậy ra bây giờ con đã mười tuổi?"

"Dạ phải."

"Công việc của con ra sao?"

"Dạ, công việc bình thường."

"Chim chóc còn đến phá nhiều không?"

"Bạch thầy, con ngồi suốt ngày cũng không thấy một con chim nào bay ngang. Hình như chim quạ không đến vùng chùa này nữa. Bây giờ phơi lúa bắp chẳng cần ngồi coi cũng không sao."

"Vắng đến như vậy sao!"

"Dạ, vắng hoe à."

"Vậy con chẳng thấy buồn sao? Con ngồi suốt ngày không có con chim nào để đuổi, để gõ thùng, không buồn sao!"

"Bạch thầy cái thùng con vát từ lâu rồi, không cần nữa. Còn chim thì còn đuổi, chim hết đến rồi thì con chỉ ngồi học kinh, học chữ Hán thôi."

"Con chưa trả lời thầy. Thầy hỏi con có thấy buồn không khi chùa có cây có vườn, có bóng mát, có mái cong, có hang có hốc, có rường có cột, vậy mà chẳng con chim nào dám ghé tới? Buồn không?"

"Bạch thầy, con không biết nữa... Con cũng thấy buồn, nhưng con không biết làm sao. Thầy bảo con đuổi chim đuổi quạ thì con đuổi, con đâu có biết làm sao!"

"Năm xưa thầy cũng đuổi quạ đuổi chim như con. Con có biết lúc thầy sung sướng nhất là lúc nào không? Là mỗi lúc chim rón rén đáp xuống ăn lúa, thầy thấy mà giả đò làm lơ cho chúng ăn. Điều vui nhất trên đời không phải là nhìn thấy kẻ khác sung sướng hay sao!"

"Có lúc con cũng muốn như vậy nhưng con sợ thầy tri sự bắt phạt quỳ nhang. Thầy nói mất một hột lúa thì phải quỳ một cây nhang."

"Khó đến vậy sao! Hèn gì... Thôi được, con về phòng đi. Ngày mai thầy tri sự và chú Hân về thành, mà lúa cũng mới gặt xong nên thầy không phải ra đồng. Thầy muốn sớm mai con theo thầy đi đến một chỗ này, được không?"

"Bạch thầy, con muốn theo thầy."

"Tốt lắm, về ngủ đi."

*

Sớm tinh mơ là thầy tri sự và chú Hân đã lên đường. Chú Hiếu định ngủ nướng thêm một chút trước khi trời sáng thì thầy trụ trì đã tăng hắng mấy tiếng ngoài cửa. Chú vùng dậy, dụi mắt. Thầy đứng bên ngoài nói vọng vào:

"Con đã thức chưa?"

"Bạch thầy rồi."

"Đi được chưa?"

"Bạch thầy được ạ."

Ra khỏi phòng, chú thấy thầy bung một cái thúng lớn. Có cái nón lá của thầy đây kín miệng thúng nên chú không biết được cái gì bên trong. Thầy không cho chú bung, chỉ bảo chú đi theo. Chú nghĩ chắc là ra đồng làm gì đây, một công việc đồng áng chú không đoán nổi.

Hai thầy trò lặng lẽ ra khỏi chùa, đi vòng quanh bờ rào chùa để ra phía sau vườn chùa, băng ngang một nghĩa địa, rồi ngang một bãi cát rộng đi hoài chẳng thấy dứt. Thỉnh thoảng có một chiếc xe bò đi ngược chiều, chở đầy rơm. Mùi lúa quện lẫn hơi sương làm mát cả buồng phổi.

Mặt trời chưa mọc hẳn, còn ẩn sau lớp mây dày. Sương đêm hầy còn phủ mờ chung quanh. Đường đi mờ mờ mịt mịt. Chỉ có thầy là bước đi không ngập ngừng. Chú xách dép lên chạy theo mới kịp thầy. Chú có cảm giác như thầy dẫn chú đi lên trời hay đến một cõi tiên nào vậy.

Qua khỏi bãi cát rộng thì đến chân một ngọn đồi. Đứng ra là một gò đất cao, cỏ mọc lưa thưa. Trên gò chỉ có vài cây me cao nhưng cũng đủ tạo nên vẻ rậm rịt um tùm cho gò đất. Hai thầy trò nghỉ một chập dưới chân gò rồi hí hục leo dốc đi lên. Trên gò có một khoảng đất trống rộng hơn sân chùa. Thầy nói hồi xưa đây là chỗ họp làng. Từ ngày xây đình và chùa Phước Tân trong làng, đất này bỏ trống, họa hoàn lắm mới có người rủ nhau lên chơi vào những đêm sáng trăng. Thầy đặt thúng xuống đất, ngồi nghỉ. Chú Hiếu chưa biết thầy muốn lên đây làm gì nhưng chú chưa dám hỏi. Chú cũng ngồi xuống nghỉ chân. Thầy nói:

"Chờ trời sáng ta hãy làm việc. À, chú thấy có gì khác lạ ở đây không?"

Chú nhìn quanh rồi nói:

"Không có nhà cửa."

"Gì nữa?"

Im lặng quan sát một lúc lâu, chú đáp:

"Không gì hết trơn."

Thầy bật cười:

"Sao lại không được? Cây cao nè, sẽ có bóng mát suốt ngày nè. Có chim chóc, có ve, có côn trùng kêu riu rít, rí rả suốt ngày nè. Bộ con không nghe gì hết sao?"

"Dạ tại con cứ nghĩ thầy hỏi thầy gì không chứ nghe thì con nghe tiếng chim kêu từ lúc chưa bước lên đây rồi. Thầy muốn con đuổi chúng không, bạch thầy?"

"Không. Ngồi chơi đi. Quên phứt cái nghề đuổi quạ của con đi."

Hai thầy trò ngồi im lặng bên nhau. Nắng lên cao dần. Đỉnh gò như được ưu tiên đón nhận ánh nắng sớm hơn bên dưới. Chim chóc càng lúc càng hót vang trên những nhánh me để đón chào một ngày mới. Gió từ ruộng đồng phàn phật thổi qua nghe vi vút. Thầy nhìn qua chú hỏi:

"Con nghe tiếng chim thế nào?"

Chú ấp úng một lúc rồi nói:

"Vui quá!"

Thầy cười rồi đứng dậy, ôm cái thúng ra giữa khoảnh đất trống. Chú lon ton chạy theo. Thầy lại đặt cái thúng xuống đất, lật cái nón lá ra, chú nhìn vào: lúa. Một thúng đầy lúa. Chú ngạc nhiên nhìn thúng lúa chưa hiểu gì thì thầy đã ngồi xuống lấy hai tay vốc lúa lên, nói:

"Lúa chắc hột quá, lúa ngon quá! Con thấy không?"

"Dạ, lúa đẹp quá."

Rồi thầy vụt đứng dậy, vung tay, vung tay. Lúa bay tứ phía, lúa bay lên cao, tung vãi khắp nơi. Thầy hét lên trong tiếng gió reo:

"Vãi lúa đi con, vãi khắp nơi cho chim quạ ăn!"

Chú hơi khựng một lúc, thấy thầy cứ tiếp tục đứng rồi khom, khom rồi đứng, vốc lúa ra mà vãi, chú mới cúi xuống thọc hai tay vào thúng, nắm từng nắm lúa, tung ra, tung ra. Gió đưa lúa bay cao, bay xa. Chim chóc ào ào bay đến. Hàng chục con, hàng trăm con. Lúa bay, bay, dính trên áo nâu, trên tay, trên đầu, trên vai hai thầy trò. Rồi thầy ném lúa vào áo chú, chú ném lúa lại trên áo thầy. Hai thầy trò vừa tung lúa vừa cười, vừa giỡn như hai đứa trẻ. Chim từ các nơi xa, ríu rít bay đến từng đàn. Tung tăng ăn lúa. Những cái đầu gục gặc mổ lia lịa. Rồi những con quạ đen nữa, thấy chim đủ loại từ đâu tụ về, chúng cũng theo tới. Chim từ khắp hướng, từ đồng ruộng, từ vườn rau, từ các bụi rậm, ồ ạt kéo đến.

Tung vãi hết thúng lúa, hai thầy trò đứng lại giữa bãi chim, cười hể hả. Rồi thầy lấy hai tay bụm miệng kêu hú như gọi muôn chim về dự hội. Nét mặt chú Hiếu tươi vui hơn bao giờ. Từ ngày bước chân vào chùa làm Sa di Đuổi Quạ đến giờ, có lẽ đây là lần đầu tiên chú thấy hạnh phúc nhất. Chim quạ không sợ hãi tránh né chú. Chú không sợ hãi hay xua ghét chim quạ. Có con chim đậu mổ những hạt lúa dính trên vai áo của chú. Có con chim đậu trên tay thầy. Chú nhìn quanh. Đâu cũng là chim. Đâu cũng thấy quạ. Mà tâm chú vẫn cứ an bình lặng lẽ, không bị thôi thúc bởi công việc hay trách nhiệm đấu tranh, chiến thắng. Chú sung sướng vừa cười vừa khóc vừa dang hai tay chạy giỡn giữa một trời chim chóc. Gió thổi theo vạt áo nâu phất phới của chú. Chim chóc như nhảy nhót đón chào chú. Thầy đứng nhìn theo, thấy chú hân hoan vui mừng và tự do như một cánh chim giữa đất trời hoang dại.

---o0o---

Dâu Trăm Họ

Từ thời xa xưa lắm rồi, khi nói “dâu trăm họ”, lập tức người ta nghĩ ngay đến những vị thầy trụ trì ở các chùa. (Xin hiểu chữ *trụ trì* như là danh từ chuyên môn rất phổ thông để chỉ các vị sư, tăng hay ni, viện chủ, chịu trách nhiệm toàn bộ về mọi công việc đối ngoại lẫn đối nội của một ngôi chùa, chứ không phải trụ trì như một động từ kép mà một số Phật tử hay không Phật tử đã dùng để chỉ cho việc ăn ở, trú ngụ của bất kỳ vị tăng sĩ nào). Các

vị sư phụ khi bổ nhiệm đệ tử mình đi trụ trì ở một ngôi chùa nào đó đều dặn dò, huấn thị về việc “làm dâu trăm họ” phải như thế nào. Rồi cứ như vậy, từ ngữ đó truyền đi từ đời trụ trì này đến đời trụ trì khác, đến độ trong nhà chùa, từ ngữ ấy hầu như chỉ được hiểu như là từ chuyên môn để ám chỉ các vị thầy trụ trì, tu viện trưởng, viện chủ v.v...

Ngày nay, từ ngữ dâu trăm họ đã không còn xa lạ gì với mọi người. Thậm chí, nhiều người còn lấy từ ngữ ấy để áp dụng cho một số trường hợp khác ngoài thế tục (chẳng hạn ông chủ nhiệm một tờ báo cũng có thể than thở: “Chao ôi, biết làm sao cho vừa lòng độc giả đây! Thiệt khổ cho cái nghiệp làm dâu trăm họ.” Một ca sĩ hay chủ nhà hàng cũng có thể tự ví mình như vậy). Cho nên, chữ dâu trăm họ bây giờ không còn là của riêng của các thầy trụ trì nữa.

Nói như vậy không phải là tiếc nuối muốn đòi lại cái từ ngữ rất phiền đó về cho nhà chùa. Quý thầy trụ trì có muốn cất riêng từ ngữ ấy đâu. Muốn vớt đi thì có. Có điều là vớt không được đó thôi. Vì lòng từ bi, vì hạnh nguyện dẫn đạo và sứ mệnh hoằng pháp mà phải gánh lấy, phải chịu làm người dâu cho bá tánh thập phương. Khi vị thầy trụ trì nói đến chữ dâu trăm họ, không phải là để than thở, mà là để nhớ lấy trách vụ của mình, nhớ lấy bốn phận hoằng đạo của mình để mà tiếp tục chịu đựng...

Chịu đựng cái gì? Nói vô phép, có cạy miệng quý vị trụ trì, quý ngài cũng không nói ra. Chuyện đạo, chuyện chùa, tự nguyện dẫn thân làm việc, có gì phải than trách, kể lể. Những kẻ xuất trần, lấy trí tuệ giác ngộ làm sự nghiệp, xem ba cõi bốn đại là không, chẳng mấy người chịu đưa vai gánh lấy ngôi chùa để tiếp cận chúng sinh và cuộc đời mà dẫn dắt họ trên đường tu học. Đa phần người xuất gia thích ẩn cư trên núi cao, hoặc du hóa, nay chùa này mai chùa nọ, hoặc ở chúng (tức là chỉ ở chùa thôi, ai làm trụ trì thì làm, phần mình chỉ biết lo tu tập và nhận công tác nào vị trụ trì giao phó, chứ nhất quyết không nhận trách nhiệm trụ trì). Họ muốn cứu độ chúng sinh lắm, nhưng họ không muốn phải gánh cái trách nhiệm trụ trì, tu viện trưởng, viện chủ v.v... Trách nhiệm đó nặng nề, bận rộn và trở ngại việc tu tập lắm. Đã không gánh thì thôi, gánh thì phải gánh cho trọn. Mà làm sao cho trọn được khi mà chúng sinh khó độ, hết người này đến kẻ khác, hết thế hệ này đến thế hệ kia, hằng hà sa số chúng sinh mong đợi được dẫn đạo. Đó là chưa nói đến trăm ngàn Phật sự khác ở chùa, từ miếng cơm manh áo cho tăng chúng cho đến những lễ lượt, hết ngày này qua ngày khác, hết năm này qua năm nọ, làm thế nào mà ngưng được để gọi là trọn!

Cho nên, khi một tăng sĩ chấp nhận đi trụ trì một ngôi chùa là coi như đã chấp nhận hy sinh cả một đời. Rất hiếm khi vị trụ trì bỏ chùa mà đi (chỉ có những thầy trụ trì ở các chùa hội Phật giáo tại hải ngoại vì thấy không thích hợp với sinh hoạt hội hè nặng chất thể tục mới tự động rời chùa mà đi, hoặc bị các hội viên Phật tử chia phe phái, tranh giành quyền lực, tìm cách mời đi mà thôi). Thường thường đã nhận trụ trì là trụ trì suốt đời. Gánh lấy ngôi chùa là gánh lấy cục nợ, tự dưng phải lo việc trả, trả cho đến khi nào không còn nợ, hoặc đến khi nhắm mắt. Mà nợ ở đây là nợ cái ân của chư Phật chỉ dạy con đường giải thoát sinh tử, và nợ cái ân của chúng sinh đã là những nghịch duyên và thuận duyên cho mình trên bước đường giải thoát đó. Cái ân đó biết bao giờ mới trả hết nếu không chứng ngộ thành Phật. Mà muốn thành Phật, đâu phải suốt ngày tiếp đón Phật tử để nghe hết lời than thở này đến sự trách phạt kia, cùng với những đòi hỏi, yêu sách... rồi dùng cái thành Phật! Cũng phải có thời giờ tu tập riêng biệt tại phương trượng, tại phòng riêng; cũng phải có một khoảng không gian và thời gian tối thiểu nào đó trong ngày để quay về với chính mình chứ!

Cho nên, đề cập đến chuyện dâu trăm họ ở đây, thực ra không phải để bàn tán bình phẩm gì về quý thầy trụ trì, mà chính là để nói chuyện với chính hàng Phật tử chúng ta. Quý thầy sẽ không bao giờ nói, mà không nói thì chúng ta không biết. Vậy thì chúng ta phải tự nói, nói để cùng biết.

---o0o---

Lý Tưởng Giải Thoát

Khi một người từ bỏ gia đình để trở thành kẻ xuất trần học đạo, mục tiêu mà kẻ ấy nhắm đến là giải thoát giác ngộ. Thiền sư Qui Sơn trong Cảnh Sách Văn nói: “Phàm là người xuất gia, khi cất bước đi là hướng đến một phương trời cao rộng. Tâm tính và hình dung khác hẳn với người thế tục, [là vì muốn] nổi bước và làm hưng thịnh cho giòng giống Phật đà, làm kinh động và nhiếp hóa những kẻ tà vạy xấu ác (ma quân)...”

Phương trời cao rộng ấy không phải chỉ nói cái lý tưởng xuất gia theo nghĩa đen là rời bỏ gia đình thế tục (cha mẹ, anh chị em và bà con ruột thịt), mà chính yếu là mang cái nghĩa giải thoát giác ngộ, tức là chứng ngộ được trí giác vô thượng như Phật để vĩnh viễn thoát ly sinh tử. Không có trí tuệ ấy thì không thể nào có giải thoát hoàn toàn, rốt ráo. Và ngoài trí tuệ ấy, không có gì đáng gọi là sự nghiệp của tăng sĩ cả (Duy tuệ thị nghiệp—chỉ có trí tuệ mới là sự nghiệp). Vì vậy, khi một tăng sĩ đi trụ trì một ngôi chùa, thì đó là do hạnh nguyện hồng pháp lợi sanh mà làm, chứ không phải là vì sự nghiệp

của vị ấy theo cách hiểu thông thường của nhiều người. Chính vì lấy trí tuệ giác ngộ làm sự nghiệp, các thầy trụ trì đã không xem việc trụ trì ngôi chùa hay chính ngôi chùa vật chất đó là hệ trọng. Một khi phải tay bước vào khung trời tự tại giải thoát thì ba ngàn đại thiên thế giới cũng vất đi chứ đáng sợ gì một ngôi chùa nhỏ! Sở dĩ phải bận tâm lo lắng cho sự tồn vong của chùa là vì muốn giáo hóa chúng sinh, và vì hàng Phật tử chúng ta thực sự muốn có ngôi chùa ấy để nương tựa Tam Bảo mà tu học.

Trong khi đó, chúng ta chỉ muốn điều thuận lợi cho chúng ta, mà quên rằng, rất nhiều vị trụ trì phải khốn đốn khổ nhọc với ngôi chùa mà đáng ra, theo lý tưởng giải thoát, vị ấy không cần phải gánh lấy. Ý tôi muốn nói rằng, không có ngôi chùa ấy, không có việc hướng dẫn Phật tử tu học, vị thầy vẫn có thể giải thoát giác ngộ như thường. Đâu phải có làm Phật sự, có hồng pháp lợi sanh thì mới được trí tuệ, và được giải thoát! Cũng như không phải xây chùa, đúc tượng, in kinh, thuyết pháp, làm công quả... thì tự nhiên phát sinh trí tuệ. Các vị tăng sĩ không cần đi trụ trì để được trí tuệ, giải thoát. Họ đảm nhận việc ấy là vì hàng Phật tử chúng ta mà thôi.

Để đáp lại sự hy sinh cao quý đó, chúng ta nên cùng góp sức, mỗi người một tay, chia xẻ những Phật sự trong chùa. Có như vậy, các vị trụ trì mới có được thêm thì giờ để tu tập, làm những Phật sự cần thiết và nhất là không phải bận tâm ở những điều không đáng bận tâm. Ở hải ngoại, nhất là ở Hoa Kỳ, điều bận tâm của các vị tăng ni trụ trì là tiền thuê, nợ, phải trả hàng tháng cho ngôi chùa. Điều này thật không xứng hợp với vị trí và tâm nguyện của người xuất gia chút nào. Ở Việt Nam, dù là nước nghèo đói, quý thầy cũng đâu phải lo toan, để tâm vào những chuyện tiền bạc, hóa đơn v.v... Chí nguyện xuất trần cao đẹp như vậy mà nay tâm tư phải đặt vào những chuyện tầm thường như tiền nhà với hóa đơn thì uổng phí quá. Để thoát khỏi tình trạng đầy phiền não đó, về mặt nội tại, đòi hỏi các vị trụ trì phải đầy đủ bản lĩnh để an nhiên vượt qua (nhưng đôi khi, chuyện tài chánh có vẻ như không dính nhập gì đến vấn đề bản lĩnh hay nghị lực cả: đúng vào đầu tháng thì phải có tiền để trả nhà băng về khoản nợ mua nhà, không có sự nhân nhượng cho thành phần xã hội nào); về mặt ngoại tại, đòi hỏi phải có sự hỗ trợ tích cực của hàng Phật tử cư sĩ tại gia chúng ta.

Nhưng điều quan trọng cần nói ở đây, không phải chỉ là lời kêu gọi cúng dường, hỗ trợ vật chất cho quý thầy, cho các chùa (chuyện này mọi người cho rằng đã từng làm nhiều năm nay rồi). Điều đáng nói là hàng Phật tử chúng ta phải làm sao để các thầy trụ trì và những vị xuất gia không bị vướng víu hay bị coi là những nàng dâu cho trăm họ nữa.

Dù cho chuyện làm dâu trăm họ là chuyện mà quý thầy vui lòng chấp nhận, hy sinh mà hứng chịu, chúng ta cũng xót xa, chẳng yên lòng để cho quý thầy phải khổ nhọc gánh lấy. Không thể để cho chuyện trụ trì trở thành một thông lệ, một trách nhiệm tất nhiên mang đầy những ràng buộc, lo âu, toan tính, trái ngược với lý tưởng giải thoát mà người xuất gia hằng đeo đuổi. Quý thầy đã giúp chúng ta có nơi nương tựa lễ bái, tu học thì chúng ta cũng phải giúp quý thầy được thông thả tâm trí để hành đạo. Đừng bắt quý thầy làm dâu trăm họ nữa. Không phải chỉ riêng với các vị trụ trì, mà kể cả đối với những thầy, những sư cô khác ở chùa. Đừng bắt người xuất gia đeo đuổi lý tưởng giải thoát trở thành những nàng dâu.

Điều gì khiến người ta ví các thầy trụ trì (và ngay cả những người xuất gia hiện nay tại hải ngoại) như là những nàng dâu trăm họ? Nhóm chữ dâu trăm họ đó mới đọc qua chẳng thấy gì đáng chú ý lắm. Ừ thì người ta đi lấy chồng, người ta về nhà chồng làm dâu cho họ nhà chồng, rồi người ta được gọi là nàng dâu. Làm nàng dâu sống bên nhà chồng phải thuận theo tục lệ nhà chồng, phục vụ cho nhà chồng tối đa, quên cả bản thân và gia đình ruột thịt của mình (đây là chỉ nói hình ảnh nàng dâu hồi xưa mà thôi). Còn ở đây, vị trụ trì không làm dâu cho một họ, mà cho cả trăm họ (bá tánh). Khác nhau ở số lượng phục vụ, vậy thôi! Người ta nghĩ đơn giản như thế. Mà vì đơn giản, nên thấy rằng các thầy trụ trì, hay các vị xuất gia, phải có bổn phận đối với mình, giống như nàng dâu phải có bổn phận với nhà chồng. Nghĩ như vậy là đánh giá vai trò của các vị trụ trì, các vị xuất gia quá thấp. Đánh giá thấp nên hết đời này đến đời khác, các vị ấy cứ phải làm dâu trăm họ hoài. Đó là điều rất chua xót mà chúng ta cần phải suy nghĩ và thảo luận.

---o0o---

Trụ Trì

Đúng ra phải đọc là trú trì. Theo định nghĩa thông dụng trong nhà chùa, trú trì là kẻ trú Pháp vương gia, trì Như lai tạng. Tức là kẻ ở trong nhà của Pháp Vương, gìn giữ kho báu của Như Lai. Pháp Vương (vua Pháp) cũng là một danh xưng chỉ đức Phật. An trú trong nhà Pháp Vương theo nghĩa đen là trú trong ngôi chùa thờ Phật, nhưng nghĩa chính yếu là nói Ở Nhà Như Lai như trong kinh Pháp Hoa, (phẩm Pháp Sư, thứ mười), tức là thể hiện tâm từ bi rộng lớn đối với tất cả chúng sinh. Còn giữ gìn kho báu Như Lai nếu hiểu đơn giản thì là bảo vệ và hoằng dương Chánh pháp; nhưng nói cho trọn vẹn hơn thì chính là thấu triệt và thể nghiệm được Như Lai Tạng Tính, tức Chân Như vậy.

Định nghĩa đơn giản, ngắn gọn, nhưng ý nghĩa thâm sâu đến cảm động. Cảm động vì nó nói lên được cái sứ mệnh cao cả, vĩ đại thực sự của các thầy trụ trì, cũng như các vị xuất gia, không giống như cái nghĩa dâu trăm họ rất thường mà người ta từng nghĩ.

Dâu trăm họ! Từ ngữ đó càng lúc càng hiển lộ một thực tế rất đau lòng trong sinh hoạt tự viện của Phật giáo Việt Nam, kể cả trong nước và hải ngoại. Thực tế đó phát xuất từ đâu? Từ nàng dâu lúc nào cũng muốn hết lòng cung kính phục vụ họ chồng do bởi lòng thương yêu của mình, hay từ sự đòi hỏi, yêu sách quá đáng của họ nhà chồng?

---o0o---

Tương Quan Giữa Nàng Dâu Và Trăm Họ

Ngày xưa, đức Phật vất bỏ cung vàng điện ngọc để trở thành khát sĩ, chu du khắp nơi để hóa độ chúng sinh. Ngày nay, ở xã hội văn minh, thời đại văn minh, chế độ khát sĩ không còn thích hợp nữa. Chùa chiền, tu viện, tịnh xá, niệm Phật đường được xây dựng khắp nơi. Chư tăng ni trở thành những vị trú trì ở các tự viện ấy. Dù trên hình thức sinh hoạt có thay đổi, nhưng trong bản chất, những vị xuất gia ít nhiều đều thừa hưởng được tinh thần phá chấp và hạnh xả ly của đức Phật. Tinh thần phá chấp khiến người xuất gia không bám trụ vào bất cứ hình sắc hay tâm pháp nào; hạnh xả ly khiến người xuất gia xem thế gian như đôi dép bỏ (Luận Bảo Vương Tam Muội—Mười điều tâm niệm), xem tất cả các pháp dù thiện hay ác, như giấc mộng, như hoa đốm, như bọt nước, như ảnh tượng, như sương mai, như bóng chớp... (Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật). Thế nên, việc trú trì thực ra không phải là một cách để tạo sự nghiệp, mà là một phương thức khác của hạnh nguyện độ sanh, hoằng truyền chánh pháp. Khi xưa, tăng sĩ chu du, đến những nơi nào cần đến, đem ánh đạo truyền khắp nhân gian; ngày nay, việc ấy cũng không thay đổi: chùa chiền mọc khắp nhân gian. Chùa chiền chính là những biểu hiện của Nhà Pháp Vương. Nơi đâu có chùa, nơi đó có Tam Bảo và nơi đó, có Phật tử thiện tín tu về tu học, lễ bái, tụng niệm.

Chúng ta cứ thử tưởng tượng rằng ở hải ngoại không có một ngôi chùa nào hết. Một hôm ra đường gặp một vị tăng, hay một vị ni. Chúng ta có mừng, sung sướng, vội vàng tìm đến để được chấp tay vái lạy chăng? Ở xã hội này, còn một vị tăng hay vị ni khoác mặc pháp y là điều hiếm hoi, quý giá. Không có chùa chiền, tịnh xá, nhưng có bóng dáng của tăng sĩ đầu tròn áo vuông, là biết đạo vàng hãy còn cơ duyên phát triển. Tăng là ngôi thứ ba

trong Tam Bảo mà chúng ta phát nguyện quay về nương tựa (quy y), làm sao không vui mừng khi bắt gặp!

Những vị tăng ni đang bị nạn trên xứ người đó, tự mỗi người có thể mượn tạm một phòng nhỏ để sống qua ngày. Họ có khả năng làm việc như chúng ta, tuy không dư dả gì nhưng chắc chắn là có thể trang trải được tiền phòng để có chỗ tu niệm. Hồi xưa tăng sĩ ngủ dưới gốc cây (không được quá hai đêm cho một chỗ), nay có căn phòng nhỏ tưởng cũng quá nhiều rồi, đâu cần đòi hỏi gì hơn. Chuyện kiến tánh thành Phật đâu có lệ thuộc vào chỗ ở rộng hay hẹp. Nhưng thấy các vị ấy phải đi làm kiếm sống qua ngày mà tu niệm, lại ở chỗ nhỏ hẹp không được Khang trang, chúng ta áy náy chẳng yên lòng, bèn vận động lập chùa, lập hội, nài ni các vị về đó để hướng dẫn chúng ta tu học.

Ngôi chùa dựng lên rồi, dù không được to lớn và có nét thiền môn như các chùa ở Việt Nam, nhưng cũng có được chánh điện trang nghiêm với Phật tượng, kinh sách và tăng sĩ để chúng ta ngưỡng vọng nương tựa. Vậy là chúng ta yên tâm rồi. Khi nào có chuyện buồn phiền trong gia đình, cứ lái xe đến chùa, lạy Phật, gặp thầy, gặp sư cô để giải bày, để được khuyên răn, dạy dỗ... Mỗi ngày rằm, mùng một, cho đến các ngày lễ lớn, Phật Đản, Vu Lan, Tết... chúng ta có nơi có chỗ để về dự hội, gặp gỡ đồng hương v.v... Xong lễ thì quay về vui hưởng đời sống sung túc ấm êm của gia đình. Nhưng rồi sinh hoạt ở chùa hàng ngày, hàng tháng ra sao, chúng ta có thực sự biết rõ không? Đời sống của tăng ni ra sao? Thuốc men, quần áo, thực phẩm, tiền thuê nhà, tiền điện, tiền nước v.v... Chúng ta có cung ứng đầy đủ cho các vị ấy yên tâm tu tập không?

Có nhiều vị tăng ni phải đi ra ngoài làm việc thêm để có tiền trả tiền thuê nhà hàng tháng. Một số Phật tử thấy vậy, không bằng lòng, yêu cầu các vị ấy đừng đi làm nữa. Yêu cầu đừng đi làm nữa để lòng mình khỏi áy náy, để mình khỏi xấu hổ với những người khác đạo, để mình khỏi mang tiếng là bỏ dối tăng ni; nhưng việc cung ứng tịnh tài để chi phí cho chùa lại chẳng lo bồi đắp hay tìm cách giải quyết; chỉ lo cái quả, chẳng lo cái nhân. Nếu ví các vị ấy như những nàng dâu thì có thể tự hỏi rằng tại sao các nàng dâu phải ra ngoài kiếm thêm tiền để nuôi gia đình chồng? Rõ ràng là vì sinh hoạt gia đình nhà chồng đòi hỏi nhiều chi phí quá mà lại không thu vào được lợi tức nào.

Thực ra, một vị tăng sĩ không nhất thiết cần có một ngôi chùa. Khi họ chấp nhận việc xuất gia, họ đã sẵn sàng chấp nhận đời sống không nhà, làm

khất sĩ lang thang, và chấp nhận bất kỳ hoàn cảnh sống khó khăn nào để có thể tu và hành đạo. Họ dựng chùa, hoặc đồng ý đảm nhận một ngôi chùa do chúng ta dựng nên, đều là vì chúng ta cả. Chúng ta phải biết, phải nhớ điều ấy.

Chúng ta không thể giao khoán cho họ cái trách nhiệm lo lắng tiền bạc, tài chánh (điều tối kỵ trong nhà chùa) để cố gắng gìn giữ cho ngôi chùa khỏi rơi vào tay nhà băng và các công ty cho vay. Trách nhiệm và công việc của người xuất gia không phải như vậy. Không thể liệt kê thêm trong danh mục hoàng pháp của người xuất gia cái vấn đề rất đau xót và buồn cười là: kiểm tiền trả tiền thuê nhà mỗi tháng. Và khi chúng ta có thể lập được ban Hộ trì Tam Bảo, hay ban Bảo trợ gì đó để cáng đáng vấn đề tài chánh rồi, thì cũng không nên xem tăng sĩ như những nàng dâu có bốn phận phục dịch chúng ta.

Quan hệ giữa Tăng Bảo và cư sĩ tại gia không phải là quan hệ nàng dâu và nhà chồng. Cho dù những vị ấy vì thương xót chúng ta, vì muốn làm điều lợi ích cho chúng ta, vì cung kính chúng ta như những đức Phật tương lai mà chấp nhận một đời phục vụ không biết mỏi mệt, chúng ta cũng không có quyền đòi hỏi các vị ấy phải có bốn phận gì đối với chúng ta cả.

Thử nhìn lại hàng ngũ cư sĩ tại gia, những người của trăm họ, tức thập phương bá tánh, chúng ta sẽ thấy bên cạnh những Phật tử thuần thành, tận tụy chăm lo việc chùa, hộ trì giúp đỡ tăng ni, siêng năng tu tập lễ sám, cung kính tăng ni đúng như hàng Tăng Bảo, còn có những người cũng xưng là Phật tử nhưng lại đến chùa và gặp tăng ni với thái độ, lời nói, ý nghĩ và những mục tiêu không phù hợp chánh pháp như sau:

— xem tăng ni như ông từ, bà từ giữ chùa cho mình đến lễ lạy khi nào thấy cần (tợ như cách nhà chồng nhìn nàng dâu nói trên);

— tu học thì chẳng màng, lúc có việc thì đến chùa nhờ vả, sai khiến chư tăng ni như sĩ quan sai lính;

— thấy tăng ni chấp tay chào mình và lúc nào cũng “mô Phật” khi nghe mình nói, tưởng là mình quan trọng, được đối xử đặc biệt, coi bạn đạo khác không ra gì, vênh váo ra vào cổng chùa như văn quan võ tướng;

— mượn đạo, mượn chùa để lập bè lập nhóm mà tranh danh tranh lợi với đời, có được chút hư danh thì không còn biết kính nể Tam Bảo là gì;

— cúng dường cho chùa rồi kể lễ ân nghĩa, đòi hỏi tăng ni trọng vọng; lỡ không được vừa ý thì đem lòng giận mà bỏ chùa, bỏ thầy;

— biết làm công quả, biết tụng kinh bái sám, nhưng chấp chặt vào những sinh hoạt bề ngoài đó, cho là mình tu nhiều, làm phước nhiều hơn tăng ni, đem lòng khinh mạn với hàng Tăng Bảo;

— với tâm mê muội cố chấp, học đạo nhiều năm không sao giải thoát được, nghe lời chiêu dụ của tà giáo hứa hẹn có pháp tu lạ mau thành Phật thành Thánh, bèn xun xoe chạy theo, trở mặt hủy báng Tăng Bảo;

— có được chút bằng cấp học vị ở đời, lại được cơ hội đọc một số kinh điển sách báo trong đạo, tưởng rằng như vậy là đã “đời-đạo hai vai,” đạt đến chỗ tốt mức đời sống trí thức, vào cửa chùa rêu rao khoác lác, coi thường các bạn đạo kém tài vô danh khác, lại khinh thị cả tăng ni vì thấy những vị này không có văn bằng và kiến thức thế tục như mình hoặc chưa đọc tới những cuốn sách của những tác giả ngoại quốc viết về Phật giáo như mình, từ đó tự thấy mình là kẻ ngoại hạng cao cả, là bậc thầy của cả Phật tử và tăng ni;

— nghe giảng về tự quy y, về tự tính mình vốn là Phật, Pháp, Tăng... (kinh Pháp Bảo Đàn của Lục Tổ Huệ Năng), chấp chặt vào đó, cho rằng mình cũng vốn là Phật, Pháp, Tăng; cho rằng mình cũng ngang với Phật, Pháp, Tăng; từ đó trở nên cống cao ngã mạn, coi Tam Bảo không ra gì (mà thực ra, trên thực tế sinh hoạt tâm linh cũng như đời sống thường nhật, chính mình chưa tu học một cách nỗ lực, nghiêm chỉnh; chưa hề giữ được một ngày xuất gia thanh tịnh; suốt đời bon chen lợi danh với đời, về nhà thì đắm nhiễm tình cảm thế nhi—tham; ai không thuận theo ý mình thì đem lòng sân hận, ghét bỏ—sân; luôn luôn chấp chặt vào sự hiểu biết của mình, không chịu tiếp nhận ý kiến kẻ khác—si; ngạo mạn cho mình là cao cả, cho mình là sáng suốt, đứng trên kẻ khác—mạn... Những tâm lý phiền não căn bản đó mà không bước qua nổi thì làm sao có thể gọi là thấu triệt được tự tính thanh tịnh? làm sao có thể nói đến chuyện bình đẳng với Tăng Bảo hay Tam Bảo!);

— đọc sách thiền, nghe giảng thiền nói về sự phá chấp, chỉ hiểu lõm bõm chứ không lĩnh hội được trọn vẹn, rồi chấp vào tư tưởng phá chấp ấy, cho rằng việc tụng kinh bái sám cũng như các hình thức sinh hoạt truyền thống của các tăng ni là phù phiếm, mê tín... và cuối cùng chính mình trở

thành những người mê chấp, đi đâu cũng chỉ trích, khinh dễ tăng ni và sinh hoạt các chùa...

Và còn rất nhiều trường hợp rất tệ hại khác từ phía hàng cư sĩ tại gia, tự nhận Phật tử như chúng ta. Nêu ra những tệ hại ấy nơi đây là để chúng ta phản tỉnh. Nếu chúng ta chưa phạm vào những lỗi ấy thì rán giữ sao đừng phạm; còn đã lỡ phạm thì phải cùng chân thành mà sám hối, chừa bỏ.

Thực ra, trong hàng ngũ tăng sĩ Phật giáo—cũng như bất cứ hàng ngũ tu sĩ của tôn giáo nào trên đời—có một vài cá nhân sinh hoạt sai chánh pháp, và đôi khi đã làm ô danh cho đạo mình. Nhưng chúng ta không thể dựa vào những điều này để lên án, chỉ trích toàn bộ hàng ngũ tăng sĩ của giáo hội.

Tăng sĩ, như chúng ta đều biết, là những trưởng tử của đức Phật, là một ngôi trong Tam Bảo. Chúng ta đã từng phát thệ quy y, đem trọn đời mình nương tựa nơi các vị ấy để tu học, lý đâu có thể vì vài cá nhân nào đó mà phỉ báng cả Tam Bảo! Lý đâu lại nhìn các vị ấy như những nàng dâu có bồn phận với mình! Mà thực ra, do đâu một người Phật tử có tư tưởng và hành vi đó? Phải chăng vì thói quen xem nặng đồng tiền cúng dường của mình, và tưởng rằng tăng sĩ phải lệ thuộc vào đồng tiền cúng dường ấy? Phải chăng vì tư tưởng lầm lạc rằng “mình nuôi quý thầy”? Và phải chăng cái thói quen và tư tưởng lầm lạc trên đã tô đậm thêm ý nghĩa dâu trăm họ cho vai trò của các vị tăng sĩ nói chung, các vị trụ trì nói riêng?

Trong cuốn Góp Nhặt Cát Đâu của thiền sư Muju (bản dịch của Đỗ Đình Đồng) có một câu chuyện lý thú như sau:

“Vào thời Kamakura, khi Seisetsu là đại sư của đền Engaku, ông đòi một nơi rộng hơn vì nơi ông dạy đã quá chật vì đông người. Umezu, một thương gia ở thành phố Edo, quyết định cúng năm trăm đồng tiền vàng ryo để xây một trường học rộng rãi hơn. Umezu mang số tiền này đến Seisetsu.

Seisetsu nói: “Được rồi. Tôi sẽ nhận.”

Umezu biểu túi vàng cho Seisetsu nhưng Umezu không hài lòng thái độ của Seisetsu. Với ba ryo người ta có thể sống trọn một năm, và ông thương gia không được Seisetsu cảm ơn việc ông tặng năm trăm đồng vàng này.

Umezu ám chỉ: “Trong túi đó là năm trăm ryo.”

Seisetsu đáp: “Ông đã nói với tôi rồi.”

Umezu nói: “Mặc dù tôi là thương gia giàu có nhưng năm trăm ryo là một món tiền lớn.”

Seisetsu hỏi: “Ông muốn tôi cảm ơn ông?”

Umezu đáp: “Vâng, phải vậy.”

Seisetsu hỏi: “Sao lại tôi? Người cho phải cảm ơn chứ.”

Câu chuyện ấy sẽ khiến cho những người chưa hiểu đạo giạt mình, và có thể khó chịu, bất mãn dùm cho thương gia Umezu. Nhưng nếu là Phật tử thuần thành, chúng ta hẳn phải mỉm cười cảm ơn đại sư Seisetsu đã cho chúng ta một bài học quý giá về ý nghĩa của sự cho, sự bố thí, cúng dường.

Đức Phật nói sự tương quan giữa người thiện tín cúng dường (thí chủ) và tăng sĩ xuất gia là sự tương quan giữa con dao và đá mài. Càng mài, dao càng bén, trong khi đó, đá càng mòn. Có nghĩa rằng, thí chủ khi làm việc bố thí cúng dường sẽ được tăng thêm phước báo, còn người thọ nhận sẽ bị giảm thiểu đi nếu không có đức độ xứng đáng để nhận lãnh vật bố thí cúng dường ấy. Một hình ảnh thông dụng khác là ruộng phước (phước điền). Tăng sĩ là thửa ruộng để thí chủ gieo trồng phước đức. Người gieo sẽ được gặt, trong khi đó, đất ruộng càng lúc càng tiêu hao đi chất màu mỡ nếu không chịu bồi thêm. Nếu bố thí cúng dường mà đòi hỏi sự cảm ơn, nhớ ơn, đối xử đặc biệt, hay đền đáp, thì sự bố thí ấy vốn không hợp chánh pháp, và được xem như là “thi ân mà có ý mưu lợi” (Luận Bảo Vương Tam Muội—Mười điều tâm niệm). Như vậy, người thọ nhận càng tỏ ý cảm ơn hay đền đáp chúng ta nhiều chừng nào, phước đức chúng ta càng ít chừng nấy (nếu không muốn nói là chẳng có gì). Đây là lý do mà đại sư Seisetsu nói rằng người cho phải cảm ơn người nhận, người nông phu phải cảm ơn thửa ruộng, con dao phải cảm ơn viên đá mài.

Đó là chỉ nói riêng về việc bố thí cúng dường. Ngoài việc ấy ra, người cư sĩ tại gia chúng ta còn thu đạt được rất nhiều điều lợi ích từ việc tiếp cận học hỏi các vị xuất gia mà ai cũng biết rõ, không cần phải liệt kê nơi đây.

Điều cần nói nhất là chúng ta phải nhận thức rõ rệt vai trò cư sĩ học đạo và hộ pháp của mình cũng như sự tương quan giữa chúng ta với hàng Tăng Bảo. Cái tương quan đó thể hiện sự bình đẳng về mặt thể tánh, nhưng rất sai biệt trên mặt hình thức sinh hoạt và căn cơ tu tập. Sự sai biệt đó không cho phép chúng ta nhìn những vị tăng sĩ như những nàng dâu của trăm họ nữa.

*

Con đường giải thoát là con đường gian truân, khổ nhọc, đòi hỏi nhiều tâm chí và nghị lực để thành tựu. Và họ, chỉ có họ, những người xuất gia với lý tưởng xuất trần và hạnh nguyện xả ly cao cả, mới vượt qua được một cách vẻ vang. Nhiều người trong số họ đã chứng minh sự cao đẹp đó bằng chính cuộc đời phạm hạnh thanh tịnh của mình. Vài người trong số họ đã thất bại và bị cuốn theo dòng thế tục, nhưng cũng có người sau những cơn trượt ngã khốn cùng, đã gượng đứng dậy, tiếp tục dần bước để đi nốt con đường cao đẹp bị dang dở.

Dù đến đích một cách êm thấm hay nhiều vấp ngã, sự nỗ lực của họ vẫn là những chiến công oanh liệt mà chúng ta không đủ đờm lược để tham dự hoặc chưa từng có ý nghĩ dấn mình vào.

Họ vốn không cần những nơi trú ẩn tầm thường của thế gian mà chỉ có nơi chốn duy nhất để an trú là ngôi nhà Pháp vương. Họ vốn không cần những lợi dưỡng của thế gian mà chỉ có kho tàng duy nhất để gìn giữ là kho tàng Như Lai.

Nếu chấp nhận dừng chân ở một nơi chốn nào thì đó là vì lòng thương xót đối với chúng sinh đau khổ. Lòng thương xót ấy khiến họ tự nguyện phụng sự chúng ta một cách tận tụy. Có thể họ khiêm cung tự nhận là những nàng dâu, những nô bộc, hay bằng những vai trò thấp hèn hơn. Nhưng chúng ta không thể nhìn họ bằng đôi mắt ấy.

Nổi gót đức Phật, trên lộ trình giải thoát giác ngộ, họ là những bậc thầy cao cả của thế gian.

Đường Lên Núi Linh

Cách thị trấn năm dặm về hướng tây là một cánh rừng rậm bọc quanh một ngọn núi cao ngất. Ngọn núi sừng sững trắn ngự một phương trời như một vị thần cô độc xa lánh trần gian. Dù rằng từ thị trấn đến chân núi chẳng xa là bao, dân trong thị trấn ít khi nào léo hánh đến vùng núi. Họ chỉ nhìn thấy ngọn núi từ xa và mỗi khi nhìn thấy thì trong lòng mỗi người như chỗi dậy một niềm kính tín thiêng liêng.

Không biết từ đời nào, người ta truyền miệng nhau hoặc dạy cho nhau về những linh nghiệm của ngọn núi, khiến cho từ thế hệ này đến thế hệ kia, đều nhìn ngọn núi với cánh rừng bao quanh ấy như là một vùng thánh địa. Muốn cầu nguyện việc gì, người ta không cần phacei đến tận vùng thánh

địa, cứ việc đứng trong nhà, thấp nhang hướng về núi ấy, van vái. Điều cầu nguyện của mỗi người có được đáp ứng hay không thì chẳng biết; chỉ biết xưa nay người ta cứ gọi núi đó là núi Linh, có người còn kiêng gọi chữ "núi", chỉ dám gọi là "ông": Ông Linh. Chưa bao giờ người ta thấy được một Ông Linh toàn vẹn. Suốt ngày đêm mây trắng và sương mù giăng kín hết nửa phần trên của núi, chỉ để lại phần chân núi xanh thẫm. Nửa phần chìm trong mây khói kia là ca một kho tàng của linh thoại.

Một trong những linh thoại được truyền cho nhau đã trở thành như một sự thật, đó là trên đỉnh núi có một hang động rất lớn. Từ Phật Tổ Thích Ca, Nhị Tổ Ma Ha Ca Diếp, cho đến các vị Thánh tăng nhiều đời, ở khắp nơi, đều tập trung trong hang động đó. Mỗi ngày đức Phật đều thăng tòa thuyết pháp y như lúc còn tại thế. Linh thoại ấy từ nhiều đời, đã khiến cho nhiều người trong thị trấn không敢 được hiểu kỳ, hoặc không kèm được nỗi khát vọng giải thoát giác ngộ, đã tìm cách băng rừng rồi leo lên ngọn núi ấy. Chẳng biết họ có gặp Phật gặp Tổ hay không. Chỉ thấy có nhiều người đi mà ít có người quay trở lại. Thang hoặc có người từ núi Linh quay trở về, người ta xúm xít hỏi han thì chỉ được nghe một câu ngắn gọn: "Đâu có đường lên," hoặc "chỉ thấy một nhà sư lúc ẩn lúc hiện," hoặc "chỉ thấy mây giăng mù mịt". Những câu trả lời đại loại như thế chỉ làm tăng thêm niềm tin về những linh thoại mà thôi. Cuối cùng, núi Linh vẫn là núi Linh, chẳng bao giờ và chẳng ai khám phá thêm được gì khác ngoài những chi tiết huyền hoặc tô vẽ thêm cho một kho tàng bí nhiệm vốn vượt khỏi tầm nhận thức và kinh nghiệm sống của con người trần tục.

Cho đến khi có hai nhà sư từ thị trấn lên núi Linh học đạo trở về, bức màn huyền bí của hang động Phật Tổ cũng chưa được vén lên. Nài nỉ cách mấy người ta cũng không cạy miệng được hai nhà sư này. Chỉ nghe họ tiết lộ duy nhất một điều là sư phụ của họ hiện đang ở trên núi ấy. Họ nói sư phụ ấy có phai là Phật, là Tổ không, thì được đáp rằng: "Là sư phụ, là một lão tăng, thế thôi."

Hai vị sư này chia nhau đi khắp thị trấn để hành đạo. Trông họ có vẻ như đang nỗ lực thực hiện việc truyền bá chánh pháp cho kịp một thời điểm nào đó, và có lẽ họ sẽ trở lại núi Linh với thành tích hành đạo của họ tại thị trấn này.

*

Vị lão tăng có bộ râu bạc phơ dài đến ngực nhưng da mặt ông không nhăn lắm. Đôi mắt ông sáng và trông rất nhân hậu dưới đôi mày cũng dài và bạc theo màu râu tóc. Khi hai nhà sư trẻ mới từ thị trấn đến núi Linh bái thỉnh lão tăng làm thầy để cầu học đạo, họ đã được lão tăng tiết lộ cho biết rằng lão tăng chỉ là "người giữ cửa". Người đệ tử lớn tuổi, được coi là sư huynh và được lão tăng đặt cho đạo hiệu là Tuệ Trí, nhíu mày hỏi:

"Bạch thầy, xin hỏi thầy giữ cửa gì ạ?"

Vị thầy cười nhẹ nói:

"Cửa Không."

"À, à... cửa Không. Nhưng... cửa Không thì đâu cần gì phải giữ, bạch thầy? và cái cửa Không sẽ dẫn đến đâu? có phải là..."

"Dĩ nhiên là nó dẫn đến nơi ấy," vị thầy khoát một cử chỉ mơ hồ hướng về đỉnh núi, "nhưng không phải ai muốn vào cũng được. Ta giữ cửa là giữ theo nghĩa đó, nghĩa là ta có bí quyết, có chìa khóa cho những ai hội đủ điều kiện vượt qua cái cửa Không này."

Tuệ Trí nhìn ra ngoài cửa sổ, đăm đăm một vòng chung quanh thạc am, qua con suối nhỏ chảy róc rách và những tảng đá lớn phía sau, dừng lại nơi mấy cây tùng cổ thụ đứng thẳng như những người lính gác im lặng và tận tụy dưới nắng sương...

"Cánh cửa ấy ở đâu vậy, bạch thầy? Có phải chỗ mấy cây tùng..."

"Cửa ấy không có cánh. Và nó bắt đầu ngay từ bước chân cửa con chứ chẳng ở đâu xa. Có điều, không phải bước chân nào cũng cất lên được một cách hài hòa và khế hợp với chiều kích cửa cánh cửa ấy."

"Vậy nhiệm vụ giữ cửa thầy tức là hướng dẫn hành giả phương cách bước vào cái cửa không cánh ấy?"

"Phải," vị thầy ôn tồn đáp.

"Bằng cách nào và bao lâu chúng con mới có thể bước vào cửa ấy?" Tuệ Trí nóng nảy hỏi.

"Không có gì phaoei gấp gáp như vậy. Cứ ọc đây, ta sống sao các con sống vậy, rồi một lúc nào đó, ta sẽ chỉ đường cho các con, hoặc có thể các con sẽ tự thấy con đường và cánh cửa đó mà đi vào. À, này Tuệ Đức, con có điều gì nghi ngờ không, này giờ ta không nghe con lên tiếng?"

Tuệ Đức, vị sư đệ trầm lặng, mặt mày không được sáng láng thông minh như Tuệ Trí nhưng phong cách thì chuẩn mực, nghiêm túc, và nét mặt thì nhân hậu, thiết tha, biểu lộ sự chân thành trọn vẹn hướng đến mục tiêu giaoei thoát. Nghe thầy hocei, Tuệ Đức cung kính thưa:

"Bạch thầy không ạ."

"Tốt. Thôi, chúng ta cùng đi dạo để các con quen với caenh mới này."

*

Tracei ba năm không rời khocei núi, cùng ọc tu trong mái thaceo am dưới sự dẫn dắt của vị thầy già ấy, một hôm, Tuệ Trí và Tuệ Đức được thầy gọi đến dạy:

"Ta nghĩ đã đến lúc để các con đem những kiến văn và soe học của mình ra mà truyền rộng cho nhiều người khác cùng được lợi ích. Vì vậy, hôm nay, hai con hãy lên đường, xuống núi hành đạo."

Tuệ Trí ngạc nhiên hocei:

"Bạch thầy, thế còn... cách vào cái cửa Không? Chừng nào thầy mới dạy cho?"

"Các con cứ xuống núi hành đạo. Khi nào caem thấy là mình đã tạo nên được công đức gì đáng kể, đáng gọi là thành tựu, thì quay trở về đây. Các con tưởng rằng một người không có chút công đức hay thành quả nào hết mà có thể qua được cánh cửa ấy sao?"

Tuệ Trí xùi mặt, suy nghĩ: "Tu học ba năm cực nhọc ọc đây rồi mà vẫn chưa được công đức! Biết bao năm nữa mới gọi là được đây?"

Vị thầy rút chòm râu bạc, đứng dậy, bước đến bên cửa sổ, nhìn ra ngoài. Một lúc lâu, ông quay lại nói:

"Nhưng trước khi các con rời núi, ta muốn nghe các con trình bày vài nét về sự hiểu đạo của các con; bằng vào phương châm nào mà các con dẫn thân vào trần gian để hành đạo; bằng vào phương tiện thiện xảo nào mà các con có thể tự kiểm thúc được thân tâm mình giữa cõi đời phiền lụy. Tuệ Đức, con nói trước đi."

Tuệ Đức liền quỳ xuống chấp tay cung kính thưa:

"Quy y Phật, Pháp, Tăng; hành động, lời nói và ý nghĩ luôn luôn qui thuận và phù hợp với Phật, Pháp, Tăng."

Vị thầy hoèi tiếp: "Còn gì nữa không?"

"Thưa, chỉ có vậy," Tuệ Đức nghe giọng thưa.

Sư huynh Tuệ Trí nghe vậy thì bật cười lên một tràng, thương hại thay cho người sư đệ cục mịch quê mùa, ba năm học tập kinh điển ọc đây chưa ra khoèi bước đầu học Phật. Vị thầy cũng nghe một nụ cười, tuem tìm quay trở lại ngồi xuống bồ-đoàn, hoèi Tuệ Trí:

"Đừng cười sư đệ con căn tính trì độn. Biết gì thì nói vậy, có sao đâu. Thế còn con, con xuống núi với tâm nguyện và hành xử nào đây, nói ta nghe và để sư đệ con có cơ hội học hoèi thêm luôn thể?"

Tuệ Trí đang đứng, xoay một vòng, bước ra cửa, nghe mặt lên trời, vừa đi vừa nói:

"Nhìn mây bay, thấy tóc xanh thướt xưa còn tung xõa

Nghe chim hót, tin tiếng lòng năm cũ mãi âm vang."

Nói rồi Tuệ Trí đi thẳng xuống núi. Vị thầy ngồi im, gật gù bẹo Tuệ Đức:

"Hai đứa con mỗi đứa có một căn tính và sở đắc khác nhau. Đều tốt cả. Khi đã nói là phương tiện thiện xảo thì không có vấn đề cao thấp. Khác nhau chăng là chỗ diệu dụng, ý ta muốn nói cái dụng của, của mỗi phương tiện mà thôi. Con chuẩn bị gói ghém hành lý chi đó rồi lên đường. Mong rằng chuyến đi của các con không làm ta thất vọng. Ta chờ đợi các con đó."

Tuệ Đức lạy thầy ba lạy rồi lui ra.

*

Nơi thị trấn, Tuệ Trí và Tuệ Đức chia nhau hai ngả, du hành khắp nơi để truyền bá chánh pháp. Mỗi người có một lối giảng dạy riêng về Phật Pháp, về Thiên đạo, nhưng cả hai đều thành công, thu phục được nhiều đệ tử, tạo được nhiều uy tín và tiếng vang trong khắp thị trấn ấy, rồi lan dần đến các thị trấn lân cận.

Nhưng tiếng tăm lẫy lừng, nổi bật nhất, vẫn là từ Tuệ Trí, vị sư huynh cao ráo, trắng trẻo, điển trai, nói năng hoạt bát và lời cuốn, học rộng biết nhiều, lại có cả tài làm thơ viết văn rất tuyệt, chinh phục hầu hết giới trí thức trong nước. Nhờ những thuận lợi về thể chất lẫn kiến thức và tài năng đó mà Tuệ Trí thành công rất nhanh, tự mình tạo nên một tông phái Phật giáo rất mạnh và có ảnh hưởng trong cả nước. Giáo lý nền tảng của tông phái Tuệ Trí xem ra thì không có gì mới mẻ, vẫn là dựa vào kinh điển Phật để diễn dương; nhưng nhờ kiến văn quảng bác và khả năng xét đoán thời cuộc rất nhạy bén, Tuệ Trí biết nhắm đến hoàn cảnh và nhu cầu tâm lý của con người thời đại, nhờ vậy mà mở ra những sinh hoạt có vẻ mới mẻ, tiến bộ; lời kéo được nhiều người trí thức từ thôn quê đến thành thị, ùn ùn qui tụ học hỏi. Nhiều người bỏ cả nghiệp để dâng cúng cho Tuệ Trí. Nhiều chùa chiền, thiền thất, đại tràng lâm ở khắp nơi cũng được xây dựng để dâng trọn vẹn cho Tuệ Trí tùy nghi sử dụng. Đồ chúng tìm học Tuệ Trí càng lúc càng đông. Dần dần, nhu cầu tu học theo tông phái Tuệ Trí trở nên một phong trào quần chúng không phân biệt trí thức hay dân giã cùng đình thất học. Nhưng một khi đã trở thành phong trào rồi thì mặt phẩm chất không còn là điều hệ trọng nữa; chỉ còn sức lớn mạnh không gì ngăn nổi của phần số lượng. (Thực ra, không phải là do những người ít học tham dự vào phong trào đã làm giảm đi phẩm chất của tông phái Tuệ Trí-tu học đạo giác ngộ đâu có căn cứ vào chuyện học thức hay thất học!-mà chính sức lớn mạnh quá nhanh của phong trào đã như dòng độc dược giết chết từ trứng nước cái khát vọng hướng đến giác ngộ-thoát giác ngộ-vốn là điều đòi hỏi nhiều kinh nghiệm tu chứng tâm linh hơn là sinh hoạt và nghi thức kiểu cách rườm rà, rình rang, học đòi, bắt chước, truyền đạt mau chóng từ người này đến người kia-và thay vào đó chỉ là khát vọng được gắn gũi tông chủ Tuệ Trí, được tông chủ đặt cho một cái đạo danh và được gắn cho cái huy hiệu riêng của tông phái nơi vai phải, để hãnh diện rằng mình là đệ tử thuộc dòng Tuệ Trí).

Say mê trong hào quang danh vọng của một tông chức sáng chói đó, Tuệ Trí quên bằng chuyện quay về núi Linh với sự phụ để được vào cánh cửa Không. Thành thạo, Tuệ Trí có nghe các đệ tử báo cáo cho biết về tình hình sinh hoạt của sư đệ Tuệ Đức tại một vài nơi hẻo lánh nào đó trong nước. Nghe nhắc Tuệ Đức thì Tuệ Trí nhớ đến núi Linh, nhưng rồi chỉ khoanh khắc sau đó là chìm ngập vào những công việc khẩn thiết mà các tu viện do mình trực tiếp đảm nhận đòi hỏi, hoặc phải chú tâm nghiên cứu những dự án phát triển tông phái do các môn đồ đề xuất... Bao nhiêu việc phải làm, phải để tâm đến, chiếm hết cả thời giờ tu tập của Tuệ Trí đến độ mỗi lúc Tuệ Trí đang đàn thuyết pháp hay hướng dẫn các khóa lễ, các khóa thiền tọa đại chúng, chàng cũng chỉ có mặt như một cái xác không hồn để làm và nói những điều đã quen và thuộc lòng, còn tâm trí thì lúc nào cũng bận bịu với các chương trình, các lễ hội sắp tới...

Một hôm, Tuệ Đức trên đường hoằng hóa ghé ngang tu viện của Tuệ Trí, bèn nảy ý muốn vào thăm sư huynh, đồng thời muốn trao đổi với sư huynh chút kinh nghiệm tu học và hành đạo.

"Ô, Tuệ Đức đó hả? Vào đi," Tuệ Trí đưa tay ngoắc sư đệ vào, "mấy năm rồi, sư đệ cũng chẳng thay đổi gì hết, nhìn là nhận ra ngay. Đây, các con pha trà mời sư chú đi."

Tuệ Đức nhìn vào căn buồng phía sau phương trượng, thấy một nhóm người lảng xãng, xì xào, lấp ló, chỉ trộm nhìn; chàng e dè theo sự ra dấu của sư huynh, ngồi xuống ở một cái trường kỷ chạm trổ xa cừ bóng lộn.

"Sư huynh bây giờ thấy khác nhiều, nếu gặp ngoài đường e rằng đệ nhận không ra," Tuệ Đức nói.

"Khác dữ vậy sao? Ha ha. Chắc ta ốm và xanh đi nhiều phải không? Ừ, thì công việc nhiều quá khiến ta như vậy."

"Không, huynh đâu có ốm xanh. Mặt trắng ra thì có. Phát tướng đấy. Trông sư huynh bây giờ dường bề hơn xưa nhiều. Sư huynh có nhớ năm xưa cùng đệ đi tham vấn nhiều nơi, cuối cùng là đến núi Linh... lúc đó sư huynh rõ đúng là một tăng tử khổ hạnh..."

"Thôi đừng nhắc chuyện cũ nữa. À này, sư đệ tìm ta có việc gì không? Có cần giúp đỡ gì không thì cứ nói thật. Có cần tu bổ hay xây chùa,

đức tượng, in thỉnh kinh sách gì thì cứ nói, ta sẵn sàng chu cấp tất cả những gì đệ cần."

"Không, cảm ơn huynh. Đệ đâu có chùa chiền gì đâu mà tu bổ. Chỉ nhân duyên du hóa vùng này, ghé thăm sư huynh thôi."

"Không có chùa? Nói giỡn sao? Thế... lâu nay đệ trú ở đâu?"

"Đạ thì nơi nào cần thì đệ đến. Thường thường là ở các chùa ở vùng quê hẻo lánh, nơi mà Phật Pháp suy yếu hoặc chưa được phát triển."

"À, ra thế. Thưa nào trông đệ hãy còn dáng vẻ lam lũ, khổ nhọc như năm xưa. Trà có rồi hăc, được rồi, chế ra tách dâng sư chú đi."

Có khoảng sáu nữ đệ tu cưa Tuệ Trí, xếp hàng hai bước ra, người dâng khay trà, người bưng khay tách, người dâng bánh, người dâng quế, hai người cầm quạt đứng hầu hai thầy. Tuệ Đức cạcem nghe có gió mát phía sau lưng, quay lại thấy một nữ nhân đang quạt cho mình thì giật thót người đứng dậy, khoát tay:

"Mô Phật, tôi không dám, xin miễn cho."

Tuệ Trí cười khan:

"Thôi, sư chú các con không quen gió lạnh, vào trong đi."

Cả bọn nữ nhân kéo nhau vào phía trong. Tuệ Đức hãy còn đơc mặt, lúng túng chẳng biết làm gì. Tuệ Trí nói tiếp:

"Ta cũng định một ngày nào đó trưc lên núi Linh. Có lẽ là cuối năm này. Đệ nghĩ sao? Chúng ta cùng đi chứ hăc?"

"Vâng, đệ muốn theo sau huynh, đâu dám vô phép lên núi trước. Nhưng cuối năm nay thì hơi sớm đối với đệ. Có lẽ phăc cuối năm tới."

"Sao vậy? Đệ không lập chùa mà, có bận bịu gì đâu?"

"Bận bịu thì không rồi, nhưng... đệ cạcem thấy là mấy năm nay chưa làm được gì đáng kể, tự nghĩ là chưa đưc công đức để trưc lại trình sư phụ."

"À, ra thế. Vậy là từ đây đến cuối năm sau đệ sẽ nỗ lực làm thêm công đức. Ta hiểu rồi. Ừ mà sao đệ không đến đây phụ giúp ta một tay để gây dựng thêm công đức. Cần gì phœci đi đâu xa xôi, bụi bặm. Tính đến nay, bốn năm trời, một mình ta đã xây hơn bốn chục cœc nh chùa, chưa kể các đạo tràng cœc a các môn đồ mọc lên khắp nước, phœci kể đến số ngàn. Đồ chúng theo ta tu học thì có thể tính bằng số vạn. Công đức ấy... ôi, nhiều quá, kể sao hết. Ta đây mà có người phụ tá như đệ thì công việc hẳn là tiến hành nhanh chóng và tốt đẹp hơn."

"Không dám, xin sư huynh miễn thứ cho, đệ còn có những Phật sự phœci làm ơc vùng quê đã dự tính trước. Đệ chỉ ghé thăm sư huynh để học thêm kinh nghiệm hành đạo cœc a sư huynh mà thôi."

"Kinh nghiệm ư? Ừm, để coi nào. Lâu nay ta chỉ làm, chẳng bao giờ để ý chi cái kinh nghiệm. Nói đại khái thì phœci có một thuyết lý gì đó mới lạ để thu phục số đông. Thuyết lý đó cũng cần cái phong cách nổi bật cœc a chính mình để phù trợ nữa. Khi quần chúng đã qui phục rồi, ta muốn gì lại chẳng được... Nhưng, ta và đệ khác nhau lắm, ta e đệ không áp dụng được kinh nghiệm cœc a ta đâu. Cái kinh nghiệm ấn tống một cuốn kinh, đúc một tượng Phật, xây một ngôi chùa, thì có thể chỉ bày cho nhau được, chứ kinh nghiệm sáng tác thơ văn, tư tươcng và biện tài thuyết giáo... nó thuộc về tài năng thiên bẩm, làm sao ta có thể truyền dạy đây?"

"Thưa không, đệ chỉ xin sư huynh một bài kệ, một câu thơ gì đó thôi, cũng đưœc làm hành trang cho đệ trên đường chu du rồi."

Tuệ Trí bật cười lên một tràng:

"Thơ, kệ à? Ừm, để coi, lâu nay ta cũng ít sáng tác vì bận quá. À, để ta đọc đệ nghe mấy câu thơ cũ cœc a tiền nhân, đưœc chứ hœc? Coi nào, đệ hœci đột ngột quá, ta chưa kịp nghĩ câu nào có thể thích hợp để đọc cho đệ. Nhớ rồi, bốn câu thơ này cœc a Thiên sư Ngô Ân, ta vẫn thường đọc cho các đệ tươc nghe:

Diệu tính hư vô bất khœc phàn

Hư vô tâm ngộ đắc hà nan

Ngọc phàn sơn thượng sắc thường nhuận

Liên phát lô trung thấp vị càn.

Đệ từng nghe bài đó chưa? Hiểu chứ hạc? Thôi để ta đọc luôn bacs dịch cuca ta cho đệ:

Diệu tính hư vô khó nghĩ bàn

Một khi liễu ngộ còn khó chi

Ngọc thiêu trên núi màu vẫn sáng

Sen đốt trong lò sắc thêm tươi.

Độc đáo quá hạc? Nói thiệt đệ nghe, bài thơ ấy làm cho ta thêm tự tin khi dấn thân vào chốn bụi hồng để hoằng truyền chánh pháp. Sao? Đến giờ hành lễ rồi à? Được rồi, thầy sắp xong rồi. Hay là sư đệ cùng ta hành lễ rồi sau đó đàm đạo tiếp?"

"Thưa không, thỉnh sư huynh đăng đàn, đệ chỉ ghé thăm, được sư huynh cho nghe bốn câu thơ, tươeng cũng đuce lắm rồi, không dám phiền sư huynh nữa. Đệ xin cáo."

*

Cuối năm sau, Tuệ Đức lại ghé đạo tràng cuca Tuệ Trí để cùng sư huynh lên núi Linh thì nhằm lúc Tuệ Trí đang bận lo một buổi lễ kyce niệm đệ tứ chu niên ngày thành lập tông phái cuca Tuệ Trí. Đồ chúng tụ tập quá đông, khiến Tuệ Đức phacei khó nhọc lắm mới vào đến được phương trượng để gặp sư huynh. Thấy sư huynh bận rộn với ngày lễ, Tuệ Đức cáo lui, đi bộ hơn một dặm đường mới tìm được chỗ vắng vece, có bóng mát, dưới một gốc đại thụ, lánh xa được đám đông ồn ào lễ hội.

Ba ngày sau, Tuệ Đức mới quay truce lại tu viện cuca Tuệ Trí để mời sư huynh cùng lên núi. Tuệ Trí nói:

"Sau ngày lễ, ta không được khocee lắm, nhưng ta sẽ đi với đệ. Nhất quyết là phacei đi. Tạm thời gác mọi công việc sang một bên cái đã. Giác mộng cuca anh em mình xưa nay làm sao nguôi nguây được, phacei không? Này, đem y áo cuca thầy ra đây. Thầy có việc phacei vắng mặt một thời gian, mọi việc trong tu viện thầy đã giao cho sư cô Diệu Bacs thay thầy đacem trách, bây giờ thầy phacei đi với sư chú lên núi lạy sư ông cuca các con."

Đám nữ nhân đệ tử Tuệ Trí xúm xít quanh thầy toạ vece bịn rịn, quyeen luyeen dữ lăm khiến Tuệ Trí cũng nao lòng. Nhưng rồi chàng cũng mạnh dạn lên đường. Đám đệ tử định che lọng, rước kiệu tiễn đưa tông chue Tuệ Trí đến tận chân núi nhưng chàng xua tay baceo thoi, chỉ cho phép sáu nữ đệ tử thân tín tháp tùng. Tuệ Đức thấy vậy thì nhieu mày, toae ý không bằng lòng. Tuệ Đức thưa nhoce với sư huynh:

"Huynh baceo họ oae lại tu viện chứ đi theo làm gì cho vương bận. Sư phụ chẳng vui đâu. Hơn nữa, nếu sư phụ moce đường cho chúng ta vào cuoa Không thì sư huynh cũng đâu có mang họ theo được, không lý bắt họ oae dưới chân núi chờ hoài?"

"Ôi, đệ cố chấp quá làm sao giai thoát được. Ta đã đọc cho đệ nghe bài thơ cuoa thiền sư Ngô Ấn rồi, không lẽ đệ chẳng thấm nhập gì hết sao? Đi. Đừng nói nhiều."

Vậy là hai huynh đệ lên đường, có sáu đệ tử lẽo đẽo theo sau.

Đường đến núi Linh vào mùa đông hơi lầy lội vì đã có nhiều cơn mưa trước đó. Đến bìa rừng, muỗi vắt ào ào bu đến, đám đệ tử la khóc eo eo. Tuệ Trí phacei dừng chân chăm sóc, khuyến dụ. Vậy mà rồi họ vẫn không boce ý định đi theo Tuệ Trí đến tận chân núi. Có thêm đoàn tùy tùng này, con đường đến núi Linh đối với Tuệ Đức như dài thêm gấp mười lần vì đi một đoạn đường lại cứ phacei cùng sư huynh đứng lại chờ đợi sáu người kia.

Sau một ngày đường vất vace, cuối cùng, đoàn người cũng đến được chân núi. Tuệ Trí dặn dò đám đệ tử:

"Thầy cùng sư chú lên núi. Các con cứ chờ oae đây. Sáng mai nếu không thấy thầy troce xuống thì các con tự động troce về tu viện, tạm thời nương sư cô Diệu Baceo mà tu học. Khi nào xong việc thầy sẽ xuống núi, tiếp tục hướng dẫn các con."

Tuệ Đức đứng chờ sư huynh dặn dò, rồi thêm chuyện đệ tử tác bạch tiễn đưa, thề ước, thưa bẩm, gơoi gắm, nhấn nhuoc, bịn rịn tình nghĩa thầy trò cũng mất cae nucea giờ. Đến khi mặt trời sắp sửa khuất sau núi Linh rồi, hai huynh đệ mới bắt đầu cất bước.

Sư phụ ngồi trên bồ đoàn, hai huynh đệ sụp lạy. Xong, Tuệ Trí thưa:

"Bạch thầy, năm năm qua con vâng lời thầy xuống núi đã thực hiện nhiều Phật sự, tạo nhiều công đức. Nay xin thầy từ bi hoan hỷ cho con bước vào nhà Không của Như Lai."

Tuệ Đức chỉ quỳ chấp tay, lặng thinh.

Sư phụ gật gù hoèi:

"Phật sự của các con làm thầy có biết. Nay thầy chỉ muốn nghe các con trình bày ngắn gọn một câu thôi mà tóm tắt tất cả những gì trong năm năm vừa qua. Tuệ Đức con nói trước đi."

Tuệ Đức cung kính thưa:

"Quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Tam thiên oai nghi, bát vạn tế hạnh không rời một khoảnh khắc."

Tuệ Trí nghe vậy cũng muốn bật cười lên, nhưng chưa kịp cười thì sư phụ đã hoèi đến mình.

"Tuệ Trí, con nói đi."

Tuệ Trí bèn thưa: "Trên đầu sợi tóc mỹ nhân, thấy sự màu nhiệm linh thiêng của thế giới hoa tạng; ngày đêm ăn ngủ nói cười mà vẫn cùng Phật Tổ sánh vai không rời một bước."

"Sơ học cao thâm, ngữ khí trọng phu lắm. Nhưng, đối với ái dục thì sao, nói ta nghe, Tuệ Trí?"

"Có vướng cũng không bận," Tuệ Trí tự tin đáp.

Sư phụ quay qua Tuệ Đức:

"Đối với ái dục con thế nào?"

Tuệ Đức thưa:

"Lặng trong không vướng, không bận."

Sư phụ im lặng rời bỏ đoàn đứng dậy, bước ra sân. Hai đệ tử cũng bước theo. Sư phụ quay lại nói:

"Cuorea Không đã sẵn mỏe, các con bước vào đi."

Tuệ Đức hốt nhiên đại ngộ, tươi sáng nét mặt, cúi lạy thầy rồi ung dung bước thẳng lên đỉnh núi, thoáng chốc là biến mất trong lớp mây mù. Trong khi đó, Tuệ Trí hãy còn phân vân, nghi ngại; vừa tính dợm chân bước thì thấy nặng trĩu oẻ dưới gót chân phacei, như đeo phacei đá, không sao cất lên nổi.

"Bạch thầy, sao lại có chuyện lạ như vậy? Chân con, không biết sao, kỳ cục quá, không cất lên được..."

Vừa nói đến đó bỗng thấy Tuệ Đức từ trên núi lướt xuống. Thân hình cục mịch nhà quê cucea Tuệ Đức lúc này trông nhẹ như mây. Lướt ngang chỗ sư phụ và sư huynh, Tuệ Đức chấp tay vái chào rồi bay thẳng xuống núi.

"Tuệ Đức, đi đâu vậy? Bạch thầy, sao Tuệ Đức lại xuống núi, chẳng lẽ trên đó không có gì hết sao?"

"Hoa tạng thế giới cucea con đâu mà giờ này còn hỏe? Đã cùng với Phật Tổ sánh vai thì cần gì phacei tìm Phật tìm Tổ trên núi! Kiến tánh thành Phật rồi thì ra vào tự tại, có cánh cucea nào có thể ngăn ngại được đâu. Cuorea Không có bao giờ đóng đâu mà phacei cần thầy mỏe. Kiến tánh rồi thì tự khắc thấy đường đi thôi. Tuệ Đức thông dong được là do lẽ đó."

Tuệ Trí bấy giờ mới thức ngộ, bật khóc. Bao nhiêu danh từ và chương cú hoa mỹ về Phật, về Thiên, về Hoa Nghiêm, về Bát Nhã, về Lăng Già, về Như Lai Tạng Tính... mà lâu nay chàng từng sủa tụng, bây giờ mới thấy chỉ là những cụm từ rỗng tuếch, không dính nhập gì đến thực tại tối hậu.

Sư phụ thương cạcem, nói lời an ủi:

"Căn tính con thông tuệ, nhạy bén hơn Tuệ Đức rất nhiều. Trí tuệ là khí giới tối hảo để đạt đến đạo quẻ giác ngộ; nhưng từ nhiều năm nay, con chưa hề tạo được một công đức nào cace. Tất cace những gì con làm oẻ thế gian, đều chỉ là những manh động cucea dục vọng, làm sao tạo nên được công đức! Phước Đức và Trí Tuệ giống như đôi chân cucea con vậy, phacei đuce cace hai và phacei cùng song hành, không thể thiếu một mà có thể bước đi được," vị thầy ngưng một lúc, thoe dài nói tiếp "à, con có nhớ những lời đơn sơ cucea Tuệ Đức không? Quy y Phật, Pháp, Tăng. Tại sao? Vì quy y Phật là trở về với thể tính thanh tịnh, đoạn trừ tất cả những

tham dục, cầu bần; quy y Pháp là trở về với trí tính vô biên, đoạn trừ hết những si mê, cố chấp và lòng kiêu ngạo; quy y Tăng là trở về với tự tính hòa hợp bình đẳng, trừ bỏ những lòng hận thù, ganh ghét... Không có trí tuệ siêu việt nào có thể bùng vỡ trên mảnh đất còn tràn ngập những tham, sân, si và các phiền não căn bản. Cho nên, theo ý thầy thì con nên ở lại đây, nỗ lực tu tập thêm một thời gian nữa; hay con muốn tiếp tục trở về với tu viện dưới núi cucea con thì tùy ý, nhưng dứt khoát là dù ở đâu, cũng phải dẹp hết những thứ phiền não linh tinh từng quấy nhiễu phá rối tâm con thì may ra mới vào được cánh cửa Không ấy."

Tuệ Trí lay tạ ơn thầy chỉ dạy rồi đứng dậy, phân vân một lúc, nhớ rằng sáu đệ tử cucea mình đang chờ đợi dưới núi. Tuệ Trí quyết định từ giã thầy, lui về cúi mặt bước xuống núi, nhưng được nửa đường thì đứng lại. Tượng tượng mấy chục ngôi chùa và hàng trăm đạo tràng với bao nghi lễ rình rang xôm tụ đang chờ đón mình bên dưới, rồi nhớ đến các cô học giả trí thức bày trò đón ngộ chứng Thánh miệng là nói thiên ngôn mật ngữ nhưng chưa bao giờ nếm được một giọt nước ngọt trong đại dương giác ngộ, rồi nghĩ đến đám nữ nhi phàm tục dễ sa nước mắt quần quít những nhẽo đêm ngày... Ôi, sao mà rộng tuếch, vô vị, cho dù có thêm triệu năm nữa để đóng kịch và bày trò, cũng chẳng một mảy may nào trong những thứ ấy có thể với đến được cánh cửa huyền vi cucea ngọn núi Linh này. Tuệ Trí còn nhớ có một ông Lạt-ma Tây Tạng hứa sẽ dạy chàng về pháp đăng vân (cõi mây) với điều kiện chàng phải xây cho ông ấy một tu viện nguy nga tận xứ Tây Tạng và chàng đã hứa sẽ sắp đặt thời gian rảnh để học phép thuật này. Bây giờ, chàng thấy cũng không cần thiết nữa. Cho dù có học được phép cõi mây, cõi gió đi khắp nơi thì cũng chỉ lần quần trong vòm trời hữu hạn của trần gian, không làm sao lọt vào được cõi Không bát ngát thênh thang mà chàng hằng ôm ấp. Tất cả những thứ kể trên, ngay lúc này, chàng thấy không còn cần thiết nữa. Chàng đứng im một lúc ở lưng núi khi trời đang tối dần.

Trong khi sáu nữ đệ tử của Tuệ Trí từ chân núi nhìn lên thấy núi Linh mây phủ mờ mịt, gọi lên bao huyền thoại kỳ bí xa xăm thì ở lưng núi, Tuệ Trí cũng quay đầu ngược nhìn lên núi cao, trong mắt chàng lúc ấy, mây mù đã tan sạch, đỉnh núi Linh cao với lần đầu tiên hiện ra sừng sững giữa trời tây trong vắt. Thực sự là không còn một huyền thoại hay một kho tàng mâu nhiệm nào đáng để tìm cầu khám phá nữa. Chàng bật lên một tràng cười sáng khoái, rồi đi ngược lên núi, tìm sư phụ, bắt đầu cuộc hành trình đi vào cửa Không.

---o0o---

Lòng Từ Của Mẹ

Kinh điển nhà Phật thường nói lòng từ bi của Phật và các vị bồ-tát đối với chúng sinh giống như lòng thương của cha mẹ đối với con cái. Nói ngắn gọn, Phật thương chúng sinh như cha mẹ thương con.

Chúng ta được Phật thương như con, và muốn học theo con đường của ngài, nên được gọi là con Phật.

Con Phật, muốn được như Phật, phải chuyên tu giới, định, huệ, phá được ngã chấp, pháp chấp, dứt trừ các phiền não, xa lìa mọi mộng tưởng điên đảo, đạt đến trạng thái tịch tĩnh, ái diệt, vô tham... Con đường từ vị trí một đứa con phàm phu tiến đến nơi chốn của người cha trí đức cao dày, là con đường dài xa vời vợi, không thể nghĩ bàn, vì có thể ngắn trong gang tấc mà cũng có thể đi suốt những kiếp số vô tận của thời gian. Không thể trong ba tạng kinh mà bàn nói hết được, huống chi vài ba dòng của ngôn ngữ đời thường.



Nhưng hãy trở lại vấn đề lòng từ bi của Phật đối với chúng sanh, hay lòng thương của cha mẹ đối với con cái. Đây là một ví dụ sống động, cụ thể, đối với những người đã từng là cha mẹ, và tất nhiên là rất mơ hồ mông lung đối với những người chưa hề có kinh nghiệm sinh dưỡng và nuôi dạy con cái. Những người ấy, là những tăng ni đồng chơn xuất gia, sống đời phạm hạnh. Cũng có thể kể thêm một số trường hợp đặc biệt khác là trường hợp những người thế tục không thể có con, hoặc không muốn có con, hay vì lý do nào đó, chưa muốn có con. Không có kinh nghiệm thương yêu con cái thì nếu

muốn phát khởi và ban rải lòng từ bi đến với người khác hay chúng sinh khác một cách bình đẳng, vô điều kiện—như là cha mẹ đối với con cái—tất phải thực tập. Phương pháp thực tập ấy của hành giả đạo Phật, căn bản thì có “từ bi quán” (một trong ngũ đình tâm quán), ở mức rộng sâu hơn thì phát triển toàn mãn bốn tâm vô lượng (từ, bi, hỷ, xả). Ở cảnh giới ấy, lòng từ bi đối với tha nhân và chúng sinh là vô hạn, ngay cả tình thương của cha mẹ đối với con cái cũng không thể nào sánh được. Nhưng chưa đạt đến thì ở giai đoạn thực tập, với cương vị và tâm cảnh của người xuất gia đồng chơn phạm hạnh nói trên, khó mà khởi động thứ tình cảm đòi hỏi sự thực nghiệm bản thân, là tình cảm cha mẹ. Tình cảm ấy tràn đầy một cách tự nhiên, gần gũi, thuần túy gia đình, gắn bó từ máu huyết, không chúng nghiệm bằng cả thể xác lẫn tinh thần thì không thể cảm thấu trọn vẹn. Thế nên, trừ khi hành giả đạt đến trình độ vô ngã, thực chứng trọn vẹn bốn tâm vô lượng, còn không thì vẫn tiếp xử với chúng sanh bằng một lòng thương tuy cũng to lớn, nhưng không thoát khỏi những điều kiện và giới hạn.

Có lẽ vì vậy mà Mục-kiền-liên trở thành nhân tố quan trọng để đức Phật khai thị một con đường cứu khổ lợi sinh bằng phương thức quán tưởng khác, dựa trên tình cảm của người con đối với cha mẹ thay vì ngược lại. Như thế, để thực hiện con đường bồ-tát, cứu độ chúng sinh với lòng thương yêu vô hạn và không phân biệt, người xuất gia khởi đi bằng tình cảm thương yêu và báo hiếu đối với cha mẹ đời này, rồi từ cha mẹ đời này, liên tưởng đến cha mẹ nhiều đời, và từ cha mẹ nhiều đời liên tưởng đến vô lượng vô số chúng sanh trong khắp ba cõi và ba thời gian (quá khứ, hiện tại, tương lai), tất cả đều là cha mẹ.

Còn những người thế tục thì thế nào? Chúng ta đã có sẵn câu trả lời, không cần đắn đo suy nghĩ: cũng thực tập thương yêu kẻ khác, chúng sinh khác, như là cha mẹ của mình, y như cách thế mà tôn giả Mục-kiền-liên đã làm. Nhưng thực tế cho thấy, hiếu cảm và lòng thương yêu của người con dành cho cha mẹ rất giới hạn. Cha mẹ thương con, nghĩ đến con thường xuyên hơn là người con thương nghĩ đến cha mẹ. Chính vì vậy mà kinh điển nhà Phật cũng như các tôn giáo khác, hoặc các nền văn hóa đạo đức khác nhau ở đông cũng như tây phương đều không ngớt kêu gọi, nhắc nhở, khuyến khích con cái về lòng hiếu thảo và sự thương tưởng đến cha mẹ. Kinh Phật thường khuyến nhắc sự báo hiếu, tức là nhằm giáo dục khuyến hóa những người con. Tây phương có ngày dành cho cha và cho mẹ rất trang trọng, nhưng không cần phải có một ngày đặc biệt dành cho con cái. Là con thì cần phải nhớ, thương, nghĩ đến ân đức cha mẹ mà báo đền. Còn đối với cha mẹ thì không cần phải kêu gọi nhắc nhở gì cả, bởi vì tình thương của cha mẹ dành

cho con là không giới hạn, và không gián đoạn. Hầu như tất cả thời gian, và trọn cuộc đời, tâm tư và tình cảm của cha mẹ đều dành cho người con.

Là một người đã từng làm cha trước khi xuất gia và chứng thành đạo quả, cố nhiên đức Phật đã cảm nhận sâu sắc tình phụ tử mà ngài dành cho La-hầu-la, con ngài; do đó, khi so sánh lòng từ bi của Phật dành cho chúng sinh với lòng thương yêu của cha mẹ dành cho con cái, ngài đã nói sự thực nghiệm của ngài: tâm lòng của bậc đại giác, cũng như của người cha. Đó là kinh nghiệm thật, sống động, không phải lý thuyết suông. Sự so sánh như thế cũng gợi ý cho ta một phương pháp thực tập, lấy con cái làm đề mục quán tưởng, liên tưởng, và lấy lòng thương của cha mẹ làm chất liệu, làm động lực thúc đẩy, từ đó mở ra cánh cửa của lòng từ vô hạn.

Có thể nói là chưa có giáo chủ, hoặc những nhà lãnh đạo của tôn giáo nào nâng vị trí của cha mẹ đến chỗ cao tột như là trong Phật giáo. Kinh Phật nói, gặp thời kỳ không có Phật, có thể thờ cha kính mẹ trong nhà, cũng được phước báo như cúng dường Phật; cha mẹ còn sinh tiền cũng không khác chi Phật còn tại thế. Không còn so sánh nào xứng đáng hơn. Nhưng chúng ta cũng phải hiểu rằng tất cả các so sánh đều mang tính tương đối: chỉ mượn cái mình biết để mô tả, hình dung về cái chưa biết. Như vậy, Phật và cha mẹ chỉ tương đồng ở một mặt nào đó thôi. Phật không thể thay thế cha mẹ, và ngược lại, cha mẹ cũng không thể thay thế Phật. Chỉ có tính cách thương yêu con không điều kiện và không giới hạn của cha mẹ là điều đáng trân trọng, khắc ghi, cần học hỏi; còn ngoài ra, cha mẹ vẫn là những con người bình thường, sống trong thế giới của phiền não, uế trược, cũng có hỉ, nộ, ái, ô như ai. Có những bậc cha mẹ thường trách cứ người con tội bất hiếu, cho rằng một khi chúng lập gia đình, sinh dưỡng con cái thì quên cha mẹ, chỉ lo cho gia đình của chúng. Trách như vậy thì cũng có nghĩa là tự trách, vì cha mẹ cao cả cũng đã từng là những người con bất hiếu, chỉ biết chăm lo và thương yêu chồng (vợ) con mà lãng quên cha mẹ của mình (ông bà nội, ngoại). Cái mâu thuẫn ấy, là thực tế nói lên giới hạn của con người thế tục. Cha mẹ chỉ có thể là Phật, là bồ-tát, đối với chính những đứa con của mình mà thôi.

Dù sao, ngàn ấy tình thương, so với lòng từ bi của Phật thì không lớn, nhưng đối với những người con, là biển, là trời cao rộng, thật quá đầy đủ để sống, vươn lên, và đi suốt đoạn đường trăm năm của chúng trên cuộc đời đầy hương sắc tình yêu mà cũng không thiếu những cạm bẫy, chông gai, những tình cảm trá trở, lọc lừa, man trá, từ cá nhân hay từ tập thể.

Trên tất cả những tình cảm thế nhân là tình cảm cha mẹ. Lòng thương của cha mẹ dành cho con là lòng từ bi của Bồ-tát đối với chúng sinh. Lòng thương ấy không phân biệt con đẹp hay xấu, hiền hay dữ, thông minh hay ngu độn, ngoan ngoãn hay cứng đầu... Cha mẹ chỉ biết thương. Ngay cả đứa con tật nguyền, bệnh hoạn, nằm vạ suốt đời, cha mẹ vẫn thương, chăm sóc từng li từng tí, ôm hôn, vỗ về, nựng nịu, tung tiu như viên ngọc quý. Cha mẹ luôn là bóng mát, là chỗ dựa cho con trong mọi hoàn cảnh. Cha mẹ nghĩa là như thế, là nơi mà đứa con, dù đã có tóc bạc trên đầu, vẫn có thể tự nhiên quay về để nũng nịu, vòi vĩnh, đón nhận tình thương và tấm lòng bao dung cao cả.

Ở nhà, tài sản cha mẹ để lại cho con có khi to lớn, có khi chẳng bao nhiêu, có khi không có gì; nhưng gia tài thương yêu thì vô hạn. Ở đời, chúng sanh cũng khao khát một thứ gia tài từ bi, cứu khổ như thế từ Phật và những vị Bồ-tát. Những ai muốn học hạnh Phật để thương yêu tất cả chúng sinh, có thể khởi đầu bằng cách học từ cha mẹ. Tình thương yêu ấy không bến bờ. Có thể gọi đó là lòng từ bi. Lòng từ bi mà diễn giải và chú thích theo chân nghĩa của Phật giáo thì rộng lắm, nói không cùng. Nhưng chúng ta có thể sà vào lòng cha mẹ để thương và được thương, sẽ cảm nhận tính cách bao la của từ bi mà ta muốn trang trải cho kẻ khác như thế nào.

Bồ-tát thương chúng sinh không thể khởi bất cứ một ý niệm phân biệt, so sánh nào. Giống như cha mẹ đối với con cái, chỉ có một thứ tình thương. Thương kẻ hiền trí, thuần thực đã đành; thương và đối xử bình đẳng với người hiểm ác, bất lương mới là khó. Nhưng cha mẹ làm được đối với con cái thì Bồ-tát cũng phải làm được đối với chúng sinh.

Đức Đạt-lai Lạt-ma, người được tôn sùng như là hóa thân của Bồ-tát Quán-thế-âm theo truyền thống Tây-tạng, nói rằng khi thực tập trải rộng lòng từ bi, trước hết hành giả phải thực tập với những người “dễ thương,” như cha mẹ, con cái, anh chị em, bạn bè thân, các thiện tri thức, người hàng xóm tốt bụng... rồi sau đó, mới tiến đến giai đoạn thực tập gay go hơn, đó là thương yêu một đối tượng nào mà trong cuộc sống thực tế, là một kẻ “đáng ghét” của mình, của mọi người.

Không thương được đứa con hư thì không phải là cha mẹ; cũng vậy, không thương yêu được kẻ xấu ác thì không thể gọi là Bồ-tát.

Hơn ba mươi năm trước, khi còn bé xíu, tôi nghe được một câu chuyện ảm đạm sâu sắc trong một buổi thuyết pháp của một vị giảng sư. Rất tiếc vị giảng

sư này không nói là câu chuyện trích dẫn từ kinh sách nào, hoặc có nói nhưng tôi không nhớ.

Chuyện kể rằng, ở làng nọ có một con rắn độc to lớn, thường cắn người hại vật, ai gặp cũng hãi sợ né tránh. Một hôm có nhà sư đi ngang, rắn định tấn công nhưng thấy ông bình tĩnh không kinh khiếp mà còn tỏ ra một thứ tình thương không bến bờ đối với nó, rắn qui phục xin được giáo hóa để chuyển kiếp. Nhà sư dạy rắn về lòng từ bi và nhẫn nhục, không tổn hại đến mạng sống kẻ khác. Dạy rồi, nhà sư tiếp tục lên đường du hóa. Rắn ở lại theo lời thầy dạy, không cắn người, không ăn thịt loài thú khác, chỉ ăn rau cỏ. Bọn trẻ chăn trâu trong làng ban đầu gặp rắn cũng sợ hãi bỏ chạy, nhưng sau nhiều lần, thấy rắn có vẻ hiền lành và không có ý cắn, chúng hết sợ; không những vậy, còn quay trở lại ném đá, đánh đập rắn đến độ thương tích đầy mình. Rắn nhớ lời nhà sư, không tỏ bất cứ thái độ hằn học, dữ dằn nào, chỉ nhẫn nhục chịu đựng những trận đòn của lũ trẻ. Một ngày, nhà sư lại có dịp đi qua làng, thấy rắn nằm bất động bên đường với thương tích đầy mình, nhà sư hỏi: “Con sao lại ra nông nổi này?” Rắn than khóc: “Thưa thầy, chính vì lòng từ bi nhẫn nhục mà con phải chịu sự tấn công hành hạ của kẻ khác như thế này. Con không muốn tổn hại bất cứ ai nên lại bị mọi người hiếp đáp.” Nhà sư nói: “Con lầm rồi. Từ bi nhẫn nhục không có nghĩa là thụ động như đất đá để hứng chịu sự tấn công của kẻ khác. Với nhẫn nhục, con có thể chịu đựng mọi bất hạnh và bất trắc trong đời mà không khởi niệm oán hận; với từ bi, con luôn thương yêu và không làm tổn thương đến kẻ khác. Nhưng con có thể tỏ một thái độ nào đó để tự vệ, để kẻ khác biết rằng con có khả năng và bản lĩnh để giết họ nhưng vì lòng từ bi, con không làm. Tuy thế, con cũng không nhất thiết phải để họ hại con đến mức phải tuyệt mạng.” Nghe lời nhà sư, sau này mỗi lần bị lũ trẻ xúm lại bức hại, rắn phùng mang, trợn mắt, nhe răng khiến cho chúng hãi sợ mà tránh xa. Từ đó, rắn được yên thân, giữ được mạng để tu hành.

Đó là câu chuyện nghe được từ hơn ba mươi năm trước. Cách đây mười năm, tôi cũng đã kể lại câu chuyện này trong một tác phẩm truyện dài. Sở dĩ nhắc đến ba mươi năm và mười năm, là muốn nói dù thời gian thế nào, đối với tôi, ý nghĩa và phương thức thực hiện lòng từ bi cũng không thay đổi.

Khi cần thiết, người con Phật có thể cất lên một tiếng nói của lẽ phải. Tiếng nói ấy phát xuất từ lòng từ bi, không phải bởi niệm sân hận. Vì lòng từ bi mà lên tiếng bênh vực những kẻ không phương tự vệ. Vì lòng từ bi mà lên tiếng khuyên hóa kẻ ác, điều chỉnh những sai lầm của họ. Tất cả đều vì lòng từ bi muốn làm lợi ích cho tha nhân. Giống như cha mẹ dạy con khi hư: thương

mà dạy. Không đánh đòn, la trách, kết tội bất hiếu chỉ vì con không làm theo ý mình. Kẻ ác đối với người con Phật giống như lũ trẻ vui thích đánh đập rắn. Nếu không làm bạn để tìm cơ hội cảm hóa lũ trẻ, rắn cần lánh đi để không bị hại; nếu không lánh được, có thể nhe răng, trợn mắt để tự vệ. Nhưng rượt đuổi lũ trẻ đến tận cùng làng xóm thì đã đi quá mức cần thiết rồi; không còn là một biểu hiện để tự vệ hay bảo vệ kẻ khác, mà chỉ là sự manh động khởi xuất từ lòng sân hận, hiểm ác, tâm lý báo thù.

Cậu bé thật kháu khỉnh. Tôi biết và làm quen với cậu khi cậu mới mười tháng tuổi, còn đi chập chững. Đến lúc ba cậu mang đến gửi tôi giữ hộ để đi làm xa, cậu đã được mười bốn tháng. Ban đầu tôi cũng ngại, vì chưa có kinh nghiệm làm cha, làm sao biết chăm sóc. Nhưng chỉ một vài ngày thì đã quen. Một vài ngày đầu, có khi cũng sinh bực bội, khó chịu, đến nỗi tôi phải bật lên tiếng than với vài người bạn. Sau một tuần, sự quẫn quýt, nũng nịu, cũng như tiếng khóc của cậu bé đã hoàn toàn chiếm ngự tôi, chuyển hóa tôi, làm bừng tỏa trong tôi tất cả tình thương của một người cha. Tắm rửa, thay tã, pha sữa, hâm sữa, cho bú, mớm ăn, bông ẵm, đùa giỡn, dắt đi chơi, ru ngủ... tất cả những gì tôi làm, ngày cũng như đêm, đều tràn ngập lòng thương. Khi cậu bé làm điều hư, tôi học theo cách giáo dục của người tây phương, chỉ dùng ngón tay trở khế nhẹ trên bàn tay của cậu bé, vừa khế vừa dạy, dù cậu bé chưa biết nói. Nhưng cũng có khi rất bực bội vì cậu bé không chịu nghe, cứ thường vịn lò bếp, tôi có ý muốn xử phạt nặng hơn thay vì dùng ngón trở gõ nhẹ trên bàn tay làm sai. Tôi nói, giọng có pha chút giận, “con à, tại sao cứ vịn lò bếp hoài vậy! Đưa tay đây.” Cậu bé ngơ ngác đưa bàn tay mồm mồm ra cho tôi. Chỉ mới tưởng tượng là sẽ dùng chiếc đũa khế trên bàn tay ấy thôi, thì nước mắt tôi đã chực rơi rồi, không thể đánh phạt được, dù là đánh phạt với lòng thương dạy con. Tôi biết ba mẹ thương tôi biết dường nào.

Sau hai tháng, tôi đưa cha con cậu bé ra phi trường. Cậu bé có vẻ linh cảm được sự chia xa. Suốt những giờ còn lại, cậu buồn, không cười. Trước khi chia tay ở phi trường, tôi hôn lên trán cậu; cậu cũng hôn lại trên má tôi. Tôi ứa lệ và thấy đau thắt trong lòng. Tôi biết ba mẹ tôi cũng đã từng nhớ thương tôi biết bao khi tôi xa gia đình, xa biên biệt phương trời từ những ngày thơ ấu.

Cảm ơn ba mẹ đã là những vị bồ-tát đầu đời của con. Lòng từ bi của ba mẹ đã dạy con rất nhiều và đã hướng dẫn con điều gì nên làm, điều gì không nên

làm. Khi làm cha, dù chỉ là cha nuôi, con mới thực sự cảm nhận được thế nào là sự bao la, không bến bờ của tình thương ba mẹ; và cảm nhận được thế nào là lòng từ bi của những vị bồ-tát. Lòng từ bi ấy tỏa đến đâu, mang lại sự trong mát, dễ chịu đến đó.

Con biết ba mẹ thương con, không đòi hỏi bất kỳ sự báo đáp nào, và cũng chưa hề một lần trách con bất hiếu. Nhưng ở phương xa, con vẫn muốn làm một điều gì đó để báo đền. Có lẽ chỉ cần một điều đơn giản thôi, giữ được lòng từ của mình đối với kẻ khác, như là ba mẹ đã thương yêu con suốt đời vậy.

California, 15 tháng 8, 2007.

---o0o---

Những Ván Cờ

Viết tặng Tâm Quang (em "song sinh" của tôi)

Đánh cờ tướng là một trò tiêu khiển thú vị lắm. Dàn binh bố trận, đưa quân mình sang xâm lấn nước người, đánh cho tan tác đội ngũ của đối phương, đánh cho tướng địch phải chấp tay đầu hàng. Vừa công vừa thủ, tiền quân hậu quân phối hợp chặt chẽ, chặn đánh quân thù trên từng tấc đất. Lúc thì xe pháo công thành, khi thì tốt ngựa bắt tướng; lúc thì thương tiếc quân sĩ, bảo vệ cả con tốt mọn, khi thì thí mạng bỏ cả xe tượng để giữ lấy chủ soái tối cao. Chẳng lúc nào là không thú vị.

Nhưng thú nhất là khi thắng. Vì thắng thì có thể vỗ đùi đánh đét một cái để tự ban thưởng sách lược chinh đông chinh tây tài ba của mình. Ngoài ra, còn là để mục kích cái đau khổ của kẻ đại bại. Còn thua ư? Ồ, quê lắm. Hai khước miệng tự nhiên chảy xệ xuống, không sao nhích lên nổi. Nhưng cũng phải ráng cười, vì không cười thì có vẻ như muốn mặc nhiên thừa nhận mình dở mà cũng là tự công nhận cái tài giỏi của thằng khi đối phương đáng ghét đang cười hí hửng ngay trước mặt. Nếu không cười gượng được thì cũng nói đôi lời vớt vát, chẳng hạn "tại tui sơ hở để chết mất con xe" hoặc, "tại tao lo tấn công quá nên quên thủ con tướng". Cười không nổi, nói không được, im

lặng cũng chẳng xong thì chỉ có nước xách bàn cờ mà đập cho đối phương một trận. Anh rượt em, cha đuổi con có khi cũng chỉ vì thua một ván cờ (làm như thể đánh cờ với anh với cha thì phải làm bộ thua hoài vậy!). Sự thắng bại trong một bàn cờ có thể làm thay đổi nhiều thứ.

Tôi không phải là kẻ đánh cờ tướng chuyên nghiệp. Tôi chưa hề bỏ công để học cờ thế. Tôi biết đánh cờ, vậy thôi. Nhưng, có thể nói là do đánh cờ nhiều năm mà tôi có chút kinh nghiệm trong thế công cũng như thế thối để bày được những ván cờ không mấy tệ. Đánh với kẻ cao tay thì dù thắng hay bại tôi cũng học được những nước hay; còn đánh với kẻ thấp cờ, tôi có được cơ hội để thí nghiệm những nước cờ táo bạo mà tôi chưa dám áp dụng với kẻ ngang cơ hay trên cơ mình. Nhưng trong suốt mười mấy năm, kể từ khi bắt đầu tập đánh cờ — lúc mười tuổi — chỉ có hai lần đấu cờ làm tôi nhớ đời. Hai lần đó đều là những bài học ý nghĩa và thú vị cho tôi. Những bài học này không nằm trong thế cờ mà nằm ở cái tâm. Đúng, cái tâm của người đánh cờ.

Lần thứ nhất xảy ra vào năm tôi hai mươi hai tuổi. Đối thủ của tôi — phải sòng phẳng mà gọi như vậy — là một vị Thượng tọa lãnh đạo giáo hội Phật giáo có tiếng tăm. Trong khi chờ đợi thầy tôi (đi vắng chưa về), ông bảo tôi bày cờ ra. Nghe danh ông, tôi đã thấy *khó* rồi, nói chi dùng trí mà đấu với ông, dù chỉ là qua những quân cờ. Nhưng đánh thì cứ phải đánh. Trận địa, nếu không bày thì thôi, bày thì phải đánh và đánh thì phải đánh để thắng, không thể nương tay. Vài nước dạo dẫm, tôi lấy được tự tin rồi tấn công tới tấp. Quân tôi ồ ạt sang sông, bắt con tốt, chụp con xe, phá đại pháo, không chừa một mạng. Thành không cung trống, quân tôi ba mặt vây kín, bắt bí tướng già trong tướng phủ. Ông cười vang, khen rằng: "Khá lắm, khá lắm!" rồi bày ván khác. Tôi tự hỏi: "Sao lại có thể dễ dàng như vậy? Nghe nói ông là một trong các vua cờ mà... hay là ông thả mình ván đầu?" Nghĩ vậy, tôi dè

dặt và bắt đầu lưu ý cách đánh của ông. Nước cờ của ông thật là kỳ quái. Mỗi con cờ mang cả sức mạnh của sự im lặng chịu đựng, con trước con sau hòa hợp nhịp nhàng trong một khối đồng nhất nhưng lại đa dạng, biến hóa. Ông dụng cờ trong thế thủ, nhưng thế thủ đó lại chính là thế công, chặt chẽ, kỳ bí, lúc ẩn lúc hiện, khi tấn khi thoái, không nước nào mà không chứa đựng tiềm lực của sự chinh phục, cảm hóa. Thế đi của ông như nước chảy, như mây trôi, trong khi lối đánh của tôi như lửa chụp, như núi đổ. Chận bắt, phủ đầu, tôi đuổi theo ông như cọp vồ rồng. Ông ung dung tự tại đưa đi những quân cờ khoáng đạt, bao dung; tôi hùng hổ, háo thắng đẩy tới những tinh binh hung tợn. Và cuối cùng, tôi lại thắng; thắng một cách không ngờ; thắng trong sự ngỡ ngàng, kinh dị. Tôi muốn nhìn lại thế cờ tàn trước mặt nhưng ông đưa tay xóa đi và nói: "Khá lắm, con lại thắng thầy rồi!" Nhưng, không thấy có dấu hiệu gì trên nét mặt ông cho thấy ông bị thua hai ván. Mắt ông sáng lên và ông buông một tràng cười sáng khoái y như khi người ta vừa làm được một điều gì đặc ý trên đời. Tôi lui về phòng riêng mà thất thần, giao động. Không, tôi không thắng gì cả. Tôi như một đấu thủ quyền anh đấm vào hư không những cú đấm thôi sơn cực mạnh; và những cú đấm không có đối tượng đón nhận đó chỉ làm cho kẻ đấm thêm mệt nhọc, khó thở mà thôi. Không thể đón bắt được hư không; không thể thắng được sự tịch lặng bằng những âm thanh thịnh nộ; không thể chinh phục được cái không bao la bằng cái có nhỏ mọn. Và, không thể thắng được một cái tâm rộng, sáng.

Tôi hầu như bỏ cờ tướng từ lúc đó. Nhưng bốn năm sau, ở trong tù, thời giờ rộng rãi, tôi bắt đầu đánh cờ lại cho khuây khỏa. Trong phòng giam hơn sáu mươi người, tôi không gặp tay cờ nào ngang sức. Tôi chịu khó đánh cờ với cả những người mới tập chơi và đôi khi tôi thua họ mà lòng tôi vẫn hững hờ như không. Một năm sau, tôi mới gặp được đối thủ của tôi. Và đây chính là lần đầu cờ thứ hai mà tôi nhớ mãi trong đời.

Ông ta ở vào tuổi bốn tám hay bốn chín (có người đoán là trên năm mươi), nhưng trông mặt thì còn trẻ lắm. Ông bị giam ở phòng 6, bị các bạn cùng phòng trù mền đánh cho một trận vì tội làm ăng-ten, tức là tội làm công việc báo cáo mọi sinh hoạt của phòng giam cho cán bộ trại. Lá bài ăng-ten bị lộ ở phòng 6, ông được cán bộ chuyển qua phòng 7 chúng tôi. Sự liên lạc qua lại giữa phòng 6 và phòng 7 rất dễ dàng, vì vậy, phòng chúng tôi nhận ra nhanh chóng tín hiệu của một cây ăng-ten mới. Ông được đón chào và tiếp xử một cách không mấy thân thiện cũng vì lẽ đó. Tuy nhiên, ông cũng tỏ ra là kẻ khoe khoang, khoác lác ngay từ những ngày đầu mới nhập phòng nên được đặt cho biệt danh là ông Bô (cái miệng nói bô bô) chứ tên thật của ông là Dự. Ngoài biệt danh Bô, hai yếu tố khác làm nổi bật cá tính của ông là: thứ nhất, sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, chức vụ thiếu tá, binh chủng không rõ ràng (lúc thì Thủy quân lục chiến, lúc thì Pháo binh, lúc thì Bộ binh, chẳng biết đâu mà mò); thứ hai, vô địch cờ tướng của trại giam B5, Biên Hòa. Ông có là vô địch cờ tướng của trại giam hay không thì phòng 7 này cũng chưa xác định được vì ông mới vào đây lần đầu; còn ông có là sĩ quan thứ thiệt hay không thì chỉ có cán bộ trại giam mới rõ mà thôi. Tôi thì nhận thấy mấy anh sĩ quan Cộng Hòa thực sự thì ít khi nào đi rao với bạn đồng phòng rằng mình là sĩ quan cả, trừ khi gặp kẻ tâm đầu ý hợp. Cho nên chuyện ông là sĩ quan này nọ, xuất thân từ đâu, chẳng làm tôi quan tâm lắm. Nhưng chính cái đại danh "vô địch cờ tướng của trại B5" đã cho tôi chút hứng thú để lưu ý tới ông ta. Một cái gì đó ngủ yên trong tôi bị đánh thức dậy.

Trong vòng mấy ngày đầu tiên vào phòng, ông Dự đã dò hỏi ngay những ai là người cao cờ nhất phòng. Người ta nói chỉ có vài cao thủ thôi, trong đó có tôi. Ông đã tìm được đủ cơ hội để ra chiêu dẫn dắt mặt những cao thủ đó và cũng đã chứng tỏ cái chức vô địch cờ tướng của ông không phải là ngoa cho

lắm. Nhưng ông và tôi vẫn chưa có dịp đấu cờ với nhau. Trong khi tôi đang đánh cờ với người khác, thỉnh thoảng ông đến gần, im lặng quan sát. Tôi chỉ ngang cờ với những kẻ thấp nhất mà ông chấp cả xe pháo ngựa — có lẽ đó là nhận xét của ông khiến ông chưa có ý rủ tôi đấu cờ. Những tay cao cờ ít khi chịu hạ mình hay tổn thì giờ để đánh với kẻ mới tập chơi vì làm như vậy sẽ hư nước cờ. Tuy vậy, những người trong phòng vẫn cứ thừa nhận tôi là một cao thủ. Điều này khiến cho nhà vô địch hiếu kỳ, háo hức muốn đọ trận với tôi. Tôi bắt được cái nôn nả, bồn chồn của ông trong nhiều ngày. Ông nghĩ là tôi sẽ như những tay chơi cờ khác: ước mong được tiếp cờ với một vô địch (để học hỏi thêm hoặc nếu may mắn, biết đâu lại đoạt giải vô địch), nên ông chịu khó chờ tôi. Nhưng phần tôi, tôi biết sẽ có lúc ông tự mở lời thách đấu với tôi. Và tôi cứ chờ đợi ông.

Cơ hội đó đến vào dịp Tết. Ông Dự đứng ngoài gà — mách nước — cho một đối thủ của tôi (đây là cách để dọn nước cờ của tôi mà chẳng thiệt thòi gì cho ông nếu lỡ thua). Tôi đánh thắng và ngay lúc đó, tôi muốn ông cắn câu, tôi đùa với đối thủ của mình, làm như không biết có ông đứng bên cạnh:

"Thấy chưa, nước đó thắng là thắng, dù có Đế Thiên Đế Thích xuống cũng gỡ không nổi nói chi người phàm!"

Nghe vậy ông chen vào, đẩy đối thủ của tôi sang bên, nói với giọng ra vẻ tự nhiên:

"Mày dở quá, để tao đánh thử với ông thầy này coi."

Rồi ông tự động sắp cờ, mắt chẳng nhìn tôi:

"Thử vài ván đầu năm nhé ông thầy?"

Tôi chỉ cười và sắp cờ. Ông tự ý bỏ một pháo một ngựa của ông ra ngoài, chấp tôi. Một sự khinh địch thái quá. Tôi nén bất bình. Tôi biết nếu tôi đánh cờ với một cái tâm đầy tự ái và tức giận, tôi sẽ không thắng được ai, tôi nói:

"Tôi nghĩ là chú chấp tôi thêm con xe nữa mới ngang cờ đó."

"Con xe nữa? Giỡn hoài, ông thầy cũng thuộc loại khá, tôi đâu dám bỏ xe. Hay là để thử vài ván rồi hãy tính, nhé!"

Trong phòng, người ta thấy ông đấu cờ với tôi liền tụ lại, xầm xì:

"Cao thủ gặp nhau rồi."

Nhiều người còn quảng cáo to hơn:

"Đèn coi, đèn coi! Kỳ phùng địch thủ. Tranh giải vô địch cờ tướng trại B5."

Nhờ trông pháo ngựa mà xe ông tiến nhanh, tấn công chớp nhoáng. Biết ông sở trường nơi cặp xe, tôi tập trung hai pháo hai ngựa của mình để hạ hai con xe của ông. Ông thua ván đầu, mất cả bình tĩnh. Ván kế tiếp ông cũng thua nốt, nóng nảy nói:

"Thôi đánh đồng đi, không chấp nữa!". Rồi ông lượm con pháo con ngựa ở ngoài vào. Hai ván kế tiếp đánh đồng mà ông vẫn cứ thua. Cả phòng giam la hét cổ võ tôi:

"Ông thầy hạ vô địch cờ tướng rồi!"

Ông tiếp tục sắp ván cờ khác nhưng đã đến giờ phát cơm, phải nghỉ. Ông miễn cưỡng rời bàn cờ để đi lãnh cơm. Bung cơm đến chỗ tôi, vừa ăn ông vừa nói:

"Bữa nay tôi không được khỏe lắm. Hơn nữa tại tôi dễ người, khinh địch nên thua. Chốc nữa ta lại bày ván khác nhé?"

"Đánh thì đánh. Minh rảnh rồi mà, đánh cho đỡ buồn."

Tôi cười đáp ngay, không suy nghĩ, không từ chối. Ông đánh cờ rất hay, đánh với ông hào hứng lắm. Kể từ nhiều năm rồi, tôi ít khi nào thấy cao hứng với cờ tướng như khi được đánh với ông.

Thấy tôi đồng ý rồi, ông quay đi chỗ khác. Chờ ông đi rồi các bạn tù quanh tôi mới nói:

"Ông thầy đánh thẳng tay nghe, cho ông biết mặt. Vô địch, hừ, kỳ này cho chừa cái tật nói trắng nói dỏc."

"Phải cho hắn biết thế nào là phòng 7!"

"Ông thầy mà hạ được hắn dài dài thì phòng 7 mình đoạt chức vô địch B5 đó."

"Hạ rồi, hồi nãy hạ xính vính rồi!"

Tôi im lặng quan sát chính nỗi lòng mình. Cái háo thắng của tôi chưa chết. Cái tôi nhỏ mọn này đang có vẻ đặc ý với những thắng lợi tầm thường. Danh dự của tôi, danh dự của phòng 7, đó là cái gì nhỉ? Nhưng, trong ván cờ, không ai mong đợi sự bại trận. Đấu là để phân định sự cao thấp, thắng bại. Người ta chỉ có thể vui lòng thua trong một trận đấu mà chính mình cho phép và trường hợp này chỉ có thể xảy ra khi họ thương hay nhường nhịn đối thủ, hoặc coi đối thủ như một kẻ tầm thường không đáng để so tài. Nhưng đối với một đối thủ cao cơ, tự đại, sự cho phép đó có vẻ như bất khả. Tôi phải thắng, đó là ý muốn tự nhiên. Thắng được một kẻ vô địch khoác lác lúc nào cũng tự xưng mình bách chiến bách thắng là điều nên làm. Tôi hầu như quên mất mình là một tu sĩ.

Bàn cờ lại được bày ra. Sáu mươi mấy người trong phòng giam đều ủng hộ tôi, xúm xít quanh bàn cờ hoặc tụm năm tụm ba bàn tán, chờ đợi kết quả. Mọi sinh hoạt khác trong phòng giam đều trở nên thứ yếu. Tất cả đều như tập trung vào cuộc đọ sức ly kỳ trên bàn cờ. Ông Dụ trở thành một chiến sĩ cô đơn, nhưng tôi có thể đọc thấy sự quyết tâm của ông hiện rõ trên nét mặt. Phải công nhận là nước cờ của ông thật lão luyện. Không nước nào thừa, không nước nào làm lỡ. Quân ông tiến nhanh như vũ bão giành thế chủ động. Quân cờ ông vùng vẫy ngang dọc như những hổ tướng tàn bạo, chém giết chẳng nương tay. Ông vây chặt cung cấm của tôi với sự phối hợp tinh diệu của các cánh quân lạnh lùng, vô cảm. Và tôi nhìn rõ, thật rõ, vẻ sắt máu

dữ tợn trên những quân cờ màu đỏ của ông. Ông là một tay tinh tường về cờ thế. Vừa đánh ông vừa hô to tên những thế cờ y như người ta hô khẩu lệnh để điều binh ngoài trận địa. Điều này sẽ bất lợi cho ông nếu tôi cũng sành về cờ thế và binh pháp. Nhưng ông biết rõ tôi chẳng am tường gì về nó cả nên ông dùng nó để áp đảo tinh thần tôi, vừa để chứng tỏ ông đánh có bài bản, có kỹ thuật chứ không đánh một cách tài tử, lơ mơ như tôi. Tôi chẳng biết là tôi đã bày những thế trận gì. Có lẽ trong sách cờ thế không có tên gọi cho các nước cờ của tôi. Tùy theo thế công của ông mà tôi thủ, tùy theo chỗ hở của ông mà tôi phản công. Tôi đánh trong thế bị động, ứng biến. Cờ ông cao thì tôi cao theo, cờ ông thấp thì tôi thấp theo. Vì thế, cả ông lẫn tôi đều không ngờ là đôi lúc tôi lại có những nước cờ kỳ quặc, lạ lùng nhưng uyển chuyển và không kém phần bí hiểm. Tôi chợt nhận ra rằng trước đây vị Thượng tọa kia đã từng đem cách đánh vô chiêu thức này để đánh với tôi. Sự khám phá đó làm tôi thích thú, hứng khởi. Nhưng chính cái hứng khởi này đã lấn áp ý niệm hơn thua trong tôi. Tôi rơi vào trạng thái mặc tình, tha hồ (*nhậm vận* — một thuật ngữ của Thiền học), bỏ mặc tất cả với một cõi lòng thênh thang, sáng khoái. Tôi thấy trước mắt mình, chính cái bàn cờ với những ô vuông ngăn chia hai cõi hai nước, một cánh đồng bát ngát mở ra dưới vòm trời cao xanh phẳng phất những sợi mây trắng mỏng. Qua những cành lá xanh um của hai hàng cây chen bóng nghiêng ngả bên bờ sông tĩnh lặng, gió từ đâu kéo đến, đưa lên mùi hương ngai ngái êm nhẹ của ngàn hoa nội cỏ. Tôi thua ván cờ đó. Cả phòng la ó, có ý trách tôi chệnh mảng. Họ nói, lý ra tôi phải thắng; từ thế thắng tôi đã rơi vào chỗ bại một cách vô lý. Ván thứ hai cũng vậy, sắp thắng tôi lại thua. Ông Dự có vẻ đắc ý lắm nhưng vẫn chưa thỏa dạ. Ông hăm hở sắp ván khác rủ tôi đánh tiếp. Tôi từ chối. Anh trưởng phòng 7 kéo tôi lại một góc phòng, nói hành nói hệ:

"Ông thầy thả hấn ta hả? Sao sắp thắng rồi lại thua? Ông thương hại hấn ta phải không? Làm ơn làm phước đánh đàng hoàng giùm tôi đi. Ông phải nhớ rằng danh dự phòng 7 đặt vào tay ông đó. Đánh lại đi."

Nhiều người khác cũng xúm lại, thúc đẩy tôi. Ai cũng nhắc đến danh dự của phòng 7. Tôi trở lại bàn cờ. Ông Dữ vẫn còn ngồi đó như muốn tận hưởng niềm vui chiến thắng. Thấy tôi trở lại, ông hiểu ý ngay và sốt sắng sắp bàn cờ khác. Tôi im lặng ngồi xuống, cầm cờ. Lần này, tôi xua quân ào ạt, mũi tiến quân nhọn hoắt như dao găm, chọc thủng mọi thành trì, phá tan quân cấm vệ, xông vào bắt tướng. Một ván, hai ván, ba ván, rồi bốn ván, tôi đều thắng. Thắng vẻ vang. Thắng vì danh dự của phòng 7. Cả phòng reo hò tán thưởng, ca khúc khải hoàn. Ông Dữ méo mặt đau khổ, rút về góc phòng. Tôi cũng im lặng rút về một góc. Tự nhiên thấy buồn.

Người ta thường nhân danh tập thể này để áp đảo, đánh bại tập thể khác. Nhưng thực ra, tập thể chỉ là một danh từ rỗng tuếch; nó chỉ là sự gá hợp gượng gạo của nhiều cái bản ngã nhỏ nhen. Những bản ngã nhỏ nhen này vì không chịu giam mình trong cái vỏ hạn hẹp, đã tự đồng hóa mình vào cái tập thể lớn hơn để thỏa mãn nhu cầu vùng vẫy chiếm hữu của chúng. Danh dự của một tập thể chỉ là danh dự của cá nhân phóng đại ra chứ không gì khác. Cho nên, khi chiến thắng hay thất bại, tập thể vẫn cứ là tập thể, chỉ có từng cá nhân riêng lẻ kia mới thọ nhận được hạnh phúc hay đau khổ mà thôi. Nỗi khát khao hay ước vọng của tôi nhân danh một tập thể vẫn cứ là khao khát hay ước vọng của tôi: một sự vươn dậy của bản ngã.

Tôi đến chỗ ông Dữ, định nói đôi lời gì đó để an ủi ông. Nhưng khi đến rồi, tôi chẳng biết phải mở lời thế nào để ông khỏi hiểu lầm là tôi chọc tức, hoặc sự việc tôi đến chỉ là muốn được xác nhận thêm rằng tôi đã thắng từ chính miệng ông ta. Quả nhiên ông ấy nghĩ vậy. Ông không thềm ngó tôi. Tôi hỏi hặn là đã bước đến chỗ ông dù là với thiện ý. Ông vẫn chưa chịu thua. Ông

không tin rằng lối đánh cờ rùng rú của tôi lại có thể thắng được kỹ thuật tinh vi trường lớp của ông. Ông nói:

"Chưa đâu ông thầy ạ. Ông tưởng rằng qua mấy ván cờ đó ông có thể được coi là thắng tôi sao? Chỉ tại tôi chưa quen cái lối đánh lung tung không có chủ đích, không hợp binh pháp của ông mà thôi. Đánh cờ nhiều năm hẳn ông phải biết rằng khi người ta đã quen thuộc nước cờ của nhau rồi thì sự thế sẽ diễn ra trong một kết cuộc khác hơn chứ, phải không? Hơn nữa, sau lưng ông có mấy chục người ủng hộ, cổ võ, áp đảo tinh thần tôi."

"Dạ đúng, tôi đến đây để nói với chú cái ý đó. Rằng..."

"Không, không phải vậy. Ông đến đây để được nghe những lời ca ngợi của tôi đấy thôi."

"Chú Dụ à, chú hiểu lầm rồi."

"Ông đừng nói nữa. Tôi nói ông nghe này, có ngon thì tối nay đánh ba ván nữa. Đánh độ đànng hoàng."

"Đánh độ? Nghĩa là sao?"

"Là đánh cá đó! Ai thua thì nộp cho người thắng một gói thuốc Samit và thua rồi thì coi như thua suốt đời, không cần phải đấu với nhau nữa. Sao, dám không?"

"Đâu có cần thiết phải làm như vậy, thưa chú. Chú biết mà, tu sĩ chúng tôi chơi cờ đã là quá trốn rồi, đâu nghĩ đến chuyện chơi bạc nữa!"

"Thấy chưa, ông sợ rồi. Điều đó cho thấy chuyện ông thắng tôi có vẻ như là may mắn, ngáp phải ruồi, chứ có hay ho gì!"

"Đúng, chớ ngáp phải ruồi. Nếu chú cho rằng đánh cờ không phải để giải trí và chỉ có đánh độ mới phân được cao thấp thì tôi xin chịu thua vậy."

Tôi nói với giọng bình tĩnh, pha một chút khinh bạc trong đó, rồi quay về. Nhưng, ngòi vào chỗ của mình rồi, tôi mới nghe máu nóng chạy trong

người. Một cái gì đó bị tổn thương. Tôi tự nhủ: "Tầm phào! Chuyện có đáng gì để phải tự ái, bận tâm. Đâu có cần phải tranh đua với những tâm hồn cờ bạc tầm thường!" Tôi nằm xuống định ngủ, nhưng anh trưởng phòng lại trở tới, to nhỏ với tôi:

"Này, ông làm sao mà để ông Bô nói xéo tùm lum vậy?"

"Kệ ông ấy, để ý làm gì."

"Ông nói gì mà chó ngáp phải ruồi đó. Ông còn nói gì mà vào chùa nghe sãi tụng kinh, còn ra trận thì chỉ nghe tướng chỉ huy thôi."

"Kệ ông, nói gì cũng được mà."

"Sao mà kệ, ông còn nói là sáu mươi người hội đồng một mình ông thì thắng là phải rồi."

"Ừ, là phải rồi."

"Tầm bậy! Ăn thua người cầm cờ chứ người ngoài đâu có tính."

"Tính cũng được, không tính cũng được."

"Không được, ông phải làm cho rõ chuyện này. Ông chưa phục, phải làm cho ông phục. Ông nói ông thách cá độ mà ông thầy sợ không dám phải không?"

"Tôi mà đi chơi cờ bạc với ông ấy à? Cho là ông ấy thắng đi, tôi thua. Vậy là xong."

"Không, ông không thể ngưng chiến. Phải đánh cho tới khi nào đối phương tâm phục mới thôi. Đối phương chưa phục thì cuộc chiến chưa ngã ngũ."

Tôi ngồi bật dậy:

"Hay, nói hay. Tâm phục, tâm phục. Vậy mà tôi không nghĩ ra kìa."

"Ông thầy đồng ý rồi hả? Tôi nói với ông nghe?"

"Khoan, để coi lại đã. Tôi không thích đánh độ."

"Không sao, ông thầy chỉ đánh cờ thôi, còn tôi đánh độ."

"Không độ không được sao?"

"Ông nói không độ ông không đánh."

"Làm như là có độ mới kích thích được tinh thần chiến đấu vậy."

"Chứ sao! Tự cổ chí kim, không cuộc chiến nào bày ra mà không nhắm vào chiến lợi phẩm cả."

"Trừ cuộc chiến của thầy tu," tôi tùm tùm đáp.

"Niết bàn giải thoát không phải là chiến lợi phẩm của ông thầy sao?" anh trưởng phòng không chịu thua.

"Anh nói khéo lắm. Thôi được, tôi nhận lời."

Anh trưởng phòng hí hửng đi trao chiến thư và sắp đặt giờ quyết đấu. Giao ước được trọng tài đưa ra là im lặng đấu cờ; người ngoài không được mách nước hay hò reo cổ vũ cho bất cứ bên nào; cầm quân cờ nào thì đi quân cờ đó, không được đổi quân cờ khác; nước cờ đã đi rồi không được đổi nước cờ khác; thời gian tối đa để suy nghĩ cho mỗi nước cờ là mười phút; ba ván cờ sẽ phân thắng bại; thắng hai ván liên tiếp coi như đã thắng, không phải đánh ván thứ ba; thắng bại đã phân thì không viện lý do gì để thách đấu ván khác nữa.

Bao cặp mắt chú mục ngó vào bàn cờ. Không khí trong phòng giam im lặng một cách đáng sợ. Tôi không ngờ cái im lặng này lại kích thích nổi háo thắng và quyết tâm chinh phục của mình hơn là những hò reo ầm ĩ.

Tôi chọn quân cờ màu xanh như mọi khi để tỏ ra tôi xem ông Dự là kẻ cao hơn mình (vì quân cờ xanh được quyền đi trước ngay ván đầu, thường dành cho những kẻ thấp cờ hơn như mọi người thường nghĩ). Ông Dự có vẻ đẹp lòng trước thái độ *lễ phép* của tôi, nhưng không vì vậy mà cái vẻ đàng đàng sát khí của ông giảm đi. Ông tiến quân thần tốc, chặn đông đón tây, nước nào cũng bí hiểm, độc địa. Tôi lại bị rơi vào thế bị động, chỉ biết ứng biến

theo thế công của ông. Nhưng thế cờ tôi như lò xo, ông càng ép mạnh thì nó càng bung xa, phản ứng tùy nghi, biến thủ thành công, biến nguy cơ thành lợi thế, đột kích chớp nhoáng. Tôi thắng ông ngay ván đầu. Trán ông lấm tấm mồ hôi hột. Ông kinh ngạc một lúc mới lấy lại được bình tĩnh để sắp ván cờ khác. Ông nuốt nước bọt một cách khó khăn rồi đi nước cờ đầu. Ván này, ông càng thận trọng hơn, đi những nước thật chắc nhưng e dè và thụ động. Ông thủ kín cung thành của mình khiến cho thế cờ của hai bên có vẻ như đang đình chiến để nghị hòa. Ngay lúc ấy, tôi bỗng thấy rằng không bao giờ, không bao giờ ông có thể thắng tôi được.

Tôi đưa quân mình len lỏi vào thế trận thủ thành của ông, thí cả pháo ngựa để mở đường. Đường trống, quân tôi ồ ạt tấn vào, khép chặt hai mặt công kích như hai cái cày bò cạp; mặt chính diện thì chọc thủng vào với cái đuôi mang đầy nọc độc. Ông Dự kinh hãi, mặt biến sắc. Nhưng tôi bỗng bật cười lên vì thấy rõ chỗ sơ hở của mình. Nếu không có cái cười đó có lẽ ông Dự đã ngỡ rằng ông thua rồi. Nghe tôi cười, ông trấn tĩnh, nhìn kỹ lại cờ một lúc rồi mắt ông sáng lên, vỗ đùi một cái, phản công. Thắng. Ông thắng ván đó. Ông thở phào một cái rồi cười rạng rỡ. Tôi chụp vai ông, tán thưởng:

"Chưa có nước nào hay tuyệt như vậy!"

Ông bàng hoàng, sững sờ trước sự thích ý của tôi. Đôi người ông có vẻ chết đứng trong vài khắc rồi lay động một chút trong nghi ngại.

Một huề. Phải có ván chung kết. Ván này sẽ là ván quyết định. Có vài tiếng xì xầm cho rằng tôi vờ thua để có một ván chung kết hồi hộp, gay cấn. Tôi biết không phải vậy. Tôi không vờ thua ván đó. Tôi chỉ không quyết chí thắng ván đó mà thôi. Trong một ván cờ mà cả hai bên đều không nhích đi được một bước nào thì hẳn nhiên chỉ có kẻ đã thắng được ván trước hoặc tự tin vào sức mình mới dám liều lĩnh để phá nước mở đường mà thôi. Tôi

không đánh liều ván đó thì ván đó có thể kéo dài hai ba tiếng đồng hồ với một không khí rất chán.

Ván chót này ông Dự lại thay đổi thế đánh. Ông đã lấy lại chút tự tin. Hơn nữa, thế diện của ông cũng như sự cá độ — mà tôi nghe nói là rất cao — không cho phép ông đầu hàng. Ông tranh thế chủ động, tả xung hữu đột, tung cả một đội tinh binh hùng hậu tràn sang nước tôi. Nước cờ của ông mang đầy cơ tâm quyết thắng. Nhìn những quân cờ của ông, tôi thấy được cả một đội quân quyết tử, hò hét vang trời với sự hỗ trợ của chiến xa, phản lực cơ và những cỗ pháo khạc lửa. Tôi thấy quân tôi, dân tôi gục xuống, ngã xuống từng mạng một. Tôi thấy nước tôi bị oằn xuống theo sức ép của ác tâm, rồi bị cày lên bởi những tàn phá kinh hồn của bom, của đạn, của lửa hận thù. Nhìn lại thế cờ của mình, tôi thấy chỉ là nước. Nước. Nước của một con sông êm đềm, lững lờ trôi đi, chảy uốn khúc qua các lũy tre xanh, chảy từ đầu làng đến cuối làng, chảy một cách nhu thuận, uyển chuyển và hiền hòa, chảy mãi mà bất biến, bất biến nhưng không dừng chết, không dừng chết mà lại đa hình, đa hình nhưng vẫn là một. Chỉ một thế đó thôi: chảy, chảy. Cờ tôi lẩn bên này, tránh bên kia, khi tiến tới, lúc thối lui, đều là để tự vệ và tự tồn. Không tấn công nhưng không tỏ uơ hèn; không tranh thế nhưng không bỏ thế đứng. Thế của nó là chảy, chảy bất tận.

Vậy mà cờ tôi lại dồn cờ ông vào một thế bí không sao gỡ nổi. Chỉ hai nước cờ nữa thôi là ông phải xếp giáo qui hàng. Và để thắng ván này, tôi chỉ có mỗi một cách đánh để chiến thắng chứ không có cách nào khác hơn. Tôi chỉ cần đi sai nước thứ nhất thì hỏng nước thứ hai; hỏng, không những không thắng được mà còn thảm bại nữa vì cờ ông cũng đang trong thế tranh thắng tôi hậu với tôi. Nước cờ quả là độc đáo và hiểm hóc đến nỗi chỉ có ông và tôi, hai kẻ trong cuộc, mới nhìn thấy được mà thôi. Tôi không vội đi cờ. Tôi cũng không cần nhìn vào bàn cờ nữa. Nước thắng đã quá rõ ràng. Tôi nhìn

ngắm ông. Trong ánh mắt ông, tôi đọc được sự xuôi tay, thất vọng. Hai má ông xệ xuống, đôi môi mấp máy run rẩy để lộ hai hàm răng đánh lập cập vào nhau. Nước da ông tái đi một cách bệnh hoạn. Con hổ hung tợn nay chỉ còn là một con thỏ già hấp hối. Danh dự của ông, một thời oanh liệt vẫy vùng của ông bây giờ tùy thuộc vào nước cờ quyết định của tôi. Tôi nói khẽ, vừa đủ cho ông nghe được:

"Thắng bại đã rõ rồi."

Lời tôi buông ra làm ông xụi người xuống như thể này giờ ông vẫn còn hy vọng là tôi sẽ không đánh đúng được nước cờ thắng. Tôi cầm ca nước uống một hớp thoải mái, xong tôi tăng hắng một tiếng, nói tiếp:

"Chà, khó xử quá há!"

Nghe vậy, mắt ông sáng lên thấy rõ. Ông vẫn còn hy vọng. Cái hy vọng này vừa lú lên thì đã phát triển theo cấp số nhân một cách hồi hải để biến thành nỗi khát khao chiến thắng vừa bị đôn ngã trong ông. Sự hăm hở, ngoan cố của ông bỗng làm nảy sinh trong tôi một chút nực cười và một chút ác ý. Tôi lại quên tôi là một tu sĩ. Trong tôi cũng có cái khát vọng chiến thắng như ông vậy. Trong một trận thư hùng quyết đấu, chỉ có sống hoặc chết, thắng hoặc bại. Cái bản ngã của tôi không muốn bại trận. Và vì nó biết trước nó sẽ thắng, nó bước đến chung cuộc bằng những bước lững thững kiêu bạc. Nó cố ý kéo dài thời gian kết thúc để lắng nghe nỗi bập bùng thống khoái của khát vọng chinh phục đồng thời là để tra tấn, hành hạ kẻ chiến bại hầu thỏa mãn cái ác tâm hiếu chiến của nó. Tôi lấy ngón tay gõ vào con xe xanh của mình — con xe quyết định ván cờ — nói bõn một câu:

"Mày đó nghe, đừng có đi bậy à. Ăn hay thua cũng là mày thôi đó."

Ông Dữ xanh mặt và đàn người ra, rồi lảm bảm nói theo tôi một cách vô vọng:

"Ừ, ăn thua cũng là may thôi."

Cả phòng giam chết lặng, im phắc. Tôi nghe hơi thở đứt đoạn và dồn dập của ông. Tôi từ từ nhắc con xe lên, tỏ cho ông thấy là tôi không chọn con cờ nào khác nữa. Cái hy vọng cuối cùng còn sót lại trong ông là tôi đi sai con xe đó. Chỉ một nấc xe xích thôi là sai bét cả. Tôi bật cười lên ha hả, sáng khoái như khi một mình bước lên đỉnh núi chót vót, khám phá cái đẹp vô cùng của đất trời thơ mộng. Trong khi đó, ông Dự không kìm hãm được sự run bần của mình. Ông ngược mắt nhìn tôi. Đôi mắt lạ lắm: có một chút thù hận và một chút khẩn cầu. Tôi tức khắc nhận biết tôi không thể thắng được ông bằng sự sát phạt sòng phẳng trong trận thế giữa hai cái bản ngã hiếu chiến và đầy khát vọng. Tôi từ từ đặt con xe xuống một cách nghiêm trang, cẩn trọng, như bước chân đầu tiên chạm nhẹ trên nền đá phong rêu của một ngôi đền cổ. Nhưng, đó là nước cờ sai. Ông Dự chớp nhanh đôi mắt một cái, sững người, ngược nhìn lại tôi như muốn hỏi: "Thật vậy sao?" Rồi ông rom rớm nước mắt trong một vẻ kinh ngạc khó tả. Ông không tin nổi rằng tôi có thể chủ định một nước cờ tất bại phi lý như vậy. Ông khiếp hãi và bối rối trong vài giây rồi bất chợt, nổi sung sướng tột độ của ông bùng ra, ông hét lên:

"Thắng rồi, tôi thắng rồi!"

Tôi lặng lẽ trở về góc phòng giam. Qua song sắt, tôi thấy hoàng hôn kéo xuống thật nhanh. Ngày Tết đã qua. Tuổi đời chồng thêm một lớp. Cuộc sống diễn ra trên một bàn cờ. Có kẻ thắng, có kẻ bại, có người hơn, có người thua; nhưng, bất biến hay không mới là điều thiết yếu.

Không. Không phải là một ván cờ, không phải là một bàn cờ phân ly những con người và những dòng đời mâu thuẫn đối nghịch, mà là cuộc sống. Cuộc sống là sự trôi chảy của một dòng sông êm đềm. Đôi khi có gợn sóng vào

những chiều thu quạnh quẽ, nhưng đó cũng vẫn là những cái gì tất yếu về nên bức tranh muôn thuở của cuộc đời.

Ông Dự rón rén bước đến chỗ tôi như một tín đồ tội lỗi muốn xưng tội. Ông nói:

"Thầy đã thắng tôi."

Tôi cười, nói:

"Có ai thắng đâu."

---o0o---

Sinh Tử Sự Đại

Công viên rộng một dặm vuông. Nhiều cây cao bóng mát vươn lên từ những thảm cỏ xanh mượt. Nắng chưa lên mà đã có người đi bộ hoặc chạy bộ lướt qua khu vực có hồ nước. Hồ nước này chiếm một góc công viên; có nhà thủy tạ và nhiều băng ghế đá dọc theo bờ. Nước hồ không luân lưu nên đục ngầu, thích hợp cho đời sống tù hãm thụ động của một bầy lừa thừa vẹt và ngỗng, cá và rùa được nuôi dưỡng bằng ngân sách của công viên thành phố. Có lẽ thỉnh thoảng người ta cũng thay nước mới cho hồ, nhưng thay bằng cách nào và lúc nào thì không làm sao biết được. Chỉ biết là hồ nước hầu như lúc nào cũng đục và khi gió thoảng qua, mùi rong rêu và sinh lầy được đưa lên theo hơi nước. Không khí quanh ven hồ vì vậy có vẻ gì như không khí của đồng nội, mặc dù từ góc công viên, nơi ngã tư đường, với tám cột đèn xanh đỏ, xe cộ vẫn nườm nượp qua lại.

Cuộc sống nơi đây có vẻ ổn định. Mọi thứ đã được chuẩn bị kỹ lưỡng, chu đáo, để có thể đi vào một thứ nề nếp tương đối nào đó mà mọi người có thể an tâm để sống được. Chuẩn bị rất kỹ nhưng vẫn không thể không có những lúc bất trắc xảy ra. Khi hệ thống đèn ngã tư bị hỏng, người ta phải cho đèn đỏ chớp lên từ bốn hướng, xe cộ tắc nghẽn, nối đuôi thành bốn con rồng châu đầu vào nhau. Phải lần lượt thay phiên mà vượt qua ngã tư đường, cũng trong một trật tự nào đó.

---o0o---

Nghĩ Về Sống Chết

Không phải người ta không dự tri về những bất trắc xảy ra trong cuộc đời. Người ta đã chuẩn bị rất kỹ: viết di chúc, mua bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân mạng; lên xe hoặc lên máy bay thì tự động thắt dây an toàn—không thắt cũng được nhắc nhở hoặc ép buộc phải thắt bằng sự nghiêm phạt. Những chuẩn bị như thế đều cho thấy người ta luôn ý thức về một tai nạn, hoặc cái chết, có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Nhưng khi tai nạn chưa xảy ra, nhiều lần, nhiều ngày như thế, ý thức kia lờn đi và nhường chỗ cho vô thức, để rồi, khi thắt dây an toàn, người ta chỉ thắt theo thói quen, và thắt để khỏi bị cảnh sát phạt tiền. Người ta thực sự không muốn nhắc đến cái chết dù rằng trong hành động mỗi ngày đều chuẩn bị cho cái chết.

Cuộc sống như thế có một vẻ mâu thuẫn một cách buồn cười. Chúng ta chuẩn bị rất kỹ cho một bất trắc có thể xảy ra bất cứ lúc nào, xem ra thì giống như nhà đạo ý thức về vô thường; mà kỳ thực, những chuẩn bị này chỉ là để tiếp tục vui sống trong ảo tưởng về một cuộc đời chắc thật, bền vững. Chúng ta chuẩn bị, nhưng chẳng chuẩn bị gì cả. Hăm hở chạy theo những kéo lôi của ngoại cảnh và sự thúc giục của dục vọng bản năng. Thành tựu được tí ti đã mừng rỡ, huênh hoang; mất đi chút xíu đã buồn rầu, áo não. Kỷ niệm ngày sinh thì tưng bừng tiệc tùng, quà bánh, rượu chè, chúc tụng không ngớt—làm như là sự có mặt của mình trong cuộc đời đã thay đổi được thế giới tốt đẹp hơn, hoặc mang lại lợi ích cho muôn loài vậy! Ngày chết thì than khóc sầu bi thống thiết—làm như là sinh ra ở đời để mà bất tử trường sanh vậy! Sinh thì cười, tử thì khóc. Được thì mừng, mất thì khổ. Thắng thì vui, thua thì buồn. Sắc thân, cảm giác, tư tưởng, hành nghiệp và ý thức của chúng ta sao mà tội nghiệp, cứ bấp bênh bập bênh như bèo bọt mây nổi! Vậy mà rồi, sự sinh và sự tử, trong tư tưởng cũng như trong sinh hoạt hàng ngày của chúng ta, trở thành chuyện lớn. Mà chuyện lớn ở đây lại không giống như chuyện lớn của thiền gia. Chúng ta không biết, hoặc giả vờ không hay biết, rằng ngày sinh chẳng qua là ngày đánh dấu một bước gần hơn với ngày tử. Ngày ấy, sau một năm dài, hẳn là thành kiến, tư dục sẽ nhiều hơn năm trước. Những vọng chấp về bản ngã và những thuộc tính của ngã hẳn là dày thêm một lớp. Có chi để mừng vui! Thế rồi, chuyện sinh-tử trong mọi thời đại, mọi xứ sở, luôn là cơ hội cho những thành tựu của thương nghiệp: thiệp chúc, quà tặng, bệnh phí, áo quan và những buổi tiệc vui, buồn...

Một triết gia phương tây từng nói, *“hãy sống như thể ngày mai mình sẽ chết.”* Sống như thế nào mới gọi là sống? Hay là ý thức về cái chết của ngày

mai như thế chỉ khiến chúng ta mất ngủ từng đêm vì không làm được gì xứng đáng ngày hôm nay?

Người Tây Tạng cũng thường chiêm nghiệm trước giấc ngủ, “***ngày mai hay đời sau, chưa biết cái nào sẽ đến trước.***” Thế nhưng, mỗi sớm mai thức dậy, chúng ta tiếp tục một ngày mới với những hăng say miệt mài tom góp, tích lũy, giành giật, tranh thắng, mưu lợi, thù ghét, hờn giận... đâu biết rằng một đêm dài kia có thể là khoảng thời gian bước vào đời sống sau trong mê mờ mộng tưởng.

Đó là nhận thức về vô thường và cái chết. Nhận thức như vậy không phải để buông xuôi, thụ động, hoặc vội vàng thụ hưởng để rồi gieo rắc nhân khổ cho mình và cho người, mà chính là để hướng về cái chân thường, bất diệt, bất sinh. Cái gì có sinh tất có diệt, có tụ tất có tán. Không làm gì có một cái sinh ra mà còn mãi. Cũng không làm gì có một cái mất đi mà vĩnh viễn tiêu tán. Nếu sinh là vô thường thì diệt cũng vô thường. Nếu vui là vô thường thì khổ cũng vô thường. Niềm vui thông thường của chúng ta mà thường hằng thì khi vui sẽ vui mãi; cũng vậy, nỗi khổ mà thường hằng thì khi khổ sẽ khổ suốt không bao giờ dứt. Nhờ vô thường mà có vui có khổ, có sự hết vui và hết khổ. Do đó, cũng nên cảm ơn vô thường, xem vô thường như người bạn thiết trong cuộc đời cũng như trong nẻo đạo.

Nhưng cũng đừng dễ duôi khi gần gũi với người bạn thiết này, vì y có thể mang lại niềm vui đồng thời cũng làm cho ta khổ đau không ít nếu việc sinh-tử không được thấu đạt.

Nhà thiên thường nói “***sinh tử đại sự***” – sinh tử là việc lớn. Không phải là xem trọng cái ngày mình sinh ra hoặc là mừng ngày kỷ niệm tròn tuổi sinh ra, dù là một tuổi, ba mươi tuổi, năm mươi tuổi hay trăm tuổi, với tiệc mừng linh đình, hỉ hả. Cũng không phải lấy làm hệ trọng cái việc tử biệt, bày biện hình thức lễ nghi, chôn cất, xây mồ xây mả uy nghi bề thế. Sinh tử sở dĩ là việc lớn đối với người thế tục là vì nó chi phối hầu hết cuộc sống, bao gồm niềm vui nỗi khổ, thắng trầm, thành bại... từ lúc sinh ra cho đến khi chết; còn đối với nhà đạo thì nó không nằm ở nơi việc sinh hay tử mà chính là “thoát ly sinh tử.” Đại sự của hành giả tu tập là vượt lên sống-chết chứ không gì khác. Cho nên, nói “sinh tử đại sự” là vì từ nơi sống-chết có thể liễu ngộ được tính chất không thực, huyễn hóa của mọi sự mọi vật; nói cách khác, từ nơi tính không mà vượt lên sống-chết, bởi vì bản chất của sống-chết vốn là không.

Đức Phật nói mạng sống nằm trong hơi thở. Nói vậy cho dễ hình dung. Còn nói một cách triết lý là sát-na sinh diệt—vạn hữu sinh diệt trong từng sát-na. Người đời đối với việc sống thì ham, đối với việc chết thì sợ; do đó mà bày tỏ cảm giác mừng-lo với sinh-tử. Nhà đạo nhìn thấy sinh-tử trong từng hơi thở, có gì để mừng vui hay lo lắng!

Cho nên, thật là cảm động là trong xã hội hiện đại, có một bậc thầy, khi sống thì mấy chục năm đặm bạc nơi tịnh thất, chỉ chăm lo việc đào tạo tăng tài và phiên dịch kinh điển; trước khi mất thì di chúc là không cần xây tháp mà dùng tiền xây tháp để tài trợ cho việc trước tác dịch thuật và ấn hành kinh sách. Sinh và tử như thế là sự ra-vào tự tại của một lữ khách trong tam giới.

---o0o---

Nghĩ Về Ngày Tam Hợp

Theo truyền thống Nam tông (Theravada), cuộc đời đức Phật có ba sự kiện hệ trọng được ghi nhận là xảy ra trong cùng ngày rằm tháng tư (Vesākha). Ba sự kiện ấy là đản sinh, thành đạo và nhập niết-bàn. Mỗi năm, khi truyền thống Bắc tông tổ chức kỷ niệm lễ Phật Đản vào ngày rằm tháng tư thì cũng trùng hợp với lễ Tam Hợp của Phật giáo Nam tông. Phật-lịch cũng được căn cứ theo Lễ Tam Hợp mà tính.

Cuối năm 1999, vào ngày 15 tháng 12, Liên Hiệp Quốc ra nghị quyết công nhận Lễ Tam Hợp là ngày lễ quốc tế. Như vậy, về mặt nội dung, dù Liên Hiệp Quốc có công nhận hay không, Phật giáo vẫn là Phật giáo, là tôn giáo của từ bi, giác ngộ, khoan dung và hòa bình từ hơn 2500 năm qua; nhưng về mặt hình thức, Phật giáo chính thức bước vào cộng đồng quốc tế vào thế kỷ 21, tức từ năm 2000 trở đi. Đây là một bước đi khá chậm trễ, nhưng trong một ý nghĩa nào đó, người ta có thể suy diễn rằng trong chiều hướng khủng hoảng, xung đột trầm trọng và có nguy cơ cho thế chiến thứ ba phát sinh từ sự bất khoan dung tôn giáo từ đầu thế kỷ này, sự góp mặt lên tiếng của Phật giáo là điều cần kíp, thích ứng, nhằm khai mở con đường của khoan dung, từ ái thực sự.

Nói theo phương châm “sinh tử đại sự” thì sự việc này cũng chẳng có gì đáng để mừng vui hay tủi nhục đối với hành giả đang hạ thủ công phu, quyết tâm giác ngộ. Nhưng trong tâm thức thông thường của người con Phật khắp nơi, Lễ Tam Hợp của Liên Hiệp Quốc quả là dấu hiệu tốt đẹp cho sứ mệnh hòa bình của Phật giáo, và trên hết, cho sự hoằng truyền của chánh đạo trên cõi đời ô trọc vô minh.

Sinh được như đức Phật, thị hiện nơi đời để soi sáng con đường giải thoát giác ngộ cho sinh linh vạn đại; tử được như đức Phật, an nhiên dưới cội ta-la với những lời giáo huấn tối hậu khai mở con đường siêu xuất thân thang, thì hãy vui mừng, ca tụng tán thán, vì cái sinh cái tử như thế, đều là sự tỏa chiếu rạng ngời của tuệ giác siêu việt mà ngài đã chứng nghiệm dưới cội bồ đề.

Lễ Tam Hợp quốc tế lần đầu tiên được chính thức tổ chức tại trụ sở Liên Hiệp Quốc tại Nữu Ước, Hoa Kỳ năm 2004; ba năm tiếp theo, 2005, 2006 và 2007 đều được tổ chức tại Bangkok, Thái Lan.

Nói một cách biểu trưng, hình thức, Lễ Tam Hợp của Liên Hiệp Quốc tổ chức nơi đâu thì ngọn đuốc giác ngộ của Phật giáo soi chiếu nơi đó. Thái Lan là một nước Phật giáo truyền thống lâu đời, thấp ngọn đuốc giác ngộ nơi đó cũng là chuyện bình thường. Cần nhất là thấp lên ở những nơi u tối, nơi mà ánh sáng giác ngộ chưa hề soi đến, hoặc đã được thấp sáng nhưng bị bao phủ bởi cuồng tín, vô minh.

Vậy thì, thật là vui khi nghe tin chính phủ Pakistan chính thức tổ chức lễ Phật Đản tại quốc gia Hồi giáo này trong tháng 5, năm 2007 vừa qua. Chính phủ này cũng đã tài trợ cho việc phục hồi các thánh tích quan trọng của Phật giáo trên toàn xứ sở; ngoài ra, còn sẽ chủ trì cho Hội nghị thường niên của Phật giáo Quốc tế tổ chức tại Islamabad, thủ đô của Cộng Hòa Hồi Giáo Pakistan vào tháng 10 năm 2007.

Và cũng thật là vui khi nghe tin chính phủ Việt Nam đã đăng cai tổ chức Lễ Tam Hợp của Liên Hiệp Quốc lần thứ 5, vào tháng 5 năm 2008 tại Hà Nội, và đã được đại hội chính thức chuẩn thuận thông qua quyết nghị Bangkok 2007.

Người ta có thể nhăn mặt lên án, chỉ trích, xuyên tạc niềm vui này, cho rằng nó thuần túy quá, hoặc không sáng suốt vì chưa được thông qua những lớp vỏ của tính đấu tranh, chiến lược, quan điểm chính trị, xã hội... và bức tường thành của nghi kỵ, ngờ vực, hận thù, v.v... Có lẽ vì e ngại sự lên án này mà thông tin về Lễ Tam Hợp của Liên Hiệp Quốc lần thứ 5 tại Việt Nam không được đón nhận và truyền bá rộng rãi trên các phương tiện truyền thông tại hải ngoại, dù là của Phật giáo hay không Phật giáo.

Riêng tôi, không thể không ghi lại niềm vui của mình nơi đây, niềm vui của một người con Phật, nhìn thấy ánh đạo vàng của bậc đại giác soi tới những nơi cần thiết nhất. Bóng tối đã phủ lấp hơn nửa thế kỷ trên quê hương thống

khô. Bạn đã làm gì để phá đi bóng tối ấy? Nếu bạn không thấp sáng được vì đèn đuốc của mình quá yếu, tại sao không vui khi người trong bóng tối tự thấp sáng cho chính họ bằng ánh sáng của đức Thế Tôn? Phản đối hoặc lên án ngoại đạo và kẻ ác khi họ làm điều lành chẳng khác gì nhân danh người lành mà làm việc ác; cũng chẳng khác gì lên tiếng với kẻ vô minh rằng, này quý vị, đừng sử dụng ánh sáng của Phật, hãy sáng lên hoàn toàn đi, rồi chúng tôi sẽ mang ánh sáng giác ngộ của ngài đến cho quý vị. Nếu họ đã sáng rồi thì không cần ánh sáng của Phật nữa. Chính vì thế gian tăm tối cuồng vọng mà đức Phật thị hiện đản sanh. Ánh sáng giác ngộ của Phật không ngại gì bóng tối thế gian mà không đến. Chẳng có bóng tối nào có thể làm giảm đi năng lượng và giá trị của ánh sáng. Người con Phật với tâm lượng từ bi, khoan dung sẵn có, không thể tự cho mình đặc quyền thủ đắc việc vinh danh những giá trị nhân bản phổ quát mà Phật giáo đã mang lại cho thế gian đầy bạo động và thống khổ này.

Điều cần làm là mỗi cá nhân tăng sĩ hay phật-tử Việt Nam trong và ngoài nước, phát huy nội lực tự thân, tỏa sáng năng lượng từ bi, kham nhẫn, bình đẳng và giải thoát của mình để cúng dường đức Phật trong ngày Lễ Tam Hợp sắp tới, giới thiệu nền văn hóa Phật giáo đặc thù của dân tộc đến với phật-giáo đồ và nhân loại khắp năm châu.

Phật giáo Việt Nam, tự hào với lịch sử 2000 năm và 80 phần trăm dân số, phải là ngọn đuốc sáng ngời phẩm tính giác ngộ giải thoát, trước hết là để chánh pháp xương minh trường tồn, thứ nữa là góp phần kiến tạo một thế giới hòa bình, an lạc tại nhân gian. Được vậy sẽ không cô phụ “đại sự nhân duyên” của đức Phật trong việc thị hiện đản sanh, thành đạo và niết-bàn từ hơn 2500 năm trước.

Một con chim bồ câu đáp xuống bên bờ hồ, lững thững qua lại chỗ mấy con vịt và ngỗng đang chăm chú mổ những mẩu bánh nhỏ của một cụ già ngồi ghé công viên. Bồ câu có vẻ lạc lõng nơi cuộc sống ao hồ tù đọng. Nhưng chỉ một thoáng sau, đã thấy có nhiều bồ câu khác đáp xuống. Chúng đến đây không phải để tìm thức ăn. Có vẻ như là một cuộc ghé ngang, ngơi nghỉ. Những bộ lông trắng sáng lên giữa trời nắng hạ.

Tôi vẫn suy nghĩ về sự đục ngầu của nước hồ nơi đây. Tại sao người ta không làm cho nước lưu thông nhi? Nếu được lưu thông, nước hồ sẽ trong mát hơn, và mùi sinh lầy sẽ giảm đi. Có lẽ những người có trách nhiệm của công viên thành phố, một lúc nào đó cũng phải tìm ra một phương cách để làm cho nước sạch hơn.

Nơi nhà thủy tạ phơ phất gió, thỉnh thoảng có thể thoáng ngửi được hương mộc lan từ xa lan đến. Nhìn xuống hồ nước đục ở một độ nghiêng, tôi thấy mặt hồ bóng lên như gương; nơi đó, phản hiện một bầu trời xanh ngắt.

---o0o---

Tín Tâm Bất Hoại

“*Thứ nhất tu chợ, thứ nhì tu nhà, thứ ba tu chùa.*” Tục ngữ Việt Nam có câu như vậy. Vì là tục ngữ, không thể biết được tác giả là ai. Vị tác giả này có thể là người đã kinh qua ba giai đoạn, ba hoàn cảnh tu tập, nhờ vậy mới có nhận xét chung khá đúng đối với nhiều người để trở thành một tục ngữ phổ quát.

Theo kinh nghiệm của tác giả câu tục ngữ ấy, tu ở chợ là khó nhất, kể đến là tu ở nhà; và dễ nhất là tu ở chùa. Tuy vậy, thực tế cho thấy chỗ dễ nhất lại có rất ít người chọn lựa, và một khi chọn lựa, lại ít người thành công. Thành công, không phải chỉ hình thức của người xuất gia suốt đời ở chùa, mà còn là thành công trong việc giữ đạo, hành đạo, và trên hết: giải thoát giác ngộ. Nói thế có nghĩa rằng tu nhà và chợ chỉ khó hơn tu ở chùa khi nào hành giả chọn hoàn cảnh tu như là trợ duyên cho việc luyện tâm và đặt mục tiêu tối hậu là giải thoát giác ngộ. Ngoài điều này ra, tu nhà hạng nhì và tu chợ hạng nhất chẳng qua cũng chỉ là tiếng than hoặc là lời tự an ủi của một kẻ bị buộc phải vướng vào dòng thế tục.

Tu chùa khó hạng nhất. Xuất gia là con đường ngược dòng gian truân, nhọc nhằn, cô đơn và bi tráng mà rất hiếm người theo đuổi tới cùng. Tu chùa không đơn giản như bạn nghĩ đâu.

Bạn đã từng tham dự một khóa tu học nào dành cho phật-tử chưa? Khóa tu Bát quan trai-giới chẳng hạn, là khóa tu một ngày một đêm, tập sự như là xuất gia với [tám điều luật về giới và trai](#), sử dụng chín trong số [mười giới của Sa-di](#)[1] . Mười giới Sa-di [2] là giới cấm của những tiểu tăng và tiểu ni tập sự xuất gia, chưa chính thức là hàng tăng sĩ Phật giáo. Giới luật của hàng tỳ-kheo và tỳ-kheo ni còn nhiều và gay gắt hơn. Ngoài khóa tu Bát quan trai-giới, còn có các khóa tu học Phật Pháp, khóa Thiên quán, huân tu Tịnh độ, từ một đến mười ngày, thường được tổ chức tại ngôi chùa hoặc tu viện lớn, có khi phải mướn trường học vào kỳ nghỉ hè mới đủ sức dung chứa lượng người tham dự.

Nếu đã từng tham dự các khóa tu học nói trên, hẳn bạn và các bạn tu đều có chung kinh nghiệm là dù tinh tấn tu học, thu đạt nhiều lợi ích về tinh thần, nhưng kết thúc khóa tu thì lòng dạ cũng vui mừng lắm: được thu xếp trở về với gia đình, với đời sống thế tục quen thuộc, thân tình, không bị giới luật và nội qui khe khắt ràng buộc nữa. Như vậy, tu chùa thế nào, dễ hay khó?

Tôi cũng muốn hỏi, có khi nào bạn bị đặt trước một hoàn cảnh phải chọn lựa giữa đạo này và đạo kia, giữa đạo và một thế lực chính trị, giữa đầu hàng và cái chết, giữa sự rút lui cho yên thân hoặc phải tiến tới để bị chửi mắng? Câu hỏi nêu ra vào thời điểm này, có vẻ như khơi lại một kỷ niệm xa xôi nào đó của quá khứ, hoặc chỉ đọc thấy trong tiểu thuyết và sách sử. Đang sống ở một đất nước tự do, trong một thời đại văn minh dân chủ, bạn sẽ thấy câu hỏi kia xa vời, không liên hệ gì đến mình cả. Nhưng kỳ thực, câu hỏi ấy rất sống động và vẫn còn là những thực tế đang xảy ra nhan nhản trước mắt.

Diễn hình là hoàn cảnh “*tu chùa*” của những phật-tử tham dự khóa tu học Phật Pháp hàng tuần vào ngày thứ Bảy, từ 8 giờ sáng đến 5 giờ chiều, tại chùa Bát Nhã, thành phố Santa Ana, tiểu bang California. Khóa tu học Phật Pháp này được khởi sự tổ chức từ cuối tháng 10 năm 2008. Đây quả là chương trình hoằng pháp thiết thực, rất bổ ích và thuận lợi cho phật-tử trong vùng. Chương trình tu học có sự hướng dẫn luân phiên của nhiều Tăng Ni, với các chuyên đề về Thiên, Tịnh và Mật tông, cũng như các lớp Phật Pháp căn bản.

Bạn sẽ nôn nóng đặt câu hỏi: một khóa tu học tổ chức hàng tuần, không phải là hàng năm như những khóa tu khác, cũng không phải tập trung hàng trăm, hàng ngàn người tham dự, vậy thì có gì để nói? – Xin thưa, khóa tu học Phật Pháp ở đây rất đặc biệt, không giống bất kỳ khóa tu học nào của Phật giáo Việt Nam trên toàn thế giới. Vì sao?



Đường dẫn đến chùa là con đường tráng nhựa như bao nhiêu con đường khác, nhưng đầy ổ gà. Xe đi vào phải lái chậm theo bảng đề hai mươi lăm dặm một giờ. Có một ngã tư rộng với bốn bảng stop, phải cẩn thận đi qua. Đường hẹp và gập ghềnh. Khi gần đến cổng chùa, bạn sẽ thấy có vài người trung cờ và biểu ngữ, dùng loa phóng thanh hướng vào trong chùa, hò hét. Bạn sẽ không hiểu chuyện gì xảy ra. Khi xe đến sát những người này, bạn sẽ nghe được những câu khẩu hiệu biểu tình, đại khái như: “*Đả đảo ma tăng trọc đầu,*” “*đả đảo bọn thầy chùa tiếm danh*” “*đả đảo công an trọc,*” “*đả đảo bọn Về Nguồn phản bội...*” Trước cổng chùa thì như vậy, nhưng khi vào trong, bạn sẽ chứng kiến một đạo tràng tu học trang nghiêm với khoảng trên ba mươi học viên phật-tử tham dự. Chương trình sít sao, từ sáng đến chiều tụng kinh, niệm Phật, học giáo lý, ăn cơm trong im lặng, thảo luận về Phật Pháp. Không biết bạn sẽ có cảm giác thế nào trước sự tương phản giữa nhóm ba bốn người dùng loa chửi bới và ba bốn chục người im lặng tu học, chứ đối với riêng tôi, mỗi lần đến thăm đạo tràng, tôi đều ứa lệ.

Hòa thượng viện chủ chùa Bát Nhã vốn là một “sơn tăng” trung hậu, bộc trực, ba mươi năm sống trên đất Mỹ mà tâm tính và hình dung vẫn giữ nguyên cái vẻ xuề xòa chất phác của thầy tu chùa làng. Một nhà tu như vậy, đối với thị-phi oan ức, vu khống mạ lỵ, chỉ là chuyện của chợ đời gió thoảng mây bay. Một lần, tôi chứng kiến một phật-tử đến thăm chùa, đề nghị hòa thượng tìm cách giải quyết vấn đề biểu tình ồn ào trước cổng chùa để khóa tu học được yên tĩnh trang nghiêm, tâm trí học viên sẽ được nhẹ nhàng, thư thả, dễ định tâm hơn. Hòa thượng chỉ cười, trả lời với giọng khiêm nhẫn lạ thường:

“Không sao, tâm của phật-tử ở đây kiên cố lắm, những lời chửi rửa kia chẳng ăn thua gì đâu!”

Nghe những lời mộc mạc ấy, tôi thật cảm động, nhưng vẫn chưa yên lòng, vì nghĩ rằng có thể đó chỉ là cảm nghĩ và nhận xét của hòa thượng chứ không phải của chính các học viên. Tôi nêu nghi vấn ấy, hòa thượng tiếp:

“Ngày nào chư Tăng Ni cũng thăm hỏi, an ủi các học viên, động viên tinh thần của họ, đều được họ mạnh dạn trả lời là sự chửi rửa, chống phá càng làm cho tín tâm của họ mạnh mẽ, kiên cường hơn.”

Nghe đến lời này, tâm tôi chấn động thật mạnh. Ngay lúc ấy, ngôi chùa Bát Nhã nhỏ hẹp trong xóm nghèo thành phố, lập tức hiện hiện trước mắt tôi, trong tâm khảm tôi, như một cảnh giới diệu lạc của các bậc bồ tát.

Hãy khoan nói về trình độ Phật Pháp và kinh nghiệm tu tập hành trì của những học viên ở đây như thế nào. Chỉ nhìn nơi vẻ thiết tha cầu học, kham nhẫn tụng niệm trước sự chửi rủa của kẻ khác, có thể nói là các học viên khóa tu chùa Bát Nhã đang thực hành bồ-tát đạo, và ít nhất họ đã biểu hiện ba trong bốn pháp hạnh của bồ-tát được nói đến trong kinh Đại Tập, phẩm Hạnh Tam Muội: *“Thứ nhất là tín tâm bất hoại, thứ hai là tinh tấn không mỗi mệ, thứ ba là trí tuệ thù thắng và thứ tư là gån gũi thiện tri thức.”* Theo kinh này, bồ-tát nào có đầy đủ bốn pháp hạnh thì đạt được tam-muội ngay trong hiện tiền.

Được biết, số học viên không bị giảm đi sau nhiều tuần lễ vừa tu học vừa bị chửi. Họ đã tìm thấy an vui, lợi lạc khi được *“gån gũi thiện tri thức.”* Họ vẫn *“tinh tấn”* mỗi tuần đến đạo tràng để tham dự khóa tu học, *“không mỗi mệ”* tuân theo các nội qui và giới luật của khóa tu. Và trên hết, niềm tin của họ đối với Chánh Pháp, đối với Tam Bảo, là niềm tin không thể lay động, không thể xoay chuyển: *“tín tâm bất hoại.”* Với ba pháp hạnh này, dù không dám nghĩ là họ có *“trí tuệ thù thắng,”* tôi vẫn tin ít nhất là trong ý nghĩa của tâm kiên cố, bất động[3], họ đã chạm chân đến cảnh giới tam muội bất khả tư nghì của hàng bồ-tát sơ học. Ngần ấy đủ cho tôi chấp tay, cúi đầu.

Bạn đã từng chứng kiến hoặc tham dự một khóa tu học Phật Pháp nào có được nghịch cảnh để thử thách, luyện tâm như khóa tu học Phật Pháp ở Chùa Bát Nhã chưa? Cứ đúng vào ngày thứ Bảy mỗi tuần, khi khóa tu học bắt đầu thì việc chửi mắng cũng bắt đầu. Bên trong, người tu học siêng năng tu học; bên ngoài, người chửi mắng cũng miệt mài chửi mắng. Một điều kiện tu học tốt đẹp như thế, chưa có ngôi chùa hay đạo tràng tu học nào trên thế giới có được. Nếu bạn đã quen tu học ở nơi thanh tịnh trang nghiêm, nơi mà ai cũng tôn trọng quý kính nhau, nơi mà ai cũng mở đầu câu nói bằng chữ *“mô Phật,”* thì bạn cũng nên một lần trong đời, tham dự một khóa tu mà tiếng chửi mắng (có khi rất thô tục) thật to lớn, lấn át tiếng tụng kinh niệm Phật và lời giảng dạy của Tăng Ni. Chính nơi đây, bạn mới trải nghiệm được tín tâm của bạn đối với Chánh Pháp. Như vậy, cũng nên cảm ơn những người lớn tiếng chửi rủa nơi công tam-quan. Chẳng phải họ cũng là bồ-tát nghịch hạnh hay sao?

Lái xe chậm chậm ra khỏi chùa, tôi nghe một trong ba người biểu tình không cầm loa, nhìn vào xe tôi, nói xuống giọng như thể nói riêng với tôi:

“Cũng vì mấy người phật-tử vô minh nhẹ dạ như người này mới đi chùa của ma tăng đầu trọc, phá hoại Phật giáo!”

Tôi nói nhỏ:

“Cám ơn.”

California, ngày 13 tháng 02 năm 2009.

[1] *Bát quan trai-giới: tám cánh cửa của trai (ăn chay, không ăn quá giờ Ngọ) và giới được giữ gìn trong vòng 24 tiếng đồng hồ, dành cho người phật-tử tại gia. Trong ngôn ngữ bình thường, phật-tử thường nói tắt với nhau là “thọ bát quan trai” hoặc ngắn hơn, “thọ bát.” Khi thọ Bát quan trai-giới, phật-tử được xem như tập sự xuất gia một ngày một đêm như các chú Sa-di. Giới thứ sáu của tám trai-giới này kết hợp giới thứ sáu và giới thứ bảy của mười giới Sa-di, cho nên tuy là tám, nhưng tương đương với chín giới của Sa-di. Tám trai-giới gồm có: 1. Không được sát sanh. 2. Không được trộm cướp. 3. Không được dâm dục. 4. Không được nói dối. 5. Không được uống rượu. 6. Không được trang điểm, thoa dầu thơm, múa hát và đi xem. 7. Không được nằm giường cao đẹp, rộng lớn. 8. Không được ăn quá giờ Ngọ.*

[2] *Sa-di thập giới: 1. Không sát sanh. 2. Không trộm cướp. 3. Không dâm dục. 4. Không nói dối. 5. Không uống rượu. 6. Không mang vòng hoa, xông ướp hương thơm. 7. Không ca, vũ, hòa tấu, biểu diễn, hoặc đi xem, nghe. 8. Không được nằm và ngồi giường cao tốt, rộng lớn. 9. Không ăn phi thời. 10. Không cất giữ vàng bạc, bảo vật.*

[3] *Thước ca-ra tâm: tâm kiên cố, bền chặt (kinh Thủ Lăng Nghiêm).*

---o0o---

Vượt Qua - Vượt Qua - Lại Vượt Qua....

Thời tiết đang chuyển dần sang mùa hạ.

Ban đêm, phòng ngủ có thể mở rộng cửa sổ để đón gió từ hướng biển lùa vào, và cũng để nghe tiếng lá khua ào ào, vui tai, ru giấc ngủ an lành. Khi

mặt trời chưa mọc, có thể nghe tiếng chim ríu rít, rôm rả cả chòm cây bạch đàn và những bụi bông giấy đủ màu ở hướng vườn sau.

Chẳng gì thú vị bằng được réo dậy mỗi bình minh bằng tiếng chim reo; cũng không gì khiến lòng lâng lâng thanh thoát cho bằng được tiếng chuông chùa đánh thức mỗi khuya. Tiếng chuông của một ngôi chùa trên núi, hoặc nơi thôn xóm làng mạc. Thức dậy, ngồi im, không cần phải tụng niệm chi; cũng không cần một nghi thức rườm rà nào. Chỉ ngồi im như thế thôi. Lắng nghe từng tiếng chuông thong thả rơi vào đêm thnh lặng. Tựa hồ những đợt sóng phủ nhẹ vào bờ. Lan tỏa. Lan tỏa. Âm hưởng của sóng trước chưa dứt hẳn đã nghe sự dâng trào của sóng sau. Tiếng chuông, tiếng sóng. Tiếng trước, tiếng sau. Có khi như là nối nhau, có khi như trườn lên nhau. Nhưng bao giờ giữa hai âm thanh cũng có một khoảng cách nào đó, ngắn hoặc dài. Và bao giờ giữa những âm thanh cũng có một khác biệt nào đó, mạnh hoặc nhẹ. Nghe như là các âm thanh trước và sau đều giống nhau, mà kỳ thực không bao giờ giống.

Nhiều năm rồi, ở nơi này, không còn nghe được tiếng chuông chùa buổi khuya. Đôi khi bỗng nhớ, bỗng buồn man mác. Nhưng nghĩ cho cùng, lẽ nào hạnh phúc của đời người lại tùy thuộc nơi một cái gì đó như là hình sắc, âm thanh? Thiếu vắng nó thì không thể vui được hay sao! Thế thì cứ vui ở những gì đang có. Nói đơn giản là vậy, có vẻ như là một cách an ủi. Kỳ thực không phải là có thể lấy cái này thay thế cái kia để có hạnh phúc. Hạnh phúc chẳng phải là sự hoán chuyển và thay thế bởi đối tượng hoặc cảm giác. Không phải là ở chỗ ngưng đọng, dừng lại nơi một cái gì, dù là đối tượng cụ thể như là không gian, âm thanh, hình sắc, hay trừu tượng như là thời gian, ý tưởng, cảm giác, ý chí, hay thức giác... Chẳng có cái gì thực sự là hiện tiền, hiện tại để mà an trú hay tỉnh giác hoặc nương tựa, bám víu. Hoặc là tất cả đều vụt qua, hoặc là tất cả đều đồng hiện. Không có cái này chuyển động cố gắng dừng lại an trú nơi một cái kia tịch lặng; cũng không có một cái tịch lặng an trú trên một cái chuyển động. Không làm gì có một cái đương hiện, dù là không gian hay thời gian. Cái mà nhà thiền gọi là “hiện tiền”, hay “thực tại” chính là nhất như, là bất nhị. Cái đó không thể an trú, bằng ý thức hay bằng cảm giác, hay bằng sự cố gắng gọi là chí tâm, nhất tâm. Chỉ có thể vượt qua, vượt qua, lại vượt qua...

Cơn sóng đã vỗ lên bờ, nhanh chóng trải một làn nước trên bãi cát hãy còn lưu lại nước của đợt sóng trước. Rồi nó thu rút lại về hướng biển, trong khi cơn sóng kế tiếp lại chồm lên, lướt qua... Quan sát kỹ, chẳng thấy đâu là

nước của sóng trước hay sóng sau. Nước vẫn là nước, làm gì có sóng. Làm gì có quá khứ, hiện tại và tương lai!

Đã nhiều khi thức dậy nửa khuya, ở nơi này, trong đêm tịch lặng mà nghe được tiếng chuông chùa vang vọng. Tiếng chuông chùa, ở đâu thế nhỉ? Chuông Hải Đức hay chuông Linh Phong? Chuông Diên Thọ hay chuông Linh Sơn? Chuông Long Tuyền hay chuông Linh Ứng? Chuông Già Lam hay chuông Long Quang? Tiếng chuông chùa nào cũng cơ hồ giống nhau mà thực ra mỗi nơi mỗi thời đều khác. Tiếng chuông có lúc rền vang như sấm dậy; có khi tỏa nhẹ như hải triều buổi bình minh. Do kích thước chuông nơi lớn nơi nhỏ. Do người thỉnh chuông, tay đưa lúc nặng lúc nhẹ. Do quang cảnh lúc động lúc tĩnh. Do tâm thức và cảm giác của người lắng nghe lúc vậy lúc kia. Nhưng mà, tiếng chuông nào đây? Từ vô thức, tiềm thức? Ừ, thì chỉ là vọng hưởng từ quá khứ, từ sự níu kéo hoài niệm, từ cảm thức nuôi tiếc mơ mòng mộng tưởng. Tiếng chuông xuất phát từ đâu cũng chẳng quan hệ gì. Âm thanh hay tiếng dội cũng đều là những đợt sóng của mộng huyền vô thường. Cái quan trọng là có thể ngồi một chỗ mà vượt qua, rồi vượt qua, rồi lại vượt qua...

Nghe người ta nói, đã từ lâu chuông chùa Hải Đức không còn gióng lên mỗi sớm tối. Nơi ấy ngày xưa là nơi tụ hội của hàng trăm tăng sĩ, vang tiếng một thời là nơi đào tạo những tăng tài rường cột của Phật giáo. Bây giờ chỉ còn là một ngọn đồi trơ trụi từ cảnh trí đến sinh hoạt. Ngôi chùa cũ, trên trăm năm, với hai gác chuông trông đẹp một cách khiêm nhường lặng lẽ. Bây giờ toàn bộ kiến trúc xưa đã bị san bằng để chuẩn bị cho một ngôi chánh điện khang trang hiện đại. Ngày nào đó, lão ông râu tóc bạc phơ từ phương xa về thăm ắt là người xưa mất dấu mà cảnh cũ cũng không còn. Giống như một từ-thức về trần. Vui chăng, buồn chăng?

Không phải cái gì mới mẻ, tân kỳ thì đều đẹp cả đâu, bạn ạ! Cố nhiên là sóng sau phải đôn sóng trước, trườn lên và vượt qua để khẳng định sự hiện hữu của chính nó. Nhưng vượt qua không phải tàn phá, hủy diệt.

Tôi có một bậc thầy, nhiều bậc thầy. Nói là một cũng đúng, nói là nhiều cũng không sai. Một thầy là nhiều thầy, nhiều thầy cũng là do một thầy đó mà ra. Thầy tôi, từ hơn hai ngàn năm trăm năm trước, trong một bài giảng thuyết cho những người trong bộ tộc Kalama, ở thị trấn Kesaputta, đã dạy rằng:

“Này quý vị Kalama, đừng tin vì nghe truyền khẩu, đừng tin vì đó là truyền thống, đừng tin vì nghe đồn đại, đừng tin vì được ghi trong kinh điển, đừng tin vì lý luận, đừng tin vì suy diễn, đừng tin vì đã tư duy trên mọi lý lẽ, đừng tin vì dựa theo ý kiến đã được cân nhắc, đừng tin vì vị ấy có vẻ có uy quyền, đừng tin vì nghĩ rằng vị ấy là thầy của mình...”

Lời tuyên bố này trở thành một bài kinh bất hủ mà chưa một giáo chủ hay lãnh đạo (tổ chức, giáo phái, tôn giáo, quốc gia) nào dám nói, cũng chưa bậc toàn năng tuyệt đối nào có thể nói ra được. Trong tiến trình tu tập, nó khai mở con đường của thánh trí, của bát-nhã, của sự vượt qua; trên phương diện xã hội, nó đặt nền tảng cho ý thức tự do, dân chủ và quyền hạn tối ưu của con người trước mọi hướng đi của phong tục, tập quán, văn hóa, tri thức, tư duy, niềm tin và kinh nghiệm...

Có được một bậc thầy như thế trong đời, thật là vô cùng hạnh phúc, huống chi lại có nhiều bậc thầy. Vâng, tôi có thật nhiều bậc thầy, những bậc bồ-tát. Có khi họ dạy tôi bằng lời, có khi chỉ im lặng, có khi bằng hành động, có khi bằng sự dẫn thân hy sinh, thời gian hoặc mạng sống. Tôi mang nợ của họ rất nhiều. Tôi biết tôi không bao giờ trả hết được cái ân mà họ đã truyền dạy cho tôi. Nhưng tôi vẫn hạnh phúc với sự việc không thể nào đền đáp ấy. Tôi biết khả năng và trí lực của tôi hẳn phải còn vô lượng kiếp, hoặc hàng trăm kiếp nữa may ra bắt kịp họ, nhưng tôi vẫn hạnh phúc là sự việc bắt kịp sẽ không bao giờ thực hiện nổi. Bởi vì, thật là diễm phúc khi có những vị thầy siêu tuyệt mà lúc nào mình cũng chỉ là đứa học trò tồi tệ, không bao giờ sánh kịp! Trong thực tế trường lớp cũng thế, tôi hãnh diện được là người học trò dốt của thầy tôi. Bởi vì, học trò dốt, biết ít, thực hành ít mà còn có nhiều hạnh phúc như vậy huống gì những người học nhiều, biết nhiều, thực hành nhiều hơn! Có nhiều người được hạnh phúc hơn mình thì còn gì vui sướng cho bằng!

Năm xưa, lần đầu tiên đọc sách thiền gặp câu *“Phùng Phật sát Phật, phùng Tổ sát Tổ,”* tôi đã không cần tham vấn, tra cứu làm gì cho mệt. Tôi chỉ hiểu theo ý của tôi thôi: tất nhiên không phải là giết Phật, giết Tổ; cũng không phải là phải vượt hơn, giỏi hơn Phật và Tổ. Mà chính là vượt qua, vượt qua, lại vượt qua...

Không dính mắc vào bất cứ cái gì. Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm. Thực hành chỉ một điểm này thôi, tôi biết có thể phải kinh qua hàng nhiều kiếp. Nhưng ngay bây giờ, tôi đã hạnh phúc rồi, không đợi đến khi thành Phật, thành Tổ.

Tôi không cần phải nỗ lực vượt hơn thầy, giỏi hơn thầy. Tôi chỉ cần làm sao đừng vướng kẹt, dính mắc vào thầy của tôi, dù là ở thân giáo hay khẩu giáo.

Và như thế, khi nói về Phật đản, ngày sinh của đức Phật, tôi cũng vui với mọi người trong mùa đại lễ, nhưng tôi ngầm hiểu rằng đức Phật không phải chỉ sinh ra một lần, mà thường sinh ra trong từng giây phút, từng sát-na. Hóa thân của ngài xuất hiện khắp nơi khắp chốn. Nhìn đâu cũng thấy ngài. Nhìn đâu cũng thấy những bậc thầy của tôi. Còn nói theo lý bất sinh thì quả nhiên là ngài chưa từng sinh ra. Ngài có mặt khắp nơi trong mọi thời gian thì không thể nói là có sự sinh ra và mất đi.

Giống như những tiếng chuông lan trong lòng đêm rộng. Từng tiếng, từng tiếng, nối nhau, vượt lên nhau. Tiếng này không hủy diệt tiếng trước, cũng không ngăn ngại gì tiếng sau.

Giống như những đợt sóng vỗ vào bờ rồi rút về lại với đại dương mênh mông. Sóng trước, sóng sau, cũng chỉ là sự luân chuyển của nước.

Và trên cao, giữa bầu trời mùa hạ trong xanh như phản ảnh màu biếc của đại dương, vẫn có những áng mây trắng tụ lại, chòm lên nhau, hòa vào nhau, hoặc tản ra thành những sợi thật mỏng.

Cách thế sinh-diệt của tiếng chuông, sóng và mây vẫn thường dạy tôi bài học về sự vượt qua, vượt qua, lại vượt qua... như thế. Tôi ghi lại để cúng dường ngày Phật đản sinh năm nay.

Midway city, Mùa Phật Đản, 15 tháng 5, 2007.

*Xông trầm cầm bút, kính dâng chư tôn đức
Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại tham dự “Ngày Về Nguồn”
tổ chức tại Chùa Pháp Vân, Mississauga, Canada
vào các ngày 21-23/9/2007*

---o0o---

Chớp Mắt Sinh Tử

Con đường dù đã được tráng nhựa thật tốt vẫn cứ là con đường của sa mạc với nhiều đoạn nhấp nhô, ngoằn ngoèo nương theo độ dốc của trùng trùng đồi núi. Gần một giờ đồng hồ, chiếc xe chạy tốc độ một trăm hai mươi kí-lô-mét mới vượt hết vùng sa mạc hùng hực bỏng cháy. Lác đác đâu đó dưới

chân những ngọn đồi trọc có niên đại hàng mấy chục triệu năm, hoặc trên những bãi cát vàng mênh mông, là dấu vết để lại của những dòng nham thạch đen tuyền.

Nơi này, triệu triệu năm trước là biển; chỗ kia, triệu triệu năm trước là sông. Những ngọn núi lửa đã tắt ngấm từ mấy chục triệu năm trước. Nước biển đã từng dâng lên ở những khoảng này. Sóng biển đã từng vỗ lên ở những bờ đá kia. Có lẽ đã từng có ghe thuyền qua lại nơi đây. Có lẽ đã từng có những làng mạc hay bộ lạc nào đó định cư chỗ này. Cũng có thể không hề có bóng dáng con người sinh hoạt trên một vùng chỉ thấy đá tảng và cát vàng trải rộng mênh mông.

Các nhà địa chất, nhân chủng, sinh vật, xã hội học... thời nay, hẳn đã từng nghiên cứu và đưa ra những ước đoán, giám định hoặc kết luận nào đó về đời sống của con người, muông thú, và thực vật nơi vùng này từ hàng triệu năm trước. Nhưng tài liệu sách vở của họ không liên hệ gì với người lái xe băng qua sa mạc vào một buổi trưa đứng bóng. Chỉ có chiếc xe phăng phăng phóng tới, và con đường trước mặt như cuốn nhanh vào ở mũi xe. Chung quanh, trùng trùng những ngọn núi cổ sậm màu gạch và ở trên, vẫn là trời cao xanh ngắt dọn một vài đám mây trắng nhỏ bèn bồng.

Tài liệu, chứng liệu lịch sử, cũng không gì thực bằng những lùm cây bụi cỏ bên đường và trong những hốc đá, cũng không gì thực như viên sỏi nhỏ hay những hạt cát vàng trên tay. Ở nơi trời đất mênh mông với chứng tích của đời núi cổ đại, mới cảm nghiệm nỗi lòng của Trần Tử Ngang ngày xưa. Thường khi, cái mênh mông của không gian gợi cho mình cái mang mang của thời gian, hoặc ngược lại, nghiệm về cái vô cùng của quá khứ tương lai mà cảm cái vẻ vô hạn của mười phương đất trời.

*“Tiền bất kiến cổ nhân
Hậu bất tri lai giả
Niệm thiên địa chi du du
Độc thương nhiên nhi lệ hạ.”*
(Trần Tử Ngang)

*Ngoảnh trước người xưa không thấy
Ngoái sau người mới chưa sinh
Nghiệm lẽ mang mang trời đất
Bất chợt lệ sa một mình.*
(Vĩnh Hảo tạm dịch)

Trong cái vô tận của không gian và thời gian, thấy đời mình nhỏ nhoi như hạt bụi. Ba mươi năm, năm mươi năm, một trăm năm, có nghĩa gì đâu. Hàng hàng lớp lớp những núi đá bên đường đã có mặt từ nhiều triệu năm trước. Sau lưng, trước mặt, là cái mịt mù sâu thẳm của bóng thời gian. Cuộc sống trăm năm, xem lại thì chỉ là một chớp mắt trong dòng biến dịch hun hút không cùng của lũy kiếp luân hồi sinh-diệt, diệt-sinh. Một chớp mắt có là bao mà kết thu cả nghìn trùng khổ lụy, hạnh phúc, hận thù, yêu đương, đấu tranh, an phận, nỗ lực, mỗi mết, tự ái, tự trọng, tự vệ, tự đại, tự vẫn, tự do (nói năng, khóc, cười, im lặng, sáng tạo và suy tư)... Mới hôm nào còn ngồi trên bãi biển nhìn ngắm những con tàu xa khơi, ước mơ một chuyến hải trình đi khắp những đại dương bát ngát và các lục địa xa xôi. Nhìn cánh chim bay, ngắm áng mây trời, mơ ước từng ngày theo gió cuốn đi. Tuổi thơ vụng dại chỉ biết làm bạn với biển xanh và cái gì cao rộng. Biển chưa đủ sâu. Trời chưa đủ rộng. Lòng thành ấu thơ dâng hết cho thiền môn thanh vắng. Ê a kinh kệ sớm hôm. Xào xạc mỗi ngày quét lá. Tương chao thăm nơi xương tủy. Áo vải bảo vệ thân, tâm. Tiếng chuông ngân lời tỉnh thức. Đèn tuế khơi sáng đêm ngày...

Rồi cũng chưa đầy chớp mắt của cuộc tồn sinh mộng ảo, thương sinh linh thống khổ điêu tàn, có khi phải đốt thân cho chánh pháp cứu trụ, có khi phải dẫn mình vào chỗ ngục tù lao lung, có khi phải ẩn nhẫn để bảo vệ đạo vàng trong thời buổi nhiễu như sương. Động-tĩnh, tiến-lui, im lặng như núi tảng, gầm thét như hải triều, đều chỉ vì đại nguyện hoằng truyền đạo lớn. Lau bát nhang đầy bụi, quét một sân ngập lá, kinh kệ sớm chiều, đi đứng nằm ngồi có lúc nào rời khỏi cội nguồn chân tâm! Trong cái chớp mắt của sinh tử, làm tất cả phật-sự mà không động khởi một niệm vẫn vương thủ đắc. Những thăng-trầm, vinh-nhục, còn-mất, được-thua, chẳng qua chỉ là bọt nổi trên mặt đại dương tịch lặng bao la. Cuối đời ngoảnh lại, vẫn chỉ là hai bàn tay không của người hương đăng, quét lá. Một chớp mắt hay một chuỗi dài mộng mị trăm năm, đã làm được gì, chưa làm được gì? Cái làm được có mang lại lợi lạc cho mình cho người, cho sự hưng thịnh của chánh pháp không, hay chỉ là những vọng động nhất thời làm tổn hại tín tâm của đồ chúng, dìm đạo lớn vào chỗ lụn tàn suy vi?

Ngày Về Nguồn

Thao thức gì mà đêm đêm chong đèn không ngủ? Đau thương gì mà lệ nóng chực rơi? Đạo pháp suy vi đâu phải chỉ vì tà ma ngoại đạo quấy phá! Sư tử trùng đục khoét còn bị lụy trầm thống gấp trăm. Hai nghìn năm chưa phải là dài đối với vô lượng kiếp huân tu. Ba mươi năm hoạn nạn lại càng ngắn ngủi hơn. Nhưng một chớp mắt mê mờ có thể chôn vùi cả nghìn năm của lịch sử hoàng truyền chánh pháp. Còn gì, mất gì? Nửa khuya thức dậy, xông trầm đốt hương, khoác ca-sa mà nhớ lời nguyên ban sơ, tụng câu kinh không khỏi tâm tư bàng hoàng chấn động.

*“Hủy hình thủ chí tiết
Cát ái từ sở thân
Xuất gia hoàng Phật đạo
Thệ độ nhất thiết nhân”
Từ bỏ dáng đẹp nêu nguyên lớn
Xa lìa cha mẹ, xa người thân
Xuất gia giốc lòng truyền Phật đạo
Đời đời kiếp kiếp độ quần sinh.
(Vĩnh Hảo tạm dịch)*

Lịch sử không phải lúc nào cũng một đường thẳng tắp. Mà thường khi là khúc đường xuống lên của vinh quang và khổ nhục. Có khi là sự uôn lượn của con đường nghèo vượt qua những chập chùng oan khiên. Máu rơi. Lệ đổ. Thầy-trò, huynh-đệ chung một màu áo, cùng một đức điều-ngự bốn sư, vì nguyện rộng mà xuất thế ly gia hoàng truyền chánh đạo, không lẽ vì những đảo điên nhất thời của thế cuộc mà tổn hại nhau, chia lìa nhau? Hơn ba mươi năm, như những giòng sông chia nhánh, chảy qua những đồng bằng hay len lỏi qua hốc đá cheo leo. Lớn-nhỏ, đục-trong, cũng là tùy nhân duyên mà tuôn chảy. Không có chân lý tuyệt đối của giòng sông. Cũng không có gì gọi là chính danh, hay chính nghĩa độc tôn của các phương tiện. Chỉ có chánh pháp tối thượng khai mở con đường viển ly xuất thế, đoạn trừ phiền não, chứng ngộ giải thoát. Xa lìa thật nghĩa của chánh pháp mà bày vẽ phương tiện thì chỉ là chấp vá vô hồn lạc điệu của ngoại đạo tà ma.

Hơn ba mươi năm qua, những giòng sông càng lúc càng khô cạn, đẩy đưa những con thuyền lớn-nhỏ đi vào tuyệt lộ hoặc chơ vơ mắc cạn trên sa mạc hoang vu khô khốc. Vết đáy, khơi nguồn, là nỗ lực để mở hướng cho sông, và cho thuyền về nơi biển lớn. Ở nơi chỗ tận cùng của chia lìa, suy vi, tất phải mở mắt vươn mình đứng dậy. Lịch sử đóng lại hay mở ra, chẳng qua

chỉ là sự mấp máy chuyển động của trùng trùng nhân duyên tương sinh tương diệt; mà trên tất cả những biến động, chấp tranh, tồn-vong, thăng-trầm ấy, là sự bất khả hoại diệt của Phật tâm, của chánh pháp, và của bản thể thanh tịnh hòa hợp của Tăng đoàn.

Sông có thể khô cạn nhưng biển lớn hãy còn đó. Hướng đi của Phật giáo tùy thuộc nơi sự cất bước một cách trí tuệ, dũng mãnh và từ bi của Tăng đoàn. Tăng là đại hải thanh tịnh, là chỗ nương của tất chúng, là ngõ về của muôn sông. Không có giòng sông đúng hay sai. Không quan trọng giòng sông lớn hay nhỏ. Cũng không miễn cưỡng trăm sông phải thống hợp thông thương. Chỉ cần làm sao, mỗi giòng sông phải cuu mang bản thể thanh tịnh và hòa hợp của biển lớn.

Ngày Về Nguồn là dấu hiệu khởi đầu cho sự trở về của trăm sông vào biển lớn. Một khi biển lớn mở ra, chắc chắn tà ma ngoại đạo và những ác đảng đều sẽ ra sức cản ngăn, chống phá, xuyên tạc. Nhưng với niềm tin bất hoại đối với Tam bảo, người con Phật khắp nơi đều hân hoan khắp khởi, kỳ vọng nơi sự kiên trì, dũng mãnh, sáng suốt và đạo tình gắn bó của những trưởng tử Như Lai để có thể mở ra lộ trình cao đẹp của Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại.

Vượt trên tất cả những danh xưng và tổ chức, vượt trên tất cả những đối nghịch mâu thuẫn nhất thời của trăm sông trong dòng huyền diệu cuộc đời, xin hãy vì sự hưng long của Phật Pháp, vì lòng mong đợi của hàng phật-tử khắp năm châu, hãy cất những bước đi của voi chúa, dẫm trên gai góc và bùn nhơ thế gian để mở hướng cho tương lai sáng ngời của Phật giáo Việt Nam trong thế kỷ mới.

Được vậy thì, một chớp mắt phù du cũng có thể mở toang cánh cửa vô tận cho người sau noi dấu, và cho sự lợi lạc của khắp muôn loài chúng sinh.

Arizona, ngày 10 tháng 9, 2007.

---o0o---
Hết